

## MỤC LỤC

\*\*\*

LỜI GIỚI THIỆU.....HT Thích Thắng Hoan.

LỜI ĐẦU SÁCH                      PT Quảng Tánh.

### CHƯƠNG MỘT

#### TÌM HIỂU TÍN NGƯỠNG

I. Nguồn gốc sinh mệnh và vũ trụ.	15
II. Thần - Thánh	20
III. Khởi nguồn Tín ngưỡng.	26
IV. Các Tôn giáo tiêu biểu.	31
V. Phát triển Tổ chức	49
VI. Chân lý – Phi lý.	59
VII. Đi tìm Chân lý.	62
VIII. Chánh tín - Mê tín.	67
IX. Thiên đàng – Địa ngục.	77
X. Khác biệt giữa Thần quyền và Nhân quyền.	81

### CHƯƠNG HAI

#### ĐỨC PHẬT - PHẬT PHÁP.

I. Đức Phật là ai?	105
A. Thân thể.	
B. Sự nghiệp	
II. Phật pháp là gì?	124
A. Chân lý Phổ biến.	
B. Chân lý Tương đối.	

C. Chân lý Tuyệt đối.	
III. Học Phật pháp bằng cách nào?	146
* - Văn huệ * - Tư huệ * - Tu huệ.	
IV. Làm sao thực hành Phật pháp?	161
A. Tu còn luân hồi.	
1. Tu Dừng nghiệp.	
2. Tu Chuyển nghiệp.	
3. Tu sạch nghiệp.	
B. Tu ra khỏi luân hồi.	164
* - Giới * - Định * - Tuệ	
V. Vài pháp môn thực hành:	166
A. Vô minh - Giác ngộ.	166
B. Nhân quả - Nghiệp báo.	182
C. Pháp môn Tinh độ.	197
D. Mật tông.	202
E. Pháp môn Thiên.	202
F. Tư tưởng.	213
G. Tâm vô tru.	216
H. Tâm vô niệm.	219
I. Trí tuệ Bát nhã.	228
<b>KẾT LUẬN</b>	253

## LỜI GIỚI THIỆU.

\*\*\*

Tôi hân hạnh được sự tin tưởng của đạo hữu Quảng Tánh trao cho tác phẩm của đạo hữu sáng tác với nhan đề là *GÓP NHẬT PHƯƠNG MINH* để nhờ tôi góp ý. Tôi vô cùng hoan hỷ tiếp nhận ngay và cố tình đọc qua nhằm mục đích tìm hiểu giá trị tư tưởng độc đáo nào của Phật Giáo đã được thể hiện rõ nét trong nội ung tác phẩm, mà tác giả muốn trao truyền đến đọc giả khắp nơi.

Sau khi đọc xong tác phẩm này, tôi nhận thấy tác giả có trình độ nghiên cứu khảo sát rất tinh tế; có kiến thức biết nhìn xa hiểu rộng; có trí tuệ sâu sắc; biết nắm bắt cốt tủy của tư tưởng, biết phân loại tư tưởng của các tôn giáo, các triết học, các tín ngưỡng, luân lý, đạo đức, trong xã hội đương thời; có khả năng lý luận sắc bén theo phương thức *Nhân Minh Luận của Phật Giáo*, cùng *Lý Luận Học của Tây Phương*, và biết áp dụng kỹ thuật tỷ giáo, khiến cho lối văn trở nên linh hoạt, trong sáng trên lĩnh vực biện chứng qua quá trình lý giải tư tưởng.

Phần trong *nội dung* tác phẩm, điều đáng chú ý là tác giả diễn giải các tư tưởng bằng phương pháp quy nạp, để đạt đến

mục đích cuối cùng mà tác giả muốn nói đến. Trong hướng đi đích thực của tác phẩm, đầu tiên qua *LỜI ĐẦU SÁCH*, tác giả đã vẽ lên một bức tranh đời vô cùng bi đát của xã hội loài người, đứng trước vực thẳm của tín ngưỡng mê hoặc; của triết học hư vô quyền rũ; của tư tưởng mơ hồ thiếu thực tế, đầu độc; và những thứ đó đang không chế, đang bao vây xã hội loài người, khiến con người mất đi ánh sáng trí tuệ, từ bi, mất đi giá trị chân thật của sự sống và nhất là mất đi tư tưởng cao quý mà con người cần đến để làm cảm nang cho hướng đi xây dựng lý tưởng.

Tiếp theo, tác giả hướng dẫn độc giả lần lượt đi tham quan các học thuyết, các tư tưởng, các chủ trương của các tôn giáo, các triết học, v.v... hiện đang có mặt trên thế gian, để tìm hiểu. Với khả năng sẵn có, tác giả lại sử dụng quang tuyến trí tuệ của Phật Giáo chiếu soi các học thuyết, các tư tưởng, các chủ trương của các tôn giáo, các triết học, v.v... vừa nói trên hiện bày rõ nét những ưu khuyết, đúng sai, chân giả, ngõ hầu giúp cho độc giả dễ dàng thấy được sự thật, ẩn số, mặt trái của họ.

Bước sang *lãnh vực Phật Giáo*, tác giả đứng trên nền tảng khoa học để lý giải tính chất, giá trị, và ý nghĩa tư tưởng thâm sâu của Phật Giáo, khiến được nổi bật phân minh trên

bình diện thực tại, để giới thiệu. Tác giả trình bày Phật Giáo căn cứ theo *phương pháp về nguồn*, khởi điểm từ *hiện tượng sự tương đi lẫn đến lý tánh siêu nhiên*, loại trừ mê vọng ảo giác bước đầu từ thế giới duyên sanh, hiển bày cụ thể nơi thế giới chân như thật tại bất sanh; và qua những chặn đường lý giải Phật Pháp nói trên, tác giả khéo léo đem những dữ kiện kinh nghiệm thực chứng đi biện chứng cho chánh pháp sáng ngời, xuyên qua từ *Nhân Thừa, đi lẫn đến Bồ Tát Đại Thừa*, giúp cho độc giả dễ tiếp nhận được những trọng điểm cao thâm của Phật Giáo, và những trọng điểm đó không xa rời giá trị thật tại của thế giới hiện thật. Điều hy hữu ở đây, tác giả đối diện với khu rừng giáo lý tư tưởng vạn hoa của Phật Giáo, biết chọn lấy *những hành trang nào cần thiết làm tư liệu cho cuộc hành trình tìm hướng đi đích thực cho lẽ sống con người; sớm đạt được an lạc, hạnh phúc chân thật, giác ngộ và giải thoát viên mãn.*

Đây là những kỹ năng đặc thù của tác giả dùng để giải thích tư tưởng của Phật Giáo trên lãnh vực khoa học thực nghiệm, mà tôi nhận thức được trong tác phẩm này. Còn ý nghĩa cao thâm của Phật Giáo như thế nào qua sự giải thích của tác giả; xin nhường lại cho quý độc giả tự mình đi thẳng vào tác phẩm để trực tiếp nhận thức giá trị tư tưởng của tác phẩm; và như thế thì sự nhận thức mới có lợi ích hơn, mà ở

đây trong lời giới thiệu hạn hẹp, tôi không thể nào trình bày hết được.

Nên biết rằng kẻ đi rừng, cần phải có bản đồ định hướng thì không bị lạc lối nẻo về, và ở đây cũng vậy, *người muốn đi vào rừng tư tưởng vạn hoa cao thâm của Phật Giáo, thì nhất định cũng phải có sẵn cẩm nang chỉ dẫn và nhờ đó mới khỏi lạc vào trận đồ ảo giác, hoang tưởng, mê tín dị đoan. Muốn kiến thức của mình được mở mang đúng với giá trị của nhận thức, chúng ta không thể thiếu tác phẩm này dùng để gối đầu trên cuộc hành trình đi tìm chân lý.* Theo tôi, có thể là cẩm nang đáng giá tương đối ngỏ hầu giúp chúng ta khảo sát chiều sâu tư tưởng của Phật Giáo.

*Giờ đây, tôi chân thành ghi lại một vài cảm niệm trong tác phẩm GÓP NHẶT PHƯƠNG MINH này, xin tặng tác giả để làm món quà kỷ niệm thân thương.*

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Tu viện Năng Nhân

THÍCH THẮNG HOAN

## LỜI ĐẦU SÁCH

\*\*\*

Ngoài những tôn giáo lớn như Bà La Môn, Phật Giáo, Nho Giáo, Thiên Chúa Giáo...về sau lại xuất hiện thêm, Tin Lành, Hồi Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, Thanh Hải Vô Thượng Sư...; mà mỗi tôn giáo lại đưa ra một triết thuyết riêng.

Về *lý thuyết*, hầu như tôn giáo nào cũng khuyên con người phải làm lành lánh dữ, sống đạo đức và thương yêu đồng loại...Có như thế, mới thuyết phục, thu hút được người nghe, hầu quy nạp thêm tín đồ, để phát triển tổ chức. Từ đó mới có câu “*Đạo nào cũng đạo*”. Cách nói này có tính cách xã giao, chỉ vì “*Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*” để tránh tranh cãi, khỏi mịch lòng.

Về *thực hành*, thực tế, ta thấy cách *dạy đạo và hành đạo*, mỗi tôn giáo mỗi khác, không thể “...cũng đạo”, cũng giống nhau được. Cùng một sự việc mà các tôn giáo dạy cách hành xử khác nhau. Điển hình như đạo này dạy kính, quý con bò, ăn thịt heo; đạo kia lại bảo quý trọng con heo, ăn thịt bò. Đạo này dạy sinh mệnh loài động vật là bình đẳng, đáng quý, không nên não hại, giết chóc; tôn giáo kia lại bảo vật dưỡng nhơn, giết thịt động vật để nuôi dưỡng con người... Ấy thế mà tôn giáo nào cũng tự cho mình là chánh chơn, hiền thiện, là chân lý. Càng có nhiều tôn giáo thì càng

có thêm nhiều chân lý. Khổ nổi, cùng một hiện tượng thì chỉ có một chân lý duy nhất, không thể có hai, ba chân lý được. Ví như loài động vật, cao cấp nhất là con người kể cả bậc Hiền, Thánh, khi đã *sinh* ra là phải già, phải bệnh, rồi cũng phải *chết* như nhau, không hề có ngoại lệ, miễn trừ cho một ai. Đây là chân lý: “*Sinh - Lão - Bệnh - Tử*” vốn đã có sẵn theo quy luật tự nhiên, chứ không do ai, có tài năng gì tự đặt ra, sửa đổi hay hoán cải được. Không những thế, mà họ còn phải sống tùy thuận theo chân lý, mới có an lạc, hạnh phúc và giải thoát.

Còn về *tư tưởng* thì mỗi người có cách suy nghĩ khác nhau, có niềm tin và sở thích riêng; nên có câu: “*Chín người mười ý*”.

Kỳ lạ thay, người trong cùng một gia đình, một quốc gia mà khác tín ngưỡng thì luôn e dè, giữ kẽ, ngăn cách, thiếu sự thông cảm hòa hợp. Nhưng dù khác chủng tộc, khác quốc gia mà cùng chung tín ngưỡng, thì lại thân thiện, đoàn kết. Tranh chấp về quyền lợi vật chất thì tổn hại ít; nhưng xung đột về tín ngưỡng thì thảm họa không thể lường được! Do đâu mà có hệ lụy này nếu không từ tính chất cố chấp, cục bộ, bảo thủ của con người luôn tự cho, chỉ có tôn giáo của mình là đúng nhất, thiếu hiểu biết, thiếu sự tôn trọng tự do tín ngưỡng của người khác, đưa đến hận thù nhau, tạo nên bức màn tâm linh



vô hình; ngăn chia tình yêu thương quốc gia, chủng tộc....trái ngược với lời dạy của Thánh nhân!

Để tránh mâu thuẫn đáng tiếc; cách tốt nhất là, ***phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của người khác. Ngay cả những người không tin, không theo một tôn giáo nào, cũng phải tôn trọng sự tự do, bình đẳng của người này. Tuyệt đối không được quyền gây ảnh hưởng, áp lực, hay xâm phạm đến quyền lợi riêng tư, đến sự tự do và nhân phẩm của họ.*** Nếu tự mình khởi nghĩ, hay “*bị ai đó*” xúi giục mình phải bắt buộc người khác bỏ đạo họ, cải theo đạo mình, thì mình nên bình tâm tự hỏi:

◦ Mình và đạo của mình có giúp ích được gì cho ai chưa?

◦ Lấy quyền gì bắt buộc người khác phải làm theo ý của mình?

◦ Mình đã tôn trọng sự tự do tín ngưỡng của người khác chưa?

◦ Nếu bị người khác bắt buộc mình phải theo ý họ, thì mình có chấp nhận không?

- Mình, hoặc có vị Thần linh nào *chết thế* cho ai chưa, hay cũng chính mỗi cá nhân tự nhận lãnh lấy?

Tự trả lời thỏa đáng những vấn đề trên thì mình mới cứng bức đôi phương, nếu không, coi như việc bắt buộc

người khác là tùy tiện, bất công, bắt lương, ngang ngược, nông cuồng; chúng tỏ mình đã mất tự chủ, thiếu lý trí, thiếu suy nghĩ!

Nếu chỉ mãi mê ảo tưởng, ý lại, dựa dẫm vào tha nhân; họ nói sao tin vậy, bảo sao làm vậy, một chiều, chắc không tránh khỏi bị kẻ xấu ác mê hoặc, lợi dụng, bóc lột. Chi bằng, ***chúng ta phải chủ động nghiên cứu, tìm hiểu kỹ đâu là chánh tà, thiện ác, tội phước, chơn nguy...***Lại thêm câu “***Có học mới giỏi; có hỏi mới biết***”. Thật vậy, phải tự mình Học, Hỏi và Thực hành; thì mọi việc sẽ được thông suốt, sáng tỏ; Rồi so sánh, chọn ra cho mình một niềm tin chơn chánh ***hợp lý, hợp ý, và đem lại lợi ích thực thụ cho chính mình.***

Sách có câu: “ *Vạn sự khởi đầu nan*”, thật vậy mọi việc bước đầu tuy thấy đơn giản, nhưng suy nghĩ kỹ, quả rất khó khăn, phức tạp. Bước đầu mà sai thì những bước sau khó mà đúng được, như mục tiêu muốn đến ở phương Bắc, nhưng lúc khởi hành, lại đi lầm về hướng Nam, thì càng đi, càng xa nơi muốn đến. Nếu có thêm kẻ xấu ác dẫn đường lại kèm kẹp ta nữa thì hết phương hỏi đầu!

Với lời khuyên: “*Chọn mắt gửi vàng*”. Vàng là vật chất ngoài thân, có đó mất đó, mà còn phải chọn kỹ, mắt nào đạo đức, lương thiện, uy tín, mới gửi; nếu không coi như ta đã giao trứng cho “*Ác*” thì tiền mất mà tật vẫn mang. Huống chi, đem cả sinh mạng mình giao cho họ định đoạt dùm, quả là mình quá ư thờ ơ, vô trách nhiệm, thiếu bổn phận đối với cuộc đời mình. Đạo giáo lại còn cần có thầy giảng giải, hướng dẫn nữa. Nếu gặp được thầy lành, bạn tốt chỉ đúng đường, dạy đúng chánh pháp, mà bất vụ lợi, thì phước báu biết bao. Nếu bị *thầy tà, bạn xấu* chuyên ***mê hoặc, dối gạt, dẫn dụ rồi tẩy não, nhồi sọ, bùng bít, kèm kẹp...*** để họ bóc lột, trục lợi, thì tai họa cho *cả thân lẫn tâm* ta biết dường nào!

Có hai hình thức *dối gạt*:

1/ ***Người dối gạt người***, cá nhân này gạt cá nhân kia, con người còn được tự do suy xét, phán đoán, nên dễ phát hiện ý đồ bất lương của đối phương; hơn nữa kiến thức ngày càng được nâng cao, con người càng sáng suốt, e dè, thận trọng đề phòng những trò lừa đảo, bịp bợm, nên ít khi bị gạt gẫm. Chỉ khi nào mình mất tự chủ, thiếu lý trí, lời cảnh giác, lười biếng buông xuôi, chỉ dựa dẫm, cầu cạnh bên ngoài, mới tạo cơ hội cho bọn bất lương tiếp cận, hoành hành. Vô phước bị

cá nhân gạt, chỉ bị mất vật chất, chứ phần tinh thần không bị ảnh hưởng.

**2/ Dùng tín ngưỡng để dối gạt:** Hình thức này rất đa dạng từ việc xem tay xem tướng, xin xăm bói quẻ, lịch số tử vi, sao hạn, giấy tiền vàng mã, ông đồng bà cốt, đến ngoại cảm, thần linh, siêu hình.... *Tín ngưỡng nào dùng thần linh vô hình làm vỏ bọc để che dấu ý đồ lợi dụng, bóc lột...bên trong, càng dẫn đến dị đoan, mê tín, cuồng tín, gây hại cho cả Thân lẫn Tâm một cách vi tế khó phát hiện, thì tai họa càng nhiều.*

Tôi tự nhủ, không thể nhẹ dạ, cả tin, nông nổi, vội vàng chấp nhận một tín ngưỡng nào do sự dẫn dụ, mua chuộc, hay áp đặt từ bên ngoài; mà phải tự mình chủ động tìm hiểu kỹ về **thân thể, sự nghiệp** của vị giáo chủ; mà nhất là giá trị đạo đức, thánh thiện cùng lợi ích thiết thực cho thân tâm chứa đựng trong nội dung giáo pháp. Đồng thời, góp nhặt, tóm lược những điểm cần thiết từ những dữ kiện lịch sử, trong kinh sách, băng giảng của các học giả, giảng sư... giúp phát triển kiến thức, khai mở trí tuệ làm ngọn đuốc soi đường đi từ bờ mê đến bến giác, nên tôi đặt tên cho quyển sách này là **GÓP NHẶT PHƯƠNG MINH** để tự mình ôn tập. Cũng mong được góp chút kiến thức với bạn đồng tu có cùng tâm đắc; và những ai còn đang loay hoay trên bước

đường tâm sư **Học Đạo**, học Chánh pháp để giác ngộ Chân lý; và **Hành Đạo**, thực hành Chánh pháp để giải thoát khổ đau trong hiện đời, và giải thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử về sau.

***Quảng Tánh.***



## CHƯƠNG MỘT

\*\*\*

### TÌM HIỂU TÍN NGƯỠNG

#### I. NGUỒN GỐC CỦA SINH MỆNH VÀ VŨ TRỤ.

\*\*\*

##### A. NGUỒN GỐC CỦA SINH MỆNH.

Các học giả, triết gia, tôn giáo... quan niệm thế nào về nguồn gốc của sinh mệnh con người và vũ trụ?

- *Nhà Nhân Loại Học*: Các ngài cho rằng sinh mệnh con người là do cha mẹ sinh ra. Nếu hỏi cha mẹ do ai sinh ra thì các ngài bảo là do ông bà nội, ngoại sinh ra. Nếu truy cứu tiếp thì họ bảo là do loài khỉ tiến hóa thành con người. Vậy khỉ từ đâu có? Các ngài chỉ có cách ngụy biện cho rồi việc hoặc im lặng; tức là chào thua.

- *Nhà Sinh Vật Học* thì cho rằng:

✓ Con người là do loài bò sát tiến hóa mà thành,

✓ Loài bò sát thì do vi sinh,

✓ Vi sinh do tế khuẩn,

✓ Tế khuẩn lại do nhiều tế bào hợp lại.

Nếu hỏi tế bào từ đâu ra thì chắc họ cũng đầu hàng.

- **Nhà Vật Lý Học:** Họ quan niệm rằng muôn vật kể cả sinh mạng đều do vật chất cấu tạo thành. Nếu đem vật chất phân tách đến tận cùng, thì thấy chỉ có nguyên tử, hạch tử, tung tử.... Vậy tung tử từ đâu ra và đó chỉ là phần vật chất vô tri, vô giác; còn phần tinh thần của sinh mạng từ đâu có, thì các ngài không trả lời được.

- **Các Triết Gia:** lại chủ trương sinh mệnh có hai phần: *tâm lý* và *vật lý* kết hợp thành, nhưng họ chưa bao giờ nêu lên nguồn cội của con người

- **Ấn Độ Giáo:** Giáo phái Ấn Độ bảo rằng, con người do đấng *Phạm Thiên* sinh ra, chia làm bốn giai cấp:

✓ Giai cấp Bà La Môn (tu sĩ) được sinh ra từ *miệng* của Phạm Thiên.

✓ Giai cấp Sát Đế Lợi (Vua, quan) được sinh ra từ hai *vai* của Phạm Thiên.

✓ Giai cấp Tỳ Xá (thương gia) được sinh ra từ hai *đùi* của Phạm Thiên.

✓ Giai cấp Thủ Đà La (nô lệ) được sinh ra từ hai *gót chân* của Phạm Thiên. Giai cấp này suốt đời chỉ làm *nô lệ* để hầu hạ, phục dịch cho những giai cấp trên, mãi mãi không được ngang bằng. Nếu hỏi đấng Phạm Thiên do ai sinh ra, không biết họ giải thích thế nào!



- **Đạo Giáo Trung Hoa:** chủ trương sinh mạng do âm dương hòa hợp, biến hóa, gốc từ thái cực, nhưng thái cực từ đâu có, là câu hỏi lạc vào vô cùng.

- **Cơ Đốc Giáo:** thì bảo vũ trụ vạn vật đều do Thượng đế (ông trời) toàn năng sáng tạo ra trong sáu ngày đêm. Vậy, ngày và đêm đã có trước khi ông trời tạo ra các thứ sao? Và ông Trời do ai tạo ra? Chính Ngài tạo ra tất cả, sao thế gian có quá nhiều hiện tượng sai khác: Có kẻ khôn, người dại; kẻ giàu, người nghèo; kẻ sống lâu, người chết ngay trong bụng mẹ... Vậy Ngài thiên vị, bất công chẳng...? Từ con vi khuẩn li ti độc hại giết người, đến trời đất mệnh mông bao la, cả con đại bàng, cá ông, khủng long... cũng do ngài tạo ra một cách dễ dàng mà không bị Ngài bắt tội. Duy chỉ có con người là Ngài phải mất nhiều công sức, nhiều khê phức tạp để tạo ra; rồi lại quy chụp tội "*Tổ tông*", tội bất tuân mệnh lệnh, bị Ngài giáng họa, đày xuống hỏa ngục đời đời. Đã thế vẫn chưa hết tội, Ngài còn bắt con cháu mãi về sau... phải chung chịu tội lỗi này; dù con, cháu, chắt... chưa hề vi phạm. Và còn dạy rằng: Ngài là đáng *cứu nhân, độ thế*; mà sao thế gian này ngày càng nhiều *nhân họa*, do chiến tranh, khủng bố... gây ra hỗn loạn; không thấy Ngài độ được gì. Nhân dân bị bão lụt, động đất, sóng thần... do Ngài tạo ra, giết chết muôn loài hàng loạt gây nheo nhóc khổ đau, cũng không thấy Ngài cứu được ai! Chỉ thấy con người cứu giúp

nhau theo tinh thần : “*Lá lành đùm lá rách*” thật khó hiểu quá!

- **Học Thuyết Thế Gian:** thì ưa hỏi cái nguyên nhân đầu tiên, nên dễ bị bế tắc, không trả lời được. Như hỏi: con gà có trước, hay trứng gà có trước? Nếu bảo con gà có trước, thì lại hỏi con gà từ đâu ra, vì chưa có trứng, lấy gì nở ra con gà! Nếu bảo cái trứng có trước con gà, thì trứng ấy đâu phải trứng gà, vì chưa có con gà lấy gì sinh ra trứng gà!

- **Phật Giáo:** Phật giáo phủ nhận thuyết tự nhiên có, đột nhiên có, hoặc do thượng đế sinh ra. Không công nhận sinh mạng tồn tại đơn độc hay do nguyên nhân đặc thù nào sáng tạo ra. Mà vũ trụ, vạn vật được hình thành bởi chân lý **Nhân Duyên và Nghiệp Báo**. **Nhân** là căn nguyên thuộc đấng lưu nhân quả của sinh mệnh. **Duyên** tức là Tăng thượng nhân quả, là những điều kiện cần thiết trợ giúp cho sinh mạng vạn vật sống còn và phát triển. Đủ duyên thì sinh khởi, hình thành, hiện hữu (*cái này có thì cái kia có*). Thiếu duyên thì biến dị, hoại diệt, tiêu rụi (*cái này không thì cái kia không*). Diệt rồi, khi nhân duyên hội đủ, thì sinh trở lại; cứ thế xoay vần vô thi vô chung. Đến khi nào hết tạo nghiệp nhân, chấm dứt nghiệp quả mới giải thoát luân hồi tức là **vô sinh**. Tất cả có sinh ra và tồn tại trong cái thể *quan hệ hỗ tương, sinh tồn*, trong pháp giới trùng trùng duyên khởi. Và sinh mạng con người như hạt cát trong pháp giới vô tận ấy. **Nó biến chuyển**

*không ngừng theo nhân duyên, tiếp nối mãi mãi theo nghiệp lực* không có khởi đầu, cũng không có chấm dứt, tức là *sinh mạng vĩnh hằng*.

## **B. NGUỒN GỐC VŨ TRỤ:**

Từ bản thể của vũ trụ, những yếu tố cơ bản hoạt động làm công năng duyên khởi ra hiện tượng của thế gian; chia làm hai loại là: khí thế gian và tình thế gian.

**1. Khí Thế Gian:** Tức là thế gian không có tình thức, chỉ có tứ đại: **đất, nước, gió và lửa**, tích tụ lại tạo thành.

✓ **Gió:** do nguồn linh thức quá mạnh làm rung động một lượt các yếu tố kia cùng chuyển động mà sinh gió (phong đại) và không khí.

✓ **Đất:** Rồi luồng gió thổi mạnh hòa quyện các yếu tố lại làm thành đất (địa đại)

✓ **Lửa:** Do sự cọ sát, va chạm giữa hai áp lực gió và không khí tạo ra lửa hay điện lực.

✓ **Nước:** Hơi nóng bốc lên gặp khí lạnh ép xuống tạo ra nước (thủy đại). Rồi lắng đọng, nguội dần. Chỗ nào bằng phẳng là mặt đất hay núi đồi làm nơi trồng trọt, xây dựng nhà cửa..., nơi nào sức nước nhiều tạo thành bể cả, sông hồ, ao rạch...

Tất cả những thứ đó làm môi trường hoàn cảnh, là y báo để dung chứa chánh báo là loại tình thế gian.

**2. Tình Thế Gian:** là thế gian có tình thức, do ngũ uẩn giả tạm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) chứa nhóm lại tạo thành. Có bốn loại:

a. **Thấp sanh:** là loài giun dế sinh sản nơi ẩm thấp.

b. **Hóa sinh:** như con sứa do khí hóa của bọt nước. Con đom đóm do củi mục sinh ra...

c. **Thai sinh:** Là loài sinh sản bằng bào thai như con người, trâu bò...

d. **Noãn sanh:** Là loài sinh bằng trứng (noãn) như cá, gà, chim...

Những loài trên đều có hình tướng giả tạm, vô thường; phải chịu qui luật “Sinh, Lão, Bệnh, Tử” chi phối, nên Tình thế gian cứ : - Biến chuyển theo Nhân-Duyên. Tiếp nối theo Nghiệp-Lực, sinh diệt, diệt sinh mãi...

## II. TÌM HIỂU: THÀN - THÁNH

\*\*\*

\* **Vật Thần:** Trước những thảm họa bức bách do ngoại cảnh gây nên, con người chỉ còn biết thờ cúng, lễ lạy, van xin những hiện tượng ấy và xem đó là Vật thần vì toàn những thứ vật chất như Ông Táo, Ông Lò, Thổ Địa, Thần Tài... thậm chí con chuột cắn phá mùa màng, quần áo; con

cọp thường ăn thịt người cũng tôn xưng Ông Tí, Ông Ba Mươi chứ không dám gọi con chuột con cọp.

\* **Nhân Thần:** Trong xã hội loài người chung sống với nhau, có một ít người tài giỏi xuất chúng, có công giúp ích cho đồng loại và thế gian, được con người kính nể, tôn vinh là Thánh nhân như Lão Tử, Khổng Tử, Gandhi, bà nữ Hoa Chúa Sứ... Đến khi chết được loài người biết ơn và cũng được nhà vua sắc phong là Thần. Dân chúng lập đền miếu thờ phượng, cúng tế mỗi năm để nhớ ơn, đền ơn. Đây là những *Nhân Thần*.

\* **Thiên Thần:** Con người lại tin vào bậc vô hình tướng đang ở cõi trên nào đó không phải là con người bình thường; nhưng có đủ thần thông phép lành, phép lạ, có quyền năng ban phước, giáng họa, định đoạt số phận cho con người; những vị này gọi là *Thiên thần*. Nhưng một số người khác nói rằng thật khó có thể tin được có một đấng Thiên Thần nào đó đã tạo ra tôn giáo vì quá mơ hồ, không thực tế, cụ thể...mà có thể nói *chỉ vì con người quá sợ hãi và mong cầu mới nảy sinh ra tôn giáo*, rồi sau đó lại giới thiệu, tôn vinh đấng Thần Linh làm giáo chủ

\* **Đức Phật và Đạo Phật:** Có vài quan niệm về Đức Phật và Đạo Phật:

○ Phe Vô thần thì cho rằng Đức Phật cũng là con người như mọi người nhưng Ngài đã tự tu, tự diệt trừ hết vô minh phiền não, chấm dứt sinh tử luân hồi, thành Phật, thành bậc giác ngộ viên mãn ngay tại thế gian này; nên Ngài không phải là Thần linh, Thượng đế vô hình mơ hồ; và kết luận rằng Đạo Phật là vô Thần.

○ Phe Hữu thần lập luận rằng Đạo Phật là đạo trí tuệ, giải thoát ưu bi khổ não. Tu Phật là hướng nội tu tâm, -“*Nhất thiết duy tâm tạo*” chứ không do thần linh nào tạo cả, và đề cao nhân bản, chứ không thể hiểu là vô thần, duy vật.

○ Phái Duy tâm cho rằng, Tâm là phần tinh thần có trước, sau đó mới tới Thân-phần vật chất có sau.

○ Phái Duy vật bảo rằng: Thân vật chất có trước, sau đó mới có phần tâm, tinh thần.

○ Đạo Phật lập luận rằng: *Cả Thân lẫn Tâm phải có cùng lúc.* Có Thân liền phải có Tâm hội nhập ngay. Vì nếu có Thân mà không có Tâm thì Thân ấy vô tri giác chỉ như gỗ đá hay người thực vật, vô dụng. Còn nếu có Tâm mà không có Thân, thì Tâm (phần Giác biết) ấy không có chỗ nương gá để phát ra diệu dụng (biết thấy, biết nghe...), thì cũng vô dụng.

Nói khác đi, Phật Giáo dạy phật tử **luôn hướng nội, tự tu Tâm, chuyển hóa Tâm, để trở thành Người Giác ngộ (Phật)**, chứ không cần hướng ngoại lễ lạy, van xin với Thần linh, Thượng đế nào bên ngoài để phải chịu điều kiện, bị lệ thuộc, mà chẳng được gì, vô ích. Đây là điểm đặc thù của Phật Giáo. Nên Phật Giáo không thờ cúng, Nhân thân, Thiên thần nào cả, ngoài **Phật Tâm, Phật Tính đã có sẵn trong Tâm ta**.

Theo Phật Giáo, thì cõi đời này là nơi để Phàm phu và Thánh nhân cùng sinh ra, cùng chung sống với nhau (*Phàm, Thánh đồng cư độ*); nhưng theo 2 cách khác nhau:

- **Phàm phu** thì còn nghiệp, còn trong vòng luân hồi sinh tử để trả quả báo, nên bị **nghiệp lực** dẫn đi tái sinh làm người trở lại để trả nghiệp cũ, đồng thời cũng để gây tạo nghiệp mới cho đời sau. Ví như một phạm nhân đã phạm tội bị lính bắt dẫn đến nhà giam. Người này phải chịu sự kềm kẹp, giám sát chặt chẽ của nhân viên công lực không được tự do, tự tại.

- **Còn Thánh nhân** do không còn nghiệp báo, đã nhập vào dòng Thánh bất thối chuyển, không còn bị nghiệp lực chi phối nữa. Chỉ khi nào với **nguyện lực** độ sanh, các Ngài mới thị hiện thành con người để cứu giúp chúng sinh thoát khổ, thoát khỏi sinh tử luân hồi. Tùy theo trí tuệ giác ngộ của các Ngài cạn, sâu, ít, nhiều hay toàn triệt.

Nhắc đến Giác ngộ ta cũng nên biết; sự vật hiện tượng trong pháp giới, ngàn sai muôn khác, nên sự chứng ngộ của các Ngài cũng có thấp cao và có danh xưng khác nhau:

\* **Bổn giác** hay Phật tánh... là tánh vắng lặng, thanh tịnh, sáng suốt là trí tuệ viên mãn, vốn dĩ sẵn có trong mỗi con người từ phàm phu đến Thánh nhân không sai khác nên nói là “tại Thánh bất tăng, tại Phàm bất giảm”. Có trí tuệ này mới nhận biết, phát hiện ra, nhìn thấy rõ mọi chân lý đã có sẵn trong mọi hiện tượng,

\* **Bất giác**: Do hướng ngoại tìm cầu tạo nên màng vô minh, ái dục phủ trùm che kín bổn giác không hiển lộ được chút nào, như căn phòng không có ngọn đèn nào nên tối om.

\* **Phần Giác**: Nhờ ánh sáng trí tuệ soi rọi vào bức màng vô minh khai mở được phần nào thì bổn giác lóe sáng được phần ấy, gọi là Phần giác.

\* **Toàn giác**: Khi Tâm trở về hội nhập trọn vẹn với bổn giác, tánh giác biết, hiển lộ đầy đủ, mới thấy được đầy đủ mọi bản chất của pháp giới, gọi là Toàn giác. Chỉ có Phật mới đạt được trí tuệ viên mãn này.

Tùy theo mức độ giác ngộ mà con người cũng được chia làm nhiều loại:

+ **Phàm phu**: Là loại người bất giác, hoàn toàn không thấy chân lý, mãi mê ham muốn ngủ dục (tài, sắc, danh,



thực, thù), lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) để thỏa mãn cho bản năng và bản ngã tạo nghiệp nhân, phải nhận nghiệp quả, cứ thế bị luân chuyển mãi trong vòng luân hồi - Chỉ vì ngu mà không biết mình ngu, mới thật sự ngu; lại còn cho mình là khôn nữa, đấy mới là đại ngu. Trong nhà Phật gọi loại người này là “*nhất xiển đê*”.

+ **Hiền:** Là con người cầu tiến, hướng thượng, chịu học chánh pháp, hành chánh pháp, từ từ giác ngộ từng phần chân lý, sống lương thiện, bỏ ác làm lành, thiện nhiều ác ít, tu hơn tích đức. Nếu hữu duyên, người hiền cũng góp phần vào việc làm gương, dìu dắt cho phàm phu trên con đường giác ngộ.

+ **Thánh:** Là người đã giác ngộ chân lý, đã giải thoát sanh tử. Chỉ thị hiện theo nguyện lực để cứu độ chúng sinh hết mê thành giác, hết khổ được vui và chuyển phàm thành Thánh, theo chừng mực giác ngộ của các Ngài. Thánh cũng có nhiều mặt:

o **Thánh chi thời:** Tuy đã giác ngộ chân lý, giúp ích nhiều cho con người và xã hội nhưng cũng còn chút bản ngã, ích kỷ, thích danh văn, lợi dưỡng cho mình nên đưa ra những lập thuyết còn phân biệt; chưa được vô tư, bình đẳng chỉ thích hợp cho thời cổ xưa phong kiến chuyên chế như: “Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung...”; nhưng lại lạc hậu với thời dân chủ bình đẳng “dân vi quý” hiện giờ.

o **Thánh chi thanh**: Là bậc Thánh luôn sống đời sống thanh liêm, trong sạch không mản đến lợi danh thế tục, chỉ dốc lòng cứu nhân độ thế với lòng “thi ân bất cầu báo”

o **Thánh chi thánh**: Là bậc đã giác ngộ viên mãn luôn xả kỷ vị tha vô ngã, vô cầu luôn sống đời an bản thủ đạo, cứu khổ ban vui cho chúng sanh, chỉ ban ra, cho ra, phục vụ cho chúng sinh vô điều kiện.

### III. KHỞI NGUỒN TÍN NGƯỠNG

\*\*\*

Thừa sơ khai, con người chưa sáng tỏ được nội tâm và ngoại cảnh, chưa đủ kiến thức để hiểu được thực chất của đời sống là gì, và cái gì sẽ xảy ra sau khi chết... Khoa học chưa có, tín ngưỡng chưa hình thành, chưa biết Thần linh và Thượng đế ra sao cả.

Đứng trước những hiện tượng **Thiên tai** khắc nghiệt như giông bão, sấm sét, động đất, núi lửa...; **Dịch bệnh** giết người hàng loạt. **Nhân họa**, động vật lớn hiếp nhỏ, mạnh hiếp yếu, đánh giết nhau hỗn loạn... . Lại thêm **thú dữ ăn thịt người**. Con người tự thấy mình quá nhỏ bé, bất lực không đủ sức đương đầu, chống đỡ, nên luôn bất an, **sợ hãi**, ngờ vực. Đồng thời cũng **mong muốn** được bình an, hạnh phúc. Do đó, bất cứ thứ gì thuộc về tự nhiên giới đều **khởi tâm nghĩ tưởng** rằng, chắc phải có những năng lực siêu hình

ở đằng sau, thúc đẩy tạo ra những việc vừa ý, hay nghịch lòng làm cho con người phải chịu đựng mọi khổ, vui mà không sao giải thích nổi; nên mới *nảy sinh ra ý tưởng cần phải dùng cách gì đó để xoa dịu, làm vừa lòng năng lực siêu hình, mới được bình yên*, chứ không thể nào thương lượng bằng ngôn ngữ bình thường.

Cuối cùng, những ý tưởng ghi nhận các sức mạnh vô hình này lại trở thành nghi thức qua các dạng thờ phượng, cúng bái, lễ lạy, cầu nguyện, van xin thầm kín. Lại xuất hiện thêm một số ít người, lúc đầu họ tự cho là có năng lực siêu việt hơn người thường, như có thần thông đặc biệt, có khả năng làm trung gian đạt nguyện vọng của con người lên năng lực siêu hình; và trao truyền mệnh lệnh của Thần linh xuống cho con người; đồng thời, họ cũng cố gắng phát triển thêm quyền lực cho chính họ, hầu bắt mọi người phải cung phụng, phục dịch; để họ có thêm danh văn, lợi dưỡng. Về sau, nhóm này thấy có vẻ bình ổn, nên tự cho họ có quyền ra lệnh chỉ bảo con người phải tuân hành theo ý họ qua việc mạo nhận uy danh của bậc siêu nhiên nào đó; lại còn nghĩ rằng họ có thể kiểm soát được những biến cố thiên nhiên có hại và bảo đảm được mức độ che chở, bảo vệ của năng lực siêu hình như là một phần thưởng được ơn trên ban cho.

Để giúp họ có thể mừng tượng hơn đến sức mạnh vô hình mà họ đang cố truyền đạt, nên mới hình dung thêm một

số hình ảnh thần kỳ giống người hoặc quái dị, kỳ lạ hoặc vô hình tướng đang ở trên thiên quốc cao xa nào đó, không chung sống với con người, không có trong lịch sử nhân loại; để con người không thấy biết, không kiểm chứng được. Họ tha hồ nói sao phải nghe vậy, bảo sao phải làm vậy, chớ họ không giải thích, chứng minh. Và con người không thể y cứ vào đâu để so chiếu, phản biện, chất vấn. Họ còn tự đặt tên và luôn gọi lên một hình ảnh đầy quyền uy tối thượng..., can thiệp trực tiếp vào đời sống riêng tư của con người để ban phước cho những ai chịu khuất phục; và giáng họa cho những ai không tin, không theo. Thực tế năng lực này quá viển vông, mơ hồ, vu vơ chưa thấy làm được điều gì như giới trung gian phóng đại. Ví như em bé đang khóc, muốn bé nín, cha mẹ liền tưởng tượng ra “**Ông Kẹ**” ghê rợn, hung dữ và bảo: “Nín đi, nếu không ông Kẹ ghê sợ lắm, nghe khóc sẽ đến bắt ăn thịt đó!” Chỉ để hù dọa bé, chứ thực tế chưa ai thấy biết ông Kẹ ra sao và đã ăn thịt bé nào bao giờ!

Thời gian trôi qua, giới trung gian quên hẳn đi ý tưởng về hình ảnh tượng trưng, tên gọi, và uy lực của mọi hiện tượng do chính họ tưởng nghĩ, bịa đặt là Thần linh, Thượng đế, rồi cũng chính họ lặp đi, lặp lại nhiều lần trở thành sự thật (lộng giả thành chơn). Thừa thắng xông lên, họ tự đồng hóa họ với Thần linh, Thượng đế có quyền rửa tội, xóa tội, ban phước,

ban phép lành, phép lạ, cho con người. Đỗi lại, con người phải chịu ơn, trả ơn cho họ. *Chớ quên rằng, mình và kẻ trung gian kia cùng là con người cùng có nước mắt cùng mặn, máu cùng đỏ, bình đẳng như nhau; sao lại phải chịu sự sai khiến của họ như **chủ** với **tớ** vậy?!*

Khoa học càng phát triển, hiện đại, lần lượt chứng minh và xác nhận các hiện tượng trong vũ trụ vạn hữu là do sự *tự vận hành theo quy luật sẵn có, là chân lý*; như:

- Mưa là do nước gặp nóng bốc hơi bay lên, gặp lạnh tụ lại thành mây, rồi rơi xuống thành mưa.

- Hai luồng điện âm dương chạm vào nhau phát ra tiếng nổ và ánh sáng (sấm sét).

- Mặt trời là trung tâm của vũ trụ. Quả đất xoay quanh trục của nó, quay quanh mặt trời, trong 24 giờ tạo thành ngày và đêm,...

*Chứ đâu thấy có ông Trời nào tạo ra được gì, mà quen nói **ông Trời sanh**, nên mới có ý niệm ông Trời có toàn năng, toàn tài sinh ra tất cả... Dù là Thần Thánh cũng phải sống tùy thuận theo chân lý, mới có an vui hạnh phúc; không ngoại lệ, miễn trừ cho một ai cả. Thần Thánh cũng phải chết theo quy luật: - Sinh - Lão - Bệnh - Tử.*

Ông Anatole Franc, triết gia người Pháp, viết: *“Nếu không có đấng thiêng liêng thì con người cũng phải tạo ra một vị, bởi lẽ rất cần thiết cho tâm linh con người. Thế lực thần quyền cần thiết để làm dịu bớt sợ hãi, nghi ngờ, lo lắng, bực dọc, băn khoăn, dục vọng, trong nội tâm. Để tránh những phiền não trên, chúng ta phải trông cậy vào tha lực để được xoa dịu, an ủi, nghĩa là Thần linh, Thượng đế vốn không có thật, chỉ do nhu cầu làm lắng dịu phiền não khổ đau, nên con người mới nghĩ tưởng ra”*.

Giáo sư Whitehead, triết gia Hoa Kỳ khẳng định rằng: *“Nguyên thủy không có tín ngưỡng; Thần linh, Thượng đế, chỉ do con người đã tạo ra đấng thiêng liêng.”* Oái oăm thay, sau đó lại tự xưng, tự nhận mình đã có công sáng tạo ra con người và tất cả, rồi quy chụp tội cho con người, bắt buộc con người thờ phượng, lễ lạy, hầu hạ, phục dịch, đóng góp..., mà không thấy giúp được gì cụ thể cho con người.

Thấy rõ điều đó nên Ngài Mohandes Gandhi đã nói: *“Không phải cứ tự xưng, tự nhận mình là Thần linh Thượng đế rồi tự cho mình có quyền thưởng, phạt và can thiệp vào đời sống riêng tư của con người. Tôn giáo nào có bóng dáng của Thần linh Thượng đế đều không thể chấp nhận được. Không thể nói rằng: Thượng đế là chân lý, mà phải nói rằng chân lý mới là Thượng đế”* vì chân lý vốn đã

có sẵn trong vũ trụ vạn vật chứ không do Thần linh tạo ra. Có là Thượng đế cũng phải sống tùy thuận theo chân lý.

**Đức Phậ**t là bậc toàn giác, nhận thức của Ngài đã làm đảo lộn hết mọi truyền thống có trước đó. Ngài bảo: ***Chính con người tự làm chủ nhân ông, tự quyết định vận mệnh của chính mình, và cũng phải từ con người mới có thể thành Thánh, thành Phậ*** được. Dù là Thượng đế hay Thần linh, chính họ cũng ***phải tu*** mới giải thoát khỏi Sinh Tử Luân Hồi.

#### IV. CÁC TÍN NGƯỠNG TIÊU BIỂU

\*\*\*

##### A. TIN NGƯỠNG THÂN QUYỀN:

###### 1. BÀ LA MÔN GIÁO (Prahmanisme).

Tôn giáo này thoát thai từ Ấn Độ Giáo là Rigveda có khoảng 4.000 năm trước công nguyên, do người Aryen chủ lập. Giáo chủ là thần Brahma(Phạm Thiên, tức là linh hồn của vũ trụ) hằng có đời đời. Vạn vật đều do Phạm Thiên sáng tạo. Về sau thánh thư Veda mỗi ngày một tạo dựng thêm ý niệm của con người ngày nay về một đấng tối cao không còn giống như xưa nữa, mà đấng chúa tể là thần Prajapati, nhưng cũng cùng một bản chất (bản thể) với Brahma mà thôi. Theo thánh thư Brahmana thì Prajapati từ

chỗ vô hình biến thành hữu hình, từ trừu tượng trở thành hiện thực. Thánh thư dạy con người phải tin vào lời dạy của giáo chủ, xa ác hành thiện để sau khi chết được thần rước về Thiên cung, sung sướng, hạnh phúc. Ngược lại, nếu không tin sẽ bị đày xuống hỏa ngục thống khổ không thể thoát ra. Đấng Phạm Thiên sinh ra bốn giai cấp:

\* Giai cấp Bà La Môn (*tu sĩ*) được sinh ra từ *miệng* của Phạm Thiên.

\* Giai cấp Sát Đế Lợi (*Vua, quan*) được sinh ra từ hai *vai* của Phạm Thiên.

\* Giai cấp Tỳ Xá (*thương gia*) được sinh ra từ hai *đùi* của Phạm Thiên.

\* Giai cấp Thủ Đà La (*nô lệ*) được sinh ra từ hai *gót chân* của Phạm Thiên. Giai cấp này suốt đời chỉ làm nô lệ để hầu hạ, phục dịch cho những giai cấp trên, mãi mãi không được ngang bằng

## **2. DO THÁI GIÁO:**

Do Thái Giáo xuất phát từ Ấn Độ Giáo. Tổ phụ là ông Abraham, khoảng 2.000 năm trước công nguyên, gọi là Dugià. 1.000 năm trước công nguyên, khi các vua Ai Cập đàn áp dân Do Thái, như cầm lấy vợ, sinh con và cầm làm một số nghề... Thì ông Moise xuất hiện để đưa dân Do Thái từ Ai Cập đến vùng đất hứa tức là nước Do Thái ngày nay.



Ông chết trước khi đến vùng đất này. Trên đường đi, ông Moise đã lên núi Sinai ở lại đó 40 ngày; khi xuống núi mang theo hai khối đá trên đó có khắc 10 điều thánh lệnh, ông nói là đã được thượng đế truyền cho để làm nền tảng cho cuộc sống của người Do Thái. Về sau, Thiên Chúa giáo cũng lấy đó làm nền tảng, bao gồm:

- (1). Chỉ thờ phượng Chúa, kính mến con người.
  - (2). Không kêu tên Chúa vô cớ.
  - (3). Phải giữ ngày chủ nhật để thờ phượng thượng đế.
  - (4). Thảo kính cha mẹ.
  - (5). Không giết người.
  - (6). Không ngoại tình.\*
  - (7). Không lấy đồ của người.#
  - (8). Không làm chứng dối.
  - (9). Không muốn vợ, chồng, người. \*
  - (10). Không tham của người.#
- (Dấu (\*) và dấu (#), có ý nghĩa trùng lặp)

Khi đến vùng đất hứa, dân Do Thái bắt đầu chia rẽ, thành lập những bộ tộc riêng. Đến khi vua David thống nhất 12 bộ tộc thành lập quốc gia, chọn Jerusalem làm thủ đô. Ông David chết; người con là Salomon lên thay thế, xây dựng đền Temple.

Kinh **Torah** là kinh **cựu ước**, là cuốn truyện thần thoại do nhiều tác giả Do Thái nối tiếp nhau viết ra. Qua nhiều thế kỷ trước công nguyên; trong đó kể nhiều mẫu chuyện về thượng đế khá giống với con người, cũng thương yêu, cũng ban thưởng và hủy diệt. Trước đó người Do Thái thờ bò giống như người Hindu. Nhưng rồi Moise lại cấm thờ bò, tiêu diệt phe thờ bò và áp đặt niềm tin tuyệt đối vào dân Do Thái. Các tác giả Cựu Ước hy vọng viết luôn cả trời đất, muôn vật. Trong Cựu Ước có nhiều điểm sơ hở, bị các nhà nghiên cứu ngày nay phê bình, ví dụ: Con của Adams và Eva là Abel và Cain. Cain đã giết Abel vì ganh tị, rồi lấy vợ; vợ từ đâu ra mà lấy? Vì khi ấy chỉ có Eva là người đàn bà độc nhất! Nếu căn cứ theo gia phả của Cựu Ước thì loài người chỉ mới xuất hiện khoảng vài ngàn năm trước công nguyên. Trong khi đó, các nhà khảo cổ và lịch sử thì văn minh lịch sử loài người đã có từ rất lâu. Còn nữa, các chuyện thần thoại kể về Chúa Trời khi thì tên là Elohim, khi lại tên là Jehovah. Đã có những hành động, những cuộc trừng phạt khốc liệt khiến người chết vô số, nếu không chịu tin Chúa Trời. Những chuyện dã man như thế đã hình thành một cách quyết liệt trong việc truyền đạo của Kito và Islam về sau. Lại thêm chuyện thần thoại kể về một trận Đại Hồng Thủy chìm chết gần hết nhân loại. Ông Noah đóng được một chiếc thuyền lớn, chứa được nhiều người và súc vật. Nhờ vậy mà sau này

khi nước rút mới duy trì và sinh sản trở lại. Hoặ Chúa Trời phóng lửa hủy diệt hai thành phố lớn là Sodoma và Gerome chỉ vì con người sống sa đọa, ác độc không còn cách cứu chữa. Chỉ có ba cha con ông Lotte được thiên sứ báo trước nên trốn kịp- để duy trì nòi giống, hai người con gái đã lấy cha mình! Những chuyện loạn luân , trần tục như thế xuất hiện không ít trong Cựu Ước. Những bức tranh đạo đức của loài người thật thê lương, bi thảm. Hai phần ba kinh Cựu Ước là chuyện giết chóc, chinh chiến liên miên.

### **3. CƠ ĐỐC GIÁO:**

Tôn giáo này có từ khi Jesus christ ra đời và do sự cải cách một tôn giáo cổ Do Thái. Theo Cựu Ước và Tân Ước (sáng thế ký) thì khi vũ trụ còn là một mǎng trống không, mờ mịt, nhờ vào tài năng và quyền phép Chúa Trời mà trong sáu ngày đêm (từ thứ hai đến thứ bảy) đã tạo ra trời đất, tinh tú và vạn vật. Từ thứ nhỏ xíu như vi khuẩn, hạt bụi... đến vật khổng lồ như chim đại bàng, cá ông... Ngài chỉ cần nói “*hãy có*” thì vật đó liền hiện ra. Chỉ riêng có con người, đến cuối cùng Ngài mới tạo bằng cách lấy đất sét nặn thành hình người nam rồi thổi hơi vào và đặt tên là Adams. Sau đó, Ngài lại lấy đốt xương của người nam nắn thành người nữ, đặt tên là Eva; cho hai người lấy nhau sinh ra loài người. Sau khi phạm tội “trái cấm”, trái ăn vào sẽ biết điều thiện lẽ ác;

biết sự sống chết. Chúa cấm ăn, mà hai người này ăn nên phạm tội. Chúa phạt họ xuống hỏa ngục. Từ đó về sau, con cháu đời đời bị buộc vào tội “*Tổ Tông, Pêche original*” là tín điều căn bản của Cơ Đốc Giáo. Đến ngày thứ bảy (tức ngày chủ nhật) Ngài nghỉ ngơi; nên điều thánh thứ 3 là bắt buộc tín đồ phải giữ ngày chủ nhật đến nhà thờ để thờ phụng Chúa. Tín đồ tôn giáo này phải tin vào 3 ngôi:

- Chúa Cha là Thượng đế, ông Trời.
- Chúa Con là ông Jesus.
- Chúa Thánh Thần = Saint Esprit

Theo truyền thuyết, thì ông Jesus là con đầu lòng của bà Maria và ông thợ mộc, nhưng tín đồ lại tin bà còn trinh cho đến khi sinh ra ông. Ông được sinh ra trong một hang súc vật vào mùa giá lạnh, nên sau này chọn ngày 25/12 làm ngày giáng sinh của Ông.

Ông còn có bốn người em tên là Jacques, Josephine, Judae và Simon. Có lần Ngài đến Jerusalem lý luận với các giáo sĩ Do Thái và cũng có đến Ấn Độ để tìm hiểu đạo lý nên trong kinh Thánh có vài chỗ chịu ảnh hưởng của Phật Giáo, như câu chuyện ông Jesus ngăn cản Simon dùng gươm để bảo vệ thầy mình: “Này Simon hãy buông gươm xuống, vì ai dùng gươm sẽ phải chết vì gươm”, đâu khác gì luật Nhân Quả và câu: “*Hận thù không thể hóa giải được hận thù, chỉ có lòng*

*từ bi mới hóa giải được hận thù*”. Điều này, Đức Phật đã dạy trước đó; hoặc ông Jeus trả lời cho Samaria rằng: - Đã đến lúc không phải thờ Chúa trong đền Thánh hay trên đỉnh núi cao; mà phải thờ Thiên Chúa trong Tâm và trong chân lý”; thì có khác gì Đức Phật đã dạy: **“Hãy hướng nội tìm Phật trong Tâm mình. Tâm tức Phật; Phật tức Tâm**. Hay câu, **“Nhứt thiết duy tâm tạo”**. Tâm làm chủ mọi tạo tác, mọi khổ vui, thiên đàng, địa ngục... Ông Jesus bắt đầu giảng đạo ở vùng bắc Palestin quanh quần nơi sinh của Ngài. Còn người anh chú-bác tên là John The Baptist thì hoạt động ở miền nam Palestin. Khi Ngài 30 tuổi, được người anh này rửa tội trên sông Jordan, vài tháng sau ông John (anh) bị bêu đầu, nên Ngài cai quản luôn miền nam rồi tự xưng là con của Thượng đế. Sau khi gây xáo trộn tại đền Temple, Ngài bị bắt và bị đóng đinh vào năm 37 tây lịch lúc Ngài 33 tuổi. Ngài chỉ giảng đạo được 3 năm- từ năm 30 tuổi đến năm 33 tuổi. Ngài có 13 tông đồ, nhưng ông Juda (là tông đồ thứ 13) đã bán Ngài cho đế quốc La Mã; Ngài bị đóng đinh vào ngày thứ sáu. Có lẽ vì thế mà năm nào có ngày thứ sáu của tuần lễ trùng với ngày 13 của tháng là ngày kiêng kỵ của tín đồ Thiên Chúa giáo.

Kinh Cựu Ước (Torah) có 42 quyển, gồm 4 tập:

◦ Tập 1: Thánh Kinh đầu tiên 5 quyển nói về: Sáng thế ký- Xuất hành ký- Lê vi ký- Dân số ký và Thân mệnh ký.

Trong Sáng thế ký có dạy: “Các con hãy cầm cung tên, dựng cựa lên, đi giết những thú hoang dã mang về đây cho ta...”

- Tập 2: bộ sử thư có 16 quyển.
- Tập 3: Bộ thi ca, triết học có 7 quyển.
- Tập 4: Sách tiên tri, 14 quyển.

Kinh Tân Ước được viết sau khi Chúa Jesus ra đời, gồm 4 bộ có:

- Mathew, được viết khoảng từ 50-70 năm sau công nguyên, viết tại Antioch cho Do Thái Giáo và Thiên Chúa Giáo.

- Luke, được viết từ 58-70 tây lịch, viết tại Rome cho dân Hy Lạp và Thiên Chúa.

- Mark, được viết khoảng 50-70 tây lịch, chỉ kể lại trong 3 năm Chúa giảng đạo cho người La Mã và Thiên Chúa Giáo.

- John, được viết từ 85-95 tây lịch, viết tại Ephesus chỉ kể lại 3 năm sau cùng của Chúa Jesus.

Ki Tô Giáo có 4 hệ thống giáo hội chính:

- Vatican- Hy Lạp có giáo hội độc lập.
- Chính Thống Giáo ở Nga và Đông Âu
- Anh Giáo ở Anh Quốc.
- Tin Lành ở Mỹ.

Chúa Jesus khai sáng ra Ki Tô, tin vào thượng đế tối cao sáng tạo ra tất cả và cũng là đạo diễn bí mật chi phối số phận

khổ, vui của con người. Tín đồ gọi Ngài là Chúa như Chúa Cha trên trời

#### **4. ĐẠO TIN LÀNH:**

Tòa thánh Vatican (Rome) thuộc Ý Đại Lợi tức đế quốc La Mã ngày xưa thiết lập từ năm 324 và phát triển mạnh, đến năm 1506 thì Giáo Hoàng Julius thứ nhì muốn tranh đua với những kiến trúc đồ sộ của giáo hội Hoàng gia Pháp nên khởi xướng xây Tòa Thánh vĩ đại, nguy nga như ngày nay. Công trình kiến trúc nửa chừng thì hết tiền. Mãi đến Giáo Hoàng Leo thứ 10 phát động chiêu bài “*Cho tiền nhà thờ để mua sự xá tội*”, nghĩa là giáo dân cho nhà thờ nhiều tiền thì Tòa Thánh đảm bảo người đó được vào nước Chúa nhanh hơn. Vì thấy sự vô lý này nên linh mục Martin Luther thuộc dòng thánh Augustin ở Đức cực lực phản đối. Ngày 1-11-1517 ông đưa ra tuyên ngôn 95 điểm nhằm tố cáo hành vi thương mại “*buôn thân, bán thánh*”, mua bán sự xá tội và dùng tôn giáo để thủ lợi của giáo hội. Một năm sau, giáo hội truat phế thông công (lấy lại chức linh mục) và khai trừ ông ra khỏi giáo hội Thiên Chúa Giáo - Từ đó, ông khai sinh ra tôn giáo Tin Lành (Protestant =Kẻ chối bỏ) vẫn lấy Kinh Thánh làm giáo lý; nhưng chỉ công nhận 36 quyền trong số Kinh Cựu Ước. Thiên Chúa Giáo, thì Thánh Kinh chỉ có giáo sĩ mới được quyền nghiên cứu, giảng giải cho tín

đồ. Còn Tin Lành thì các mục sư đều có quyền sử dụng, nói và làm theo Thánh Kinh. Tin Lành thì tin rằng bà Maria sinh ra ông Jesus một cách nhiệm mầu, nhưng lại không xem bà là mẹ của Thiên Chúa và chỉ đồng trinh khi sanh ra Chúa. Đạo Tin Lành không cho thờ tranh ảnh, hình tượng cũng như di vật, nhưng bắt buộc chỉ thờ phượng một mình Thiên Chúa, phải đến nhà thờ mỗi chủ nhật. Tín đồ có thể xin tội trực tiếp với Thiên Chúa, chứ không qua trung gian Linh mục như bên Thiên Chúa Giáo.. Họ lập giáo hội riêng lẻ độc lập với các hình thức khác nhau tùy theo hệ phái. Sau cùng, Tin Lành cấm không cho tín đồ thờ cúng tổ tiên, các lễ hội,... vì họ tin rằng những điều này trái với lời Chúa dạy, nên tín đồ Tin Lành bị bắt buộc từ bỏ tôn giáo gốc của mình và văn hóa truyền thống của dân tộc. Hai câu Thánh kinh dạy:

- ***“One who sacrifices to any Jehovah alone is to be devoted to destruction”***, nghĩa là: Ai dâng đồ cúng cho bất cứ thần nào không phải là Jehovah mà thôi thì đều phải tiêu diệt.(Exodus 22:20)

- ***“But their altars you people are to pull down, and their sacred poles you are to cut down. For you must not prostrate yourself to another God, because Jehovah, whose name is Jealous, he is a jealous God.”*** Nghĩa là: Các con phải đập đổ bàn thờ của chúng, phá tan những cây cột thiêng



liêng của chúng, cắt ra từng khúc những cây sào thiêng liêng của chúng. Các con không được quì lạy bất cứ một thần nào vì Jehovah có tên là ghen tuông, là một thần ghen tuông.(Exodus 34: 13,14)

### **5. HỒI GIÁO:**

Khoảng 570-632 sau công nguyên, ông Muhammad sinh tại Mecca thuộc nước Saudi Arabi ngày nay. Cha mẹ ông mất sớm, ông sống với người bác là Abu Talib làm nghề buôn bán, sau đó làm quản lý cho một góa phụ giàu có tên Khadija. Năm 25 tuổi ông kết hôn với góa phụ này, lúc ấy bà ta 40 tuổi. Sau khi bà này chết, ông cưới thêm rất nhiều vợ, đặc biệt có bà Aisha mới có 6 tuổi, Aisha lớn lên rất xinh đẹp nên được ông thương yêu hết mực. Ông có rất nhiều con nhưng đều tử trận, chỉ còn lại cô con gái tên Fatima. Truyện kể ông thường lên núi cao, vào trong hang động để cầu nguyện. Ông nói có lần được thiên thần Gabriel cho biết ông được thượng đế chọn làm vị tiên tri cuối cùng để truyền những thông điệp của thượng đế, vì những vị trước đó như Abraham Moise, Jesus không hoàn thành được sứ mạng của thượng đế giao. Từ đó, ông lập ra Hồi Giáo và đọc kinh Kur'an có nội dung như tổng hợp, rút gọn của hai kinh Torah của Do Thái và Gospel của Kitô Giáo cho tông đồ chép lại bằng tiếng Arabe vì ông không biết chữ- Đây là quyền

Thánh Kinh duy nhất của Hồi Giáo, khẳng định rằng trên thế giới này chỉ có một Allah (ông Trời) duy nhất, không thừa nhận một thượng đế nào khác. Đến tháng 6 năm 632 đang lúc chuẩn bị chiến đấu với Syria thì ông qua đời, nhưng lực lượng Hồi Giáo vẫn tiếp tục tiến chiếm vùng Do Thái-Palestin-Syria- Ai Cập và Iran. Sau khi ông chết, Hồi giáo chia làm hai nhóm:

- Nhóm Shiites: gồm những người thân thuộc với Muhammad, do Ali là chồng của Fatima lãnh đạo, hoạt động ở Iran và phía nam Irak.

- Nhóm Sunnies: Nhóm này không chấp nhận hệ thống thân thuộc, mà lãnh đạo phải được bổ nhiệm với đa số chức sắc trong hàng giáo phẩm đề cử.

Dù cùng là tín đồ của Hồi Giáo, nhưng hai phe luôn chống nhau như kẻ thù. Hồi Giáo cố gắng thực hiện hai mục tiêu:

- Một là nắm quyền chính trị.
- Hai là tiêu diệt những tôn giáo khác, rồi truyền bá kinh Kur'an được cho là những lời của Allah phán dạy cho Muhammad nhưng thực ra vừa là sao chép từ kinh Torah và Gospel, vừa suy nghĩ thêm của Muhammed. Ví dụ: Ban đầu ông yêu cầu mỗi khi cầu nguyện, tín đồ phải hướng về Jerusalem. Sau này vì ghét Do Thái và Ki Tô nên ông sửa lại là phải hướng về Mecca – Nơi sinh của ông, mỗi ngày 5 lần.

Có lần, trong tiệc vui , ông thấy các đàn ông la cà ve vãng mấy bà vợ của ông, ông đã viết thêm vào trong kinh Kur'an cấm đàn ông không được tán tỉnh vợ của tiên tri, và bắt buộc đàn bà phải lấy khăn trùm kín từ đầu đến chân, chỉ chừa hai mắt khi ra đường, để tránh sự chú ý của nam giới... Người nào không tin Hồi Giáo thì kinh Kur'an không chút thương xót; chương 8 dòng 12 ghi, Chúa đã bảo: ***“Ta sẽ gieo kinh hoàng nơi trái tim của những kẻ ngoại đạo. Ai chống lại Thiên Chúa Allah, hoặc chống lại tiên tri Muhammad thì các con hãy chặt đầu chúng và cắt rời tất cả đầu ngón tay của chúng. Ai công kích Muhammad thì phải giết kẻ đó ngay lập tức.***

Truy nguyên cả ba kinh Torah, Gospel và Kur'an đều bắt đầu bằng những chuyện thần thoại do nhiều tác giả xứ Babylon xa xưa ở phía nam Baghdah viết ra. Babylon có một nền văn minh khá cao trước khi Ai Cập thay thế. Nhiều chuyện tích của Babylon đã thực sự trở thành kinh điển của Do Thái Giáo rồi truyền lại cho Ki Tô (Phúc âm) rồi truyền đến Hồi Giáo. Thánh lệnh trong kinh Kur'an:

- Chỉ tôn thờ Chúa trời Allah.
- Một lần trong đời phải hành hương Mecca.
- Không được ăn thịt heo, uống rượu, cờ bạc.
- Vinh danh và kính trọng cha mẹ.
- Cấm gian dâm.

- Cấm ngoại tình.
- Cấm giết người trừ Thánh chiến.
- Bảo trợ, chu cấp trẻ mồ côi.
- Xử công bằng với mọi người.
- Trong sạch trong tình cảm và tinh thần khiêm tốn.

Hồi Giáo xem Jesus đứng sau Muhammad. Thiên đàng của người Hồi Giáo là nơi để hưởng thú vui nhục dục trần tục của đàn ông. Ai có công với Allah, chết vì Allah sẽ được thưởng 72 trinh nữ trên thiên đàng để vui thú vĩnh viễn.

## **B. TÍN NGƯỠNG NHÂN QUYỀN:**

### **1. ĐẠO PHẬT:**

Đức Phật và Đạo Phật (chỉ sơ lược, sẽ khai triển chi tiết sau). Thái tử Tất Đạt Đa sinh ra là một con người, cũng có thân bằng quyến thuộc và chung sống với loài người, như bao nhiêu người khác. Nhưng Ngài luôn ưu tư về:

- *Con người từ đâu đến?*
- *Chết sẽ đi về đâu?*
- *Có cách nào thoát ly sinh tử?*

Qua 5 năm tìm học đạo; 6 năm tu khổ hạnh rừng già; và suốt 49 ngày đêm tự thiền định dưới cội cây Bồ đề, trí tuệ khai mở. Ngài đã phát hiện ra mọi Chân lý đã có sẵn trong Vũ trụ, Vạn vật. Ngài đã ứng dụng chân lý vào cuộc sống.

Kết quả, đã chấm dứt hết mọi phiền não, khổ đau; và đã thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử; thành Phật, tức là *Người Giác Ngộ Chân Lý*.

Với lòng đại Từ Bi, Ngài thành lập đạo Phật, là con đường giác ngộ, để đui dắt, hướng dẫn chúng sinh, tự nguyện thực hành theo ngài, rồi cũng sẽ được thành Phật như ngài. Ròng rã suốt 49 năm hoằng dương chánh pháp; Ngài chỉ xin ăn để nuôi sống bản thân; và tạo cơ hội cho chúng sinh gieo duyên với Phật pháp, hầu có dịp ngài chỉ dạy phương pháp Học đạo và Hành đạo giải thoát. Tăng đoàn khi ấy có 10 vị đại đệ tử, đều đã dứt quả A La Hán và 1.250 vị tỳ kheo xuất gia tháp tùng theo ngài. Ngài trụ thế 80 năm; đã thuyết giảng hơn 300 pháp hội. Sau khi nhập diệt, Ngài lưu lại cho thế gian tam tạng: - Kinh, - Luật - Luận.

Do đã có nhiều chúng sinh; vì Vô minh và Ái dục hành động bất thiện phải nhận chịu khổ đau, bất hạnh. Nên Phật đã chế ra **Giới luật** chỉ để giúp chúng sinh có cuộc sống an lành, hạnh phúc. Giới, có nghĩa là:

- *Phòng phi*, là đề phòng những hành động bất công, phi lý, phi luân.

- *Chỉ ác*, là đình chỉ, ngưng dứt các hành động sai trái, xấu ác; để không tạo thêm nghiệp mới, khỏi nhận thêm quả khổ về sau.

Với hàng Phật tử tại gia, Phật dạy chỉ cần giữ năm giới:

- 1) **Không được sát sanh**, không được giết người và mọi sinh vật; để không tạo oán thù, oan gia trái chủ.
- 2) **Không được trộm cắp**, để có cuộc sống lương thiện, công bằng với nhau.
- 3) **Không được tà hạnh**, để bảo vệ hạnh phúc cho gia đình mình và mọi người.
- 4) **Không được nói dối**, để có uy tín, được mọi người tin tưởng.
- 5) **Không được uống rượu**, để duy trì trí tuệ, luôn sáng suốt, minh mẫn.

**Nếu mọi người đều ý thức được lợi ích của giới luật nhà Phật, và tự giữ đúng, thì chắc chắn sẽ có an lạc, hạnh phúc cho mình, và thế giới sẽ hòa bình.**

Như trên ta thấy, Giới chỉ để bảo vệ cho chúng sinh khỏi rơi vào hố sâu tội lỗi, khỏi nhận quả khổ. Phật dạy giới để chúng sinh phòng bệnh trước, hơn là đợi đến có bệnh rồi mới trị thì e đã quá muộn! Chứ không thấy có giới nào Ngài bắt buộc chúng sinh phải vì Ngài, phải làm lợi ích cho Ngài, cả.

## **2. ĐẠO NHO** (Lão Tử - Khổng Tử)

Khi dân Châu Âu còn trong bóng tối của sự man rợ, duy chỉ có Hy Lạp khởi đầu với những triết gia Heraclitus và Pythagoras (571-497 B.C) nhà triết học và toán học nổi tiếng cổ Hy Lạp. Sau đó còn có những triết gia khác như Socrates

(469-399) và Plato (427-347 B.C) tên thật là Aristocles đã mở rộng ảnh hưởng chính trị và văn hóa của còn đó, nhưng các tiêu quốc tranh giành, chém giết triền miên; dân tình sống lầm than khổ sở. Do đó, đã xuất hiện nhiều thuyết trị quốc khác nhau, nên gọi là **Bách Gia Chu Tử**. Nổi bật nhất là Lão Tử và Khổng Tử.

### **a.- LÃO TỬ:**

Lão Tử sinh ngày 14/9/604 trước Tây lịch tại ấp Khúc Châu, làng Lạc Quân Tần. Tương truyền rằng, mẹ ngài là một trinh nữ; một hôm bà đứng dưới gốc cây lý, thấy trên cây có một trái chín rất tươi đẹp, thơm ngon, bà bèn với tay hái để ăn. Từ đó bà mang thai. Phụ thân bà là một nhà tướng sư, đoán biết con gái ông đang mang Thánh thai; nên chăm sóc bà rất kỹ. Ngài ở trong bụng mẹ 81 năm. Một hôm bà đứng dưới gốc cây lý hóng mát, bỗng cảm thấy hông bên trái ngứa ngáy, liền ngó xuống xem, thì thấy hông bà nứt ra một đường dài và Ngài chào đời nơi đó. Lúc ấy trên trời có một con rồng phun nước xuống để tắm cho Ngài. Vì ở trong bụng mẹ 81 năm, khi ra đời râu, tóc bạc phơ; nên người đời gọi là Lão Tử (Lão là già – Tử là đồng tử). Vì không có cha, và do bà ăn trái Lý mà thọ thai; Nên mẹ Ngài lấy chữ Lý làm Họ, và đặt tên là Nhĩ; tự là Bá Dương. Lão Tử luôn sống ẩn dật

ở đất Bái, nước Châu. Khác với Không Tử; lúc nào cũng xe ngựa bốn ba Lục quốc, chur hầu.

Theo yêu cầu của lệnh quan Doãn Hỷ, Ngài đã soạn quyển **Đạo Đức Kinh** trên 5.000 chữ, có quan niệm sâu sắc về Vũ trụ và là cốt lõi của văn học Trung Hoa, trọng tâm là Đạo và Đức.

### ***b.- KHÔNG TỬ:***

Không Tử, sinh sau Lão Tử khoảng 18 đến 20 năm. Ngài luôn bốn ba lục quốc để thuyết giảng triết lý an bang, trị quốc, bao gồm:

- \* *Tam cương*: - Vua tôi, - Cha mẹ - Vợ chồng.
- \* *Ngũ thường*: - Nhân, - Nghĩa, - Lễ, - Trí, - Tín.
- \* *Tứ hạnh*: - Hiếu, - Đễ, - Trung, - Tín.
- \* *Tứ duy*: - Lễ, - Nghĩa, - Liêm, - Sĩ.

Như thế đạo Nho là đạo dạy cách làm người, xử thế: - Tu thân, - Tề gia, - Trị quốc, - Bình thiên hạ, và tin vào quỷ thần, nên có tục lệ cúng tế trời đất, quỷ thần. Ngày nay, không còn thực dụng nữa; vì xã hội đã thay thế bằng hệ thống bầu cử, khách quan, dân chủ, bình đẳng, theo tinh thần ***Dân vi quý***; chứ không còn quân chủ, phong kiến, chuyên chế bất bình đẳng theo kiểu:

“ Quân xử Thần tử; Thần bất tử bất trung.  
Phụ xử Tử vong; Tử bất vong, bất hiếu.”



Hoặc: “ Trai, năm thê, bảy thiếp.

Gái chính chuyên, một chồng.”

“ Chồng *chúa*, Vợ *tôi*.” nữa.

Mãi đến năm 58 tuổi, Không Tử mới gặp Lão Tử.

*Tóm lại*, Đạo Nho chỉ mới đưa ra *Nguyên Tắc Làm Người*, đối nhân, xử thế; xây dựng nền tảng căn bản của Nhân Thừa Phật giáo; Chứ chưa giải thích được tận nguồn cơn mọi chân lý như Đạo Phật.

## V. PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC

\*\*\*

Bất cứ một tập thể, một tổ chức nào từ nghề nghiệp, cơ sở thương mại, hội đoàn, đảng phái chính trị, đến quốc gia, tín ngưỡng... đều có một vị nguyên thủ, cùng với một số thành viên nòng cốt trợ giúp điều hành mọi mặt, và *luôn tìm cách phát triển tổ chức của mình ngày càng tăng trưởng, lớn mạnh, bành trướng khắp nơi, hầu được làm bá chủ*. Để đạt được tham vọng này, điều tiên quyết là phải có tiền và có quyền. Do đó, họ phải tận dụng mọi cách để kết nạp thêm nhân lực cho thật hùng hậu; *quyên góp tài lực thật dồi dào mới tạo được năng lực, hoạt động hữu hiệu*. Có hai tổ chức danh chánh, ngôn thuận, để thực hiện điều này, là chính trị và tôn giáo. Ở đây chỉ đề cập đến tôn giáo.

Hầu hết các bậc thánh nhân làm giáo chủ các tôn giáo đều đã giác ngộ và đã giải thoát khỏi mọi trói buộc của tham sân si, phiền não; không còn màn đến thú vui, lợi danh trần tục thấp hèn; hoàn toàn trong sạch, thanh cao, thánh thiện. Tùy theo năng lực từ tâm nguyện tái sinh để cứu nhân, độ thế; Các Ngài thị hiện thành một con người, rồi đem những thành tựu của mình ra chia sẻ, ban phát ra, giúp ích cho mọi người một cách bình đẳng, vô điều kiện. Phước báu cho ai hữu duyên nhận được sự tế độ, chỉ dạy của các Ngài, rồi tự mình tinh tấn thực hành theo, liền có lợi lạc, tự mình cảm nhận được ngay không chờ đợi lâu; như đang khát; có nước, tự uống vào là hết khát; đang đói, có thức ăn, tự ăn vào thấy no ngay. Tự thực hành giáo pháp có kết quả lợi lạc cho mình; rồi tiếp nối các Ngài, hướng dẫn, chỉ dạy lại cho người khác, thực hành có kết quả, tức là: **Phụng sự chúng sanh; chính là cúng dường chư Phật cao thượng nhất**. Số này rất ít, vì đòi hỏi mỗi người phải **tự nguyện thực hành**. Còn đa số lười biếng chỉ biết dựa dẫm, y lại và nuôi ảo tưởng đã có Thần linh, Thượng đế hộ độ, chỉ cầu xin là đủ, không cần học, không cần hành giáo pháp; nên không có ích lợi cụ thể! Thánh nhân thực sự cần phẩm, chứ ít chú trọng về số lượng là thế. Đường lối độ sinh của các Ngài chỉ **chia sẻ và thuyết phục**, thể hiện qua hành động, **vô ngã, vị tha, ngay thẳng, liêm khiết, hiền hòa, khoan dung, độ lượng; người nghe**

*hoàn toàn được tự do lựa chọn và toàn quyền quyết định cuộc đời mình,, theo lý trí của mình.* Ngược lại, là sự bắt buộc, thể hiện qua hành động vị kỷ, hung bạo, áp đặt, bắt buộc, bắt cần, bắt lương, luôn cạnh tranh giành giật!

Trong cuộc sống thế tục lại luôn có sự mâu thuẫn, tương phản nhau, có trắng thì có đen; *có chánh là có tà...* Do vậy, trong mỗi tôn giáo mới có phần tử chuyên dùng tín ngưỡng làm vỏ bọc, bình phong, để che dấu tham vọng **“mượn Đạo tào Đồi; buôn Thần bán Thánh”**; hầu củng cố quyền lực, quyền lợi riêng cho mình, và cho tín ngưỡng của mình là hiệu quả nhất.

Một số hiện tượng, mà tôn giáo dùng để kết nạp nhân lực xảy diễn nhan nhản trong cuộc sống hằng ngày, có phần nghịch lý, khó hiểu; cũng cần ghi nhận để tự suy gẫm, tìm hiểu thêm, nhằm giải tỏa thắc mắc cho mình. *Về phần độc giả có toàn quyền tự do tư duy và niềm tin riêng, tùy nghi thẩm định.* Các hình thức quy nạp như là:

1. Chặn đường đón ngõ lôi kéo, chiêu dụ,
2. Gõ cửa từng nhà mời mọc, cù rử,
3. Lảng vãng trong các bệnh viện, tìm xem có bệnh nhân nào đang hôn mê bất tỉnh, mà không có thân nhân kề cận chăm sóc; liền cắm lên đầu giường biểu tượng tôn giáo mình, như để xí phần, giành giật.

4. Luôn len lỏi, bám sát theo các tổ chức chính trị, tìm cơ hội tiến cử người của mình lên nắm quyền lãnh đạo; hầu tóm thu luôn quyền uy chính trị; thẳng tay triệt hạ các tôn giáo khác để độc quyền truyền bá tín ngưỡng của mình.

5. Em bé sinh ra mới được hai, ba tháng tuổi, chưa biết tự bú, tự ăn; chưa làm phiền lòng ai; thế mà bị người lớn vội vàng bế đi “*rửa tội*”, áp đặt em phải nhận chịu một đức tin, một loại tội lỗi mơ hồ; em không hề biết, em phạm tội gì?! Nếu thật sự điều đó đem lại lợi ích duy nhất cho em thôi, không phải cho tín ngưỡng, lợi dụng; thì tại sao không phụ giúp nuôi em bé lớn khôn, có đầy đủ lý trí; rồi giải thích rõ cho em hiểu, để em tự chủ lựa chọn, toàn quyền quyết định lấy; mà người lớn hè nhau, áp đặt, kèm kẹp, nhồi sọ em quá sớm vậy, sợ em chạy thoát sao?!

6. Khi có tín đồ kết hôn với người khác tôn giáo, họ liền thẳng thừng bắt buộc người phối ngẫu phải dứt khoát bỏ đạo gốc, cải theo đạo của họ; mới được chủ chiên làm phép cưới! Hôn phối là để thỏa mãn nhu cầu tình cảm của cặp nam nữ đó; chẳng lẽ cũng còn phải chia sớt cho ai khác nữa sao mà phải được họ chấp thuận, mới được cưới nhau?!

Thử đặt một vài chất vấn với chú rể (hoặc cô dâu) nào đó khi họ mở lời bắt buộc người phối ngẫu phải bỏ đạo gốc, cải theo đạo họ; xem cậu, cô này giải thích ra sao:

- Hỏi: Tại sao cậu (cô) bắt con nhà này phải bỏ đạo, cải theo đạo của cậu (cô)?

- Đáp: Vì “*cha*” của con muốn thế!

- Hỏi: Con nhà này cũng có cha mẹ, đâu phải con mồ côi, mà đâu có ai bắt buộc cậu (cô) phải cải đạo?

- Đáp: (Không trả lời được, bèn ú ớ trở sang) để được đi “*cùng đường*”.

- Hỏi: Đường gì đặc biệt? Nhà này cũng có “*đường*” mà đâu có bắt cậu (cô) phải đi theo.

- Đáp: (im lặng không trả lời được...)

- Hỏi: Sau khi cưới nhau, liệu “*Cha*” và “*con đường*” của cậu (cô) có thể nuôi sống thân xác cho con nhà này khỏi phải đi làm được không?

- Đáp: Dạ không, cũng phải đi làm để tự nuôi sống.

- Hỏi: Còn về tinh thần, liệu sau khi chết con tôi có lên thiên đàng được không?

- Đáp: Dạ không biết.

- Hỏi: - *Về xác thân*, phải tự lo, không giúp được gì; - *về tinh thần* thì mù tịt không biết. Vậy cậu (cô) lấy quyền gì bắt buộc con nhà này phải bỏ tín ngưỡng gốc, cải theo đạo của cậu (cô)?

- Đáp: (lặng thinh).

7. Cùng một việc cứu trợ nạn nhân: động đất, sóng thần, chiến tranh, khủng bố...; Nhưng khi thực hiện chương trình, lại có hai chiều hướng khác nhau:

a) - Hầu hết các tổ chức, hội đoàn, đoàn thể, tôn giáo... với tinh thần “*lá lành, đùm lá rách; cứu khổ, ban vui*”; đã nỗ lực hoạt động, với tấm lòng Từ Bi, hoàn toàn vô tư, bình đẳng, bất vụ lợi; nên ***không đưa ra một điều kiện ràng buộc nào cho nạn nhân.***

b) - Cảnh đó, một ít tổ chức, tôn giáo, lợi dụng triệt để cơ hội này, thực hiện tham vọng quy nạp thêm tín đồ, để phát triển tổ chức, hầu thu lợi về sau. Nên:

. Khi vận động chung góp phẩm vật thì hô hào, đưa ra chiêu bài : - *Là việc làm phước, thiện, không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng...*

. Đến khi phân phối phẩm vật, họ lại kêu gọi nạn nhân *phải gia nhập vào tôn giáo của họ, mới được ưu tiên*; tức là đặt điều kiện ràng buộc cho nạn nhân; là cơ hội tốt nhất để quy nạp tín đồ, hầu lợi dụng, bóc lột, về sau. Họ cho rằng tài vật ấy, là của họ, của tôn giáo họ; họ đang bang phát ân huệ cho nạn nhân; và lờ đi phẩm vật ấy do nhiều người chung góp.

- *Về phần nạn nhân*: Trong lúc khốn khó, ngặt nghèo; với một ít phẩm vật cứu trợ, cụ thể, cũng giúp họ giảm thiểu cảnh đói ăn, khát uống... hiện tại, rất cần thiết (miếng khi

đổi, bằng một gói khi no). Nên, việc gia nhập tôn giáo *lợi - hại* thế nào, còn quá mơ hồ, không quan tâm.

Nào ngờ, những tai hại quá lớn, thiệt thòi quá nhiều về sau, như:

\* Cả gia đình *phải vào đạo*; ngay cả cô dâu, chú rể, con cái, cháu chắt..., muôn kiếp về sau vẫn phải giữ đạo không được bỏ.

\* Phải sinh hoạt theo đúng thời khóa do họ ấn định; Nếu chỉ vắng mặt một lần, là họ gọi, nhắc nhở. Vắng lần thứ hai, họ kéo đến nhà, thực hiện cái gọi là *thăm viếng*, nghe có vẻ tử tế, thân tình, lắng; nhưng thực chất chỉ để kiểm soát, theo dõi, hạch hỏi, hù dọa, kèm kẹp chặt chẽ tít đờ.

\* Mọi người trong gia đình *phải đóng góp 10% lợi tức thu nhập; ngay cả tiền già, tiền bệnh; do nhà nước cấp dưỡng; chứ họ đâu giúp được đồng nào, chỉ biết thu gom*. Nếu không đóng đủ; họ liền quy chụp cho cái mũ tội lỗi là: *xâm phạm, và chiếm đoạt tài sản của Thượng đế*.

Qua nhiều hình thức kết nạp nhân sự của một ít tổ chức tôn giáo đã áp dụng, mà ta thường thấy:

- Giới giáo sĩ, tận dụng mọi cơ hội, tiếp cận con người để trực tiếp kêu gọi, bắt buộc... gia nhập vào đạo.

- Nhiều trường hợp, giáo sĩ vừa đóng vai:

- Soạn giả, sáng tác kịch bản.

- Đạo diễn, hướng dẫn diễn viên (tín đồ) diễn xuất, kịch bản của mình.

- Đồng thời, - Kiêm luôn kẻ nhắc tuồng, giấu mặt, nấp sau lưng tín đồ (diễn viên) để gián tiếp chỉ đạo, xúi giục tín đồ phải trực tiếp, tiếp xúc với đối tượng, thực hiện việc kết nạp thêm người cho họ. Ví dụ:

- Buộc cô dâu hoặc chú rể, phải bắt buộc người phối ngẫu, cải đạo; thì họ mới chấp nhận làm phép cưới.

- Buộc cha mẹ phải bế đưa con mới sinh hai, ba tháng tuổi đến cho họ rửa tội...

- Sau đó, được đàng chân lân lên đàng đầu, xúi - Con chiên còn phải mời gọi cả gia đình người xuôi gia cũng cải theo đạo họ nữa!. Để họ khỏi phải trực diện với nạn nhân; khỏi nhận phản ứng bất lợi, khỏi bị hạch hỏi, khó bề giải thích thông suốt. Chúng tỏ, một việc làm quá ngang ngược, ngông cuồng, thiếu lý trí; không tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, và nhân phẩm của người khác.

- Phần mình, cách tốt nhất; - Trước tiên là phải tự hỏi:

\* *Mình và tín ngưỡng của mình có giúp ích được gì cho người này không?*

\* *Mình có tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, và nhân phẩm bản của họ chưa?*

\* *Lấy quyền gì bắt buộc họ phải theo đạo của mình?*



\* *Nếu bị họ bắt buộc mình, phải cải theo đạo của họ; thì mình có chấp nhận không?*

\* *Mình, hay giáo chủ của mình có **chết thay** cho họ được không; hay chính mỗi người phải tự lãnh lấy?*

Nên tự trả lời mình bạch các vấn đề trên; trước khi hành động thì mới chứng tỏ mình là người có tự chủ, có lý trí sáng suốt, khôn ngoan và công bằng. Ngược lại chỉ là u mê, máy móc, thụ động; như một hình nộm . Nếu đối phương đồng thuận, thì mình cũng chỉ dùng cách *chia sẻ và thuyết phục*. Tức là đem những thành tựu lợi ích của mình đã đạt được ra sang sẻ với họ; Đồng thời giải thích, chứng minh cụ thể cho họ hiểu; để họ *tự nguyện* chấp nhận.

**Không tử viết:** “*Kỹ sở bất dục, vật thi u nhân*” là điều gì mình không muốn người khác làm cho mình, thì mình *đừng làm* cho người khác. Chữ ***đừng làm*** ngụ ý thận trọng, và ***tôn trọng*** người khác. *Cách xử thế rất khôn ngoan, không áp đặt, tránh gây bất hòa khó chịu cho người khác và vị tha.*

**Còn câu:** “*Hãy làm cho người khác điều mà các con muốn người ta làm cho mình*”. Chữ ***hãy làm*** ngầm ngụ ý, *bắt buộc* mình phải làm và *bắt buộc* người kia phải *chấp nhận*; quá thô bạo, ngang ngược, bất công, bất cần và vị kỷ.

**Còn Đạo Phật kết nạp tín đồ bằng cách nào? Chỉ bằng cách chia sẻ và thuyết phục:**

\* *Chia sẻ*, ví như có món ăn ngon, bổ dưỡng, quý báu; liền chia ra nhiều phần đem mời mọi người cùng thưởng thức.

\* *Thuyết phục*, đồng thời giới thiệu, giải thích ích lợi của món ăn ấy cho mọi người hiểu và khuyến khích họ nên tự nguyện dùng, để họ cũng được lợi ích như mình; đó là thuyết phục. Nếu ai thấy không hợp, không thích thì thôi, không cố gắng nài nỉ, thậm chí còn cưỡng bức, bắt buộc họ phải dùng như mình; thì quả là quá ngang ngược, ngông cuồng, bất công, phi lý; không phải của Đạo Phật.

Thử nghĩ, bắt buộc người bị bệnh tiểu đường phải uống cà phê với đường, sữa ngọt như mình, có hợp lý không? *Điều mình thích, đâu phải người khác cần ?!* Chúng tôi mình như một người máy, không có tự chủ và lý trí nữa.

\* Tiền sĩ G.P Malasekara, viết: *“Phật giáo chưa bao giờ ép ai theo, dù dưới hình thức nào, hoặc ép buộc ý tưởng và niềm tin đối với người không thích, hoặc bất cứ sự tâng bốc nào bằng lừa gạt hay ve vãn hầu đoạt được thắng lợi để gia nhập vào quan điểm riêng tư của mình. Những nhà truyền giáo của Đạo Phật không bao giờ thi đua quy nạp người vào đạo như nơi chợ búa”*.

\* Ven Dr. W. Rahula, viết: *“Tự mình bắt ép mình tin, hay chấp nhận một việc mà mình không hiểu thấu, thì đó*

*là hình thái của chính trị, chứ không phải là hình thái của Tâm linh hay Trí tuệ.”*

## VI. CHÂN LÝ VÀ PHI LÝ.

\*\*\*

### A. CHÂN LÝ.

Chân lý là gì? Chân lý có từ đâu? Chân lý giúp ích gì cho con người?. *Chân*, là đúng, là thật; *lý*, là lẽ. Vậy, *chân lý là lẽ thật, là bản chất tự nó có sẵn; tự vận hành theo quy luật riêng trong Vũ trụ, Vạn vật*. Chứ không do một năng lực ngoại lai nào tác động, sắp xếp mới có. *Chân lý rất đơn giản, khai mở, cụ thể, hiện thực*; con người có thể thấy biết, hiểu được một cách dễ dàng, và được các nhà khoa học miêu tả, giải thích, chứng minh, đo lường, trắc nghiệm, nghiệm chứng được, kiểm chứng lại được. *Chân lý có giá trị đúng đắn, chính xác*. Có hai loại chân lý:

1. *Chân lý tương đối*: thuộc về thế gian vô thường, là sự thật chế định, còn gọi là Tục đế hay Thế đế. Nó có thể đúng cho nơi này, thời điểm này, phong tục, tập quán, dân tộc, tín ngưỡng này mà không phù hợp với nơi chốn, thời gian, phong tục..., nơi kia. Như nơi này lái xe phải giữ lề bên phải; xứ kia phải giữ lề bên trái. Vùng này theo *phụ hệ*, con cái mang họ của cha; vùng kia lại theo *mẫu hệ*, con mang họ của mẹ... Hành giả thực hành theo đúng chân lý tương đối sẽ

có an vui hạnh phúc ngay trong cuộc sống này, như lái xe không vượt đèn đỏ sẽ không bị bắt, bị phạt. Nhưng vì tâm còn phân biệt, đối đãi, còn tham sân si, chấp ngã... tạo nghiệp nên còn phải luân hồi để trả quả.

2. **Chân lý tuyệt đối:** hay chơn đế là chân lý xuất thế gian, luôn luôn đúng trong mọi nơi, mọi thời, mọi phong tục, tập quán, dân tộc, tín ngưỡng, không thể bài bác được như:

- Nước là do khí hydro cộng tác với khí oxy ( $H_2O$ );
- nước sôi  $100^{\circ}C$  thì nóng, và - ở  $0^{\circ}C$  thì lạnh;
- quy luật Nhân quả;
- Sinh, Lão, Bệnh, Tử...

Nhận biết (giác ngộ) và thực hành đúng chơn lý tuyệt đối, hành giả mới được giải thoát khỏi sinh tử. ***Chân lý phải chính mình giác ngộ, tự thực hành để trực tiếp thể nghiệm mới cảm nhận đúng hiện tượng sự vật, mới đạt thành quả,*** như chính mình trực tiếp nếm muối mới tự cảm nhận độ mặn nhạt của muối như thế nào, tự mình biết; Không thể dùng ngôn ngữ, văn tự để diễn tả chính xác cảm nhận của mình cho người chưa từng nếm muối, hiểu đúng như mình được. Nhà Phật có câu: ***“Như nhơn ẩm thủy lãnh noãn tự tri”***. Còn với người không thực hành chân lý, chỉ tự nghĩ hoặc gián tiếp nghe người khác kể lại rồi suy luận, diễn dịch theo chủ quan của mình thì không đúng được.

## **B. PHI LÝ**

Đối nghịch với chân lý, là phi lý, chỉ là những điều hư giả, rỗng tuếch vì nó không dựa trên thực tế cụ thể, không có cơ sở khoa học. *Triết thuyết phi lý thường là những chuyện: - huyễn hoặc hoang đường không tư, hư tưởng nên không thể chứng minh, kiểm chứng được. Hoặc: - Quá cao siêu để người nghe không thể hiểu được; hay - Quá bí hiểm để khó phải giải thích, chứng minh. Chỉ bắt buộc đối phương phải nghe, phải tin, và phải theo thôi. Vì quá phức tạp, khó khăn như thế, nên những điều phi lý phải cần cầu đến tha nhân: - Làm chứng để xác nhận dùm; - Vinh danh để trợ giúp bảo đảm thêm. Cũng vì phi lý nên rất sợ hãi và luôn né tránh mọi sự tìm hiểu, chất vấn, mọi yêu cầu xác minh của con người. Nếu vì chưa hiểu nên không tin; chưa hiểu hỏi để hiểu, cả hai cũng đều bị quy chụp tội lỗi! Ngược lại, nếu tin theo thì muốn gì được nấy. Lại còn dùng câu:*

- *“Phúc cho những người, không thấy mà tin”*. Hoặc câu,

- *“Tin thì có, không tin thì không có”*.

Cốt để khóa lấp. dập tắt cho xong chuyện. Câu này ẩn chứa ba tính chất: - Trống rỗng - Bỏ ngõ và - Vô trách nhiệm.

- *Trống rỗng*: vì không có thật, không dẫn chứng được.

- *Bỏ ngõ*: vì chỉ nói bâng quơ, lập lờ lập lững, không đầu không đuôi. - Nếu đúng (nhờ phước chủ may thầy), thì tội nhận là của mình, do mình nói, đúng; - Vô phước, sự việc xảy ra sai, thì lại đùn đẩy, đổ thừa.... theo kiểu “xuôi cũng được mà ngược cũng xong”.

- *Vô trách nhiệm*: Khi sự việc xảy ra không đúng lẽ thật chỉ vì do tưởng tượng bịa đặt, vô căn cứ, trống rỗng và nhờ đã bỏ ngõ nên mới dễ dàng phủi tay đùn đẩy trách nhiệm cho người nghe “*tại không tin nên không có*” chứ mình vô trách nhiệm.

## VII. ĐI TIM CHÂN LÝ

\*\*\*

Vào thời kỳ đầu tiên của lịch sử nhân loại, con người chưa đủ kiến thức để nhận biết nguyên nhân nào, tạo nên khổ đau và sợ hãi... Để giúp con người thoát khỏi mọi phân vân, lo lắng ấy, tôn giáo, triết gia, nhà khoa học, đạo giáo, lần lượt xuất hiện đua nhau kiếm tìm lẽ thật, hầu giúp con người giảm thiểu mọi ưu bi khổ não.

\* *TÔN GIÁO*:

Với Tôn giáo, thì Mệnh lệnh, Thánh lệnh, Giáo điều, ghi trong Thánh kinh phát xuất từ lời răn, lời phán của Thượng đế là chân lý.

*Tôn giáo lấy Đức tin vào Giáo chủ và Giáo điều làm trọng tâm.* Giáo chủ là vị quan tòa tối cao. Giáo điều là luật lệ để định đoạt tội, phước, và chúng sinh là kẻ thọ án. Quan tòa sẽ dùng giáo điều để xét xử con người tùy theo mức độ: - Thành khẩn nhận tội (tội đã có sẵn); - Thành kính thờ phượng, lễ lạy giáo chủ, và, - Lòng khẩn thiết van xin, mới được Ngài xóa tội, cứu rỗi cho.

Con người chỉ được nghe, biết Giáo chủ, và Giáo điều, qua sự trùng tuyên của giới giáo sĩ trung gian. Theo đó, con người vốn đã có tội (tội Tổ tông) với giáo chủ rồi, nên chỉ phải nghe, phải tin, phải theo và phải chấp hành. Khi còn sống, thì phải làm *con chiên*, phải chịu sự hướng dẫn, chăn dắt của *chủ chiên*. Khi chết, thì được, giáo chủ gọi về Thiên Đàng để làm tội tở cho Ngài, được hưởng phước đời đời trên đó. Khổ nỗi, nếu vì sống theo bản năng: - tham, - sân, - si; lỡ mình vi phạm pháp luật thế gian, bị bắt, bị tù hoặc bị tử hình; không biết Ngài có giúp giải cứu hay chịu chết thay cho mình không, hay chính mình phải nhận chịu theo đúng *luật Nhân quả*?!

**\* TRIẾT HỌC:**

Các Triết gia cũng cố gắng phân tích, lý luận cốt tìm ra chân lý, tìm ra nguyên nhân tác động gây đau khổ cho con người; nhưng vẫn chưa chứng minh, giải thích minh bạch, cụ thể được.

Nếu tín ngưỡng và triết học đã làm sáng tỏ được bản chất gây ra khổ, vui, và sống chết cho thể nhân, thì con người đâu cần đến khoa học nữa. *Vì tôn giáo và triết học chỉ giải thích một cách quanh co, mù mờ, gượng ép, không hợp lý. Khoa học không chấp nhận lối giải thích tùy tiện này, nên mới tách rời tôn giáo và triết học để lập ra đường hướng mới, tìm câu trả lời chính xác hơn về vũ trụ và nhân sinh cho phù hợp với chân lý, với nhân quả.*

**\* KHOA HỌC:**

Ngành khoa học chuyên khám phá thiên nhiên hầu làm thỏa mãn cho sự hiểu biết; rồi lại lấy sự hiểu biết đó tiếp tục khám phá thiên nhiên thêm, cứ thế tiếp nối nhau mãi không ngừng. Khổ nỗi, khoa học nghiên về bình diện Vật lý để phục vụ cho đời sống vật chất ngày càng tiện nghi, phong phú thêm; vì vậy lại giúp tăng trưởng lòng tham sân si... và con người vừa hưởng thụ thành quả vật chất của khoa học; cũng vừa là nạn nhân của những phát minh vũ khí hóa học, giết người hàng loạt nữa...; Lại bỏ qua bình diện Tâm lý.



Bản chất của khoa học là duy lý, đặt nền tảng trên quan sát, lý luận, chứng minh và kiểm chứng. *Khi quan sát đòi hỏi phải qua trung gian của ngũ quan*: mắt nhìn đối tượng, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm. *Khi lý luận lại cần đến năng lực của trí tuệ*. Tùy theo mức độ phát triển và tùy theo ngành khoa học mà vai trò **ngũ quan và trí tuệ** có những tầm mức quan trọng khác nhau:

- *Khoa Học THỰC NGHIỆM*:

Lúc đầu dùng năm giác quan để quan sát đóng vai trò chủ yếu trong phát kiến - Ông Archimede tìm ra sức đẩy của nước. - Ông Newton tìm ra trọng lực. - Ông Franklin tìm ra điện, sấm chớp... Tất cả đều do quan sát bằng ngũ quan; rồi tiếp theo là suy nghiệm (lý luận)

- *Khoa Học THUẬN LÝ*:

*Trí tuệ đóng vai trò chủ chốt*, đưa ra giả thiết, kiểm nghiệm, thực hiện. Dù khởi đầu bằng quan sát hay lý luận thì yếu tính của chân lý khoa học vẫn là sự khách quan tuyệt đối, giải thích được, chứng minh được, hiểu được, thực hiện được, rồi kiểm chứng lại kết quả được. *Khoa học không có niềm tin mù quáng* mà có: giải thích, chứng minh, gián tiếp hay trực tiếp.

Về hiện tượng khoa học khi hiểu ra thì thật là đơn giản có thể tóm gọn trong một công thức như  $H_2O$ ,  $CO_2$ ...

\* ĐẠO GIÁO

Các vị giáo chủ của Đạo giáo Trung Hoa như Lão Tử, Không Tử cũng nêu lên những lý do gây ra bất hạnh cho thế nhân, đồng thời các Ngài cũng dạy những nguyên tắc ứng xử phù hợp với đạo lý để tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, nhằm an bang tế thế ổn định trật tự xã hội ở cõi thế gian. Đây cũng chính là các Ngài xây dựng nền tảng đạo đức căn bản cho con người để chuẩn bị bước lên con đường giác ngộ chân lý tuyệt đối.

**\* ĐẠO PHẬT:**

Đức Phật thấy chúng sinh đang trầm luân trong sông mê, bể khổ, mà không biết cách thoát ra; nên Ngài mới thị hiện để trợ giúp chúng sinh *khai mở trí tuệ*, dùng làm phương tiện để soi tìm chân lý vốn đã có sẵn trong vạn pháp, rồi tự thực hành đúng theo chân lý để lìa khổ được vui, chuyển phàm thành Phật, mới có an lạc, giải thoát thật sự. Như vậy, *Trí Tuệ là tâm sáng suốt sẵn có trong mỗi người*. Còn, *Chân lý là lẽ thật đã có sẵn trong vũ trụ, vạn vật, bên ngoài con người*. Phải có trí tuệ, dùng làm dụng cụ để soi tìm ra Chân lý (giác ngộ); chứ *Chân lý không phải do trí tuệ, tạo ra*. Ví dụ: Trí tuệ (là kính hiển vi), là năng tri; đi tìm Chân lý (là vi trùng) là sở tri. Chân lý là đối tượng bị trí tuệ tìm ra. Vì vậy, Đức Phật mới khẳng định: *“Suốt 49 năm hoằng dương chánh pháp, ta chưa hề nói một lời nào”*. Bởi vì Ngài dùng

trí tuệ viên mãn của mình để nhìn thấy, nhận ra, phát hiện ra mọi Chân lý, rồi Ngài thuật lại, kể lại, chỉ dạy lại cho chúng sinh, để tự ứng dụng, thực hành hầu đạt kết quả an lạc, giải thoát, mong muốn; chứ Chân lý không phải do Ngài nghĩ tưởng ra, tự bịa đặt ra, tự nói ra, mới có.

Lại có những luận thuyết cho rằng Chân lý phải xuất phát từ giáo điều, thánh lệnh, của giáo chủ, răn, phán ra; rồi dạy lại cho mọi người chấp hành theo. Chúng ta nên bình tâm suy nghĩ phân tích kỹ xem triết thuyết nào hợp lý để lựa chọn, kéo bị lầm lẫn tai hại.

## VIII. CHÁNH TÍN VÀ MÊ TÍN

\*\*\*

### A. CHÁNH TÍN:

Đạo phật chủ trương giác ngộ; mang ánh sáng giác ngộ soi rọi thế gian mê lầm, thì chân lý được hiển bày. ***Người nhận thấy chân lý mới khởi lòng tin là chánh tín.*** Ngược lại, có những kẻ tự tưởng tượng, rồi bịa đặt ra những điều:

- Huyền hoặc, hoang đường.
- Vu vơ, mơ hồ.
- Thần linh, Thượng đế vô hình; chỉ nhằm làm: - Mù quáng người đời, - Lừa bịp thế gian để trục lợi là tà đạo, ***là mê tín.***

Hãy suy gẫm giai thoại đối đáp giữa *một khán giả*, với *một họa sĩ* nổi tiếng sau đây:

- Hỏi: Xin họa sĩ cho biết loại tranh nào **khó vẽ** nhất?
- Đáp: Loại sự vật cụ thể, hiện hữu, thực tế là khó vẽ nhất.
- Hỏi: Vì sao?
- Đáp: Khó vẽ, vì nó có thật trước mắt mọi người, ai ai cũng thấy biết, tự so sánh, tự kiểm chứng được; nếu vẽ sai thì khán giả phát hiện được ngay, mất uy tín.
- Hỏi: Vậy loại nào **dễ vẽ** nhất?
- Đáp: Loại ma quỷ, thần linh trừu tượng viển vong, mơ hồ, là dễ vẽ nhất
- Hỏi: Vì sao?
- Đáp: Dễ, vì chúng không có thật, không hiện hữu cụ thể, chỉ *do tôi tưởng tượng, bịa đặt ra*, không ai trực tiếp thấy biết được, lấy đâu để so chiếu, phân biệt thật giả, đúng sai... nên tha hồ giải thích sao tùy ý mình.

Hoặc chính ta không tự chủ, - không hiểu rõ, - không có lý lẽ mà tin càn, tin bướng là mê tín. ***Mê tín chỉ làm tăng sức chịu đựng khổ đau, chứ không có cách dứt diệt tận gốc khổ đau, được!***

Nhận thấy chân lý rồi mới tin, là sức mạnh vô biên khiến con người thành công trên mọi lãnh vực. Kinh Hoa Nghiêm

dạy: “Chánh tín là: - nguồn của đạo, - mẹ của mọi công đức, - nuôi lớn căn lành”. Kinh Di Giáo dạy: “ - Xem tướng, - xem sao hạn, - xem thịnh suy, - coi ngày, đoán số... đều không được làm.”

## **B. MÊ TÍN.**

### **1. Đồng cốt:**

Ông đồng, bà cốt là những kẻ bất bình thường vì họ mất khả năng tự chủ, bị sai xử bởi ma lực, là thần thức còn trong giai đoạn “*trung ám*” (thần thức vừa rời khỏi xác, chờ đi đầu thai kiếp khác). Ma lực này thường dựa vào ông đồng bà cốt, rồi lạm dụng mạo xưng Thần, Thánh, Tiên, Phật, ông Hoàng, bà Chúa... để gây uy tín, hù dọa những người mù quáng, mất tự chủ, cả nể, dễ tin, hèn nhát, nhu nhược... Khi nghe xưng Thượng đế này, thần linh kia là khiếp đảm, sợ hãi rồi từ đó kính tin, không dám suy xét phê phán đó là tà hay chánh, chỉ biết quỳ mọp để nhận phép lành, phép lạ, mất hết tự chủ, lý trí thực tại, chỉ sống với ảo vọng, mơ huyền và ý lại.

**Phật dạy:** Khi chứng đến quả vị Phật, Bồ tát, A-la-hán các Ngài có đủ:

- *Tam minh:* -Túc mạng minh, -Thiên nhãn minh, -  
Lậu tận minh.

- *Lục thông*: - Thiên nhân thông, -Thiên nhĩ thông, - Túc mạng thông, -Tha tâm thông, - Thần túc thông và - Lưu tận thông.

Nên khi muốn hóa độ kẻ hữu duyên, các Ngài dùng thần thông để hóa hiện, chứ không cần mượn xác của ông đồng bà cốt nào cả. Đó chỉ là ma quỷ, vì sợ người đời xem thường, không tin nên phải mạo xưng Thần này, Thánh nọ...Biết rõ như thế, chúng ta phải tránh xa, không được phụ họa với chúng, huống chi là quý kính họ.

## 2. *Coi tay - Xem tướng*:

Đa số ông bà bói hay nói câu thông: “ *Tuy tay tướng hiện điều xấu, ngày giờ đó gặp tai nạn; nhưng nếu ông bà biết làm phước, làm lành thì sẽ qua.*” Nếu có nạn đến thật, thì khen ông bà bói nói trúng. Nhưng thử hỏi ông bà ấy có cách gì hóa giải tai nạn đó được không? Hay là chính tự mình làm lành, làm phước mới qua khỏi? Nạn đến thì ai chịu đây? Thầy bói chịu hay mình chịu? Vậy coi tay xem tướng ta tự hỏi và kiểm điểm xem cả hai mặt: - *mắc nạn* và - *không mắc nạn* có lợi hại gì cho ta? Chỉ thấy có hại: - tốn tiền mất thời gian, thêm lo sợ. Rõ là tiền mất mà tật vẫn mang; nếu tới ngày giờ đó mà không gặp nạn là do ai? Chỉ do chính mình làm lành, làm phước để tự chuyển nghiệp, thì tại sao mình không nghe lời **Phật dạy**:

**“- Không làm các điều ác,  
- Chuyên làm tất cả các việc lành,  
- Luôn giữ tâm ý thanh tịnh”.**

Mà không tổn gì cho Phật cả. Sách tướng có câu:

- *Hữu Tâm vô Tướng, Tướng tự Tâm sanh,*  
- *Hữu Tướng vô Tâm, Tướng tùng Tâm diệt.*

Như thế ta cứ *theo gốc*: Làm lành, lánh dữ thì việc tốt sẽ đến; ngược lại ắt phải nhận quả xấu, khỏi cần coi tay xem tướng vô ích. Nếu *theo ngọn*, coi bói, xem tướng thì hao tổn, mất thời gian, lại thêm lo sợ *là mê tín..*

### **3. Lịch số - Sao hạn:**

Thời gian luôn trôi chảy vô thường, không thật, hướng là trên dòng thời gian lại đặt ra ngày tốt, ngày xấu nữa, quả là vô lý vì mặt trời, mặt trăng, quả đất đều là những hành tinh vô tri, nó quay là cứ quay, có gì mà linh thiên huyền diệu? Ngày đêm, giờ phút, năm tháng, bốn mùa chỉ là do con người tưởng tượng rồi tự phân chia đặt ra thế thôi, chứ không có thật, lại còn đặt ra tốt xấu nữa! Đợi ngày tốt mới cất nhà, gã cưới thật quá bầy biện, rồi ren; tự đặt ra rồi tự cột trói mình, lại than đau khổ!

**4. Xin xăm – Bói quẻ:** Chỉ là cầu may; may rủi chỉ là điều xảy ra không duyên cớ, thì thật là tệ quá! Thánh thần nào rảnh rang ngồi đó chờ để ứng hiện trên quẻ xăm chứ?

Nếu có đúng thì chẳng qua do phước nghiệp lành của mình là hiện ra thôi. Như sách nói:

- *Phước chí tâm linh* (người có sẵn phước thì dờ quẻ nào cũng tốt),

- *Họa lai thần ám* (khi họa đến thì dờ quẻ nào cũng xấu).

Tốt xấu đều do phước nghiệp của mình, không phải do xăm quẻ đâu! Cứ tự tu tâm sửa **Thân, Khẩu, Ý** cho tốt thì mọi việc đều tốt. Xin xăm bói quẻ chỉ làm cho mình:

- Tự mãn (tự tin hão) nên quên tu.

- Lo sợ sinh bệnh hoạn!

Có câu: - *Tay cầm tiền quý bo bo, - Dem cho thầy bói mang lo vào mình.*

Làm một việc mà: - Không ích lợi, - Tốn tiền, - Thêm lo sợ thì không mê tín chứ là gì?

### **5. Cúng sao - Xem hướng:**

- *Cúng sao*: Thật là quá lỗi thời, vì sao là hành tinh vừa cách xa chúng ta, vừa là vô tri; nó là cái gì mà chúng ta phải cúng? Cúng nó mới được bình an chẳng? Thử hỏi ông thầy nào cúng nó, chắc ông ấy đã được bình an chưa, mà đi tạo sự bình an cho người khác? Sao ông không ghi tên ông vào số sao? Nên nhớ *Phật dạy lý “nhân quả”* và *thân tổng báo của mình có cả lành lẫn dữ. Khi quả báo lành đến, thì tự hưởng;*



*quả dữ đến thì tự cam chịu không trốn được. Chỉ có làm lành nhiều, thì quả báo dữ đến, sẽ được nhẹ đi.*

Ví dụ: giết 1 người, và cứu 100 người; đến khi thân nhân người bị giết đến trả thù, thì ta được 100 người kia đứng ra xin giảm nhẹ cho ta. *Sợ quả khổ thì phải tạo nhân vui.* Cúng sao để được sao làm cho ta an vui là vô lý, là mê tín vậy!

- *Xem hướng* : Nhiều nhà không biết tu **Nhẫn nhục – Ái ngữ**, vợ chồng bất hòa, con cái ngỗ nghịch, liền mời thầy, đến sửa cửa, đổi bếp.... nếu cửa, bếp biết nói nó sẽ hỏi: Cãi lầy là do ông bà không biết nhường nhịn, chứ chúng tôi có lỗi gì mà nay dòi mai đổi? Chúng tôi chúng ta *chỉ biết quay ra đổ lỗi cho những gì không thể lên tiếng cãi lý được với mình; mà không quay vào nhìn lỗi mình* (không nhẫn nhục). Dù sửa đổi hướng bao nhiêu lần vẫn lộn xộn bất an như thường, *là mê tín.*

6. **Giấy tiền - Vàng mã**: Lại càng vô lý hơn nữa, thử nghĩ trên thế gian này, tiền nước này mang sang nước khác xài được không? Vậy tiền thế gian mang xuống âm phủ xài, sao được mà tin? Tiền, nhà lầu, xe hơi... làm xong đem đốt để gửi xuống cho thân nhân xài là việc làm vừa mê muội, vừa phí phạm vô ích, chỉ làm giàu cho người sản xuất những thứ đó thôi. *Người chết phải theo nghiệp đã tạo, đi tái sinh nơi khác chớ đâu ngồi đó để xài vàng mã.* Làm một việc vừa trái đạo lý vừa tốn phí thì không mù quáng, mê tín là gì

## ***TAI HẠI CỦA MÊ TÍN:***

\* ***Quàng xiên - Khờ khạo:*** Người không tự chủ, không lý luận, tin càn, tin bướng luôn gửi gắm tâm hồn vào sự huyền bí, siêu hình. Tin theo quỷ thần một cách mù quáng như thể trở thành người khờ khạo, không thông minh, không thực tế.

\* ***Bị cột trời:*** Người tin vào lịch số, ngày giờ là bị cột trời một cách thảm hại, không bao giờ tự mình dám làm một việc thích hợp với thời biểu hiện tại, sẽ bị chết khô trong cái rọ ngày giờ tốt/xấu. Việc đáng làm ngay để giúp người thì lại không làm, như ma chay cho cha mẹ cũng lựa ngày giờ, thậm chí còn rước thầy “trù ếm” vì sợ chết ngày trùng xấu làm ăn không khá,... Thế là họ chỉ ích kỷ nghĩ đến họ mà thôi, thật là tàn nhẫn!

\* ***Khiếp sợ - Mất tự tin:*** Người tin vào xin xăm, bói quẻ, sao hạn vô tri là hèn nhát, nhu nhược, mất tự tin nên mới hỏi Thần thánh xem năm nào gặp sao gì rồi cầu cúng ra sao. Trong khi: - *Nhân lành không chịu gieo,* - *Nhân dữ không bỏ, lại đi* - *sợ cái không đáng sợ,* - *cầu cái không thể cầu,* quả là oái oăm vô lý, mờ mịt tối tăm, là mê tín.

## ***CẦU NGUYỆN LÀ CHÁNH TÍN HAY MÊ TÍN?***

+ ***Là Mê Tín:*** Khi mình khẳng định cầu nguyện là được toại nguyện, vì cầu là được, thì Phật không chỉ ra lý: ***Nhân***

**Quả - Nghiệp Báo** . Đây là quy luật tất yếu trong vũ trụ nhân sinh, nên cầu khó mà được lắm.

- Người tạo nghiệp lành (nhân), khi phước báo đến (quả) thì được hưởng, khỏi cần cầu.

- Người tạo nghiệp ác (nhân), khi nghiệp báo đến (quả) thì phải chịu; dù cầu cũng không thoát.

+ **Là Chánh Tín:** Nếu chỉ xem cầu nguyện như một sự chúc lành. Vì quý kính cha mẹ, người thân, chúng ta hằng cầu nguyện cho những vị ấy sức khỏe, sống lâu để nói lên lòng hiếu thảo, quý kính của mình; còn được hay không là tùy thuộc vào phước duyên dày mỏng của họ. Phật tử cầu nguyện cũng để phá tan lòng vị kỷ, chấp ngã của mình, mà còn hồi hướng công đức ấy đến cho pháp giới chúng sinh cùng thành Phật - Tức đồng hóa mình với chúng sinh là một, là phát khởi lòng Từ Bi.

### **CÂU CHUYỆN ĐỌC THÊM:**

Lợi dụng sự kém hiểu biết về chân lý của con người, hay: - “sợ” khổ đau, bất hạnh; lại, - “ham muốn” được an vui hạnh phúc... nên giới tự xưng là trung gian giữa thần linh, thượng đế mơ hồ, vô hình tướng, không ai trực tiếp thấy biết; và dựa vào phong tục, tập quán, tín ngưỡng của từng địa phương mà tưởng tượng, bịa đặt ra những câu chuyện linh thiêng, uy quyền, ma quái dưới nhiều hình thức khác nhau để

hù cho sợ, hứa cho ham, với mục đích “ - *Lấy đạo tạo đời; Buôn thần bán thánh*” hầu thu tóm danh văn (được o bế, tăng bốc, khen tặng) và lợi dưỡng (lợi ích về vật chất) cho mình. Xin đọc thêm câu chuyện *Tự nhận, Mạo xưng* sau đây để tự suy gẫm; và đề cao cảnh giác:

\*- Tại một miền quê ven sông nọ, dân chúng ít học, lạc hậu.. Một goá phụ tự xưng là được *thần Hà Bá “ dựa”, dạy rằng*: “Dân làng này muốn được khoẻ mạnh, hạnh phúc, sống yên gió lặng, làm ăn phát đạt,... thì hàng năm đến ngày (do bà ta ấn định); mọi người phải chung góp tài vật, công sức lập đàn tràng cúng tế mới được thần linh ứng, hộ độ cho tai qua nạn khỏi và toại nguyện. Dân làng tin theo, nên đóng góp tài vật ngày càng phong phú; đàn tràng ngày càng nguy nga, tráng lệ, linh đình. Mỗi lần cúng tế, bà ta đều cung thỉnh quan huyện sở tại đến chứng giám để lễ tế được thêm phần long trọng .

Được thế, goá phụ này bịa đặt thêm điều kiện: - Mỗi lần cúng tế, lễ vật phải có thêm một cô gái mới lớn bỏ vào lồng heo đìm xuống sông cho thần hưởng dụng. Bất đồ, năm ấy cấp trên bổ nhiệm quan huyện khác. Như thông lệ , bà ta cũng mời quan huyện mới đến chứng lễ. Đến ngày tế lễ, quan cho lính lệ đến báo là quan bận việc nên sẽ đến trễ. Lính lệ hỏi bà ta có thể tâu trình với thần Hà Bá về việc chậm trễ này không? Không chút ngần ngừ, bà khẳng định là

*được*. Lập tức lính lệ mở lồng heo thả cô gái đã bị bà ta nhốt sẵn ra, và nhốt bà vào thay thế. Quá bất ngờ, kinh ngạc, hoảng hốt bà hỏi lính lệ: “Các ông làm gì vậy?” Lính lệ bảo: “Đưa bà xuống dưới để bà gặp thần, tâu trình việc chậm trễ hôm nay”. Hết đường biện bạch, xảo ngôn, với sự sợ hãi tột cùng, bà ta khóc nức nở xin lính lệ tha mạng và thú nhận rằng: - Vì không muốn làm lụng vất vả, cực nhọc nên mới tưởng nghĩ ra cách mượn uy danh thần Hà Bá vô hình; không ai thấy, làm bình phong, vờ bọc để hù dọa người dân hiền lành, chất phát, phải chung góp tài vật để cho bà có cuộc sống sung túc, giàu sang, thanh thoi an nhàn. Đồng thời, lại được mọi người trọng vọng, kính ngưỡng, tôn quý như thần linh thật sự, bà nói gì ai cũng nghe theo,... Chúng ta nên lưu ý chủ động đề phòng những sự mạo xưng, tự nhận theo kiểu này, trong các tín ngưỡng...

## **IX. THIÊN ĐÀNG VÀ ĐỊA NGỤC**

\*\*\*

Cảnh giới Thiên Đàng và Địa Ngục là nổi ám ảnh lớn nhất của một kiếp người. Thực chất, thật có nơi ấy không? Có ai đã được Thượng đế đưa lên Thiên Đàng hưởng ấm no, hạnh phúc; hay đã bị Ngài đày xuống Địa Ngục chịu cực hình, thống khổ; về kể lại chưa? Hay chỉ nghe các nhà truyền giáo rao giảng một chiều? Nên đề phòng trò tưởng tượng bịa

đặt tạo ra của tín ngưỡng nhằm **hứa đưa lên Thiên Đàng cho người ta ham**, và **hù dọa xuống Địa Ngục để con người khiếp sợ; để phải ngoan ngoãn vâng phục theo mệnh lệnh của họ, hầu họ lợi dụng, trục lợi!** - Thiên Đàng ở trên đỉnh núi cao, hay một thiên quốc xa xăm, quang đấng, sáng sủa...nào đó chẳng? - Địa Ngục ở dưới một hố sâu thăm thẳm, u ám, tối tăm, hay trong lòng đất âm u, ngọt ngào chẳng? Hay, khi đến đó, cũng thấy toàn cỏ hoa, mây mù...

Thực tế, nó không có một nơi chốn nhất định nào, ngoài **tâm của con người**, cả. Nó chính là **sự biến đổi trạng thái Tâm thức của ta mà thôi**. Thiên Đàng hay Địa Ngục không tách rời nhau, chúng xảy ra trong cùng một cuộc sống, trong tâm của ta. Nếu lầm tưởng Địa Ngục, Thiên Đàng là một nơi chốn nào, một thế giới nào nằm ngoài thế gian mình đang sống, ngoài tâm hiện hữu của mình, để rồi phải chạy trốn, né tránh Địa Ngục, hoặc mãi mãi mong cầu tìm kiếm Thiên Đàng thì chỉ là đi tìm “*lông rùa, sừng hổ*” uống công phí sức.

\*- Một vị quốc vương luôn bị ám ảnh về bóng dáng của Thiên Đàng và Địa Ngục, không tự giải tỏa được nên mới đến tham vấn một vị thiền sư nhờ giải thích dùm các thắc mắc.

- *Quốc Vương hỏi*, Thừa Ngài: - Có Thiên Đàng, Địa Ngục hay không? - Ai tạo ra nó? - Nó ở đâu?

- *Thiền sư nghiêm nghị nói*: Tôi không thể nào tin rằng một vị Quốc Vương như Ngài mà có thể đặt ra câu hỏi *ngu xuẩn* đến thế!

- Vừa nghe qua *Quốc Vương phẫn nộ* (nổi sân) liền rút gươm ra định chém thiền sư.

- *Thiền sư ôn tồn thưa*: Tôi đã trả lời phân nửa câu hỏi của Ngài.

- *Quốc Vương kinh ngạc*, khựng lại, từ từ tra kiếm vào vỏ.

- *Thiền sư nói tiếp*: Thế là tôi đã trả lời trọn vẹn câu hỏi của Ngài rồi.

Nghe xong Quốc Vương *trực ngộ*, nên tiến lên một bước, cúi xuống chạm chân thiền sư bái tạ và cáo lui về cung.

Câu chuyện trên, đã khai thông nỗi ưu tư của vị Quốc Vương là *khi tâm khởi Tham – Sân – Si, vị ngã, ảo tưởng... là đang tạo ra cảnh giới Địa Ngục. Khi tâm bình ổn, vô ngã, vị tha, từ bi hỷ xả, luôn tỉnh thức chánh niệm, an trú trong thực tại hiện tiền là có ngay Thiên Đàng, Cực Lạc.*

Ngoài tâm mình ra, không một ai bên ngoài có siêu năng lực gì tạo ra được Thiên Đàng, Địa Ngục cho mình cả. Nó xuất hiện ngay lúc Tâm mình thiện, lành, thi ân bất cầu báo

là có Thiên Đàng, Cực Lạc. Ngược lại, khi khởi niệm sân hận, ác độc lợi mình, hại người, ảo tưởng... tức thì cửa Địa Ngục liền mở ra, đón chờ mình. *Đâu ai có quyền lực gì bắt buộc mình phải Tham - Sân - Si nếu mình không muốn, và họ cũng không có tài năng gì lấy đi - Tham - Sân - Si dùm cho mình nếu mình muốn - Tham - Sân - Si.*

Rõ ràng cùng một năng lượng của Tâm, chỉ có chiều hướng của nó thay đổi. Chỉ cần thấu hiểu sự vận hành năng lượng tự thể, tự ta chuyển hóa tam độc: - Tham - Sân - Si vị kỷ...thành Từ-Bi-Hỷ-Xả, vô ngã, vị tha thì ta biết ta đang đi về đâu, Địa Ngục hay Thiên Đàng. Ta là chủ nhân chịu trách nhiệm khi ta phải vào Địa Ngục hay được lên Thiên Đàng chứ không thể nói ông Trời nào sinh, ý Trời nào định hay số phận nào từ bên ngoài dành cho ta cả, mà phải nói: *Đây là ý thức của tôi, phước họa tại tôi, do tôi chọn lựa theo Luật Nhân Quả*; chứ không do Thần Linh, Thượng đế nào ngoài Tâm tôi có quyền thưởng phạt, áp đặt chuyển đổi được gì cho ai cả. Nên nhớ: “ ***Quê hương của Niết Bàn là Trần thế***”. Phật dạy: “***Nhất thiết duy Tâm tạo***”.



## X. KHÁC BIỆT GIỮA: *THẦN QUYỀN VÀ NHÂN QUYỀN.*

\*\*\*\*\*

Dựa theo sử liệu, từ thân thế, sự nghiệp của các vị giáo chủ, cùng với hình thức tổ chức, cách sinh hoạt, đến nội dung giáo lý... của các tín ngưỡng hiện hữu; thấy có nhiều điểm khác biệt, khó hiểu, khó tin; chỉ khách quan ghi nhận một vài điểm để tự suy gẫm thêm, hầu *tự chọn cho mình một tín ngưỡng hợp lý, hợp ý và có lợi.* Nếu có độc giả nào quan tâm, xin tùy nghi thẩm định. Tôi không khen chê, bài bác hay cổ vũ nên chấp nhận một tôn giáo nào, khi tôi chưa thấu triệt. Theo đó, có thể tạm chia ra hai loại: - *Tín ngưỡng thần quyền*, và, - *Tín ngưỡng nhân quyền.*

### I. TÍN NGƯỠNG THẦN QUYỀN:

*Con người chỉ phải tin tưởng tuyệt đối vào quyền lực tối thượng của vị thần linh, thượng đế làm giáo chủ.* Giao trọn đời mình cho Ngài định đoạt:

*“Bất phong trần phải phong trần,*

*Cho thanh cao mới được phân thanh cao”* (cụ Nguyễn Du).

Ngài có quyền ngự trị trên thân xác mình; trực tiếp can thiệp vào mọi sinh hoạt riêng tư hằng ngày; đồng thời toàn quyền quyết định số phận sống, chết, khổ vui...từ khi Ngài sinh ra

(ông trời sinh) đến khi Ngài “gọi về” (chết). Con người hoàn toàn phải chấp nhận mọi điều kiện và lệ thuộc hẳn vào quyền năng của Ngài. Thế nhân không có quyền tự lo liệu được điều gì cho chính mình!

**1. Thân thế:** Các đấng Thần linh, Thượng đế đang ngự trị trên một thiên quốc cao xa, viển vông, nào đó, không chung sống với con người, không phải là con người hiện thực, không có trong lịch sử nhân loại. ***Thế nhân không thể trực tiếp thấy biết được chân dung Ngài;*** chỉ nghe qua giáo sĩ, tự xưng là trung gian mô tả lại một cách mơ hồ như:

– Thần Brahma (Phạm thiên, là linh hồn của vũ trụ) giáo chủ Bà-la-môn giáo.

– Abraham, giáo chủ Do Thái giáo.

– Chúa cha, Ông trời, Thượng đế, giáo chủ Cơ Đốc Giáo.

– Chúa cha..., giáo chủ đạo Tin Lành (tách nhánh từ Cơ Đốc Giáo)

– Thánh Allah, giáo chủ Đạo Hồi.

**2. Sự nghiệp:** là những Thánh lệnh, Giáo điều trong Thánh kinh,...ghi chép lại những lời răn, lời phán, của giáo chủ như là chân lý, để giáo dân chấp hành, như:

– Mười điều Thánh lệnh...(Do Thái Giáo)

– Cựu Ước, Tân Ước (Cơ Đốc Giáo và Tin Lành)

– Kinh Kur'an của Hồi Giáo.

Theo đây, *giáo chủ có bốn đặc điểm*:

a) *Độc tài sáng tạo*: Chỉ có giáo chủ mới có toàn năng, toàn tài, sáng tạo ra vũ trụ, vạn vật....nên việc gì cũng nói ***ông trời sinh***.

b) *Độc quyền thưởng phạt*: Vì muôn loài do Ngài tạo ra, nên Ngài có toàn quyền thưởng, phạt theo ý Ngài...***ông trời định***.

c) *Độc tôn*: Với tài năng tuyệt hảo, và quyền uy tối thượng, nên Ngài duy nhất là ***bậc thượng tôn***, không ai sánh bằng.

d) *Độc đoán*: Lời Ngài răn, phán ra, là giáo điều, Thánh lệnh, coi như là chân lý, tuyệt đối đúng; không ai có thể bác bỏ, hoặc nói khác đi.

3. ***Tổ chức***: Tín ngưỡng thần quyền được thiết lập ba giai cấp: - Giáo chủ, - Giáo sĩ, -Giáo dân.

\*. *Giáo chủ*: như vừa trình bày trên. Giáo chủ cai trị thế gian.

\*. *Giáo sĩ*: Cũng là con người bình thường, nhưng:

- *Tự nhận*, mình đã bí mật trực tiếp gặp giáo chủ (Thượng đế) ở trên đỉnh núi cao, hay trong một hang động âm u nào đó; được giáo chủ chọn làm: - truyền nhân, - sứ giả, hay - nhà tiên tri...

- *Tự xưng*, mình là đại diện Thượng đế, làm trung gian giữa Thượng đế và con người. Đã được Giáo chủ trao truyền

Thánh lệnh, Thánh kinh mang về làm nền tảng, để điều hành thế gian, thay cho Ngài. Như trường hợp ông Moise,...

- *Tự vạch ra*, đường hướng sinh hoạt riêng. Giáo sĩ mới có quyền đọc, nghiên cứu Thánh kinh rồi rao giảng lại cho giáo dân. ***Giáo dân không thể trực tiếp nghe giáo chủ giảng dạy những gì!***

\*. Giáo dân: còn gọi là con chiên, tín đồ. Hiện đời, con chiên phải phục tùng theo sự chặn dất, chỉ dạy của chủ chiên (giáo sĩ). Mỗi chủ nhật con chiên phải đến nhà thờ để:

- Thành kính lễ lạy, thờ phượng Thượng đế.
- Thành khẩn nhận tội, “tội tổ tông”.
- Khẩn thiết van xin Thượng đế xoá tội, cứu rỗi cho.
- Và phải: - *Vinh danh*, để trợ giúp, bảo đảm dùm.

- *Làm chứng*, để xác tín thêm cho Ngài.

Thì mới mong cuối đời được Ngài gọi về Thiên đàng làm tôi tớ cho Ngài, được Ngài ban phước, an hưởng đời đời trên ấy, như *chủ với tớ, vậy* . Chủ tớ không bao giờ được đồng đẳng nhau. Khác với tín ngưỡng nhân quyền, quan hệ giữa giáo chủ và phật tử, tín hữu ; chỉ là tình *thầy trò, cha con*. Học trò nào, đứa con nào cũng có cơ hội ngang bằng hoặc hơn thầy, hơn cha là chuyện bình thường, không có vấn đề độc tôn. Nên trong đạo phật không chỉ có duy nhất đức Phật Thích Ca thôi; mà có cả hằng hà sa số chư Phật, ở mười phương thế giới; cũng có Độc giác, và Bích Chi Phật nữa.

Với tín ngưỡng thần quyền, thì con người hiện hữu ở cõi đời này chỉ từ khi *Thượng đế sinh ra, đến khi Ngài gọi về (chết) là mọi việc chấm dứt, không còn tái sinh lại đời sau.* Còn tín ngưỡng nhân quyền thì chúng sinh nào còn nghiệp (còn nợ) thì bị nghiệp lực dẫn dắt tái sinh làm phàm phu nhiều đời để trả quả (trả nợ); khi nào hết nghiệp (trả hết nợ) mới chấm dứt tái sinh, giải thoát, thành Thánh.

Để khỏi lầm lạc, bị kẻ ác tâm mê hoặc, dối gạt, lợi dụng; chúng ta *chớ vì tình cảm, mua chuộc, hù dọa... chấp nhận ngay một tôn giáo nào.* Phải thận trọng, tự chủ tìm hiểu, phân tích kỹ trước khi gia nhập mới khỏi bị *tẩy não, nhồi sọ, bung bít, kèm kẹp, hết phương hỏi đầu!* Nhất là phải phân biệt cho được *sự khác nhau giữa Thánh và Phàm; giữa chân lý và phi lý...*

\* **Bậc Thánh,** Các Ngài đã dứt sạch mê lầm, không còn bị - tham - sân - si, tác động, hoành hành; đã giác ngộ, giải thoát. Chỉ khi nào *với nguyện lực, các Ngài tự nguyện tái sinh để cứu nhân, độ thế;* với lòng cao thượng, thánh thiện, từ bi hỷ xả, vô ngã, vị tha; nên hành động của các bậc Thánh, chỉ nhằm mục đích cứu khổ, ban vui cho mọi người và thế gian, hoàn toàn *bình đẳng, vô điều kiện, thi ân bất cầu báo.*

Từ lý thuyết đến thực hành có kết quả, Thánh nhân đều tận tình giải thích, chứng minh, chỉ bày tường tận cho người

nghe, hiểu thấu đáo. Có hiểu rõ, mới thực hành đúng được. Thực hành được mới có kết quả, rồi tự kiểm chứng lại kết quả nữa mới trọn vẹn, mới tin. Giáo chủ còn khuyên: “Hãy thương kẻ thù như thương chính bản thân mình”. Nhưng với lăng kính Phật giáo; nhìn chúng sinh với *từ nhĩn, bình đẳng, không có kẻ thù*; chỉ có người dễ thương, kẻ đáng thương. *Dễ thương* vì hữu duyên, tiếp cận được chánh pháp, thực hành đúng chánh pháp, có an lạc hạnh phúc ngay cho họ. Còn, *Đáng thương*, vì họ không có cơ hội, hay không chịu học, hành chân lý, mãi tạo ác nghiệp, nên phải chịu khổ đau, sinh tử.

Lời Thánh nhân dạy luôn đúng chân lý, vượt không gian, thời gian; trước sau như một, không thay đổi... kết quả cụ thể, chính xác. Chúng ta hoàn toàn kính ngưỡng, tin tưởng đón nhận, phụng hành không lưỡng lự, nghi ngờ,

\* ***Phàm phu***, vẫn còn mang nghiệp, phải tái sinh nhiều đời để trả quả. Do tam độc: - tham, - sân, - si, thôi thúc, khiến họ mượn uy danh Hiền Thánh làm bình phong, vỏ bọc, để che đậy ý đồ bất chánh, bất lương “*mượn đạo, tạo đời - buôn thần bán thánh*” hầu kiếm thêm: - danh văn ( được khen ), - lợi dưỡng ( có thêm tài vật ) để củng cố bản năng, và bản ngã cho họ. Do đó có thể họ:

- Diễn dịch thêm bớt, sửa đổi sai lạc, không chính xác hoài bão của Thánh nhân.

- Đôi khi còn mạo nhận, mạo xưng Thánh thần, tự tưởng tượng bịa đặt ra tín điều phức tạp: - *Huyền hoặc hoang đường*, không thể kiểm chứng; - *Quá cao siêu*, không thể hiểu được; - *Quá bí hiểm*, để họ khỏi phải giải thích, chứng minh. Vì quá viển vông, mơ hồ; không hiện hữu, cụ thể; cũng không dựa trên bản chất của chân lý, hay cơ sở khoa học nào; lại thiếu hiểu biết, nên chỉ khuyên thính chúng phải dùng “*đức tin*” :

**“*Tin thì có, không tin thì không có*”**; hoặc

**“*Phúc cho những người không thấy mà tin*”**

cốt để tạm thời trấn an, dập tắt, cho xong chuyện. Hy vọng thính chúng nghe nhiều lần sẽ “*quen*”, khi quen được rồi sẽ “*qua*” và qua rồi sẽ “*quên*” đi; thế là hết thắc mắc, hết chất vấn, lời thôi nũa; chỉ còn phải nghe và làm theo mệnh lệnh của họ. Đây là đức tin từ thời trung cổ dựa trên nền tảng của Do Thái Giáo có từ thời thượng cổ.

***Vài việc thật khó hiểu, khó tin, như:***

\*- Có ai thấy và tin, rằng: - *Con chuột, sinh ra con mèo; hay, - ma quỷ, sinh ra con người, ... chưa? Chắc là không; vì nó không hiện hữu cụ thể, không là sự thật... cũng không chứng minh được! Nên phải dùng đến Đức tin “Tin thì có, không tin thì không có”... cho xong chuyện; lại còn cấm không cho con cái tưởng niệm, cúng giỗ cha mẹ, tổ tiên...;*

cấm, không được ăn phẩm vật lễ cúng Cha Mẹ...vì là đồ cúng ma quỷ, nữa chứ! Quý vị nghĩ sao?

\*- Cứ cho là Tổ tông ta đã bất tuân Thánh lệnh, đã bị Thượng đế giáng họa, đày xuống hỏa ngục chịu khổ đau muôn kiếp rồi, nhưng vẫn chưa đền tội, đủ; còn bắt buộc mọi người, con cái, cháu chắt,... mãi về sau cũng phải chung chịu nữa. Thật quá ngỗ ngược, oan ức, khi bị qui chụp; vì con cháu... chưa hề biết tội gì, và cũng chưa hề vi phạm; lại không được nghi ngờ thắc mắc; chỉ phải nghe, phải tin, và phải cúi đầu chấp nhận hình phạt!

\*- Vào ngày tận thế, Thượng đế sẽ mang **Toà án di giáo** xuống để xử thưởng, phạt con người. Người nào tin, theo, thì khi chết, được Ngài “gọi về” Thiên đàng làm tôi tớ cho ngài, hưởng phước; Nếu, không theo, hoặc theo tín ngưỡng khác (dị giáo), thì bị đày xuống hỏa ngục chịu khổ đau đời đời. Ngày ấy đã được các giáo sĩ lần lượt thông báo, nhắc nhở, răn đe, hù dọa, nhiều lần; vẫn không thấy xảy ra; lại nhắc nhở, lại hâm nóng...Nhưng, đến nay thế giới vẫn bình yên, chưa tận thế! Phải chăng chỉ do phàm phu tưởng tượng, phỏng đoán nên không chính xác? Thế mà, đã làm cho thế nhân bao phen phải hồi hộp, lo sợ... !

\* **Tòa án Di giáo**, dùng để phán xét công - tội, của những ai theo hoặc không theo tín ngưỡng thần quyền này; bao gồm:



- *Quan tòa là Thượng Đế.*
- *Luật pháp là Thánh lệnh, Giáo điều.*
- *Phạm nhân là con người.*

### **SỰ KIẾN NHÀ BÁC HỌC GALILE’:**

Theo sử liệu: \*- *Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã* tuyên thuyết rằng, Thánh kinh dạy: Thượng đế sáng tạo ra:

- *Trời tròn, Đất vuông.*
- *Trái đất là trung tâm của vũ trụ.*
- *Mặt trời luôn quay xung quanh trái đất.*

\*- *Trong khi đó, nhà thiên văn học hiện đại*

*Galile’* lại tuyên bố rằng:

- *Trời, Đất là những hành tinh, luôn vận hành theo lực hấp dẫn của chúng.*

- *Mặt trời là trung tâm của vũ.*
- *Trái đất luôn quay xung quanh mặt trời.*

Thế là, giáo hội La mã cho rằng, Ông Galile’ đã nói trái ngược lại với Thánh kinh; nên Giáo hội đã bắt ông:

- *Thảm vấn nhiều lần.*
- *Buộc tội ông là phản lại Thánh kinh.*
- *Bắt buộc Ông phải nhận tội là đã sai lầm.*
- *Phải làm giấy cam kết từ bỏ ý kiến đó, không được*

*truyền bá nữa.*

Nhưng ông không cam kết, cũng không nhận tội; Ông nói:

- Điều tôi nói là khách quan, là chân lý.
- Tôi không hề phản đối Giáo Hoàng, thì tôi có tội gì?
- Lẽ nào tôi phải: - Che dấu sự thật; - Lừa dối mọi

người?

- Lẽ nào tôi phải bị trừng phạt, chỉ vì nói ra chân lý!.

Ông vẫn nói:

**\* *Mặt Trời là trung tâm của Vũ trụ.***

**\* *Trái Đất luôn quay xung quanh Mặt Trời***

Lúc đầu, giáo hội định xử, hỏa thiêu ông. Nhưng sau đó, lại thay đổi, phạt quảng thúc chung thân cho đến khi Ông chết! Mãi đến 300 năm sau (1979), tòa Thánh La Mã, mới chính thức tuyên bố: - Phán quyết của tòa Thánh đối với ông Galile' là sai lầm nghiêm trọng của Giáo hội!.

Câu chuyện trên đây, giúp chúng ta hiểu rõ thêm *sự khác biệt giữa bản chất Chân lý của Thần quyền; và Khoa học; Cùng với tác hại nghiêm trọng của những điều Phi lý gây ra!*

Trên thực tế, chưa ai thấy biết, hay có nhà khoa học nào chứng minh, xác nhận hiện tượng Thiên đường - Địa ngục, Phép lành - Phép lạ; là có thật, cụ thể.

## **II. TÍN NGƯỠNG NHÂN QUYỀN.**

Là *niềm tin vào chính mỗi cá nhân con người, có toàn quyền định đoạt mọi việc cho cuộc đời mình*. Con đường giác ngộ chân lý phải *chính mỗi người hướng nội, tự do tư tưởng (suy nghĩ) để có nhận thức khách quan về bản chất của mọi hiện tượng trong vũ trụ, vạn vật... Từ đó, tự cởi bỏ mọi trói buộc, vướng mắc; để tự mình giải thoát cho chính mình*. Chứ không thể hướng ngoại cầu khẩn, van xin Thần linh, Thượng đế nào bên ngoài giúp mình được.

Đức Phật không đặt ra những tín điều khắc khe, bắt buộc chúng sinh phải tin, phải theo Ngài; nếu không sẽ bị Ngài trừng phạt. Ngài dạy mỗi người phải:

- *Tự chủ dùng lý trí của mình để ứng xử mọi việc...*
- *Tự do suy nghĩ, tự do lựa chọn.*
- *Toàn quyền chủ động quyết định vận mệnh của mình.*

Bởi vì, *mỗi người gieo nhân nào thì tự gặt quả ấy. Chết là chính mình chịu; chứ không có bất cứ một ai hay Thần linh, Thượng đế nào chết thế cho mình hay cứu giúp được gì cho mình đâu mà mê mờ, ảo tưởng; giao đời mình cho họ định đoạt!*.

Ba đạo giáo tiêu biểu cho Tín Ngưỡng Nhân Quyền là:

## **A . ĐẠO PHẬT.**

**a) Thân thế** (người thật):

Đức Phật khi chưa đi tu, chưa thành Đạo, Ngài có tên là Sĩ Đạt Đa (Siddhattha). Thân phụ ngài là Tịnh Phạn Vương. Thân mẫu là Hoàng Hậu Maha Maya... Ngài sinh ra vào ngày trăng tròn, tháng năm, năm 624 trước Tây lịch; nhằm ngày Rằm tháng Tư năm Tân Dậu... Lịch sử nhân loại đã ghi chép đầy đủ về thân thế của Ngài.

**b) Sự nghiệp** (việc thật):

Ngài là Đông cung Thái tử, sẽ là vua. Thế nhưng, Ngài đã từ bỏ ngôi vị Quốc vương, Nhân vương... chỉ ước nguyện làm Pháp vương và Y vương, là sự nghiệp độ sinh cao cả của Ngài. Mục đích của Ngài là: - *phơi bày (Khai)*, - *chỉ cho chúng sinh thấy rõ (Thị)*, - và, *biết rằng (Ngộ)*, - *Chúng sinh và Phật không khác nhau (Nhập)*, ở cái - *Tuệ giác Siêu việt (Tri Kiến Phật)*; “**Khai, Thị, Ngộ, Nhập, Tri Kiến Phật**

Trước khi xả bỏ huyễn thân, Ngài còn nhấn mạnh thêm, “***Ta là Phật đã thành; Tất cả chúng sinh là Phật sẽ thành***”. Ngài và chúng sinh đều bình đẳng nhau, vì cùng có chung một ***Tâm Giác Ngộ*** (tri kiến Phật). Tâm, Phật, Chúng sinh, thị tam vô sai biệt.

Ngài: - Không tự xưng là Thần linh, Thượng đế, đấng tạo hóa tối cao...;

- Không tự nhận mình là truyền nhân, sứ giả, nhà tiên tri của đấng siêu nhân, siêu nhiên vô hình nào cả.

- Không hướng ngoại, ảo tưởng, ý lại, dựa dẫm, cầu xin Thần linh, Thượng đế siêu hình nào, bên ngoài Tâm mình, ban phát cho điều gì...

Mà, tự mình tìm ra con đường cải đổi cuộc sống, thay đổi niềm tin. ***Chỉ hướng nội tự lực, tự tin vào Chơn tâm, Phật tánh sáng suốt vốn đã sẵn có trong nội tâm Ngài và mọi người (nhân quyền).***

- Ước nguyện độ sinh càng lớn (**Bi**), - Ý chí càng cao (**Trí**), và - phải đủ mạnh (**Dũng**), mới đạt được thành tựu viên mãn. Nên Ngài đã : - Miệt mài tô kinh, luyện sử; - Phấn đấu mãnh liệt, bất khuất mọi gian lao thử thách; - Chiến thắng nội ma, ngoại chướng, hoành hành, mới hoàn thành được sự nghiệp độ sanh. Như người cọ gỗ lấy lửa, phải tinh tấn cọ liên tục. Nếu chệnh mãi, gián đoạn; thanh lửa nguội, thì biết bao giờ mới có lửa.

Cuộc hành trình từ vô lượng kiếp đến nay, đã bao lần Ngài được sinh lên cõi Trời; biết bao lần bị đày vào Địa ngục, cũng chỉ vì **chấp ngã** ít hay nhiều; Nên Ngài nói bài kệ:

- *Thiên thượng, Thiên hạ.*
- *Duy ngã độc tôn.*
- *Vô lượng sinh tử.*
- *Ư kim tận hỷ.*

Cũng chỉ vì, *Tham - Sân - Si*, đẩy đưa đến *Chấp ngã* ; mà không thấy được bản chất của: - *Thân*, - *Tâm*, - *Cảnh*, do *Duyên sinh, vốn Vô ngã*; tức là Nhân không; Pháp không (Thân - Tâm vọng = Nhân; Cảnh = Pháp; đều do duyên sinh, là vô ngã). Đây chính là lời khai thị, và cũng để cảnh báo chúng sinh ngay lúc khởi đầu. Nói rõ hơn, khi đạt được Trí Tuệ cao tốt (Bát nhã), giác ngộ được chân lý, thì không còn bị *nghiệp lực* điều khiển; Chỉ còn *nguyên lực độ sanh*. Do vậy Ngài tuyên bố “*Vô lượng sinh tử; Ư kim tận hỷ*”; = Nay đã biết được *nguyên nhân*, và nhất là đã có *phương pháp diệt trừ*; thì *sinh tử không còn chi phối* Ngài được nữa; Được Vô sinh, Giải thoát, cho Ngài. Ngài đã đem chính thân tâm mình ra, từng bước tu tập đến đạt Đạo, thành Phật, để làm gương và rời lại hướng dẫn cho hậu thế noi theo.

### c) Tổ chức :

Đạo Phật chỉ có hai giai cấp: - Giáo chủ, và - Tín hữu (phật tử).

1/ **Giáo chủ:** là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chỉ là *bậc Bổn sư* (vị thầy căn bản), và *bậc Đạo sư* (vị thầy chỉ đường), hay Cha lành.

2/ **Phật tử:** Có hai hạng = - Phật tử xuất gia, và - Phật tử tại gia.

\* Phật tử xuất gia: Gồm thiện nam, tín nữ; tự nguyện xuất ra khỏi: - *Thế tục gia* (căn nhà thế tục đang ở), - *Phiền não gia* (căn nhà tham sân si, phiền não), - *Tam giới gia* (căn nhà Dục giới, Sắc giới, và Vô sắc giới); Hội nhập vào các Tu viện; chuyên thực hành Giáo pháp và nghiêm trì Giới luật.

\* Phật tử tại gia: còn gọi là Cận sự nam và Cận sự nữ, hay Ưu Bà Tắc, và Ưu Bà Di. Chỉ tu tại gia: - Quy y Tam Bảo, và - Hành trì Ngũ giới.

***Tín ngưỡng Nhân Quyền không có giai cấp trung gian.***

**d) Thực hành:**

Suốt thời gian hoằng hóa, độ sanh, Đức Phật đã lưu lại cho hậu thế thiên kinh, vạn quyển; bao gồm muôn vàn pháp môn tu tập...Nhưng cô kết lại *phật tử chỉ cần tinh tấn thực hành pháp môn cốt lõi căn bản, mà có kết quả cụ thể. Đó là:*

\* ***Chư ác mạc tác.*** Không làm tất cả các việc ác. Để dừng nghiệp ác.

\* ***Chúng thiện phụng hành.*** Chuyên làm tất cả các việc lành. Để chuyển nghiệp ác thành nghiệp thiện.

\* ***Tự tịnh kỳ Ý.*** Luôn giữ tâm Ý thanh tịnh. Để làm sạch nghiệp.

Bởi vì, Ý là động cơ chính, thúc đẩy, điều khiển Thân làm theo, Khẩu nói theo; hành động tạo nghiệp, luân hồi. Khi giữ Ý dừng lặng, thanh tịnh; không còn khởi nghĩ một niệm

thiện/ác vi tế nào, thì sạch nghiệp; mới giải thoát luân hồi, sinh tử.

Để hỗ trợ cho công phu tu tập trên hiệu quả vững chắc hơn; Hành giả thực hành thêm pháp môn: - **Giới - Định - Huệ** .

- **Giới:** Nghiêm trì giới luật, để bảo vệ cho: - Thân - Khẩu - Ý, của mình, không tạo nghiệp.

\* Thân: - Không sát sinh - không trộm cướp - không tà hạnh, (*Thân tam*).

\* Khẩu: - Không vọng ngôn - không ý ngữ - không lưỡng thiệt - không ác khẩu, (*Khẩu tứ*)

\* Ý: - Không tham lam - không sân hận - không si mê, (*Ý tam*).

- **Định:** Giúp Tâm vắng lặng, thanh tịnh ( Phi tư tưởng, tâm vô niệm, vô trụ ). Giới hợp tác với Định mới đủ sức *phá trừ Bản năng* tham sân si, vốn đã có sẵn.

- **Huệ:** Khi Tâm đạt Định, thì Huệ mới phát sinh; tâm có an, trí mới sáng. Nhờ Huệ mới thấy rõ: - *Cái Ta (ngã)*, - *Cái của Ta (ngã sở hữu)*, - *Cái Tự ngã của Ta (linh hồn bất tử)*; đều do Duyên sinh, chỉ giả có, không thật (tánh không); mới dứt diệt được Bản ngã chỉ do môi trường, hoàn cảnh kiến tạo, không thật. Đến đây công phu tu tập mới được viên mãn.

**Luôn nhớ rằng:** - Theo Phật, học Phật là **để thành Phật, làm Phật, như Phật**; Với điều kiện là *phải tự thực hành*



*những phương pháp do Ngài tuyên thuyết một cách: - cần  
mẫn,- chuyên chú, - tinh tấn...không ngại ngại, không gián  
đoạn, mới có kết quả. Chứ không phải chỉ học Giáo lý, để  
mô tả Đức Phật, mô tả Đạo Phật, hay để hí luận suông. Thực  
hành được như thế thì: - “ **Tin thì Có đã đành; Không tin  
cũng vẫn Có**”.*

Chúng sinh quy y, thành Phật tử là để Học Phật pháp cho  
biết cách tu tập để có an lạc và giải thoát cho mình; Chứ  
không phải để thề thốt trung thành với Ngài; Khi nào thấy  
không thích, thì bỏ, Ngài không răn đe, hù dọa, thưởng phạt  
ai cả.

**\* Đức Phật giải thích thế nào về bốn đặc điểm của giáo  
chủ thân quyền?**

Ngài không bài bác, cũng không chấp nhận; Chỉ khách  
quan trình bày mọi chân lý mà ngài đã giác ngộ, đã tự thực  
hành có kết quả, giải thoát. Rồi đem ra chia sẻ, giải thích cặn  
kẽ, chứng minh cụ thể, để thuyết phục chúng sinh tự nguyện  
tùy duyên, thuận pháp; mà ứng dụng. Về 4 đặc điểm của  
Thần quyền; Đức Phật, giải thích:

**1. Độc tài sáng tạo ?** - Vũ trụ, vạn vật, trên thế gian này  
đều do **Nhân Duyên Sinh** ra. Đủ duyên thì sinh khởi, hình  
thành. Thiếu duyên thì hoại diệt. Chứ chính nó không thể tự  
sinh ra nó được; huống nữa là có “ ai ” ngoài nó lại có tài  
sinh ra nó.

2. **Độc quyền Thượng, Phật?** - Hành động: - Thiện, - Ác, của con người, đã có chân lý **Nhân Quả - Nghiệp Báo**, phân xử rất vô tư, công bằng. Chính Tâm mình luôn theo dõi, ghi nhận, lưu giữ chi tiết; rồi cân đo, đong đếm, bù trừ phân minh; mới ấn định mức thưởng phạt cho người gieo nhân; Đâu cần Thánh nhân nào, lấy lý do gì can thiệp vào nữa?.

3. **Độc tôn?** - Cõi Ta bà này, là nơi “ *Phàm, Thánh đồng cư độ* ”. Thánh nhân cũng phải thị hiện, sống chung với con người, như Phật Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử,...

\* *Về Thân, vật chất:*

- Đầu có: - Nước mắt cùng mặn; - Máu cùng đỏ; Và cùng do: Đất, Nước, Gió, Lửa hợp thành; nên *bình đẳng*.

\* *Về Tâm, tinh thần:*

- Ai, ai cũng đều có Chơn tâm, Phật tánh, sáng suốt như nhau; nên cũng *bình đẳng*.

Cụ thể hơn, trước khi viên tịch Phật còn khẳng định, “ **Ta là Phật đã thành; Tất cả chúng sinh là Phật sẽ thành.**” Người trước, kẻ sau đều cùng là Phật. Không có vấn đề độc tôn cho ai cả.

4. **Độc đoán?** - Tín ngưỡng Thần Quyền, cho rằng chỉ có những giáo điều của Giáo chủ được ghi trong Thánh kinh, là chân lý tuyệt đối; bắt buộc con người phải răm rắp nghe, tin, và chấp hành; Không được phản bác, chống đối, hay nghi

ngờ, chất vấn, đều có tội; đều phải bị nghiêm khắc xét xử theo Tòa Án Dị Giáo; *như trường hợp của nhà Thiên Văn Học Galile'...*

Trên thực tế, thì *Chân lý là lẽ thật*, là sự tự vận hành của Vũ trụ, Vạn vật theo quy luật tất yếu, tất nhiên, đã có sẵn, trong muôn loài; Chứ không do Thánh nhân nào độc quyền sắp xếp, đặt định ra được cả.

Về việc, thưởng, phạt con người của Tín ngưỡng Nhân quyền, thì do **Tòa Án Lương Tâm** phân xử, bao gồm:

- Tâm, của mỗi người, là *Quan Tòa*.

- *Chân lý Nhân Quả*, là *Luật Pháp*.

- *Mỗi người, sẽ thọ nhận án phạt do quan tòa Tâm mình và luật Nhân quả ấn định..*

Bởi vì Chơn Tâm luôn ở trong Thân; mới biết rõ hành động Thiện, Ác do Thân Khẩu Ý mình gây tạo; rồi Tâm, mới phân xử theo chân lý Nhân Quả; hết sức minh bạch, vô tư, công bằng, hợp lý.

Nhờ đó, *con người chỉ cần hướng nội, xoay vào Chơn Tâm mình*, suy xét thì biết rõ, mình sẽ được thưởng hay bị phạt; Nên ***hoàn toàn chủ động, tự lực, tự quyết định vận mệnh mình ngay lúc gieo nhân***. Mà không cần phải hướng ngoại cầu khẩn, van xin tha lực của Thần linh, Thượng đế nào bên ngoài Tâm mình, ban phát cho; để phải bị động chịu nhiều điều kiện khắc khe, rồi sợ hãi, vô ích!.

\*. **Đức Phật dạy:** - **Tội lỗi**, là do *Vô minh*, và *Ái dục* lôi cuốn, thúc đẩy, sai sử; Thân, Khẩu, Ý, hành động sai lầm, gây tổn hại cho mình và người khác; thì nhất định phải nhận quả khổ về sau! *Chỉ cần:* - **Giáo dục để hết si mê**; và, - **Chính người đó phải tự tẩy trừ bằng ý chí quyết tâm cải thiện; tự chuyển hóa Tâm si mê thành giác ngộ.** *Chứ không thể dùng nước sông, nước suối nào linh thiêng, rửa sạch được.*

Một hôm, đức Phật cùng ngài A Nan hóa duyên ngang qua sông Hằng, thấy có đông người chen nhau tắm giặt dưới sông; Ngài ngừng lại hỏi, quý ông bà đang làm gì vậy? Đám đông thưa rằng: - Hôm nay là ngày linh thiêng, chúng tôi tắm gội cho hết tội lỗi, để khi chết được lên Thiên đàng. Đức Phật bảo: - Tội lỗi, phải tự mình chuyển hành động Ác thành Thiện, và luôn giữ Tâm thanh tịnh mới hết; chứ tắm gội đâu thể hết được. Nếu được, thì loài thủy tộc sống suốt đời dưới sông này, chết, chúng lên trên ấy kín chỗ hết rồi.

Tiền sĩ Radhakrisnan, viết: “- **Sự thanh tịnh của tâm linh, và lòng thương yêu tất cả mọi sinh vật; Đã được Đức Phật dạy dỗ.** Ngài không nói đến Tội lỗi; Mà chỉ nói đến Vô minh và Điên cuồng; Có thể chữa khỏi bởi, Giác ngộ và lòng Thiện cảm.”

\* *Đức Phật có rất nhiều đặc điểm; nhưng ý nghĩa lại trái ngược hẳn với Giáo chủ Thần quyền. Điển hình như:*

- Hành động khác thường: - Cùng một lúc, Ngài buông bỏ tất cả (đại xả); từ vợ đẹp, con ngoan, danh vọng, địa vị... Chỉ làm Khất sĩ; chuyên tâm tu Đạo Giải thoát.

Ông Abdul Atahiya, một thi nhân Hồi giáo, viết: -“ ***Nếu bạn muốn tìm người cao quý nhất của loài người; bạn hãy nhìn một vị Hoàng đế, trong y phục một người ăn xin, chính là Ngài đó, siêu phàm, thánh tính của Ngài thật vĩ đại, giữa con người.***”

- Tình thương khác thường: - Ngài thương xót muôn loài chúng sinh một cách bình đẳng; quý trọng mạng sống mọi loài chúng sinh, tuyệt đối không não hại, không giết chóc (đại từ), và,- luôn hoan hỷ, với những công đức, thành tựu của người khác (đại hỷ).

- Cái nhìn khác thường: - Ngài chỉ tin vào chính mình; chứ không tin vào Thần linh, Thượng đế nào cả. Có lần Ngài tuyên bố: - Nếu có Thần linh, Thượng đế, thì chính họ cũng phải tu, mới được giải thoát.

- Nhân thức khác thường: - Ngài dạy cái Ta (bản ngã) là không có thật. Vì từ con người đến vạn vật, hiện tượng, đều do Nhân Duyên Sinh: - Đủ duyên, thì sinh khởi, hình thành. - Duyên tan, thì hoại diệt, tiêu rụi; Không có chủ thể (Tánh không), để nó: - Tự sinh, -Tự tồn, và, - Tự diệt được. ***Nên vạn pháp là Vô ngã.***

- Trí sáng khác thường: - Ngài đã chuyển Thức thành Trí, đạt đến: - Vô sư trí, - Nhất Thiết Chủng Trí, - Đại Viên Cảnh Trí,...Vậy, Đức Phật là bậc toàn giác, hay toàn trí. Nhờ đó, Ngài mới phát hiện ra: - **thực tướng của các pháp hữu vi là vô tướng**. Nên, muốn giải thoát phải tu pháp **Ly Tướng**.

**B. LÃO GIÁO**: - Giáo chủ là ngài Lão Tử, - Giáo dân còn gọi là Đạo gia.

**C. KHỔNG GIÁO**: - Giáo chủ là ngài Khổng Tử, - Giáo dân còn gọi là Nho gia.

**Lão giáo và Khổng giáo cũng không có giai cấp giáo sĩ, trung gian**. Cả hai vị giáo chủ đều xuất thân từ con người:

- Không dựa vào quyền năng thiên liêng, bên ngoài; mà tự thấy mình thông thái, ưu việt hơn người.

- Tự đề ra những quy luật, khuôn phép sống, phù hợp với lý đạo, lẽ đời, với lương tâm, đạo đức, hướng thiện; để tín đồ thực hành theo. Ngõ hầu, cải tạo: - Bản thân, - Gia đình, - Đất nước, và, - Con người (tu Thân, tề Gia, trị Quốc, bình Thiên hạ); được lành mạnh, ổn định, trật tự, hoàn mỹ.

Đây chính là nguyên tắc căn bản, xây dựng nền tảng vững chắc cho Nhân Thừa Phật giáo, để tiến tu lên Thánh quả.

**Tóm lại:** \* **Giáo chủ** của Tín Ngưỡng Nhân Quyền, đều thị hiện thành con người thật, như bao con người khác. Các Ngài chỉ là bậc:

- **Đạo sư**, vị thầy đưa đường, chỉ lối cho chúng sinh, đi từ bờ mê đến bến giác.

- **Bổn sư**, vị thầy chỉ dạy cho chúng sinh, phương pháp: # Học Chánh Pháp để Giác ngộ Chân lý. # Hành Chánh Pháp, để Giải thoát khỏi khổ đau, và luân hồi, sinh tử; như các Ngài; Nhưng vô điều kiện. Các Ngài luôn:

+ Tôn trọng nhân phẩm con người.

+ Tôn trọng quyền tự do lựa chọn.

+ Tôn trọng quyền tự quyết định vận mệnh của mỗi cá nhân; theo luật Nhân Quả. Các Ngài không can thiệp vào.

\* **Về phần Tín hữu**, cần phải tự nguyện, tự lực tu tập, mới có kết quả; và tự cảm nhận được, thể nghiệm được thành tựu đó.

Chúng ta có thể tự kiểm chứng:

- Về **Thân thể** của Giáo chủ, qua Sử liệu.

- Về **Sự nghiệp** của các Ngài, qua quá trình hoằng dương Chánh pháp, cùng với kho tàng kinh điển còn lưu giữ.

**Như thế, mọi việc đã được hiển bày minh bạch, cụ thể, không còn chút nghi ngờ, thắc mắc. Chỉ còn lo tu mau khéo trở. Mong thay.**





## CHƯƠNG HAI

\*\*\*

### ĐỨC PHẬT- PHẬT PHÁP

Phật pháp quá uyên thâm, mênh mông bao la như biển cả, rừng sâu... Tu Phật mà không có chìa khóa, không nắm bắt được then chốt, sẽ bơ vơ, ngỡ ngàng, lạc lõng, mờ mịt không biết lối ra, không đạt kết quả mong muốn. Khi có chìa khóa, biết gốc tu sẽ đi đúng đường, đạt đến đích. Vậy muốn,

- Đến với Phật - Học Phật pháp, ta phải biết:

- **Đức Phật là ai?**
- **Phật Pháp là gì?**
- **Học Phật pháp bằng cách nào?**
- **Tu làm sao?**

#### I. ĐỨC PHẬT LÀ AI?

\*\*\*

##### A. **THÂN THỂ:**

Đức Phật, đã là Bồ tát Hộ Minh đang ở trên cung trời Đâu Xuất, quán chiếu thấy chúng sinh ở cõi Ta bà chịu quá nhiều khổ đau, bất hạnh, và trầm luân... . Để cứu khổ, ban vui cho chúng sinh; Ngài đã thị hiện thành một con người như bao con người khác ở miền Bắc Ấn Độ, vào ngày trăng tròn tháng năm, năm 624 trước Tây lịch, nhằm ngày Rằm

tháng Tư, năm Tân Dậu. Ngài đã từng bước tu hành đến đạt đạo (thành Phật) để làm gương cho chúng sinh noi theo.

Ngài tên là Sĩ Đạt Đa (Siddhartha). Thân phụ của ngài là Tịnh Phạn Vương. Thân mẫu là hoàng hậu Maha Maya. Vợ là công chúa Dadudala, thành hôn năm Ngài 16 tuổi và con, là Lahaula...

Vừa sinh ra Ngài có đủ 32 tướng tốt, và 80 vẻ đẹp. Ngài bước 7 bước trên bảy hoa sen, nhằm báo trước phương pháp hóa độ chúng sinh qua hai biểu tượng:

- **Số 7**, tượng trưng cho vạn pháp đều do bảy yếu tố duyên hợp lại tạo thành, ví dụ: Động vật hữu tình là do **Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức** hợp lại. Âm nhạc có 7 notes: Đô, Rê, Mi, Fa, Sol, La, Si. Ánh sáng có 7 sắc: Đỏ, Xanh, Vàng, Lục, Lam, Chàm, Tím...

- **Hoa sen**, tượng trưng cho:

o Sự thanh khiết cao quý: - Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

o Nhân quả đồng thời, và bình đẳng : - Dù còn ở trong bùn, dưới mặt nước (chỉ phàm phu), hay đã vươn lên khỏi mặt nước, nở toàn diện (chỉ Bồ Tát, Phật); hoa sen đều có đủ cánh, nhụy, gương, hạt như nhau. Ý chỉ rằng về **Bản thể, Phật tánh**; Ngài và chúng sanh đều có sẵn đầy đủ, không sai khác, tức là bình đẳng. Đồng thời Ngài đọc lên bài kệ:

**“Thiên thượng, Thiên hạ,**

*Duy ngã độc tôn,  
Vô lượng sinh tử,  
Ư kim tự hỷ.”*

Chữ **Ngã** có nghĩa là tự thân, là chủ thể, bản tâm, là Phật tánh cố định, độc lập, thường hằng, sáng suốt ở mọi chúng sinh. Ở đây có thể hiểu rằng: - Từ vô lượng kiếp, về báo thân, tám thân quả báo đền trả, sinh diệt của Ngài đã nhiều lần được sinh lên cõi trời, lắm lần bị đày vào địa ngục... để đền trả quả báo tương ứng với nghiệp nhân đã tạo. Chỉ vì mê muội không biết tám thân tứ đại giả hợp, do duyên sinh này là *vô ngã*, là như huyễn. Và đây là kiếp cuối cùng, Ngài giác ngộ trở về với pháp thân, **Tự ngã** mới là độc tôn bất sinh, bất diệt, mới được thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử, thành Phật.

Phật giáo có câu: “**Tâm, Phật, chúng sinh, thị tam vô sai biệt**”. *Phật hay chúng sinh cũng đều từ tâm mà ra. Khi Tâm giác ngộ chân lý là Phật. Tâm mê là chúng sinh.* Đức Phật giải thích thêm, trong chúng sinh có hai cái ngã:

a) **Vô ngã**: là của phàm phu. Con người gồm có: - Sắc (thân vật chất) và - Danh (tâm, tinh thần). **Sắc** do đất, nước, gió, lửa, vô tri duyên hợp lại mới có, mà chỉ *giả có*. Khi duyên tan thì trở thành **không** vì nó không có chủ thể, không có tự tánh (**tánh không**) để tự sinh, tự tồn, tự diệt được; nên sắc là vô thường, vô ngã, khổ, bất tịnh, không. **Danh** (tâm, tinh thần), gồm có: Thọ, Tưởng, Hành, Thức; cũng do duyên

sinh mới có, chỉ là **vọng tâm**, chợt vui, chợt buồn, biến chuyển thay đổi theo sự vận hành riêng của nó, con người *không hề hay biết, không thể chủ động điều khiển được*. Vì mê, sống theo vọng tâm nên bị lôi cuốn, đau khổ, luân hồi, mãi. Tâm vọng cũng bị luật vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh và không, chi phối.

b) **Hữu ngã**: là Tâm của bậc Thánh đã giác ngộ. Do Thánh nhân có trí tuệ nhận biết Sắc (thân) - Danh (tâm vọng) đều là vô ngã nên **xả ly** và thể nhập vào **Chơn tâm**, thường còn, thanh tịnh, sáng suốt tức là **ngã** (thường, lạc, ngã, tịnh) nên đã giải thoát. Khi *cái ngã* ở trong loài động vật hữu tình thì gọi là **Phật tánh**; còn ở trong các pháp vô tình thì gọi là **Pháp tánh**.

### **NGUYÊN NHÂN THÁI TỬ SĨ ĐẠT ĐA XUẤT GIA:**

Vừa 7 tuổi, Ngài theo vua cha dự lễ hạ điền; nhìn thấy lưỡi cày vừa xén đất, những con giun bị đứt ngang, văng ra, liền bị những con chim nhỏ giành nhau nuốt chửng; chim nhỏ vừa bay lên bờ, liền bị con chồn trong bụi cây lao ra vồ lấy; chồn chưa kịp ăn thịt chim nhỏ, thì bị con diều trên cành cao xà xuống gắp bay lên, và rồi con diều bị người thợ săn gương cung bắn hạ. *Ngài liền nghĩ, thật là bất công, bất bình đẳng cho cảnh lớn hiếp nhỏ, mạnh hiếp yếu. Vì sự sống mà*

*chúng sinh phải giành giật, xâu xé, giết hại lẫn nhau, thật đáng thương xót.*

Có lần Ngài dạo quanh 4 cửa thành, thấy *cảnh khổ đau quằng quại của sự: Sanh, Già, Bệnh, Chết*; lần lượt hiện ra trước mắt; mà chúng sinh phải gánh chịu.

Cả hai thảm cảnh trên, thường xảy ra trước mắt mọi người, nhưng mấy ai quan tâm, thương xót; Cứ cho là việc của ai khác, không phải việc của mình, nên dửng dưng, thờ ơ, vô tư.

Riêng Ngài tự hòa nhập mình với chúng sinh là một. Chúng sinh bị hiếp đáp và phải chịu cảnh sinh, già, bệnh, chết, khổ đau; tức là rồi đây Ngài cũng sẽ phải chịu y như thế. Nên Ngài luôn trăn trở, khắc khoải, ưu tư, tự hỏi:

- *Con người từ đâu đến?*
- *Sau khi chết sẽ đi về đâu?*
- *Có cách nào thoát khỏi sinh tử luân hồi không?*

Thế rồi, Ngài lại gặp một đạo sĩ với bước đi oai nghi, chững chạc; tướng mạo đoan trang, an nhiên, tự tại; Ngài xin tham vấn và được biết đạo sĩ đang tu đạo giải thoát. Từ đó, ý niệm xuất gia tìm đạo, được Ngài nuôi dưỡng ngày càng lớn mạnh. Ngày đêm miệt mài cần khổ để tôi luyện kinh sử, văn võ song toàn. Một hôm, Ngài xin phép Phụ hoàng cho Ngài xuất gia; nếu không xin Phụ hoàng ban cho Ngài ba việc:

- *Trẻ mãi không già,*

- *Khỏe mãi không bệnh,*
- *Sống mãi không chết.*

Nhưng vua cha không thể thỏa mãn được.

### ***XUẤT GIA:***

Sau khi quán chiếu tường tận, muốn thoát khỏi sinh tử luân hồi đầy phiền não khổ đau, con đường duy nhất là phải xuất gia tìm đạo giải thoát để làm *pháp vương và y vương*. Vào giữa khuya ngày 8 tháng 2 âm lịch, năm Ngài 19 tuổi. Ngài cất ái, ly gia, xa rời vợ đẹp con ngoan, cung vàng điện ngọc, từ chối ngôi vị quốc vương, nhân vương.... quyết tâm tìm chân lý, tìm đáp án cho ba nan đề mà Ngài hằng ưu tư.

### ***TU ĐẠO:***

Để được thành tựu viên mãn, Ngài đã nuôi chí lớn, phấn đấu mãnh liệt, bất khuất trước mọi gian lao thử thách.

- Trước tiên, Ngài tu học *Tứ thiên* với thầy Alara Kàlànà gồm:

- o Ly, sanh hỷ lạc,
- o Định, sanh hỷ lạc,
- o Ly hỷ, diệu lạc,
- o Xả niệm, thanh tịnh.

Chẳng bao lâu Ngài chứng được tứ thiên, nhưng chưa đáp ứng đúng điều Ngài mong muốn, nên Ngài xin từ giả Thầy, ra đi.

- Tiếp đến Ngài tu học *Tứ không* với thầy Uddrara-Ramaputta:

- Không, vô biên xứ,
- Thức, vô biên xứ,
- Vô sở hữu xứ,
- Phi tướng, phi phi tướng xứ.

Ngài cũng chứng được "*Phi tướng phi phi tướng xứ định*"; Nhưng cũng chưa giải tỏa được ba nan đề mà Ngài hằng ấp ủ. Mặc dù cả hai thầy đều yêu cầu Ngài ở lại để cùng nhau lãnh đạo Tăng đoàn; nhưng Ngài đành phải từ giả ra đi. Thời gian tu học với thầy (hữu sư) mất năm năm.

Sau đó, Ngài tu khổ hạnh sáu năm trong rừng sâu núi thẳm hết sức kiên trì, chuyên chú, siêng năng đến độ thân thể kiệt quệ, ngất xỉu vẫn chưa đạt được thành tựu nào. Ngài nghĩ: "*Dây đàn căng quá sẽ đứt, mà chùng quá sẽ không có âm thanh*". Hai cực đoan:

- *khổ hạnh, ép xác, và - buông lung hưởng thụ dục lạc, đều không đem lại kết quả gì.*

**Cuối cùng** Ngài chọn ***con đường trung đạo***, giữa hai cực đoan; sống trung hòa trở lại, ngày đi khát thực ăn một bữa và ***tọa thiền hướng vào nội tâm của chính mình để tìm***

*đạo giải thoát*. Ngài chỉ vào gốc cây bồ đề và phát nguyện rằng: “*Ta tọa thiền nơi đây mà không thành đạo, dù thịt nát xương tan, ta quyết không rời chỗ này*”. Phát nguyện là tự hứa với chính mình chứ không phải van xin, thề thốt với bất cứ thần linh, thượng đế vô hình, hay thầy tổ nào.

### **THÀNH ĐẠO:**

Ngài quyết tâm, kiên cường thiên định, vượt thắng *nội ma*, tức là những suy nghĩ lãng xãng, vọng động, điên đảo trong tâm, và *ngoại chướng* tức là những mê hoặc, lôi cuốn, cám dỗ... của ngũ dục, lục trần, bên ngoài. Đến đêm thứ 49, trí tuệ Ngài bùng sáng, thoát ngộ và lần lượt chứng quả:

\* *Túc mệnh minh*: Đầu canh 2, Ngài bừng nhớ rõ lại vô số kiếp về trước, Ngài đã sinh ở đâu, cha mẹ là ai, làm nghề gì,... Ngài đã ghi lại trong Kinh Bốn Sinh; đồng thời cũng thấy, biết rõ của mọi chúng sinh khác nữa, ghi lại trong Kinh Bốn Sự; như nhớ chuyện vừa mới xảy ra ngày hôm qua. Đã giải tỏa được nghi vấn thứ nhất: - *Trước khi có thân này, ta là ai?*

\* *Thiên nhãn minh*: Còn gọi là sinh tử trí. Vào canh ba, Ngài thấy rõ từng người sau khi chết phải theo nghiệp lực lành hay dữ; do thân khẩu ý đã tạo, dẫn đi thọ sanh trong lục đạo luân hồi: *Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, A-tu-la, Người, Trời*; như người đứng trên lầu cao nhìn thấy rõ kẻ đi qua,



người đi lại dưới đường phố. Giải quyết được nghi vấn thứ hai là “sau khi chết đi về đâu, còn hay mất”. Trong Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, Phật đã giải thích rõ điều này.

\* *Lậu tận minh*: Đến canh năm, Ngài thấy rõ, nêu người nào:

- Bỏ quên chơn tâm, tánh giác mà *hướng ngoại* đuổi theo vọng tâm, hình tướng tạo nghiệp sẽ bị nghiệp dẫn, là nguyên nhân dẫn đến sinh tử, luân hồi.

- Bỏ vọng tâm, *hướng nội trở về với chơn tâm* (Phật tánh) vốn đã có sẵn trong chính mình, thì dứt được nguyên nhân tạo nghiệp, được giải thoát sinh tử. Đã giải đáp được ưu tư thứ ba “*Có cách nào giải thoát sinh tử*”.

Đến đây, đã trút hết gánh nặng, hoàn thành viên mãn ý nguyện: “*Tự giác - Tự độ - Tự giải thoát*” với *Vô sư trí* do Ngài tự tu, tự chứng, nên Ngài tuyên bố: “***Ta hoàn toàn giác ngộ, giải thoát và thành Phật***”, vào đêm mùng 8 tháng 12 âm lịch, năm Ngài 31 tuổi.

Dù Phật đã thị hiện trên sáu thế kỷ trước công nguyên, lúc ấy chưa có phương tiện khoa học, phòng thí nghiệm, nhưng bằng trí tuệ vô sư giác ngộ, Ngài chỉ ngồi một chỗ, nhắm mắt mà thấy xuyên suốt, tột cùng mọi chân lý của vũ trụ, vạn hữu:

- Từ vật nhỏ nhất như vi trùng, đến lớn như địa cầu, các hành tinh...

- Từ gần trong thân thể, đến xa, tam thiên, đại thiên thế giới...

- Từ vật chất hữu hình đến tinh thần vô hình tướng.

- Nghe được âm thanh vang vọng của 10 phương Chư Phật đang thuyết pháp v.v..

Mãi đến thế kỷ 18 mới có các nhà khoa học phát minh ra dụng cụ như kính hiển vi, rọi thấy vi trùng trong nước; viễn vọng kính mới thấy được các vì tinh tú ở xa; máy siêu âm nghe được sự rung chuyển, chấn động của địa cầu,... Các nhà khoa học đã chứng minh và xác nhận, những điều Phật dạy là đúng chân lý. Phật pháp là khoa học, như:

- Khoáng vật, đàng: -Thành - Trụ - Hoại - Không.

- Thực vật, đàng: - Sanh - Trụ - Di - Diệt.

- Động vật đàng:- Sinh - Lão - Bệnh - Tử.

Khoa học gia Albert Einstein, xác quyết: “**Nếu có một tôn giáo nào đương đầu với các nhu cầu của khoa học hiện đại, thì đó là Phật giáo. Phật giáo không cần xét lại quan điểm của mình để cập nhật hóa với những khám phá mới của khoa học. Phật giáo không cần từ bỏ, hay phải sửa sai, xin lỗi, quan điểm của mình để xu hướng theo khoa học, vì Phật giáo bao hàm cả khoa học, cũng như vượt qua khoa học. Tôn giáo của tương lai sẽ là tôn giáo của toàn cầu, vượt lên trên mọi thần linh, giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy phải bao quát cả phương diện tự nhiên lẫn siêu**

*nhiên, đặt trên căn bản của ý thức, đạo lý phát xuất từ kinh nghiệm tổng thể gồm mọi lãnh vực trong cái nhất thể đầy đủ ý nghĩa. Phật giáo sẽ đáp ứng được các điều kiện đó.”*

Ông Gertrude Garatt, viết: “ *Không thể cho rằng Phật giáo bị suy yếu ngay hiện tại, vì Phật giáo bắt nguồn từ những nguyên tắc cố định chưa bao giờ bị sửa đổi”.*

## **B. SỰ NGHIỆP**

Sau khi thành đạo, trên đường hoằng hóa độ sinh; các tăng đoàn do các trưởng giáo khác tín ngưỡng khác, lần lượt xin quy y, xuất gia theo Ngài, gồm có:

- Tăng đoàn ông Da Xá = 50 vị,
- Tăng đoàn ông Ưu Lô Tần La Ca Diếp = 500 vị,
- Tăng đoàn ông Na Đề Ca Diếp = 250 vị,
- Tăng đoàn ông Gia Bà Ca Diếp = 250 vị,
- Tăng đoàn ông Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên = 200 vị.

Tổng cộng Ngài có tới 1.250 vị đệ tử góp phần hoằng truyền Chánh Pháp. Suốt 49 năm, Ngài đã thuyết giảng hơn 300 pháp hội chính. Ngoài ra, khi gặp bất cứ một điều gì do đệ tử tham vấn, hoặc Ngài thấy cần chỉ dạy để khai mở trí tuệ, đem lại lợi ích cho đệ tử, cho chúng sinh Ngài liền tùy duyên thuận pháp ứng khẩu thuyết giảng, không chuẩn bị sẵn bài giảng cho một đề mục cố định nào. Do đó, giáo lý của

Ngài rất phong phú, đa dạng, nhiều vô số kể, đã được kết tập lại hơn 8.400 quyển gồm: Kinh, Luật và Luận.

- **Kinh:** là lời Phật dạy về những chân lý có sẵn trong vạn pháp do Ngài phát hiện ra.

- **Luật:** là những giới cấm do Phật chế ra để chúng sinh tự giữ gìn, giúp ngăn ngừa, bảo vệ cho chúng sinh khỏi sai phạm, khỏi rơi vào hố sâu tội lỗi; không tạo ác nhân, khỏi nhận quả khổ.

- **Luận:** là lời của các Tổ bàn luận, giảng giải thêm về Kinh Phật, để cho rõ nghĩa, dễ hiểu hơn.

Kinh Phật được chia ra thành ba hệ thống và năm thời kỳ.

#### \* **BA HỆ THỐNG:**

**I. A HÀM:** gồm có 4 bộ Tứ Diệu Đế và -Thập nhị nhân duyên.

- **Tứ Diệu Đế** là pháp tu cho hàng Thanh Văn để chứng quả: Tu Đà Hoàn- Tư Đà Hàm- A Na Hàm- và A La Hán (Tiểu Thừa).

- **Thập Nhị Nhân Duyên** là pháp tu cho hàng Trung Thừa để chứng quả Duyên Giác (Bích Chi Phật)

Còn quả vị *Độc Giác Phật* là quả vị dành cho những vị chưa có cơ hội được nghe hành thì cũng chứng đạo được. Nhưng chỉ giải thoát cho mình chứ không thể hóa độ cho người khác. Đây là một trong những đặc thù của Đạo Phật,

tôn giáo khác không có. Chứng tỏ Phật không độc tài, độc tôn, độc quyền, độc đoán như những giáo chủ khác trong việc dạy đạo và hành đạo.

**2. BÁT NHÃ**: gồm có kinh - Kim Cang - Lăng Nghiêm - Viên Giác.

**3. PHÁP HOA - NIẾT BÀN**: dành cho hàng - Bồ Tát - Đại Thừa - Tối Thượng Thừa. Còn, ***DUY THỨC HỌC***, Phật dạy cho Bồ Tát Di Lặc. Đến 500 năm sau, khi Phật viên tịch, giáo lý này mới được hai Tổ Thế Thân và Vô Trước phổ biến.

\* **NĂM THỜI KỶ**:

1. Hoa Nghiêm: Tối sơ tam thất nhật (21 ngày),
2. A Hàm: Thập nhị niên (12 năm),
3. Phương Quảng: bát niên (tám năm),
4. Bát Nhã: thập nhị niên (12 năm),
5. Pháp Hoa - Niết Bàn: cộng bát niên (8 năm).

Phật dùng 12 thể loại để thuyết giảng kinh: -1) Trường hàng, -2) Trùng tụng, -3) Cô khởi, -4) Thí dụ, -5) Nhân duyên, -6) Tự thuyết, -7) Bổn sanh, -8) Bổn sự, -9) Vị Tăng Hữu, -10) Phương quảng, -11) Liễu nghĩa, -12) Ký biệt. Tùy theo đối tượng, căn cơ, trình độ mà Phật vận dụng từng phương tiện để giảng giải Chánh Pháp theo 4 cách: 1- Vị nhân tất đàn, 2- Đối trị tất đàn, 3- Thế giới tất đàn, 4- Đệ nhất nghĩa tất đàn.

\* Đức Phật là bậc **Bổn sư** dạy chúng sinh:

- Cách “*Phá mê khai ngộ*”
- Để “*Lìa khổ được vui*”
- Và “*Chuyển Phàm thành Thánh.*”

Và Ngài cũng là bậc **Đạo sư**:

. **Chỉ đường đi**: Từ vô minh đến giác ngộ; Từ Phàm phu đến Thánh nhân.

- Phải vô ngã, vị tha, **hướng nội** tìm Phật và luôn sống với Phật tánh sẵn có trong tâm mình, thì được giải thoát, thành Phật.

- Nếu vị kỷ, chấp ngã, **hướng ngoại** tìm cầu bên ngoài tạo nghiệp thì bị trầm luân sinh tử

. **Chỉ cách đi**: Phải: - bỏ ác, để dừng nghiệp. - làm lành, để chuyển nghiệp ác thành nghiệp thiện cho Thân, Khẩu - giữ tâm ý thanh tịnh. Và thực hành thêm pháp môn cốt lõi: Giới, Định, Tuệ, mới giải thoát.

. **Cung cấp phương tiện cho chúng sinh tu đi**: Có tới tám muôn bốn ngàn pháp môn phương tiện; nhưng tiêu biểu và tiện dụng nhất là: **Thiền, Tịnh và Mật**... rồi tùy theo nghiệp lực, căn cơ chủng tánh, có trí tuệ giác ngộ chân lý đến đâu, với công phu thực hành Chánh Pháp của từng người thì sẽ được vãng sanh vào **10 pháp giới**:

- **Lục phàm**: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, A-tu-la, Người, Trời. Lục phàm, vẫn còn

bị luân hồi; nên gọi là lục đạo luân hồi.

– **Tứ Thánh:** Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật.  
Bốn Thánh quả bất thối chuyển.

Đây là mười nấc thang tu học mà Phật đã đem thân tâm của Ngài thực hành trong vô lượng kiếp đến đạt Đạo, thành Phật, mới đem ra dạy lại cho chúng sinh noi theo.

Thật phước báu cho những ai gặp được *Phật, Phật pháp* - thừa hưởng được gia tài quý báu này, chỉ cần chuyên tâm thực hành là có kết quả ngay, không phải tốn tiền của, công sức, thời gian quá lâu xa, để tìm hiểu, tu tập, như Ngài nữa. Ví như ông Edison đã phải tốn biết bao công sức, thời gian nghiên cứu mới phát minh ra điện, ánh sáng; bây giờ ta chỉ cần mở khóa là có ánh sáng, khỏi cần phải suy nghĩ, tìm tòi nghiên cứu, như Ông nữa.

Muốn được giải thoát, thành Phật; Đạo Phật đòi hỏi hành giả *phải tư Học chân lý, và Thực Hành chân lý; mới đạt được mong muốn.*

## \* CHUYỂN PHÁP LUÂN:

**Pháp số này có hai ý nghĩa:**

I. Chỉ cho lúc Đức Phật nói pháp Tứ Diệu Đế lần đầu tiên tại vườn Lộc Uyển (vườn nai) sau khi Ngài thành đạo để độ cho năm vị sa môn nhóm ông Kiều Trần Như. Khi nói

pháp Tứ Đế này, Đức Phật đã nói đi nói lại ba lần với ba chủ ý khác nhau gọi là “*Tam Chuyển Pháp Luân*”:

1) **Thị chuyển**: Trước hết, với chủ ý khai thị cho thấy; Thế Tôn đã dạy:

- Đây là khổ.
- Đây là nguyên nhân của khổ.
- Đây là cảnh giới tịch diệt.
- Và đây là pháp môn tu tập để đạt cảnh giới tịch diệt.

2) **Khuyến chuyển**: Tiếp theo, với chủ ý khuyến khích tu tập, Đức Phật dạy:

- Đây là khổ, quý vị nên biết.
- Đây là nguyên nhân của khổ, quý vị nên đoạn trừ.
- Đây là cảnh giới tịch diệt nên chúng đạt.
- Đây là pháp môn tu tập để chúng đạt cảnh giới tịch diệt quý vị nên tu tập.

3) **Chứng chuyển**: Cuối cùng với chủ ý xác minh để gây tin tưởng, Đức Phật dạy tiếp:

- Đây là khổ, Như Lai đã thấy rõ.
- Đây là nguyên nhân của khổ, Như Lai đã đoạn trừ.



- Đây là cảnh giới tịch diệt, Như Lai đã chứng đạt.
- Đây là các pháp môn tu tập để chứng đạt cảnh giới tịch diệt, Như Lai đã tu tập.

Sau khi thọ nhận chánh pháp do công năng của Phật đã chứng đắc, trực tiếp trao truyền - *Cả năm vị sa môn lần lượt chứng Thánh quả. Ngay khi ấy, ba ngôi Tam Bảo được thành lập:*

- **Phật bảo**, là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.
- **Pháp bảo**, là Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo.
- **Tăng bảo**, là năm anh em ông Kiều Trần Như.

**II. Tông Tam Luận** (Trung Quốc) đã chia toàn bộ Giáo thuyết của Đức Phật trong suốt cuộc đời hoá độ chúng sanh 49 năm của Ngài ra làm ba phần, với ba chủ ý khác nhau, gọi là Tam Chuyển Pháp Luân:.

1. Căn bản luận: Trước tiên, ngay sau khi thành đạo ở cội cây bồ đề, trong đại định, Đức Phật đã trực tiếp nói giáo pháp căn bản nhất thừa cho hàng Đại Bồ Tát, trình bày cảnh giới giác ngộ Ngài vừa chứng đắc. Đó là nghĩa hàm chứa trong kinh Hoa Nghiêm gọi là Căn bản Pháp Luân.

2. Chi mac Pháp Luân: Những giáo pháp Nhất thừa ấy quá cao siêu, mâu nhiệm, con người độn căn, phước mỏng,

nghiệp dày không thể nào lãnh hội được. Cho nên, trong suốt thời gian dài 49 năm Đức Phật đã phải tùy theo cơ trí của đại chúng mà Ngài nói giáo pháp Tam Thừa (Thanh Văn - Duyên Giác - Bồ Tát). Tức là Ngài đã phương tiện đem giáo pháp Nhất Thừa chia chẻ ra thành ngọn ngành gọi là “Chi mạt Pháp Luân”

3. Nhiếp mạt quy bản pháp luân: - Nhờ dùng nhiều phương tiện mà Đức Phật đã đưa được vô số chúng sinh vào con đường giác ngộ chân lý, giải thoát sinh tử. Cuối cùng, khi thấy cơ trí của phần đông đại chúng đã thăng tiến, thuần thực, có thể thọ nhận giáo pháp vi diệu, Ngài đã dùng những năm còn lại của cuộc đời hoá độ, thu nhiếp hết giáo pháp phương tiện của Tam thừa mà quy kết về giáo pháp căn bản Nhất thừa. Đó là giáo nghĩa hàm chứa trong kinh Pháp Hoa-Niết Bàn gọi là Nhiếp mạt quy bản Pháp Luân.

Sau khi nghiên cứu kỹ Phật Pháp, Tiền sĩ Oldenburg người Đức, viết: ***“Đức Phật không giải thoát dùm cho con người; nhưng Ngài dạy cho con người tự mình giải thoát cho chính mình, như chính Ngài đã tự giải thoát lấy Ngài. Con người tự chấp nhận giáo lý của Ngài là chân lý, không phải giáo lý này đến từ nơi Ngài; nhưng vì lòng xác tín cá nhân thức tỉnh bởi những lời Ngài dạy trở dậy bởi ánh sáng trí tuệ của chính mình.”***

Để hoàn thành sự nghiệp độ sinh vĩ đại này, Ngài luôn sống an bản, thủ đạo, bằng cách:

- *Nhứt bát thiên gia phạn,*
- *Cô thân vạn lý du,*
- *Yếu vi sinh tử sự*
- *Giáo hóa độ Xuân Thu.*

Với lòng kính trọng và khâm phục trước nghĩa cử cao cả của Phật, ông Abdul Atahiya, một thi nhân Hồi Giáo viết: ***“Nếu bạn muốn thấy người cao quý nhất của loài người, bạn hãy nhìn vị Hoàng Đế trong y phục một người ăn xin; chính là Ngài đó, siêu phàm, thánh tính của Ngài thật vĩ đại giữa con người”.***

*Phật nhập Niết Bàn tháng 3 năm 544 trước Tây lịch, nhằm ngày 15 tháng 2 năm Tân Ty, tại vườn Tha la song thọ, năm Ngài 80 tuổi.*

## II. PHẬT PHÁP LÀ GÌ?.

\*\*\*

Phật pháp là những điều do đức Phật đã chứng kiến được, khám phá ra được, sau khi giác ngộ; Rồi đem chỗ giác ngộ ấy nói lại, kể lại, chỉ dạy lại... để mọi người cùng hiểu biết, để dứt sạch mê lầm và giác ngộ như Ngài. Chính từ chỗ chứng kiến của Ngài nói ra, không phải do Ngài suy tư, phỏng đoán, tưởng tượng, bịa đặt, từ ý nghĩ nói ra như nhiều

triết thuyết khác. Nên Phật tuyên bố: “Suốt 49 năm ta chưa hề nói một lời nào.” Vì thế, Phật pháp là những chân lý có sẵn, tùy vào căn cơ trình độ của từng người mà Phật mới vận dụng đủ mọi phương tiện để chỉ dạy, nên có sai biệt; gồm:

- *Chân lý phổ biến.*
- *Chân lý tương đối.*
- *Chân lý tuyệt đối.*

### **A. CHÂN LÝ PHỔ BIẾN:**

Chân lý phổ biến là những sự thật hiện hữu, tràn đầy trên vạn vật. Nếu chúng ta chịu khó quan sát một cách tinh tế sẽ thấy hiển nhiên không sai biệt:

**1. Nhân Quả:** Theo chiều dọc thời gian, Phật dạy lý nhân quả. *Tất cả những gì có hình tướng, có tác động đều được hình thành bằng lý nhân quả*; không vật nào có hình tướng, có tác động, mà thoát ngoài được. Tuy nhiên, từ nhân quả lại có: - Chánh nhân, -Trợ nhân, -Thuận nhân, - Nghịch nhân; nên trở thành phức tạp; hoặc vì nhân quả nhỏ nhiệm không thể thấy; nhân xa xôi không thể nhớ, mà biến thành khó hiểu.

\* Loại có hình tướng:

- *Thực vật*: không có một thứ cỏ cây nào mà chẳng từ nhân thành quả được; có thứ nhân là hạt, rễ, lá, ngọn... và còn tùy vào thuận nhân, nghịch nhân (có đủ nước, phân, cần,

giống... hoặc thiếu một trong những thứ đó) mà thành quả hay không thành quả. Cũng có trường hợp không nhân mà có quả, ví như ta dọn đất sạch sẽ; thế mà sau một cơn mưa cỏ lại mọc lên đầy, bởi vì hạt cỏ li ti hòa lẫn trong đất ta không thấy. Cũng từ một thửa đất, một loại cây mà quả cây này ngọt, quả cây kia lại chua, chỉ vì lấy hạt giống từ hai cây ngọt, chua khác nhau.

- *Động vật*: có loại từ noãn, thai, thấp, hóa mà sinh ra, tuy nhân khác, nhưng phải có nhân mới có quả.

\* Loại không hình tướng:

- *Tác động về Thân-Khẩu*: luật nhân quả cũng bao trùm luôn cả mọi hành động tạo tác của Thân, Khẩu. Nếu là tác động thiện sẽ có quả lành, nếu là tác động ác sẽ có quả dữ. Quả lành, dữ phải có, hoặc ngay trong hiện tại, hoặc trong tương lai. Thí dụ: Giúp người đói ăn, liền được họ cảm ơn, lòng thấy vui. Làm người khác tổn thương, họ liền phản kháng, ta thấy khó chịu, bất an. Cũng có trường hợp tưởng chừng như ngoại lệ, ta gieo nhân thiện, ác mà chưa nhận được quả ngay hiện tại, vì nhân chưa chín mùi mà bản thân ta đã hoại, nhân ấy sẽ còn tiếp tục theo thời gian đến đời sau chứ không mất... Vì tới đời sau mới nhận quả, nên ta không biết nhân đời trước đã gieo, mà tưởng rằng mình không có gieo nhân, sao lại gặt quả.

- *Tác động về Ý*: Tuy thâm lặng chưa phát lộ ra, song rất nguy hiểm, vì *Thân, Khẩu* đều do *Ý chủ động sai khiến*. Ý khởi nhân thiện/ác thì thân, khẩu theo nó tạo nên nhân thiện/ác. Cho nên đối với *tác động của Ý phải dè dặt tối đa*. Tuy nhiên nhân quả không phải đơn giản như nhiều người hiểu “nhân nào quả nấy” vẫn có trường hợp dường như trái ngược, bởi vì nhân quả là một dòng biến động theo thời gian:- quá khứ - hiện tại - vị lai thì nhân quả không thể chặn một đoạn mà đoán định được, mà phải căn cứ vào ba thời mà khảo sát “*Nhân Quả Ba Đời*”. *Nắm chắc lý nhân quả, chúng ta có sức tự tin mãnh liệt, không còn lệ thuộc vào sức thiêng liêng bên ngoài. Chúng ta tự nhận là chủ nhân ông toàn một đời của mình.*

Nhân quả là dòng biến động sinh diệt nối tiếp, nên nó là hiện thân của *vô thường*; vì vô thường nên mãi lăn lộn trong vòng sinh diệt, cũng là thành quả của *luân hồi*. Chủ thuyết nhân quả không phải cố định, cứng nhắc, mà: - Linh động, - Thăng giảm tùy theo sự đủ thiếu của các nhân của nó. Hành giả nhận chắc lý nhân quả là có căn bản vững chắc để tiến tu, đồng thời cũng gạt phắt những thuyết mê tín, vu vơ, may rủi... vì biết rõ mọi tác động xấu, đẹp, của ta sẽ tự cải tạo, xây dựng một cuộc đời khổ, vui trong hiện tại và tương lai, chứ không mê tín dị đoan, nhảm nhí. Chúng ta can đảm nhận chịu trách nhiệm hay, dở do mình tạo ra. Cũng phá

tan bệnh chấp định mệnh nhất nhơn, vô nhơn, vì biết rõ vạn vật trên thế gian không có cái gì cố định duy nhất, ngẫu nhiên mà đều do *nhân quả* hình thành.

## 2. Duyên Sinh:

Theo chiều ngang không gian, Phật dạy lý Duyên sanh: “*Các Pháp từ duyên sinh- Lại từ duyên mà diệt, - Bạc giác ngộ tuyệt vời, - Đã từng như vậy thuyết*”. Vạn vật do các duyên chung hợp lại mà thành. Duyên là chỉ cho nhiều phần tử chung hợp lại để hình thành một vật thể; chứ vật thể không đơn thuần tự nó có, cũng không do Thần linh, Thượng đế nào tạo ra được, biểu hiện qua hai loại: - Có hình tướng, và - chỉ có tác động.

\* Loại *Có Hình Tướng*: như cái bàn...

- Trước: nó không tự có (không có)

- Hiện tại: nó có là do đủ duyên hợp lại như: gỗ, đinh, thợ... chứ chỉ có gỗ hoặc đinh, hoặc ông thợ mộc thôi, thì cái bàn không thể hình thành được...Nếu nói cái bàn chỉ do nhứt nhơn ( một yếu tố) chỉ có ông thợ mộc thôi, là *thiếu kiến*.

- Sau: qua thời gian, cái bàn hư hoại là do duyên tan, cái bàn trở thành không có.

Vật thể cái bàn - **Có**, là do duyên hợp mới có (có giả tướng), - **Không**, vì do duyên tan nên không. Vì do duyên

hợp, duyên tan nên thực thể cái bàn vốn không có thực (*không có tự tánh, tức là Tánh không*).

\* Loại chỉ *Có Tác Động*, cũng do duyên hợp mới có. Ví như:

- Điện do điện âm, điện dương phối hợp (duyên hợp) mới phát ra ánh sáng (không hình tướng).

- Gió do khí nặng, khí nhẹ mới có chuyển động để ta biết là có gió. Chỉ khi tác động đẩy khởi (ánh sáng, gió chuyển) ta mới biết có điện, có gió.

Nói đến duyên sanh là nằm vào hợp thể choáng một khoảng không gian. Đã là hợp thể thì không có: - Tự thể, - Vật thể, mà Tự thể đã không thì tên gọi cũng chỉ là “*đanh ngôn giả lập*”(giả danh) để tạm thời phân biệt vật thể này với vật thể kia thôi, nên tên gọi cũng rỗng luôn. Ví dụ như cái bàn, khi hợp thể (duyên hợp) thì tạm đặt tên là cái bàn, lúc nó thành hình; chứ vốn trước khi hình thành (duyên hợp) nó không có. Nên nói “*các pháp duyên sinh tự thể là không*”. - Trước, **không**; - sau, **không**; - giữa, cũng **không thực có** (có mà chỉ tạm có, giả có), vì duyên hợp nên không thật có. Vậy, ***vật thể có mặt chỉ là huyền hóa***.

Thông suốt được lý duyên sanh, ta thoát khỏi được hai chứng bệnh: - *Thiền kiến*: là chấp vật thể do thuần một duyên mà thành (cái bàn chỉ do một mình ông thợ mộc...), - *Mê*



*lâm*: vạn vật do hợp thể mới có nên hư giả không thật, lại mê lâm chấp là thật. Từ đó sinh tâm:

- Ưa thì *tham*.
- Ghét thì *sân*.

Đưa đến tạo nghiệp, rồi bị nghiệp lực dẫn đi trong lục đạo luân hồi sinh tử. Biết rõ ***duyên sanh ra hợp thể; nên hư giả***, là dứt được mê lâm, chuyển thành trí tuệ là được giác ngộ, giải thoát.

**Chân lý phổ biến**: - *Nhân quả, theo chiều dọc thời gian*;  
- *Duyên sanh, theo chiều ngang, không gian*; là hai chân lý tràn đầy trên vạn vật có hình tướng và mọi tác động của chúng sinh. Sự thật này quá khứ, hiện tại, vị lai đều không thay đổi. ***Nó xuyên suốt hai chiều của vũ trụ nên gọi là chân lý phổ biến.***

## ***B. CHÂN LÝ TƯƠNG ĐỐI:***

Chân lý tương đối là những sự thật nằm trong: - *Đối đãi*;  
- *Đối trị*; như: - Sáng đối với tối, - Đúng đối với sai, - Sinh đối với diệt... Còn sinh hoạt trong tương đối thì còn có thiện, có ác; có chánh phải có tà... không ai có thể bài bác, chối cãi được. Chỗ khôn ngoan của chúng ta là phải khéo lợi dụng cái này *đối trị* cái kia để tiến lên đúng nguyện vọng của mình, như lương y biết bệnh, biết thuốc, dùng đúng thuốc để chữa hết bệnh. Phật pháp là phương thuốc chữa lành bệnh cho

chúng sinh. Ví dụ: Nóng đối lạnh; gặp lạnh ta mặc áo ấm, trùm mền, đốt lò sưởi; gặp nóng thì mở quạt, đi tắm..., khổ đối vui, khổ là do: - Đói, rét thì nỗ lực cho có ăn, đủ mặc. Vui no ấm trị đói rét, - Bệnh tật thì dùng thuốc điều trị; vui khỏe mạnh trị bệnh tật, - Vô minh phiền não thì dùng chánh pháp để trị; vui chánh pháp trị vô minh phiền não. Vô minh là si mê, phiền não là tham, sân. Trị vô minh thì dùng phép **Quán**.

\* Quán giới phân biệt là chia ra từng phần, từng giới hạn như quán:

- + Thân không thật, bất tịnh;
- + Tâm vô thường, vọng tưởng, điên đảo;
- + Cảnh vô ngã.

\* Quán Tham: tự hỏi tham thứ gì trong năm thứ: Tài, Sắc, Danh, Thực, Thù.

- *Tham tiền tài* thì dùng *bồ thí* để đối trị. Tham thì gom vào cất giữ, bồ thí thì ban ra, cho ra, cứu giúp, chia sẻ. Chính của mình còn cho ra thì của người mà gom vô là vô lý. Phật dạy, tài thuộc ngũ gia, là thuộc về năm thứ: -lửa cháy, -nước trôi, - nhà nước sung công, -giặc cướp lấy hết, -con hư phá tán, mình giữ hoài đâu được!

- *Tham sắc đẹp, ăn uống(thực)*. Về sắc đẹp, dùng quán *bất tịnh* để điều trị. Quán thân thể từ đầu đến chân đều chứa toàn những thứ nhơ nhớp giống như cái bô đầy kín, nếu hở

chỗ nào thì mùi hôi thối bốc ra chỗ đó. Nếu như thân thật sạch thì cần gì phải sửa sang, tô điểm son phấn, dầu thơm để đánh lừa, dối gạt chính mình và người khác. Về ăn uống, thức ăn còn ở ngoài dù ngon cách mấy, vừa nuốt qua khỏi cổ liền biến thành bất tịnh, dơ bẩn như ăn vào bị bội thực, ói ra thì hôi tanh cỡ nào! Quán như thế sẽ đối trị được bệnh tham sắc, tham ăn uống.

- *Tham danh và ngủ nghỉ (thùy)* dùng quán vô thường: mọi sự vật trên đời đều bị luật vô thường chi phối nên lúc còn lúc mất, không bền bỉ lâu dài. Danh vọng chưa được thì khổ phải lo cho được. Được rồi thì khổ phải lo bảo vệ, giữ gìn; nhưng rồi cũng phải mất, như hết nhiệm kỳ phải xuống, nhường lại cho người khác, lại khổ nữa. Danh vọng chỉ như sương đầu ngọn cỏ, như điện chớp... Đời người mong manh (sanh, lão, bệnh, tử) sớm còn tối mất, nên lúc còn khỏe mạnh ta nên quý tiếc thời gian, nỗ lực làm lợi ích cho mình, cho người đừng để một đời trôi qua vô ích, nên không giết chết thời gian trong việc ngủ nghỉ.

\* *Sân dùng quán Từ bi- Nhẫn nhục-Hỷ xả để trị* (sân là nóng giận, hận là hờn phiền). Khi sân hận nổi lên thì muốn chửi bới đánh đập cho đã nư, khiến người khác phải khổ đau; vì khi: - giận thì không thương (không từ bi); mà thương (từ bi) thì không giận (sân). Do đó dùng *từ bi* chan rải cho mọi người, xem sự khổ vui của người như của mình, thì không

còn làm hại, làm khó cho ai. Tay trái lỡ đập tay phải đau điếng; tay phải cam nhẫn nhục, nhận chịu không đập lại vì biết rằng tay trái cũng trên cùng bản thân mình. Quán từ bi thành công thì mới trừ diệt cơn sân; chứ đè nén nó chỉ là tạm thời; gốc sân vẫn còn, khi có cơ hội phát khởi sẽ mạnh hơn, ví như lấy đá đè cỏ thôi. Hỷ xả là buông bỏ hết, khiến lòng nhẹ nhàng, thư thái. Nên nhớ, ôm lòng hờn giận (hận) là gốc: - Bệnh hoạn, - Khổ đau. Buông bỏ hết thì lòng yên ổn, thanh thản, nhẹ nhàng, từ đó bệnh hoạn, khổ đau tiêu tan.

\* Khổ: - Từ ngoại cảnh, - Nơi bản thân, - Trong nội tâm; chúng ta khéo lấy: - Vui no ấm, - Vui khỏe mạnh, - Vui sáng suốt, - Vui hết tham lam, - Vui không nóng giận để trị lành các bệnh khổ trên.

- Khổ về vật chất và thể xác do nhân duyên thiếu thốn.
- Khổ về tinh thần do nhân duyên si tham sân chủ động. Si là không biết đúng lẽ thật nên sinh tham lam; không được vừa ý nên nổi sân. Tham sân si (**Tập Đé**) là chánh nhân tạo nên quả khổ (**Khổ Đé**). Dùng Phật pháp (**Đạo Đé**) để trị khổ để sẽ được trạng thái Niết bàn (**Diệt Đé**). Đây là bốn lẽ thật (**Tứ Đé**) nằm trong pháp đối đãi và đối trị:

- o **ĐỘNG ĐỐI TỊNH:**
  - Động là xao xuyến, rối loạn do tâm thức chạy theo sự được mất tiền của, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ...
  - Tĩnh là yên ổn, lặng lẽ.

Muôn đừng sự chạy theo ngũ dục, Phật pháp dạy chúng ta phải: - **giữ dục** (ly ái dục) và - **Thiền quán**. Ngoài có hàng rào giới luật: 5 giới, 10 giới nhằm chặn đứng sự chạy theo ngoại cảnh của tâm thức. **Trong** có sợi dây Thiền quán - số tức, - từ bi, - bất tịnh, - nhân duyên, ... cột cột con khi tâm ngồi yên. *Đây là lấy tịnh trị động.*

○ **SANH DIỆT, ĐỐI VÔ SANH - SANH TỬ, ĐỐI NIẾT BÀN.**

**Sanh diệt** là chỉ chung cho muôn loài. **Sanh tử** là chỉ riêng cho loài động vật, chính là phật tử. Muôn loài hằng chịu sanh diệt mà không biết lẽ vô sinh để đối trị, nên Phật dạy: Lấy vô sinh trị sinh tử. Vô sinh là nghĩa chính của niết bàn. Dòng tâm thức biến động là nguồn gốc của sinh tử. Tâm thức động là do luyến ái: - Thân là ngã, - Cảnh là ngã sở; nhưng: Thân vô ngã, Cảnh vô thường. Khi biết rõ thân vô ngã, cảnh vô thường thì còn gì mà luyến ái nữa; nên tâm thức sẽ dừng lặng (Tịnh). Nhân duyên sinh tử sẽ đứt bật, tức là vô sinh. Gió ái dừng thì biển tâm thức lặng. Trong 12 nhân duyên, **Ái** là động cơ thúc đẩy mới có **Thủ - Hữu** đưa đến **Sanh - Lão - Tử** tiếp nối. Bức tường chắn gió Ái không gì bằng Quán: - *Thân, Tâm vô ngã*; - *Pháp, vô thường*; - Quán niệm chán sanh tử, cầu Niết bàn là cửa hàng Nhị thừa vì còn thấy sự đối đãi là chân thật. Còn hàng Bồ Tát thì thấy sự đối

đãi chi là phương tiện tạm thời để đối trị nhau, chứ không mắc kẹt trong quan niệm ưa, chán.

Chân lý tương đối bàng bạc khắp cả thế gian, bất luận: - Nhân loại, - Vật chất, - Ngôn ngữ, - Tư tưởng...xuất phát ra đều nằm gọn trong phạm vi của nó. Chúng ta khôn khéo ứng dụng tài tình những phản đề, để tiêu diệt chúng theo đúng đường lối vươn lên của chúng ta. Quan trọng là phải biết ***dùng đúng pháp*** đối trị mới thành công.

### **C. CHÂN LÝ TUYỆT ĐỐI:**

Chân lý tuyệt đối là một thực thể:

- Không lệ thuộc vào nhân quả, nên không bị sinh diệt, vô thường.

- Không lệ thuộc vào duyên sinh, nên không phải là hợp tướng giả dối.

- Không còn đối đãi, nên không trị liệu, so sánh, bàn luận, suy nghĩ đến được.

- Không lệ thuộc vào thời gian. Không bị không gian chi phối, vượt ngoài đối tượng của vũ trụ.

Đây chính là mạch sống, là sinh mạng của chúng sinh, hằng hữu, trường tồn, vĩnh cửu, chẳng sinh diệt (vô sinh). Mà chúng sinh không nhận ra nó, bỏ quên thực thể này; Lại nhận lầm cái sinh diệt tạm bợ làm mình, quả là vô minh, luân hồi, thật đáng thương!

Nhận ra được “**nó**” là có trí tuệ, giác ngộ, giải thoát. Thực thể này rất hệ trọng nên chúng ta phải biết: - *Chúng tên gì? - Làm sao nhận ra? - Nhận ra nó có ích lợi gì?*

Thực thể này nguyên không có tên; chỉ tùy theo công dụng, gắng gượng đặt rất nhiều tên:

- Kinh Kim Cang, gọi là “*Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật*” tức là trí tuệ cứu cánh.

- Kinh Viên Giác, gọi là, “*Viên Giác Tánh*”, tức là trí tuệ tròn đầy.

Đối với các chân lý; ta nhận biết được phần nào thì gọi là **phần giác**. Khi nhận biết được *chân lý tuyệt đối* này mới gọi là **toàn giác**, hay giác ngộ viên mãn.

- Kinh Pháp Hoa, gọi là “*Tri Kiến Phật*”, hay “*Phật Thừa*”.

- Kinh Hoa Nghiêm gọi là “*Trí Tuệ Phật*”.

- Kinh Lăng Nghiêm gọi là “*Chơn Tâm*” hay “*Như Lai Tạng*”.

- Kinh Duy Ma Cật gọi là “*Pháp Môn Bất Nhị*” vì nó vượt ngoài đối đãi hai bên.

- Thiền Tông gọi là “*Chơn tánh*”.

Lại còn có những tên khác như: - *Chơn Như*, - *Phật Tánh*, - *Pháp Thân*, - *Đạo*, - *Bản Lai Diện Mục*... Vấn đề thiết yếu là **phải nhận ra được Nó**. Khi còn nói năng, trình bày, giải thích đều thuộc về chân lý tương đối.

Vậy làm sao diễn đạt cho người chưa hiểu nhận được *thực thể* này? Đây là vấn đề rất khó, tuy nhiên có thể từng bước:

- Trước tiên, đặt ra những nguyên tắc.
- Kế tiếp, dẫn chứng lời Phật dạy trong kinh.
- Sau cùng, nhắc lại những phương tiện của Thiền Sư.

a). **ĐẶT RA NHỮNG NGUYÊN TẮC:**

Phàm cái gì có hình tướng đều do duyên hợp. Duyên hợp thì **Có**, mà *chỉ giả có, là sanh*. Duyên tan thì **Không**, là *diệt*, nên **Hư giả**. Kinh dạy “**Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng**”- Phàm cái gì có tác động, có hình tướng là sinh diệt; - Phàm cái gì có đối đãi là không thật. Ngược lại cái gì: - **Không hình tướng, - Không tác động, - Không đối đãi là chơn thật, thường còn, vô sinh**. Cái gì không có hình tướng thì không có giới hạn chỗ nơi, trong ngoài, vừa đặt câu hỏi tìm chỗ nơi là sai. Không tác động thì không sinh diệt, không bị vô thường theo thời gian, đặt vấn đề thời gian là sai. Không đối đãi thì không còn so sánh, phân biệt, đặt vấn đề so sánh, phân biệt với nó là sai. Thực thể này tràn đầy hiện hữu nơi chúng ta, đầy công tìm kiếm là sai. *Nó là thực thể của Tri Giác, không phải là đối tượng của tri giác*. Nếu khởi niệm cầu biết Nó là sai, vì Nó: - Không có hình tướng; - Không có tác động; - Không đối đãi mà có mặt khắp *ba nơi ấy*. Nếu ly khai ba nơi ấy mà tìm nó là sai. Nên chỉ nhận ra



Nó là tự ta *Trực nhận, Thâm nhận, Cảm nhận*, thôi. Lời Phật dạy, Tổ chỉ phương tiện đều là lối: đập cỏ, rấn sợ; vồ nước cá đầu đầu mà thôi. Muốn nhận ra Nó phải khéo nhìn theo tinh thần: - Ngón tay chỉ mặt trăng; - sợi chỉ đưa điều lên không, - Thuyền đưa người sang sông. Ngón tay, sợi chỉ, con thuyền, không phải là mặt trăng, con điều, bờ bên kia. Hoặc là nhơn soi gương thấy bóng, rồi biết mặt thật của mình; đừng chấp bóng trong gương là thật, đến khi xoay gương bóng mất, lại la hoảng là mất mình.

*b). DẪN CHÚNG LỜI PHẬT DẠY:*

Thực thể này biểu lộ thường xuyên nơi sáu căn, mà không lệ thuộc hoàn toàn vào sáu căn ấy. Dễ nhận, dễ thấy nhất là ở **Mắt và Tai**.

\* **Ở Mắt**, Kinh Lăng Nghiêm: - Phật đưa tay lên, nắm lại, xòe ra rồi hỏi Ngài Anan: Ông thấy cái gì? Ngài Anan thưa: Con thấy bàn tay của Như Lai nắm lại rồi xòe ra. Phật lại hỏi: Ông thấy tay ta nắm, xòe là tay ta có nắm có xòe hay là cái thấy của ông có nắm, có xòe? Anan thưa: Tay của Như Lai tự nắm, xòe. Tánh thấy của con không có nắm, xòe. Phật hỏi tiếp: Tay ta và tánh thấy của ông cái nào động; cái nào tịnh? Anan thưa: Tay Phật động. Tánh thấy của con còn không có tịnh huống nữa là động. Phật khen, đúng thế. Lại nữa, Phật dùng tay phóng luồng hào quang soi bên phải, rồi

soi bên trái Ngài Anan, Ngài liền xoay đầu qua phải, rồi qua trái nhìn theo hào quang. Phật hỏi, hôm nay tại sao đầu ông dao động? Anan thưa con thấy hào quang của Như Lai phóng ra bên phải rồi bên trái của con, con nhìn theo, nên đầu con tự dao động. Phật lại hỏi, như thế đầu ông nhìn theo hào quang bên phải, bên trái, thế là đầu ông động hay tánh thấy động? Anan thưa, đầu con động; chứ tánh thấy còn chẳng dừng hướng chi là động. Phật khen, đúng thế.

Qua đoạn kinh trên, Phật dạy cho ông Anan và chúng sinh biết: Ngoại cảnh là trần, là khách: - Luôn biến động, sinh diệt như bàn tay lúc nắm, lúc xòe, - Luôn dao động, vô thường như đầu lúc xoay qua, lúc xoay lại. Chỉ có **Tánh Biết** (thấy...) là chủ, xem cái cảnh (khách) biến động, vô thường, hư giả; mà *tánh biết thấy* tựa nơi mắt của ông Anan *không bị* biến động, vô thường, hư giả. Nếu ta lầm nhận, lầm theo cảnh ấy là thật (thân của mình, cảnh của mình, tâm vọng của mình); lại *quên* đi *tánh biết* rõ ràng chưa từng dao động, sinh diệt luôn hằng hữu thì bị luân hồi! **Phật dạy:** *Ngay trong thân này có cái diệt và cái không sinh diệt.* - *Cái sinh diệt: Thân* là dòng biến động, thay đổi từng phút giây, tức là vô thường, hoại diệt. - *Cái vô sinh: Tánh Biết* xưa nay chưa từng thay đổi, thì làm gì có hoại diệt. Nói Tánh thấy là chỉ cho cái thấy biết thường xuyên nơi mắt chúng ta khi chưa hợp tác với **Ý thức** (niệm thứ hai) để phân biệt tốt xấu, so

sánh hơn thua... cho đến dù mắt mở hay nhắm, sáng hay mù; Tánh thấy vẫn luôn hiển lộ không hề bị mất, bị hoại theo mắt mù. Đây chính là đặc tính chẳng sinh diệt của **Tánh biết** (thấy).

\* **Ở Tai:** Phật bảo ông La Hầu La đánh tiếng chuông, rồi hỏi ông Anan có nghe không? Ông Anan thưa, có nghe. Tiếng chuông dứt bật, Phật hỏi có nghe không? Ông Anan thưa, không nghe. Phật lại bảo ông La Hầu La đánh tiếng chuông khác và hỏi ông Anan có nghe không? Ông Anan thưa, có nghe. Phật hỏi ông Anan -Tại sao có nghe? - Tại sao không nghe? Ông Anan thưa: -Khi đánh chuông, con *nghe có âm thanh*, khi âm thanh dứt dứt thì con không nghe. Phật lại bảo ông La Hầu La đánh tiếng chuông, rồi hỏi hiện giờ có tiếng chãng? Ông Anan thưa, có tiếng. Đợi giây lầy tiếng bật, Phật hỏi, hiện giờ có tiếng chãng? Ông Anan thưa, không có tiếng. Phật lại bảo ông La Hầu La đánh tiếng chuông rồi hỏi hiện giờ có tiếng chãng? Ông Anan thưa có tiếng. Phật hỏi: -Thế nào là *có tiếng*? Thế nào là *không có tiếng*? Anan thưa, nếu đánh chuông thì có tiếng, -Âm thanh dứt dứt thì gọi là không có tiếng. Phật quở, hôm nay sao ông lại tự nói rối loạn? Anan thưa, thế nào là con nói rối loạn? Phật bảo: -Tôi hỏi ông nghe thì ông đáp nghe, -Tôi hỏi ông tiếng thì ông đáp tiếng. Chính **nghe** với **tiếng** mà đáp là

không nhất định, như thế mà chẳng rối loạn là gì? Này Anan, tiếng bật không còn âm vang, ông nói không nghe, nếu thật không nghe thì tánh nghe đã điếc (không nghe được) giống như cây khô; lại đánh tiếng chuông nữa thì làm sao mà biết: có biết, có không? Chính là *thinh trần*: - có, - không; đâu phải *tánh nghe* kia là có, không. Nếu tính nghe kia thật không, thì ai biết nó không (nghe). Thế nên, này Anan, **tiếng** ở trong **Tánh nghe** tự nó sanh diệt chẳng phải tánh nghe của ông do: - có tiếng, - hay không có tiếng mà nó thành có hay không. Ông còn nhầm lẫn *tiếng làm tánh nghe* thì chẳng mê lầm cho cái *Thường* (Tánh nghe), làm *Đoạn* (tiếng). Trọn không nói lìa các thứ: -Động/tĩnh, -Thông/bít mà bảo không có tánh nghe. Kinh Lăng Nghiêm dạy: Chúng sinh mê lầm nhận *có tiếng làm tánh nghe* của mình: - Có tiếng, có cái nghe, - không tiếng, không có cái nghe.

Nhớ rằng: **Nghe, thấy,...là cái giác tri của mình, thường hằng bất sinh, bất diệt**; Còn *âm thanh, hình tướng là trần cảnh bên ngoài, vô thường, sinh diệt*. Nhầm lẫn trần cảnh làm mình, chính là mất mình (mất ông chủ), theo khách và trôi lăn theo cái sinh diệt mãi mãi. Nên chư Phật đánh thức chúng sinh: “*Giác ngộ thể tánh chơn thường của chính mình*”, tức là chư Phật muốn khai thị cho chúng sinh “***Ngộ nhập tri kiến Phật***”, biết thấy ông **Phật, là tánh giác biết** sẵn có trong tâm chúng ta.

Chúng ta: **Kiến** (thấy) - Nhon thấy sắc tướng mà nói có thấy sắc tướng, - không có sắc tướng (mắt) thì nói là không thấy sắc tướng.

**Tri** (biết): - Nhon có trần cảnh, mà biết có trần cảnh, -Trần cảnh mắt, nói là không biết trần cảnh. Vậy Ai: -Thấy sắc tướng mắt?, - Biết trần cảnh không? Như thế chúng sinh quên mắt **tánh**: *thấy, biết...* thường hằng nơi chúng ta, nên không vô minh là gì?

Mỗi ngày, sáng ra chúng ta đặt bao nhiêu vấn đề để giải quyết trong ngày. Tối đến kiểm điểm lại, đã giải quyết được bao nhiêu, và đặt thêm những vấn đề mới cho ngày mai nữa. Cứ thế cho đến khi tắt thở! Mà những vấn đề là việc bên ngoài mà nhớ và thiết tha giải quyết. Còn chính ông chủ: - Đặt vấn đề, và - Giải quyết vấn đề lại quên mất. Song chính *ông chủ lại là người không có vấn đề gì cả.*

\* Quên Tánh Thấy, Biết chơn thường nơi chính mình (chủ), mãi chạy theo trần cảnh sinh diệt, vô thường bên ngoài (khách) là cái thấy biết của chúng sinh, là mê, là vô minh, luân hồi.

\* Nhon có cảnh (khách) nhận ra tánh biết chơn thường sẵn có nơi chính mình (ông chủ) là cái thấy biết Phật (tri kiến, ông Phật nơi mình) là giác ngộ, là Phật. Bản hoài của chư Phật là:

- “*Phá mê khai ngộ*” cho chúng sinh; - Để chúng sinh “*Lìa khổ được vui*”, rồi tự chúng sinh “*Chuyển Phàm thành Thánh*”.

Kinh Kim Cang Phật dạy ông Tu Bồ Đề: “***Bất ưng trụ sắc sinh tâm, - Bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, - Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm***” (Nếu tâm có chỗ trụ tức là chẳng trụ). Nếu tâm trụ nơi sáu trần tức là chạy theo, dính mắc vào pháp sinh diệt là tâm hư vọng của chúng sinh, vì còn thấy: -*Trong*: có tâm; - *ngoài*: có cảnh nằm trong đối đãi, giả dối. Dùng, không chạy theo, không dính mắc sáu trần là sống với chơn tâm tuyệt đối của mình, cũng là pháp môn “*Bất Nhị*” của Kinh Duy Ma Cát.

- Bồ tát Tạng nói: Sinh, diệt là hai; Pháp vốn không sinh cũng không diệt thì được *vô sinh pháp nhẫn* là pháp *không hai*.

- Ông Duy Ma Cát ngồi im, tức là không ngữ ngôn, vẫn tự mới là pháp môn “*không hai*”. Thế thường, hoặc nói Hai, hoặc nói Một; tại sao Kinh lại nói “*không Hai*” mà chẳng nói Một? Bởi lẽ: Một là đối đãi với Hai; - Hai là đối đãi với Một. Ở đây chỉ pháp thoát ngoài đối đãi, nên nói Không Hai. Nếu dùng ngôn ngữ cũng chỉ để dẹp ngôn ngữ thôi; vì đến chỗ cứu cánh thì không còn ngôn ngữ để diễn bày. Vì vừa diễn bày là rơi vào đối đãi. *Nếu ngay đó mà nhận được mới là Đạt Đạo nên ông Duy Ma Cát mới im lặng.*

Nói, là diễn bày, dùng ngôn ngữ để dẹp ngôn ngữ. Mà, Không nói. Không nói mà nói; là im lặng, để thâm chỉ chân lý tuyệt đối bất hết ngôn ngữ.

c). *DẪN CHỨNG TRONG LĨNH VỰC THIÊN SU:*

Lục Tô Huệ Năng khi đến Đức Lãnh bị Huệ Minh đuổi theo kịp, Tô để y, bát trên tảng đá, vào rừng ẩn. Huệ Minh dỡ y bát lên không nổi, bèn gọi: - Hành giả, tôi đến đây vì Pháp, không phải vì y, bát. Tô bước ra bảo: Nếu ông vì Pháp thì hãy bình tâm nghe tôi nói; Tô bảo: **“Không nghĩ Thiện, không nghĩ Ác, cái gì là Bản Lai Diện Mục của thượng tọa Minh?”** Huệ Minh liền ngộ. Bản Lai Diện Mục vốn không nghĩ thiện, không nghĩ ác, là bộ mặt thật xưa nay của chúng ta; Còn có những tên khác như: Đạo, Chơn tâm, Phật tánh, Pháp thân..., chúng có sẵn, không đổi dời trong mỗi người chúng ta, nhưng chúng ta tự quên nó, mà lại bám vào thân tứ đại vô tri, giả hợp, tạm bợ, sinh diệt, không nhất định, nó có mà không thật có, không có gì bảo chứng là thật. **Thân:** - Nó có mà không thật có, vì luôn thay đổi (sinh, già, bệnh, chết); - Nó còn mà không thật còn vì hợp tan bất định. Vậy lấy gì bảo chứng nó là thật; - Chỉ là tạm bợ thôi. Cũng có người biết thân này giả dối. **Chính cái Tâm Biết:** Thiện/Ác đối đãi, phân biệt mới là thật Ta. Song Tâm phân biệt đối đãi, cũng là thay đổi, tạm bợ, vì vừa dấy nghĩ lành, dữ thì nó đã sanh

diệt mất rồi! Nếu buông hết mọi vấn đề đối đãi phân biệt, tìm lại nó thì tung tích vắng tanh... Thế là Ta đâu? Mất rồi sao? Nếu chấp Thân tạm bợ, vô thường, - Tâm giả dối vọng tưởng luôn sinh diệt làm Ta, nên muôn kiếp luân hồi là mê, là vô minh. *Nếu ngay nơi thân tạm bợ; Tâm giả dối chúng ta nhận ra Bản Lai Diện Mục, không còn nghĩ Thiện/Ác của chúng ta và hằng sống với nó (một thực thể không do duyên hợp nên không thay đổi, tạm bợ), thì ngay đây là Giác Ngộ: - Dòng sinh diệt dừng, - Giải thoát kiếp luân hồi.*

\* Khi Tâm: - Bình thường, - Tinh táo, - Không dây niệm thiện, ác, là **Tịnh** là Bản Lai Diện Mục hiện ra.

\* Khi tâm vừa khởi động niệm, phân biệt, chấp trước là **Động** là chạy theo sinh diệt bên ngoài, thì Bản Lai Diện Mục bị che khuất.

\* Thầy Huyền Bá và trò là Thị Giả cùng nhìn thấy đóm trắng trên nền thát. *Thấy* là chủ, *đóm trắng* là khách, bị thấy. Nhưng: - Thầy ngộ, vì thầy thấy đóm trắng (đối tượng, cái bị thấy) mà không khởi tâm phân biệt, chỉ *nuơng theo đóm trắng để trở về nhận ra ông chủ sẵn có*: - Chủ thể, - Bản thể tức là **Tánh Thấy** của chính mình. Nhờ đóm trắng là vật, là đối tượng, cái bị thấy để trở về nhận ra được cái thấy (mình). Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên (vô tâm là không khởi tâm phân biệt, chỉ thấy như thị, như thật thôi. Khi căn tiếp xúc trần, biết rất rõ mà không dính mắc, mới là trí tuệ, là **tịnh** ,



còn căn tiếp xúc trần mà mờ mịt không biết gì là **vô ký**, hoặc để cho ý thức xem vào phân biệt đủ thứ là **loạn động**.

\* Trò mê, vì Thị Giả thấy cái bị thấy (đốm trắng) rồi chạy theo (đối tượng) mà quên Tánh thấy của mình (chủ thể). Đối cảnh sanh tâm (sanh tâm là khởi tâm phân biệt, dính mắc vì có ý thức xen vào). Tâm sanh diệt tạo phiền não. Ngay khi thấy sự vật mà Tâm -Không dao động, - Không khởi niệm thì: - Bộ mặt thật, - Ông chủ, Tâm thể hiện bày, vì có thấy nghe... là *biết có*; không do khởi tâm, động niệm, phân biệt, chấp trước mới là cái biết như thị, như thật, thoát ngoài đối đãi, tạm bợ, sinh diệt. Ngược lại là không chân thật

- **PHÁN QUAN TỰ KỶ** của nhà thiền rất hệ trọng. Mọi sự vật bên ngoài đều là: -Đối tượng bị (thấy, nghe,...), - Hiện tượng (Pháp sinh diệt), theo nó thì mất mình, khởi tâm ưa/ghét tạo nghiệp, luân hồi.

**Nghiệp**, do thân, khẩu, ý, tạo. **Giới**, giúp giữ gìn cho thân khẩu ý không tạo nghiệp. Ông chủ (Tâm thể) biết rõ mọi sự động tịnh, sinh diệt bên ngoài, vì ông chủ không động tịnh, sinh diệt, tĩnh lặng, sáng suốt nên mới nhận ra được sự sinh diệt ấy. Khi động ông chủ biết động (sinh). Khi tịnh, ông chủ biết tịnh (diệt). *Hai hướng động tịnh đuổi nhau, ông chủ vẫn ngồi yên xem sự động tịnh, sinh diệt của nó. Chính lúc ta trở về với ông chủ của mình; mặc cho đối thay bên ngoài, là*

*không quên mình. Chỗ không quên mình ấy làm sao diễn tả được, nên nói: “Xuất thân còn là dễ, thoát thế nói rất khó.”* Thân bị kiến cắn, đau; Tâm (tánh biết) biết thân bị đau, thì cái tánh biết đau đó đâu có bị kiến cắn, đâu có bị đau nên mới tỉnh giác, sáng suốt... nhận biết thân đang bị đau.

### III. HỌC PHẬT PHÁP BẰNG CÁCH NÀO?

\*\*\*

*Mọi hiện tượng trong cuộc sống đều phải có nguyên nhân mới đưa đến hậu quả.* Nỗi khổ niềm đau của kiếp người cũng không ngoại lệ. Muốn hết khổ, được vui, và giải thoát.

- Trước hết, phải **Học chánh pháp** để biết nguyên nhân tạo khổ, là do hành động của *thân, khẩu, ý*, gây ra.

- Tiếp đến, là phải **Thực Hành chánh pháp**, hạ quyết tâm đập tan nguyên nhân gây khổ, mới chấm dứt quả khổ. Nếu không, cứ mãi chạy theo tìm thần linh, Thượng đế... bên ngoài cầu xin ban phước cho hết khổ là không thực tế, không hiệu quả; chỉ uống công phí sức, vô ích! Như nói biết đúng, mới làm đúng; không biết đúng mà mong làm đúng là điều không tưởng! Muốn biết đúng, biết chính xác tận nguồn gốc của vạn pháp; từ hữu vi đến vô vi, thì cần phải có **trí tuệ**. Đức Phật không chấp nhận đệ tử của ngài tối đốt. Nên ngài

đã từng bước hướng dẫn, chỉ dạy cụ thể, minh bạch phương pháp học và hành Chánh pháp.

- *Học Chánh pháp, để có **hữu sư trí**, giác ngộ được chân lý, mới có an lạc, hạnh phúc, ngay bây giờ, và ở đây.*

- *Hành Chánh pháp, để có **vô sư trí**, mới giải thoát sinh tử luân hồi.* Đây là hai điểm cốt lõi trong Đạo Phật. Vì vậy, đạo Phật được gọi là **đạo Trí tuệ**.

### A. HỮU SƯ TRÍ.

Còn gọi là Hữu Lộ Trí, là loại hiểu biết do có thầy dạy; không phải là thứ thiết đã có sẵn trong Tâm mình; mình chưa có, nên phải học với thầy mới có; như Bác sĩ, kỹ sư, chuyên viên....Tất cả kiến thức ấy, đều vay mượn từ bên ngoài, nên *vô thường, sinh diệt*; Còn học, còn ôn thì nhớ, bỏ lâu quá lại quên. Hữu Sư Trí, do còn tâm phân biệt cái này tốt, cái kia xấu; thương, ghét; lấy, bỏ...; Còn tâm tham, sân,si, vị kỷ...Hữu Sư Trí, hiểu biết có giới hạn; một người chỉ thông thạo được một vài việc; một vài lãnh vực; chứ không thể tự biết hết mọi việc, như Vô Sư Trí được. Muốn có Hữu Sư Trí, hành giả phải ứng dụng *Tam huệ học* vào việc tu tập, là: - **Văn huệ, - Tư huệ, và -Tu huệ**. Văn,Tư,Tu, mà không có Huệ là tu sai; chỉ hành hạ thân xác, đóng bít tư duy, hủy diệt tâm tưởng (khô thân,diệt trí).

## ***1. VẤN HUỆ:***

Phải đa văn, quảng kiến là *nghe* giảng nhiều về chánh pháp; đọc nhiều kinh sách...chứa toàn là lời lẽ chân chánh, chỉ bày mọi sự thật cho chúng sinh; nên càng nghe trí càng sáng, là trí tuệ do sự học hiểu giáo pháp; là từ cửa Văn huệ tiến thẳng vào ngôi nhà phật pháp. Đức Phật dạy *10 cách văn huệ* sau đây:

- a. Phải dốc lòng nghe.
- b. Phải chú tâm nghe.
- c. Phải có lòng cần nghe.
- d. Nghe mà không vội phê phán lỗi lầm.
- e. Nghe mà không vội tin theo nghị luận.
- f. Nghe không vì để tranh luận hơn thua.
- g. Nghe mà đừng khinh thường người nói.
- h. Nghe mà chớ coi thường chánh pháp.
- i. Nghe rồi nên bỏ qua lỗi lầm.
- j. Nghe rồi nên suy nghĩ và thực hành.

Văn huệ là trí huệ từ kết quả của việc tự học hiểu giáo pháp. Nhờ nghe, học, đọc nhiều giáo lý làm nền tảng cho trí huệ vô lậu phát sinh; là thành tựu của hành giả Thanh Văn thừa. Văn huệ là kiến thức vay mượn từ bên ngoài. Muốn trở thành của mình thì phải Tư duy (Tư huệ).

## ***2. TƯ HUỆ:***

Là suy xét, phán đoán... Sau khi nghe Phật pháp, chúng ta phải phán đoán xem giáo lý đó có: - đúng chân lý, hay sai; - có đem lại lợi ích cho mình, và cho người khác không...rồi mới tin. Đó chính là **chánh tín**; mới đủ tư cách của người học Phật. Nếu vừa nghe, vội tin ngay là mê tín!. **Phật dạy**: - “*Đến với ta không phải để tin ngay; mà phải tự mình Thấy (thấy đúng chân lý); tự mình Chứng ngộ (thọ nhận được lợi ích), rồi mới tin; nếu không; là phỉ báng ta. Và phải tự mình thắp đuốc lên mà đi*”. Chúng ta muốn mở mang trí tuệ, song tự mình làm sao mở mang được!; *phải* mỗi ngọn đuốc trí tuệ của mình, với, ngọn đuốc chánh pháp của Phật; thì trí tuệ mình mới sáng ra. *Vậy phải mỗi bằng cách nào?* Ví dụ, chúng ta nghe Phật dạy “*Tất cả thế gian đều vô thường...*” Nghe xong, chúng ta phải tự mình dùng trí tuệ đặt câu hỏi: - **Có sự vật nào thoát ngoài luật vô thường này không?.** Nếu có, thì câu nói này chưa phải là chân lý; ta có quyền không tin, mà không có tội lỗi gì cả. *Nếu không*, câu nói này quả đúng chân lý; chúng ta mới hoàn toàn tin (chánh tín). Rồi ta tự khảo sát: - *Về người*: Từ ông bà, cha mẹ đến ta, cả đến nhân loại, động vật; đều phải tuân theo luật vô thường: -sinh-lão-bệnh-tử; *đến sự vật*, từ nhà cửa, vật dụng...đều từ mới tới cũ đến hư hoại...là vô thường. Vậy, chúng ta kết luận rằng: - Thế gian vô thường là chân lý. Khi ấy, dù ai nói khác đi,cũng không làm lay chuyển được lòng tin của ta; vì lòng

tin này đã được ta tự chủ suy xét, phán đoán, gạn lọc, qua sàng trí tuệ của ta đã mồi với chánh pháp; nên không lung lay được...Suy xét, phán đoán như thế mới phân biệt được đâu là: - mê tín/chánh tín; - chánh pháp/tà pháp; mới đúng tinh thần người học phật chân chánh. Nên Phật dạy, phải dùng **10 cách tư duy** trước khi thực hành; chứ đừng mù quáng vội tin theo:

a. Truyền thuyết.

b. Truyền thống để lại. Theo kiểu xưa bày, nay làm theo; Vì truyền thống cũng có cái tốt, mà cũng có cái xấu; cái đúng cái sai; cái hợp thời cái lỗi thời...

c. Lời đồn đại; hoặc do nhiều người nhắc tới, lập đi lập lại nhiều lần, có khi không đúng; bởi vì ngay từ người đầu tiên nói ra đã có nhận xét sai lầm!. Lại nữa, điều gì càng lập đi, lập lại, càng có sự thêm bớt sai lạc, không đúng sự thật.

d. Được ghi lại trong kinh điển; cũng có thể bị chép lầm; hay khi chép, người ta tự sửa đổi theo ý họ, rồi đem ra phổ biến.

e. Các nhà truyền giáo, hay đạo sư của mình tuyên thuyết, vì các vị ấy nếu chưa chứng ngộ, thì vẫn chưa tránh khỏi sai lầm, chấp trước.

f. Được sức mạnh và người có uy quyền ủng hộ.

g. Căn cứ trên những sự kiện vu vơ, mơ hồ, không hiện thực.

- h. Thuộc về lý luận siêu hình, không thực tế, cụ thể.
- i. Thấy phù hợp với lập trường, định kiến của mình.
- j. Đùng vội tin; ngay cả những lời do chính Ta (Phật) nói với các người nữa; Khi mà các ông chưa thật sự thấm nhuần ý nghĩa, và hiểu rõ.

Đức phật, không bắt buộc chúng sinh phải chấp nhận một **đức tin**: - *thiếu tự chủ*, - *thiếu lý trí*; - *tin một cách mù quáng*... Mà phải trực tiếp thấy hiểu với tâm khách quan mở rộng; thay vì, với tâm chủ quan khép kín. Vấn đề nào, cũng được Ngài cắt nghĩa tỉ mỉ, giải thích cặn kẽ, tận nguồn cơn, chứng minh cụ thể minh bạch, giúp người nghe: - **Hiểu được**; có hiểu được, mới **Thực hành được**, thực hành được, mới **có Kết quả, lợi ích**. Ngài dạy, tự mình phải:

- \* *Đặt vấn đề, phân tích, kiểm tra, tìm hiểu kỹ.*
- \* *Lắng nghe thiện tri thức bình phẩm.*
- \* *Kiểm chứng lại kết quả cụ thể.*
- \* *Phản biện lại xem, đúng chưa.*
- \* *Khảo sát lại, nếu việc này, không phù hợp với niềm tin của mình.*

\* *Chậm rãi trầm tĩnh, trước khi tin, và phải có ý kiến của mình.*

\* *Sẵn sàng chuyển đổi đức tin, khi mình nghe được lời đối nghịch hợp tình, hợp lý. Đây mới chính là chánh tín, là Đức tin; chỉ có trong đạo phật.*

- Con đường *chỉ hướng ngoại*, bị động, cúi đầu *cầu xin tha lực* thần linh, Thượng đế...để phải chịu điều kiện, phải lệ thuộc vào họ, thì dễ; nhưng chúng tỏ mình thiếu tự chủ, thiếu hiểu biết, bị động, quá hèn nhát, nhu nhược; sẽ bị thiệt thòi rất nhiều, tai hại rất lớn!

- Còn, con đường Phật dạy: - ***phải hướng nội***, *tự chủ, tự lực xét đoán mọi việc, với chính lý trí của mình*; đòi hỏi phải can đảm, nhẫn nhục, thông minh...thì khó; nhưng chỉ có lợi, chứ không di hại, thiệt thòi. Luôn nhớ rằng: - ***Thân***, *chỉ chết một lần, mà chính mình chịu, chứ không “ai”, hay thần linh, Thượng đế nào ngoài mình, chịu chết thế cho mình được.* - Còn ***Tâm***, thì phải *trầm luân muôn kiếp!* Nên, mình phải *tự lực, chủ động quyết định vận mệnh mình*; Đừng bao giờ ảo tưởng, ý lại, phó thác cho thần linh, thượng đế nào định đoạt dùm, vô ích!. Dù cho giới giáo sĩ đang đội lốt, mạo xưng...là thứ gì, rồi tự cho họ có quyền bắt buộc ta phải tuân phục họ, là phi lý.

Ta phải trầm tĩnh suy xét kỹ xem lời họ nói có: - thánh thiện, cao thượng, vô tư, công bằng, vị tha, thì ân bất cầu báo; phù hợp với chân lý Nhân Quả, không, *thì tin*. Ngược lại, chứa toàn là: - tham,sân,si; vị kỷ,trần tục thấp hèn; thì ta mạnh dạn *bác bỏ, lánh xa*; kéo ***bị họ mê hoặc, chiêu dụ gia nhập vào; rồi tẩy não, nhồi sọ, bưng bít, kèm kẹp để họ lợi dụng, bóc lột***; thì mình sẽ bị thiệt thòi!. Do tư duy về đạo lý



đã được nghe (văn huệ); mà trí tuệ vô lậu phát sinh, là thành tựu của các bậc Duyên Giác Thừa. Tu huệ, là trí tuệ từ kết quả của sự *thực hành Giới luật và Thiền Chi (Định)*.

### **3. TU HUỆ:**

Tu, là: - áp dụng, thực hành; - sửa đổi, chuyển hóa; - phát triển giáo lý. Sau khi tự mình tư duy, phán xét, lời Phật dạy thấy đúng chân lý. Chúng ta áp dụng vào cuộc sống hàng ngày, khiến chân lý ngày càng sáng tỏ thêm; **là Tu Huệ**. Ví như: - Biết *thời gian là vô thường*; khi gặp vô thường đến với bản thân, gia đình, ta không sợ hãi, hoảng loạn; chỉ làm rồi thêm, vô ích, vì không ai tránh khỏi: -sinh-già-bệnh-chết; nên tâm ta bình tĩnh, sáng suốt, giải quyết vấn đề một cách ổn thỏa, tốt đẹp; Và đủ sáng suốt khuyên người đồng cảnh ngộ bớt đau khổ.- Biết,*Tài-Sắc-Danh-Thực-Thùy cũng tạm bợ*, nên lòng tham, dứt sạch. Phải cố gắng làm việc lành cho kịp. - Biết quý tiếc thời gian, vì qua rồi không tìm lại được, nên phải cấp bách làm việc lợi mình, lợi người, không thể chần chừ. - Biết *muôn vật đều luân hồi*, liền ứng dụng vào cuộc sống của mình. Nếu phải luân hồi, chúng ta phải chọn cái luân hồi nào cho tốt đẹp, an ổn hơn; ví như chọn hạt giống cây gieo trồng để sau này có quả ngon cho mình và mọi người cùng thưởng thức. Vậy, ta cần tạo những nhân tốt, nhân an vui, để mai sau được lắng lộn vào chỗ tốt, chỗ an

vui. Chúng ta phải tìm hiểu xem nguyên nhân nào lôi cuốn ta vào trong ấy. Biết rõ nguyên nhân, rồi phải tìm cách thoát ra khỏi vòng luân hồi ấy; không đầu hàng, không khuất phục; kéo phải trôi lững lờ trong ấy sao? Như các nhà khoa học biết sức hút của trái đất (*luân hồi*); sau đó, chế ra phi thuyền đủ sức vượt ra ngoài sức hút, đi thẳng vào quỹ đạo (*giải thoát*). Biết luân hồi, để tìm cách giải thoát; Chính là tinh thần **Tu Huệ**. Hành giả học Phật cần phải thực hành đủ tam huệ này; mà **Tu Huệ là quan trọng nhất**. Nếu Văn-Tur, mà thiếu Tu là huệ rỗng, chỉ là cái túi đựng sách, không lợi ích gì cho cuộc sống. Nhờ Tu huệ mới thẩm định được giá trị của Văn - Tur, và giúp cho Văn - Tur được kết quả mỹ mãn. Tam Huệ học rất thích hợp với Khoa học hiện đại. Bất luận môn học nào:

- Trước tiên, phải học lý thuyết (**Văn**).
- Kế đến, là phê bình lý thuyết (**Tur**).
- Sau cùng, là thí nghiệm hay thực hành lý thuyết (**Tu**).

Có như thế, môn học mới tiến bộ, và phát minh ra những điều mới lạ. Tuy nhiên, mục tiêu chính của *phật học vẫn khác với khoa học ở chỗ*:

\* **Khoa học**: - Cố phát minh mọi chân lý của ngoại giới, chinh phục, và làm chủ thiên nhiên.

- Bất thiên nhiên phải làm theo ý muốn của con người, để tạo ra vật chất dồi dào, sung túc, cho nhân loại.

- Nên con người dễ tranh đua, giành giực, kình chống lẫn nhau, làm tăng trưởng tam độc: Tham, sân, si.

\* **Phật học:** \* Xoay lại ngự trị chính bản thân mình, gan lợc, đào thải những tâm thức như xấu.

\* Kiến tạo một tâm hồn trong sáng, an vui, tự tại.

\* Nên người biết tu theo Phật pháp, lòng sẽ mở rộng thương yêu, đùm bọc lẫn nhau.

Vì thế, Tam Huệ học, đều đặt trên nguyên tắc: - **Xem lại chính mình.** Nắm vững nguyên tắc này, đọc kinh sách Phật; Trước tiên chúng ta phải tìm hiểu xem:

- Đại ý kinh này nói gì?.
- Làm sao áp dụng vào đời sống?.
- Nếu áp dụng, thì có lợi ích gì?.
- Có giúp ta bớt khổ không?.
- Có giúp ta thánh thiện hơn không?.

Nhờ đó, mà chúng ta nhận định, phán xét không bị sai lầm.

*Tu Huệ thế nào cho đúng?* Bước lên lãnh vực thực hành, để có Vô Sư Trí; Phải lấy Tam Vô Lậu Học: - **Giới, - Định, - Tuệ;** để đối trị Tam độc: - *Tham, - Sân, - si.*

Biết rằng:

\* Tham, thì phá Giới.

\* Sân, phá Định.

\* Si, phá Tuệ.

Nên phải lấy:

\* Giới, để đối trị Tham.

\* Định, đối trị Sân.

\* Tuệ, đối trị Si.

Nhờ thực hành chánh pháp (Tu), trí tuệ vô lậu phát sinh; Đây là thành tựu của Bồ Tát Thừa. Văn huệ và Tư huệ, làm trợ duyên cho Tu huệ thành tựu. Tu huệ là trí tuệ có được từ kết quả của sự thực hành **Thiền Quán**, mới có đủ công năng diệt trừ tận gốc phiền não, khổ đau; có an lạc, hạnh phúc, ngay trong hiện đời. *Thực hành trọn vẹn Tam Huệ Học; Hữu Sư Trí phát sinh, hành giả chỉ mới giác ngộ được chân lý; chứ chưa giải thoát sinh tử.*

### **B. VÔ SỰ TRÍ:**

Là loại trí tuệ vô lậu, không còn lọt rớt, không còn sinh diệt. Đó chính là *pháp thân, phật tánh, tánh giác*, của chúng sinh hữu tình, *luôn sáng suốt, thường hằng, vắng lặng vốn đã có sẵn trong chơn tâm của mỗi con người*; nên không cần có thầy dạy, hay phải vay mượn sự hiểu biết sinh diệt, tạm bợ, từ bên ngoài. Mà, *chỉ cần hướng nội, xoay vào trong,*

chuyên tâm thực hành giáo pháp căn bản là: **Giới - Định - Tuệ**, thì phật tánh hiển lộ; mới dứt trừ được vô minh và ái dục. Nên nhớ, khi hữu sư trí giúp ta giác ngộ được chân lý xong; thì phải quên đi, buông bỏ ngay, nếu không, sẽ là sở tri chướng, làm ngăn ngại vô sư trí không thể hiển lộ được. Phật dạy, tham - sân - si là ba con rắn độc, luôn hiện hữu từ khi con người vừa sinh ra; chúng thúc đẩy con người sống theo bản năng sinh tồn để phục vụ, tô bồi cho bản ngã ngày thêm tăng trưởng!

### 1. **GIỚI**:

- Phật chế ra Giới luật là để giúp chúng sinh tự phòng hộ và cảnh giác trước những nguy cơ, sẽ bị trói buộc vào nghiệp bất thiện, tức là “*phòng phi-chỉ ác*”. Phòng phi, là đề phòng, phòng ngừa những hành vi phi lý, phi luân. Chỉ ác, là đình chỉ ngay những điều xấu ác gây tổn giảm cho mình và người khác. Giới, để bảo vệ cho: thân - khẩu - ý của chúng sinh không bị ngũ dục, lục trần; tham-sân-si trói cột, như:

\* *Thân*, không: - *Sát sinh*, - *Trộm cướp*, - *Tà hạnh*. (thân tam)

\* *Khẩu*, không: - *Vọng ngôn*, nói sai sự thật, nói dối, - *Ý ngữ*, nói thêm, bớt, - *Lưỡn thiệt*, nói lưỡi hai chiều (đâm thọc), - *Ác khẩu*, nói lời độc ác. (khẩu tứ)

\* *Ý*, không: *Tham lam* - *Sân hận* - *Si mê*. (ý tam)

Giới giúp cho thân-khẩu-ý, trong sạch; không tạo nghiệp nhân, sẽ không nhận nghiệp quả; sống an nhiên tự tại theo luân lý đạo đức của loài người và chư thiên; và làm nền tảng cho *Tâm Định*. Tâm có định thì Huệ mới phát sinh, nhờ đó mới thấy rõ chân tướng của thế gian là vô thường... Thọ trì giới luật của nhà phật, chỉ để giúp chúng sinh thực hành việc giải thoát sinh tử, như tên gọi của giới là, “ *biệt giải thoát luật nghi*” là tự mình làm cho mình giải thoát những nghiệp bất thiện. Khác hẳn với phạm nhân vi phạm luật thế gian, hay con chiên bất tuân thánh lệnh của Thượng đế, phải tuyệt đối chấp hành hình phạt để đền tội. Có hai cách giữ giới là:

a. *Tâm giới* là trong mọi hoạt động, tâm mình luôn nhớ nghĩ đến việc giữ gìn giới luật; thì lợi ích rất lớn.

b. *Tướng giới* là chỉ giữ hình tướng bên ngoài, như ăn chay kỹ, luôn mặc áo giới; mà tâm lơ lửng, không nhớ, không biết rõ; giữ giới giúp cho việc giải thoát cho mình, thì lợi ích rất nhỏ. Tâm có an, thì trí mới sáng. Sau khi nghiêm trì giới luật để phát triển ý chí làm cho thân tâm quân bình; không bị bất thiện pháp chi phối, cám dỗ, lôi cuốn; hành giả bước sang Thiên: - *Thiền Chỉ, để Tâm an định, - Thiền Quán, để có Trí tuệ.*

## 2. ĐINH:

*Dùng Thiền Chỉ*, (samatha) là đình chỉ hẳn, ngưng ngay:

- Mọi hoài niệm về quá khứ.  
- Mọi mơ tưởng đến tương lai.  
- Bên ngoài, sáu căn, không dính với sáu trần; tức là *an trụ Tâm*, (ung vô sở trụ).

- Bên trong, Tâm không chạy theo vọng tưởng.  
- Không cố trừ phiền não; không mong cầu chơn như; tức là *hàng phục Tâm*, luôn tỉnh thức, chánh niệm với thực tại hiện tiền.

- *Cột thân, tâm, hơi thở vào làm một*; để chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện.

Mục đích chính của thiền chỉ, là để *cột tâm viên, ý mã, đứng yên một chỗ*; Khi ấy, thấy tâm có phần lóng lạng rỗng rang, sáng suốt, an định, hướng về *chơn tâm thường trú, thể tánh tịnh minh*; Đó chính là phật tánh của mình. Nhưng, đây mới chỉ là trạng thái tâm ổn định tạm thời để đối trị với tâm tham, sân, si, phiền não hiện khởi; chứ chưa đủ công năng xóa sạch tận gốc phiền não được; vì khi xuất định, phiền não lại hiển lộ; ví như tạm thời lấy đá đè cỏ, không cho cỏ phát triển; nhưng gốc rễ vẫn còn đó; khi lấy đá đi; cỏ sẽ mọc trở lại.

### 3. TUỆ:

*Dùng Thiền Quán* (tam ma đề), là lấy: - chân trí của mình (năng quán); để soi rọi - chân lý của vạn pháp bên ngoài (sở quán); Khi biết chúng đều huyền hóa, không thật.

Để thấy nhất là quán: *thân-tâm-cảnh* đều vô ngã, đều không có thật; nên ta mạnh dạn buông bỏ, xả ly chúng, mà không chút luyến tiếc, vướng mắc; liền được giác ngộ, giải thoát ngay; tức là “*tri huyễn tức ly; ly huyễn tức giác*”. Cũng có thể dùng Thiền na, là Chi- Quán song tu cùng lúc.

**Tóm lại,- Giới** là nền tảng hàng đầu, giúp cho tâm định. - **Giới** như cái bóng đèn để chắn gió. - **Định**, như ngọn đèn đứng yên. - **Tuệ**, như ngọn đèn tỏa sáng. Nhờ bóng đèn chắn gió, bảo vệ cho ngọn đèn đứng yên, mới tỏa ánh sáng đầy đủ, toàn diện. *Giới*, bảo vệ cho thân - khẩu không sai phạm, không tạo nghiệp. *Định*, giúp Ý được bình ổn, sáng suốt. *Giới*, *Định* hợp lực phá trừ được bản năng sinh tồn: - tham, - sân, - si, tập nhiễm từ nhiều kiếp. *Tuệ* giúp thấy rõ: - *cái Ta* (ngã), - *cái của Ta* (ngã sở hữu), và - *cái tự ngã của Ta* (linh hồn bất tử); Gọi chung là *Bản Ngã*, chỉ do môi trường, hoàn cảnh, danh vọng, địa vị thế gian hiện đời, vô thường, sinh diệt, tạo nên vốn không thật; đưa đến nhận thức chính xác: - ***nhân vô ngã*** (nhân không); - ***pháp vô ngã*** (pháp không), giúp ta dứt khoát viễn ly; - nhân, và - pháp hữu vi; không còn dính mắc, quuyến luyến chúng; mới: - thể nhập vào pháp thân, thanh tịnh; - hòa quyện với pháp giới hư không vô vi, tịch tịnh, vắng lặng, và giải thoát.



## IV. LÀM SAO TU THEO PHẬT PHÁP?

\*\*\*

Bản hoài của chư Phật là chỉ dạy chúng sinh tu hành để thành Phật như Ngài. Nhưng vì: - Khả năng, - Trình độ, - Căn cơ của chúng sinh sai biệt, nên không thể đồng tu theo một môn và quả vị chúng đắc như nhau được. Bất đắc dĩ, Phật phải chỉ nhiều phương pháp tu khác nhau: -Tu còn luân hồi, và - Tu giải thoát khỏi luân hồi.

### 1. TU CÒN LUÂN HỒI:

Trong chân lý phổ biến có: - *Nhân quả*, - *Nhân duyên* mà động cơ chính là **Nghiệp** nên nói: -Nghiệp quả, - Nghiệp duyên:

- + Nghiệp quả: *do nghiệp lành, nghiệp dữ làm nhân, đưa đến nghiệp quả tốt/xấu.*
- + Nghiệp duyên: *do lời cuốn thúc đẩy theo duyên kết hợp sinh trưởng. Nghiệp mãn, duyên tan thì hợp thể hoại diệt.* Nên nghiệp là chủ động trong vòng luân hồi. **Vậy nghiệp là gì?** Là tác động: Thân Khẩu Ý của chúng sinh, rồi chi phối lại chúng sinh. Ví như họa sĩ chính mình tưởng tượng vẽ tranh một thiếu nữ đẹp, rồi sinh lòng yêu thích bức họa do mình vẽ ra. Cũng thế, từ Thân Khẩu Ý của ta tạo nghiệp, rồi lại tạo nghiệp, tạo nghiệp mãi mãi không cùng. Sự quanh quẩn lên xuống do động cơ nghiệp thúc đẩy gọi là **Luân Hồi**. Nói đến nghiệp là xác định quyền làm chủ của

chính mình: mình tạo ra rồi mình chịu lấy; không do thần linh, thượng đế nào, sự bắt buộc của tha nhân nào bên ngoài mình. Chỉ có tác động của ta lâu ngày thành thói quen có sức mạnh chi phối, ví như hút thuốc, uống rượu...chính ta tập thành thói quen đưa đến ghiền, thành bệnh ghiền, muốn bỏ không được. Đây là sức mạnh của nghiệp dẫn.

Nghiệp có nghiệp lành nghiệp dữ, cả hai đều còn bị hút trong vòng luân hồi. Người biết tu cần tạo nghiệp lành, chừa bỏ nghiệp ác để có sự luân hồi tốt đẹp, an ổn trong tương lai. Nghiệp xuất phát từ:

- Thân: sát sanh, trộm cướp, tà hạnh.

- Khẩu: Vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiệt và ác khẩu.

- Ý: Tham, Sân, Si.

Vừa sinh ra là nó đã có mặt theo ta rồi; biết chuyển nó là tu. Tu có hai hạng: -Tu dừn nghiệp, và -Tu chuyển nghiệp.

#### a) *TU DỪNG NGHIỆP*

Khi chưa biết đạo lý, chúng ta sống buông lung theo bản năng để cho:

- *Thân*: sát sanh, trộm cướp, tà hạnh; - *Khẩu*: Nói sai sự thật, nói lời thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời độc ác; - *Ý* nghĩ: Tham lam, Sân hận, Si mê, đều tạo ra ác nghiệp gây khổ đau cho mình và cho người; tương lai sẽ bị nghiệp lực dẫn đi trả quả. Nếu biết đạo lý, biết tu, thì ta **Dừn** tạo những

tác động ác áy. Tuy nhiên dừng nghiệp ác, mới chỉ là tu cái *Thiện tiêu cực*, cần phải chuyển nghiệp thiện tích cực hơn.

#### b) *TU CHUYỂN NGHIỆP*

Chuyển là thay đổi, thay đổi ác thành thiện. Thay vì xưa, thân: sát, đạo, dâm; nay chuyển thành thân: cứu mạng, phóng sanh, bố thí, trinh bạch. Xưa, khẩu: vọng ngôn, ý ngữ, lường thiệt và ác khẩu; nay chuyển, khẩu: nói chân thật, nói đúng lý, nói hòa hợp, nói nhã nhặn. Xưa Ý nghĩ: Tham, Sân, Si; nay chuyển ý nghĩ: buông xả, từ bi, trí tuệ. Nếu biết tu “Thập Thiện” như thế thì không cần cầu hạnh phúc, hạnh phúc vẫn tự đến. Biết tu chuyển nghiệp thì: - Hiện tại được an lành; - Tương lai cũng vui vẻ. Tu *Dừng Nghiệp* và *Chuyển Nghiệp* vẫn còn luân hồi; song thường được lui tới chỗ cao sang như nơi uống trà, chơi cây kiểng, làm thơ, chùa chiền thanh tịnh... Ngược lại, không biết tu dừng và chuyển nghiệp thì thích đến chỗ say sưa nghiện ngập, cờ bạc... khổ đau cũng do mình tập lấy, rồi chịu lấy, quá rõ ràng. Muốn dừng và chuyển nghiệp, điều kiện tiên quyết là phải: - ***Quy y Tam Bảo và giữ gìn Ngũ giới:***

\* Quy y là trở về nương tựa, theo bước chân của Phật, bậc đã giác ngộ để học chánh pháp, hành đúng chánh pháp qua sự hướng dẫn của chư Tăng ni, rồi dừng cảm, cương quyết vượt qua mọi trở ngại tiến thẳng lên mục tiêu giác ngộ, giải thoát sinh tử như Phật.

\* Giới luật là hàng rào giúp chúng sinh ngăn chặn ba nghiệp: thân, khẩu ý để khỏi phải sai phạm, lầm lỗi. Giữ đúng năm giới là: - Trạng thái chân trên con đường dừng nghiệp; nếu không sẽ không đủ sức tiến trên đường tu thiện nghiệp; - Cũng là nấc thang đầu tiên trên đường giải thoát. Mọi sự an lành, siêu thoát đều bắt nguồn từ năm giới. Giữ ngũ giới như giữ của quý khi đi qua bọn người bắt lương.

## 2. TU RA KHỎI LUÂN HỒI (giải thoát)

Chúng ta biết động lực chính trong vòng luân hồi là Nghiệp do thân khẩu ý của mình tạo. **Còn nghiệp là còn luân hồi; hết nghiệp thì giải thoát**, mà ý nghiệp chủ động sai khiến thân làm, khẩu nói (thân khẩu bị động) tạo nghiệp. Nên chú tâm tu “**Tự Tịnh Kỳ Ý**” là chính. Còn thân, khẩu chỉ là ngọn ngành. Ý nghiệp dừng lặng thì thân, khẩu cũng dừng lặng theo. Thế nên tu *Thiền, Tịnh, Mật... đều nhằm dừng ý nghiệp*. Các bậc tôn túc dạy:

- Tụng kinh tâm không loạn tưởng mới có phước đức.
- Trì chú tâm không xao động mới có linh nghiệm.
- Niệm Phật nhất tâm mới được vãng sanh.
- Ngồi thiền tâm lặng lẽ mới được chánh định.

Tuy pháp tu có khác nhưng cũng để làm cho **ý thanh tịnh**, cứu cánh là dẹp ý nghiệp, nên không có chướng ngại, chướng trái nhau. Nếu chỉ thấy phương tiện, thì dường như có mâu

thuần! Phật pháp như căn nhà nhiều cửa, dù đi cửa nào miễn vào *trong* được thì đồng chứng kiến sự vật bên trong, hiện hữu như nhau. **Tóm lại, muốn ra khỏi luân hồi, hành giả tu thực hành: - Giới, - Định, - Tuệ.**

*Đọc thêm:*

Ngài Mã Tổ đang ngồi thiền. Tổ Hoài Nhượng đến hỏi: - Ngài ngồi thiền để làm gì? -Đáp: Ngồi thiền để thành Phật. Tổ Hoài Nhượng liền đem cục gạch đến kề bên Mã Tổ mài. Thấy vậy, Mã Tổ hỏi: - Mài gạch để làm gì? - Đáp: Để làm gương. Mã Tổ hỏi: Mài gạch làm gương được sao? Tổ Hoài Nhượng hỏi lại: Trâu (chỉ cho tâm) đang kéo xe (chỉ cho thân); xe không đi, thì đánh trâu hay đánh xe? Câu chuyện nhắc nhở hành giả không chỉ ngồi thiền mới được an tâm, mà phải ứng dụng cả bốn oai nghi: Đi, đứng, nằm, ngồi và trong mọi hoàn cảnh cũng phải giữ tâm thanh tịnh mới viên mãn.

## V. VÀI PHÁP MÔN THỰC HÀNH:

\*\*\*

### A. **VÔ MINH - GIÁC NGÔ**

Sở dĩ loài người chịu quá nhiều quả khổ chỉ vì *vô minh* và *ái dục* tạm thời bao phủ, che chắn làm lu mờ *tánh giác*

vốn sáng suốt, vắng lặng, thường hằng, sẵn có trong mọi con người; đó là **phật tánh**.

Vậy ái dục và vô minh là gì mà có năng lực tác động lớn lao đến vậy?

+ **Ái dục**: Ái là yêu thương thuộc về tình cảm (tâm), sinh lý. Dục là ham muốn thuộc về vật chất (thân), vật lý.

+ **Vô minh**: là không sáng suốt, mê mờ, do vì tham đắm:

- Ngũ dục (Tài - Sắc - Danh - Thục - Thù),
- Lục trần (Sắc - Thanh - Hương - Vị - Xúc - Pháp)
- Tâm chấp chứa phiền não tham, sân, si, vị ngã,
- Bị ngũ ấm (Sắc - Thọ - Tưởng - Hành - Thức) ngăn che tánh giác.
- Không nhận ra tánh giác trong ta.
- Không hiểu được đệ nhất nghĩa đế, tức là chân lý liễu nghĩa, cứu cánh;, khác với chân lý tương đối, phương tiện, bất liễu nghĩa.

Một cách tổng quát, **vô minh** là ngay trong cuộc sống này mà bị **ái dục** thúc đẩy, mãi **hướng ngoại** tìm cầu hình tướng hữu vi, sinh diệt, vô thường bên ngoài để thỏa mãn nhu cầu của giác quan; không phân biệt được đâu là Phước/tội, Thiện/ác, Chánh/tà, Thật/giả... tạo nghiệp, ắt phải chịu khổ đau, sinh tử. Muốn chấm dứt nghiệp, cách duy nhất là phải luôn tỉnh thức, chánh niệm, **Hướng nội** đem tâm

về an trú trong Phật tánh của mình, tức là **sống với căn bản trí: Vô sư trí**, mới tự giác ngộ được chân lý, rồi **tùy duyên, thuận pháp**, sống theo sự vận hành tự nhiên của chúng, mới thoát khỏi mọi hệ lụy, không tạo nghiệp. **Nghiệp** là chủ nợ chỉ đuổi theo đòi kẻ mắc nợ (kẻ tạo nghiệp). Khi đã giác ngộ, liền phá tan màng vô minh; thì tất cả nợ nần chấm dứt, không còn bị nghiệp lực dẫn dắt đi tái sinh để trả quả nữa.

Theo Phật giáo, **giác ngộ** là nhận biết sự thật của vạn pháp một cách tường tận bằng trí tuệ vô sư, xuất thế, giải thoát. Còn giác ngộ của thế gian chỉ có ý nghĩa hạn hẹp là giác ngộ thói hư tật xấu tầm thường, như: bỏ hút thuốc, bỏ uống rượu, bỏ cờ bạc... là chỉ để trở về với con người ngày xưa lúc chưa ghiền thuốc, rượu, cờ bạc...

## **VÀI ĐIỀU VÔ MINH VÀ GIÁC NGỘ CẦN BIẾT:**

### **1. Vô Minh CHẤP NGÃ - Giác Ngộ VÔ NGÃ:**

a. **Vô Minh CHẤP NGÃ:** Về **Thân** do Đất, Nước, Gió, Lửa duyên hợp lại tạo thành, nhưng tứ đại đó là những chất vô tri, không lẽ Minh, Ta mà lại vô tri sao? Nên nếu chấp thân (sắc-vật chất) là **ngã** (mình, ta) là **vô minh**. -Về **Tâm** - tinh thần gồm có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Do sáu căn tiếp xúc với sáu trần, rồi sao lưu bóng dáng sáu trần ấy mới có, tức là cũng do duyên hợp nên mới chịu diệt sinh, sinh diệt liên tục chúng không có thực thể, không độc lập và không có

định tức là vọng, không thật mà chấp là thật nên cho ngã là mình tức là vô minh. Khi vô minh chấp Thân làm ngã tạo thành thói xấu: thích khen, ghét chê, ham mê ngũ dục, tham sống sợ chết, gây nghiệp, tạo khổ vô cùng. Nếu vô minh chấp Tâm vọng làm ngã gây nên bảo thủ ý kiến, tranh chấp, đối kháng làm tiêu hoại tình thương, đưa nhân loại đến chỗ thù hận, đối nghịch.

Trong kinh dạy, do **Hoặc**: - Vô minh chấp Thân tứ đại vô tri giả hợp làm Ngã, và chấp Tâm vọng tưởng làm Ngã nên tạo nghiệp; do nghiệp, mới thọ khổ quanh quẩn không cùng.

b. *Giác Ngộ VÔ NGÃ*: Để đối trị với vô minh chấp ngã, Trí tuệ là ngọn đuốc sáng chiếu phá vô minh, ta xét Thân, Tâm này có thật là ngã không?

\* Về **THÂN**: Khi còn trong bụng mẹ là do tinh cha, huyết mẹ và thần thức chung hợp lại thành thai nhi, và nhờ máu huyết và hơi ấm của người mẹ nuôi dưỡng mới lớn lên được. Khi ra khỏi bụng mẹ, hài nhi phải hít thở dưỡng khí, bú sữa mẹ, rồi từ từ biết ăn uống, lớn lên.

Tất cả đều do **duyên hợp** mới trưởng thành; nên Phật dạy: “Thân sống còn được là do: - *Tứ đại bên trong bụng mẹ hợp lại, -Tứ đại bên ngoài nuôi dưỡng. Nếu có trong không có ngoài, hoặc có ngoài không có trong cũng không thể thành thân, nên phải trong ngoài chung hợp.* Hơn nữa, sự sống hiện tại từng phút giây chúng ta phải vay mượn tứ đại



bên ngoài, nếu không là chết ngay. Song lại còn sai lầm khi vay mượn bên ngoài đem vào thân, liền chấp nhận cái đó là của mình (ngã sở hữu), chấp càn, chấp bướng thật vô lý. Ví dụ: mượn không khí bên ngoài hít vào để sống, vừa hít vào khỏi mũi liền bảo là của tôi, rồi vội vàng thở ra, khi ấy là của ai? Các thứ khác cũng thế. Con người có hai cái sai lầm lớn:

Thân duyên hợp không có chủ, mà nhầm nhận là ta, là chủ. Chỉ trong phút giây không vay mượn là chết ngay, mà lầm nghĩ mình sống lâu. Phải dùng trí tuệ phân tích để thấy rõ rằng:

- *Thân này không chủ* (vô ngã), - *Thân này chẳng lâu dài* (vô thường). Tức là **Giác ngộ Thân vô ngã**.

\* *Về TÂM* (Thọ/cảm thọ, Tưởng/nghĩ tưởng, Hành/suy tư, Thức/phân biệt) duyên theo trần cảnh đổi thay luôn; Thế mà, khi có suy tư lại bảo tôi suy tư; Khi suy tư lặng mất, lại khởi nghĩ tưởng, thì ai nghĩ tưởng? Chẳng lẽ mỗi tâm trạng khác nhau mà cái nào cũng hỗn độn. Phương chi những tâm trạng này khi dấy khởi thì dường như có, khi tìm lại thì nó biến mất, vì là vọng, không thật. Thử nghĩ khi không khởi niệm nào, khi ngủ yên, không mộng寐 thì khi ấy mất mình, mất ta rồi sao? Do vô minh lầm chấp cái không thật (luôn thay đổi) mà tưởng là thật. Cái không chủ (Tâm vọng) mà tưởng là chủ. Phải dùng trí tuệ nhận thức rõ ràng để thấy đúng như thật vì vọng tâm có nhiều thứ... *Biết đúng như*

*thật, Tâm vọng không phải là chủ. Sống đúng như thật gọi là*

### ***Giác ngộ Tâm vô ngã***

a. Tóm lại:

i. Thân này có: - Tướng mạo, nhưng chỉ *giả có*: -  
Sanh diệt nên *vô thường*.

ii. Tâm, không có tướng mạo thô, nhưng có trạng  
thái vi tế luôn sinh diệt, cũng *vô thường*.

Thân, Tâm đều là tướng duyên hợp:

- Không có chủ, nên *vô ngã*.

- Bởi sinh diệt, nên *vô thường*.

- Vì vô thường, biến hoại hoại nên *khổ*,

- Biến hoại đến diệt tận là *không*. Khi thấy được:

Thân, Tâm này không phải là ta, nên mọi sự chấp về thân tâm  
đều xả bỏ; nên thân, tâm tạo nghiệp cũng dừng, quả khổ  
không còn - chấm dứt khổ. Kinh Bát Nhã gọi là *Giác ngộ*  
*Ngũ uẩn Phi ngã*

## ***2. Vô Minh KHỞI NIỆM - Giác Ngộ VÔ NIỆM***

a. *Vô Minh KHỞI NIỆM*:

Khi bắt thn tâm ta khởi niệm (khởi nghĩ đến việc gì) là đã  
che mờ Tánh Giác nên gọi là Vô minh. Tổ Lâm Tế nói:

- “ Chỗ ông dừng một niệm là Cây Bò Đè (tánh giác).

- Chỗ ông không dùng được, gọi là Cây Vô Minh (mờ tối)”

Ví như cái gương sáng (tánh giác) vừa có bụi bám vào (khởi niệm) thì mặt gương liền bị mờ tối (vô minh). Ngược lại, ta lau một phần bụi, thì gương sáng một phần; nếu lau chùi tất cả bụi trên gương thì gương sáng toàn diện. Trong kinh Lăng Nghiêm, Phật dụ: “*Chàng Diễn Nhã Đạt Đa soi gương quên đầu.*” Nếu thừa nhận đầu trong gương (chỉ là cái bóng) là đầu mình thật, thì nhất định đã quên mất cái đầu thật hiện hữu ngay. Cũng thế, nếu ta thừa nhận niệm khởi là tâm mình, thì nhất định chúng ta quên mất chân tâm thật hằng hữu của chúng ta. Nhận lầm như thế là vô minh. *Cái vô minh này vi tế hơn Vô minh chấp Thân Tâm là ngã*; vì vừa khởi niệm là đã vô minh, không đợi suy tư nghĩ tưởng.

*b. Giác Ngộ VÔ NIỆM:*

***Phải luôn nhớ Niệm dù Thiện hay Ác cũng đều là: - hư ảo, - không thật; là bóng dáng của ngoại trần, không phải là tâm ta.*** Nó làm cho tâm ta rối bời, loạn động, xao xuyến, làm mờ đi tánh giác; nên ta không nhận nó, không theo nó.

Ví dụ: Mắt ta đang sáng (vô niệm); bỗng có hạt bụi đất (cho là niệm ác), hay mạc vàng (cho là niệm thiện) rơi vào mắt (khởi niệm) thì vẫn làm mắt ta đau xôn như nhau. Ta phải nhìn thẳng, thấy niệm khởi là không thật, tạm bợ, ***Thử***

của nó là **không**, niệm lạng mắt (vô niệm) thì **Thể không, hiển lộ, hiện tiền là chân thật**.

Tổ Huệ Khả vì quên chơn tâm (Tánh giác, vắng lặng, bất động, trong sáng) chạy theo niệm khởi khiến tâm rối bời bất an; đến xin Tổ Bồ Đề pháp an tâm. Tổ bảo: ‘*Ông đem tâm nào bắt an ra đây, ta an cho.*’ Tổ Huệ Khả xoay lại chú tâm (chơn tâm) tìm cái tâm bất an (tâm vọng, không thật) nó lạng mắt nên tìm không được, liền thưa: *Con tìm tâm bất an không ra.* Tổ Bồ Đề bảo: *Ta đã an tâm cho ông rồi.*

*Chỗ niệm không khởi gọi là Vô tâm, hay vô niệm; đến đây không còn có tướng mạo gì nên nói là không.* Kinh Bát Nhã nói: **Không Tướng là không Tướng, không nghĩ thiện, không nghĩ ác là vô tâm, vô niệm, là Niết Bàn.** Kinh Bát Nhã, Phật dạy:

- Chiêu kiến ngũ uẩn giai không
- Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt.

Nhận thấy tường tận: Thân, Tâm nằm gọn trong cái **Thể không** mà thể không của các pháp này không sanh, không diệt. *Đạt đến chỗ không tâm, vô niệm mới nhận ra thể không ấy là chân thật.* Ngoại cảnh cũng là tướng duyên hợp, cũng là thể không.

Như vậy: **Thân, Tâm, Cảnh** cả ba đều là thể không. Thể không mà không phải không ngờ, ngoan không, không có gì

như lông rùa, sừng thỏ. **Chỉ là, Không có tự thể**; nhưng, có giả tướng.

Nhiều thiền sư ca ngợi:

- Vô tâm là thấy đạo.
- Vô tâm là bỏ đề.

Song cũng có thiền sư lại nói:

- *Mạc vị vô tâm vân thị đạo.* (chớ bảo không tâm gọi là đạo)

- *Vô tâm du cách nhất trùng quang.* (không tâm còn cách một lớp rào)

Nhớ: đến chỗ không tâm, vô niệm chỉ mới là bước vào cửa, chứ chưa thấy mặt ông chủ (tánh giác). Cần phải tiến sâu vào trong nhận ra được mặt ông chủ mới là cứu cánh.

### **3. Vô Minh Mê TÁNH GIÁC - Giác Ngộ TRI HỮU (biết có tánh giác)**

a. *Vô Minh Mê TÁNH GIÁC*: Bởi mê (quên) tánh giác, mới thừa nhận vọng niệm là mình, là vô minh. Từ đó muôn ngàn thứ sai lầm khác tiếp nối kéo theo, phát sinh. Ví như: Vì quên đường, mới đi lạc, đã đi lạc thì càng xa mục tiêu, càng khổ vì không tìm ra lối cũ để trở về; gốc từ cái quên ban đầu mà ra. *Cái khổ luân hồi cũng chỉ vì quên tánh giác.*

b. *Giác Ngộ TRI HỮU* (biết có tánh giác). Giác ngộ tri hữu là nhận ra mình có tánh giác; có nhiều tên gọi tùy theo công dụng:

❖ Liễu liễu thường tri một cách chơn thật =

Chơn tâm.

❖ Thật thể của thân tâm mà không có tướng mạo =

Pháp thân.

❖ Hằng giác không mê

= Bồ đề.

❖ Vĩnh viễn không sinh diệt(hằng hữu)

= Niết bàn.

❖ Chân lý tuyệt đối không bàn, nói đến được

= Đạo.

❖ Thể chơn thật không thay đổi

= Chơn như.

❖ Cái ta chân thật ngàn đời =

Bản lai diện mục.

❖ Quên tánh giác là mê, nhận ra mình có tánh giác, là ngộ.

Biết mình có nó gọi là tri hữu, tức là nhận ra được ông chủ thật của chính mình. Nhận ra ông chủ là hoàn toàn kiến tánh cũng gọi là Đại ngộ. Giác ngộ mình có tánh giác và hằng sống với “nó” gọi là hằng giác, cũng gọi là niệm chân như (thể chân như không thay đổi).

## **LÀM SAO BIẾT MÌNH CÓ TÁNH GIÁC?**

Tánh giác luôn hiện hữu trong mỗi chúng sinh, không bao giờ vắng thiếu, sinh diệt, thật sự là của mình mà chúng ta lại quên. Còn **Thân** giả dối, sinh diệt; **Tâm** hư vọng sinh diệt không phải là ta, là mình mà chúng ta lầm chấp là ta, là mình; rồi suốt đời sống với nó, nên phải chịu sinh diệt trầm luân muôn kiếp... Vậy, *làm sao biết mình có tánh giác.*

Tánh giác và chơn tâm là hai tên: **Tánh** và **Tâm** mà có cùng một **Thế** là cái tri giác (biết). Biết (thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết). Muốn nhận ra chơn tâm, chúng ta cần hiểu “*Tâm là cái gì?*”. Thân do Đất, Nước, Gió, Lửa hợp lại mà thành, nhưng chúng là vật vô tri, không lẽ ta là vật vô tri đó sao? Ta có tri giác mà! Vậy cái tri giác đó chính là Tâm. Thế là ai cũng thừa nhận cái Tâm tri giác đó là mình. Song cái tri giác dễ thấy, dễ nhận, nổi bật nhất là biết suy nghĩ, tưởng tượng, buồn thương, giận ghét... ấy chúng ta cho là tâm mình, nên vừa khởi nghĩ bảo là tôi nghĩ, vừa buồn bảo là tôi buồn... Thế là cả ngày cứ chạy theo chấp nhận những cái hỗn tạp lăng xăng... ấy là của mình. Nếu nó tạm dừng đôi phút thì cho là mất mình. Lầm chấp những thứ mang sẵn tính chất phức tạp, dao động, sinh diệt, không thật mà nghĩ là thật là thường rồi tưởng là mình không còn cái gì khác nữa. Quả thật là lầm to! Đã nói tâm là cái tri giác thì *khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần ta liền biết rất rõ nhưng chưa cộng tác với Ý*

*thức* (suy nghĩ, phân biệt). Không có tri giác thì làm sao gọi là thấy nghe... Vậy có thấy, nghe là có tri giác, là có Tâm. Tuy nhiên Tâm chia làm hai loại: Tâm vọng và Tâm chơn.

❖ **TÂM VỌNG:**

Là những cái suy tư, nghĩ tưởng, thương ghét, đối đãi, dao động, sinh diệt, vô thường. Khi tiếp xúc với sáu trần, tâm vọng *công tác với Ý THỨC* liền khởi tâm, động niệm, phân biệt, chấp trước sinh phiền não thật là phức tạp! Khi đây khởi thì dường như có, tìm lại nó thì không; lúc có, lúc không nên thật là VỌNG.

❖ **TÂM CHƠN:**

Là tánh giác khi tiếp xúc với sáu trần *không công tác với Ý thức*, biết rất rõ mà không dính mắc.

○ Cái có: **Bản thể tri giác**, sáng suốt, lặng lẽ, thường hằng, bất động, vô sinh... ở bên trong, phát ra *Diệu dụng tri giác* qua sáu căn ở bên ngoài: - ở mắt gọi là *Tánh thấy*, - ở tai gọi là *Tánh nghe*..., ở ý gọi là *Tánh biết*. Dù nói có trong là chơn tâm, bản thể, tri giác; có ngoài là diệu dụng Tánh ở sáu căn, nhưng không phải là hai: Thể Dụng khác nhau, vì dụng dường như có sáu (sáu căn), nhưng Thể vẫn là một, một tánh giác là Biết.

Song làm sao biết chơn tâm thường hằng hiện hữu? Lấy mắt và tai làm đại biểu cho bốn cơ quan còn lại, mà khảo sát:



1. **MẮT:** Thấy cảnh: - Cảnh có thể đổi thay, có muôn hình vạn trạng; nhưng tánh thấy của mắt không thay đổi.

Khi có cảnh, thấy có cảnh. Khi không có cảnh, vẫn thấy không có cảnh, - mở mắt, thấy sáng, - nhắm mắt, thấy tối. Thấy tối, sáng là do mắt nhắm hay mở; nhưng tánh thấy vẫn luôn có nên mới thấy được tối, sáng. Ví như, lấp bóng đèn vào thì sáng, tháo bóng đèn ra thì tối. Sở dĩ có sáng tối là do có bóng đèn hay không, chứ điện (tánh thấy) lúc nào cũng có. Mắt bị mù nhưng tánh thấy vẫn không mất. Tính thấy sẽ chuyển qua các cơ quan khác, nên người mù không thấy cảnh, nhưng lỗ tai nghe nhạy hơn, rõ hơn, ý nhớ lâu hơn, cảm xúc mạnh hơn. Vậy *tánh thấy thuộc về Tâm TRI GIÁC*, chứ không thuộc về cảnh bên ngoài, nên không bị cảnh chi phối. Nó chính là **Tâm** vì có thấy là có biết, biết tức là tâm.

2. **TAI:** - Có tiếng, thì nghe tiếng, - không có, cũng nghe không có. - *Tiếng động lúc có lúc không*; - *Tánh nghe lúc nào cũng có*. Cho đến khi ngủ dường như không nghe, song khi có tiếng động mạnh liền giật mình chỗi dậy. Nếu không nghe làm sao chỗi dậy? *Tiếng động có nhiều thứ, nhưng tánh nghe vẫn là một*, vẫn phân biệt được tiếng nào ra tiếng đó: trống, đờn, chim hót... Tánh nghe quả là Tâm. Ngay cả khi tai điếc thấy miệng nhóp nhép đoán biết người kia nói gì. Vậy Tâm biết thấy, nghe.... vẫn luôn hằng hữu nơi chúng ta. Nhưng tối kỵ khi có ý thức hợp tác với nó. Vì khi ý thức xen

vào thì tánh thấy, nghe không còn tính chân thật, thường hằng của nó nữa. Vì ý thức là cái so lường, phân biệt luôn luôn biến động. Ý thức hợp tác với cái nào thì cái đó chịu ảnh hưởng của nó, và *ý thức như cặp kiếng màu*. Khi đeo vào thì ta *không* thấy cảnh vật thật của vật đó nữa! Cho nên muốn sống với *Chân tâm của sáu căn*, chúng ta không thể cho ý thức hợp tác vào tánh biết tinh khôi của tâm. Tuy nhiên, nhìn vào bên trong chúng ta vẫn có cái tâm chân thật. *Tâm này thấy biết sự dong ruổi của ý thức vọng niệm khi dấy khởi, khi hoại diệt*. Nếu không có chơn tâm ấy làm sao chúng ta biết được khi có vọng, khi không có vọng; lúc có ý thức hợp tác, lúc không có ý thức hợp tác. *Cái biết được vọng khi sanh, khi diệt đó quyết định không phải là vọng mà là chơn*. Cái thấy rõ sự sanh diệt của vọng quả là không sanh diệt. Vọng dấy lên là do căn tiếp xúc với sáu trần, rồi nương theo bóng dáng của trần nên có tướng mạo thuộc về duyên sanh nên mới có hợp tan sinh diệt. Cái biết vọng chưa từng dấy lên, chưa từng lặn mất, chưa từng theo trần cảnh nên không lệ thuộc vào nhân duyên, nên không có tướng mạo thường hằng hiện hữu, chân thật bất biến. Nhận ra cái này là thấy được chân tâm bên trong. Dù nói có trong (chơn tâm), có ngoài (tánh biết của sáu căn) khác nhau, ở mắt thì biết thấy, ở tai thì biết nghe... Nhưng Thể thường biết rõ ràng, trong lặng, không tướng mạo: **Thể** chỉ có một (biết); **Dụng** thì có

sáu; nhưng không phải là hai vì về dụng đường như có sáu (Tánh thấy...); về Thể vẫn có một là tánh giác, tức là biết. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nhất tinh minh (Tâm thể - Tánh giác - Tánh biết) sinh lục hòa hợp (Tánh thấy,...biết). Ở mỗi cơ quan đều có chữ Tánh đứng đầu, chứng tỏ ở mỗi nơi đều từ Tánh giác phát ra vì: **Thể** thì rỗng lặng nên nói Pháp thân thanh tịnh. **Thể** hằng giác nên nói **Phật Tánh, Chơn tâm**. Khi ta nhận ra được tánh giác ấy thì sáu căn đều thông suốt cho nên câu: “**Phản quang tự tánh**” rất hệ trọng.

**Tóm lại:** Chúng ta muốn nhận ra tánh giác hay kiến tánh phải từ sáu căn mà phăng tìm, nổi bật nhất là ở hai căn: Mắt có tánh thấy, Tai có tánh nghe là đã đến đầu đường Niết Bàn. Hoặc nhận ra tánh giác từ Ý căn, cái mà biết có ý thức hay không có ý thức; có niệm hay không có niệm. Cái giác hiểu: - thường trực, - không có tướng mạo được gọi là Chơn tâm. *Vừa khởi niệm là mất chơn tâm; niệm lặng là chơn hiện:* - không niệm là chơn; niệm khởi là vọng. Chơn, vọng dường như có hai mà thực ra không phải là hai. Ví như sóng là vọng; mặt biển là chơn. Nhưng sóng không thể rời nước (mặt biển) mà có được. Sóng phải từ nơi mặt biển hợp với duyên mà dấy khởi. Khở nổi, khi nhìn thấy sóng nổi lên hình tướng (dụng), chúng ta quên mặt biển (bản thể). Muốn thấy mặt biển, chỉ cần sóng dừng.

- Bỏ sóng (vọng tâm) để đi tìm mặt biển (chơn tâm) là khờ.

- Diệt sóng (vọng tâm) để thấy mặt biển là dốt.

Bởi vì Vọng chỉ là cái Dụng (sóng, động) của Bản thể (mặt biển, tịnh). Vọng dừng thì chơn hiện. Cái chơn nó: - Trùm khắp cả trong lẫn ngoài, - Thường có mặt mà không có tướng mạo, - Hằng giác tri mà khó nhận biết. Với tính chất mênh mông, rộng lớn, không tướng mạo hằng giác tri nên ta khó thấy. Ngược lại, vọng nó có tướng mạo do duyên hợp tạm có tướng giả nên ta dễ thấy.

**GIẢI NGỘ:** là nhân nghe một câu kinh, một lời chỉ dạy của thiện trí thức liền thấy được bản tánh - Vì hiểu nhanh, nhận ra nhanh nên gọi là ĐÓN NGỘ. Từ Phật, tổ, thầy, bạn dạy mà ngộ đạo đó là hữu sư trí, trí biết do học hỏi từ bên ngoài mới có, ví như Bác sĩ, Kỹ sư... do học mới được, chứ vừa sinh ra không có. Giải ngộ mới là kẻ thấy đường về quê (với bản tánh, chơn tâm) chưa phải đã về đến quê, nhà. Được giải ngộ chỉ mới thanh toán xong 50% nghi ngờ trên đường tu. Cổ đức nói:

*“Đón ngộ tuy đồng Phật.*

*Đa sanh tập khí thâm.*

*Phong đình ba thượng dững (gió dừng sóng vẫn vỗ).*

*Lý hiện, niệm du xâm (còn xâm lấn)”*

Nghĩa là chỗ thấy không khác chư Phật, nhưng tập khí sâu dày chưa sạch được - cần phải nỗ lực buông bỏ vọng tưởng mới chứng ngộ được. Chưa giải ngộ thì cần phải tham vấn cho giải ngộ. Khi giải ngộ được rồi cần phải tu hành cho chứng ngộ.

**CHỨNG NGỘ:** Là chỗ công phu tu tập được viên mãn - An trú (sống) trong tánh giác trọn vẹn. Chứng ngộ là do công phu tự tu hành của mình phát ra không còn do Thầy Tổ chỉ dạy nữa nên gọi là Vô sư trí - trí giác biết không do thầy dạy. *Chứng ngộ cái của mình vốn đã có sẵn không phải đem từ bên ngoài vào. Khi chứng ngộ mới thoát ly sinh tử được.*

**Tóm lại:** Được giải ngộ là đã tách khỏi đường mê (vọng tưởng, điên đảo, quên tánh giác) là con đường khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần có Ý thức hợp tác khởi niệm phân biệt, chấp trước; vào đường giác sẵn có nơi chính mình. Giải ngộ chỉ là mới biết phân chia đường mê và đường giác thôi. Trên đường giác, phải cố gắng đi đến đích, hòa nhập và sống trọn vẹn với tánh giác mới gọi là chứng ngộ.

Buổi đầu, hành giả do Phật, Tổ... chỉ dạy mới phát sinh trí tuệ là Hữu Sư Trí. Khi biết rõ đường lối tu hành, phải tự mình hạ thủ công phu tu tập, trí tuệ tự phát sinh là Vô Sư Trí. Trí này tương đương với Huệ trong Giới - Định - Huệ. Có được vô sư trí mới thoát ly sinh tử, nên thiền tông gọi là: **“Kiến tánh, Khởi tu”**.

## B. NHÂN QUẢ - NGHIỆP BÁO

Thi hào Nguyễn Du viết:

“Đã mang lấy nghiệp vào thân,

“Thì đừng trách lẫn trời gần trời xa,

“Thiện tâm ở tại lòng ta,

“ Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”

**Nghiệp** là do thân khẩu ý của mình tạo ra, và chính mình phải chịu trách nhiệm nhận lãnh quả báo khổ vui đó, chứ không phải do *ông trời* nào, ở gần, ở xa bên ngoài áp đặt cho mình được, nên đừng trách phỉền ông ấy.

Ngài *Khổng Tử* nói:

“ *Thiên thính tịch vô âm.*

*Thương thương hà xứ tâm*

*Phi cao, diệc phi viễn.*

*Đô chỉ tại nhân tâm.”*

Nghĩa là **“trời”**: - nếu dùng lỗ tai để nghe, thì chẳng nghe được gì! Nếu dùng con mắt để tìm; thì chỉ thấy một màu xanh xanh, chẳng có gì khác. Vậy Trời không ở trên cao, cũng không ở nơi xa xăm nào, mà **Trời ở ngay trong Tâm con người**.

Qua hai nhận xét trên cho thấy, *Tâm con người mới chính là tác nhân tạo nghiệp*, rồi nhận lãnh nghiệp quả; chứ

không có ông Trời nào bên ngoài áp đặt nghiệp cho con người cả, mà than trời, trách đất. *Vậy nghiệp là gì?*

Một trong những điểm đặc thù của đạo phật là **Nghiệp báo và Luân hồi**. Nói đến nghiệp là phải nói đến **Nhân Quả**. *Nhân* là nguyên nhân chính, hợp tác với duyên là những điều kiện phụ, để tạo ra *Quả báo* hay *Nghiệp báo*. Báo là báo đáp lại, đền trả lại. Khi Ý nghĩ điều gì, thiện hay ác... ý sẽ chủ động sai sử điều khiển cho Thân làm theo; Miệng nói theo điều mà Ý đã nghĩ. Hành động của Ý, Thân, Miệng, lặp đi lặp lại nhiều lần thành thói quen, bỏ không được mới tạo thành nghiệp.

Ban đầu, nghiệp do ta tập, ta tạo; về sau, nghiệp nhân kết thành nghiệp lực dẫn dắt, thúc đẩy ta phải nhận nghiệp quả, phải đi tái sinh vào cảnh giới tương ứng với nghiệp nhân đã tạo (đã vay nợ); để trả quả (trả nợ). Ví như vừa sinh ra, đâu ai biết uống rượu, hút thuốc; rượu, thuốc cũng không hề mời gọi, bắt buộc ai phải uống, phải hút, chỉ do ta tập uống, tập hút nên mới tạo thành nghiệp lực thúc đẩy ta tìm kiếm mỗi khi thấy cần, như câu:

*“Tửu bất túy nhân, nhân tự túy;*

*Hoa bất mê nhân, nhân tự mê”.*

Cô gái đẹp đâu có mời gọi ai phải yêu thương cô, chỉ vì ta tự khởi tâm ái dục cô mà không được đáp ứng nên mới tự chuốt lấy khổ.

## NGHIỆP XUẤT PHÁT TỪ HAI NGUYÊN NHÂN:

1. **Phản ứng nghiệp**: Khi có người xúc phạm, ta vội vàng giận dữ, **phản ứng** lại. Nếu nhìn kỹ thì ta thấy kẻ xúc phạm là **Chủ** còn ta hành xử như kẻ **Tôi tớ** là nạn nhân của họ. Sự phản ứng ấy xuất phát từ kinh nghiệm trong quá khứ của tâm thiếu bình tĩnh sáng suốt. *Phản ứng này chính là Nghiệp*, là một năng lực kết hợp tạo nên xiềng xích cho đời ta, vì muôn lần gặp mặt là muôn lần phản ứng. Nỗi khổ niềm đau của ta bộc phát ra phản ứng, tích lũy thành nghiệp chứ không do Ông Trời nào bên ngoài tạo ra rồi áp đặt cho ta phải chịu cả.

2. **Đáp ứng nghiệp**: Cũng từ việc bị lăng nhục, xúc phạm, nếu ta trầm tĩnh lắng nghe, *chỉ lắng nghe mà không đi ngay vào phản ứng*. Giống như một tấm gương sáng chỉ tiếp nhận rồi phản xạ lại tất cả mọi vật xuất hiện trước nó; Từ tấm gương vắng lặng trong sáng chứ không từ kinh nghiệm quá khứ, thì một sự **Đáp ứng** xuất hiện, ta chỉ lắng nghe trong im lặng thì chẳng có gì phải giận dữ cả.

Nếu ai đó nói đúng thì ta cảm ơn, vì họ đã giúp ta biết được điều lầm lỗi của ta, mà ta chưa biết.

Nếu họ nói sai, thì ta chỉ cần hòa nhã nói, tôi đã nghe nhưng chúng không đúng. Đã không đúng, thì tại sao mình phải giận dữ, phản ứng lại? Để hóa giải phản ứng, cả Đông,



Tây đều khuyên: *Phải uốn lưỡi bảy lần trước khi nói*; hoặc *hít thở* thật sâu trước khi hành động. Nguyên tắc đơn giản của vấn đề là sau 24 giờ nếu điều họ nói đúng thì còn gì ta phải bận tâm nữa. Nếu họ nói sai thì đó là vấn đề của họ. Họ sẽ nhận quả báo, không còn gì để ta phải lo lắng.

Sự đáp ứng chỉ dành cho người hoàn toàn tĩnh thức, chánh niệm là một phản xạ thuần khiết của một tấm gương, nó xuất hiện ngay bây giờ và ở đây, ngay lúc gương tiếp xúc với vạn vật trước nó. Thiên, ác in bóng rõ trước gương và sau khi ra khỏi gương thì chỉ còn lại gương sáng; Nghiệp chẳng hề in dấu vết được. Người tĩnh thức chỉ đáp ứng thì không tạo ra bất kỳ sự tù túng nào giống như **“làm mà không làm”** vậy thôi. Ta chủ động (ông chủ) tất cả, ta không phải là sản phẩm phụ (là tôi tớ, nạn nhân của ai cả) của hành động mình làm. Dù tốt hay xấu bao giờ mình cũng lớn hơn chúng.

*Ta là vị cứu tinh của đời ta và chính Tâm ta đang tạo ra Thiên đàng hay Địa ngục cho ta.* **Tổ Đạt Ma dạy:** *“Bạn là chủ đời bạn, là định mệnh của bạn”* vì ta có thể chủ động gián tiếp thay đổi nghiệp (hành động, thói quen) ngay lúc gieo nhân để tạo ra con người mới tươi trẻ hơn với nhiều nhận biết hơn.

Có lần Phật đi thuyết pháp gặp cảnh một chủ nô đánh đập tàn nhẫn người nô lệ. Phật thân nhiên bỏ đi như không hề thấy... Các vị tỳ kheo tháp tùng ngạc nhiên thưa thỉnh, xin Phật chỉ dạy. Phật đáp, ta có thấy cảnh thương tâm ấy, nhưng *kẻ đáng thương chính là tên chủ nô ấy*, đã biết nhân quả nhưng vì sân giận nên tự ý gieo nhân ác, mai hậu chính y phải gặt nghiệp quả xấu. Chỉ vì tham sân si chẳng biết sợ **Nhân** thật đáng thương. Còn người nô lệ kia vì kiếp trước đã gieo nhân , nên nay gặp thuận duyên, dù khổ mấy cũng phải hái trọn quả, trả cho hết nợ cũng là điều tốt. Từ câu chuyện trên, rút ra được bài học nhân quả:

**1. Luật Nhân Quả là chân lý:** Qua câu “*Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, chỉ tranh lai tảo dữ lai trì*” hoặc câu “*Tự tác hoàn tự thọ*”. Hễ gieo nhân nào thì phải gặt quả đó.

**2. Sự chặt chẽ của tương quan nhân quả:**

– *Có nhân thì có quả*, không thể có quả mà không có nhân hoặc ngược lại có nhân mà không có quả.

– *Ai gieo người ấy gặt*, không thể kẻ này gieo mà người khác gặt,

– *Không thể san sẻ cho người khác*, phước ai nấy hưởng, họa ai nấy mang. Nghiệp báo hoàn toàn có tính cá nhân, bất khả chuyển nhượng, không như tài sản của thế gian.

- *Luôn luôn tương xứng*, công bình tuyệt đối, phải trả hết quả tương xứng với nhân đã gieo; chỉ trả hết nợ khi trả đủ nợ.

Phật thông cảm với nỗi đau khổ của người nô lệ, nhưng không can thiệp, đành để đương sự hái trọt quả xấu, vì Ngài không thể thay đổi tương quan nhân quả được. Đã gieo nhân rồi thì không thể bay lên trời cao, lặn xuống bể sâu hay chui vào hang núi thẳm *;nghịch*”, “***Bồ tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả***”. Người chủ nô dù biết nhân quả, nhưng vì sân, cứ tự ý gieo nhân ác, khi đủ duyên thì phải nhận mới biết sợ thì đã quá muộn; xoay qua lễ lạy cầu xin Phật, Trời giảm khinh, tha thứ thì các Ngài cũng bó tay. Như trên ta thấy hễ ***có tác ý là có tạo nghịch*** nhân trong quá khứ, hoặc ngay trong hiện tại, thì trong kiếp này hay kiếp sau phải đền trả nghiệp quả tương xứng, công bằng tuyệt đối.

- *Nhân quả tức thì*: như người đang mê mờ bị phiền não hoành hành, chợt tỉnh thức chánh niệm sống trọn vẹn trong hiện tại, hoặc chủ tâm niệm Phật, lập tức hóa giải được phiền não ngay.

- *Nhân quả hiện tiền*: Người thợ săn, sáng sớm gặp vị tỳ kheo đi cả ngày mà chẳng săn được con thú nào; nên nghĩ rằng vị tỳ kheo này xúi quẩy. Trên đường về, tình cờ gặp lại vị tỳ kheo này; thợ săn nổi giận, xua chó săn cắn cho bỏ ghét; vị tỳ kheo leo lên cây để tránh chó. Người thợ săn còn

đến gần gốc cây giương cung bắn tiếp. Thầy tỳ kheo sợ hãi, lúng túng, vung vẩy làm rớt chiếc cà sa xuống , trèo lên người thợ săn. Bầy chó thấy có người cựa quậy trong cà sa, chúng tưởng rằng đây là con mồi nên xúm lại cắn chủ chúng. Từ nhân tới quả chỉ trong khoảnh khắc, nhãn tiền.

- *Nhân quả đồng kiếp*: Ông A Xà Thế là vua của nước Kiệt Đà, giết vua cha là Tần Bà Xa La để soán ngôi. Sau đó, ông bị chính con ông giết để chiếm ngôi. Loại nhân quả tức thì, nhãn tiền, đồng kiếp cùng xảy ra trong một kiếp, nên chúng sinh có thể liên tưởng thấy rõ mối tương quan nhân quả.

- *Nhân quả dị kiếp*: Gieo nhân từ kiếp nào mà đến kiếp này mới có quả. Chỉ có phật nhãn, như Phật mới thấy được người nô lệ đã gieo nhân ác từ tiền kiếp, đến kiếp này đủ duyên phải trả, dù Ngài có can thiệp cũng chỉ giúp hoãn nợ mà thôi, đồng thời Phật cũng muốn để cho chúng sinh thấy biết và ý thức được cái cường độ đau khổ ghê gớm của quả ác để mà sợ, mà tỉnh thức lúc gieo nhân. Nên nhớ, Đức Phật khuyên chúng sinh phải luôn thận trọng, tỉnh thức chọn nhân thật kỹ ngay lúc gieo để dứt ngay cái gốc khổ đau, mới đoạn tuyệt được quả khổ đau về sau, tức là phòng bệnh là cách cứu độ chúng sinh của Đức Phật - Ngài cũng đã dạy **Giới luật** và **Giao pháp**, chúng sinh phải lấy đó làm Thầy, luôn tinh tấn thực hành theo, thì sẽ hết khổ. *Phòng bệnh hơn chữa*

*bệnh là tôn chỉ của Đạo Phật.* Còn chúng sinh vì vô minh và ái dục nên mãi gieo nhân bừa bãi đến khi nhận quả khổ mới biết sợ thì đã quá muộn! Nên, giáo lý có câu: - Bồ Tát sợ Nhân; - Chúng sinh sợ Quả; là thế.

Trong cuộc sống hàng ngày chúng sinh đã từng tạo nhiều nghiệp nhân khác nhau, thiện có, ác có chánh có, tà có, thiện ít ác nhiều hoặc thiện nhiều ác ít... lại thêm nghịch duyên, thuận duyên... thật phức tạp. Thế nhưng, **Phật dạy**: Có một bộ máy theo dõi, ghi nhận, lưu giữ, lựa chọn, cân đo đong đếm, bù trừ đầu vào đầu ra không sai không lộn, tuyệt đối vô tư, công bằng, đó là **Tâm**. Tâm luôn luôn ở trong thân:

- **Tâm mình làm quan tòa.**

- **Chân lý Nhân quả làm luật** để phán xét, định đoạt khổ vui, họa phúc.

- **Mình là kẻ thọ nhận quả báo do chính Tâm mình phán xét theo luật nhân quả.**

Không ai ở bên ngoài có quyền can thiệp được, ngay cả Đức Phật.

Việc làm của Tâm vô cùng huyền diệu và phức tạp ngoài tưởng tượng của chúng sinh; Có thể gọi là Nghiệp báo. Nhân đã thế, Duyên đã thế, thì cuộc sống (quả báo) phải như thế, không thể sai khác. Trừ trường hợp ta ra sức nghĩ tốt, làm tốt, nói tốt, tự mình chuyển đổi cuộc sống (quả báo). **Phật**

**dạy:** “*Chính do cái nghiệp riêng của mỗi người khác nhau, nên mới có cảnh dị đồng của chúng sinh*”.

**3. Nhân quả không tự hoại:** Kinh viết “*Dã sử bá thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ*”.Đã gieo nhân ắt phải gặt quả. Muốn vô hiệu hóa hay triệt tiêu nhân xấu, cách duy nhất là phải: - **Sám hối** và - **Làm việc thiện**. **Sám hối** là biết lỗi phải sửa ngay và nguyện về sau không tái phạm nữa. Sám để trừ tiền khiên và hối để trừ hậu báo, còn **làm việc thiện** là để hóa giải những việc ác đã làm. Ví như lỡ pha một ly cà phê quá đắng không uống được thì ta phải cho thêm nước, thêm đường vào để hóa giải vị đắng kia đi. **Tất cả nhân đã gieo đều được lưu lại trong A-lại-da-thức** (thức thứ 8) luôn bám sát chủ nhân từ kiếp này sang kiếp khác như bóng theo hình, như bánh xe theo chân con vật kéo; theo mãi cho đến khi không còn nghiệp nhân mới đoạn tận nghiệp quả; mới thoát được vòng sinh tử luân hồi.

**4. Vài đặt tính của Nghiệp:** - Người chủ nô không phải là người chủ nợ của người nô lệ, nên Phật mới nói vì sân giận...người chủ nô chỉ là loại thuận duyên để người nô lệ trả nợ mà thôi. Nợ nghiệp báo không lệ thuộc vào thời gian, không gian và cũng không nhất thiết phải trả đúng chủ nợ. Hễ hội đủ thuận duyên thì phải trả cho bất cứ ai, bất cứ ở đâu và bất cứ thời điểm nào cũng được, mình đã trả nợ đủ

thì nợ mới được xóa. Không giống như thế gian, nợ phải trả cho chính chủ nợ, đúng thời gian, nơi chốn và cũng không thể vay ít trả nhiều (trả lãi) hoặc quyt, trốn. Nợ nghiệp báo thì không thể không trả; và nếu biết sám hối, biết làm điều thiện lành mới được giảm và xóa mà thôi. Phật dạy: “Một muỗng muối cho vào chén nước thì quá mặn; nhưng đổ xuống Sông Hằng thì nước sông đâu có mặn chút nào”. Dù cho Phật, Bồ Tát cũng không tránh được nghiệp báo, nếu còn chút dính dư nghiệp vẫn phải đền trả trước khi nhập vào vô dư y niết bàn.

**5. Tự do ý chí:** Tuy Phật biết chủ nô đang tự ý gieo ác nghiệp, nhưng Ngài không can gián, cản ngăn cho thấy con người hoàn toàn được tự do lựa chọn trong chiều hướng chủ động, tự do suy nghĩ, nói năng, hành động và phải chịu trách nhiệm về phước, họa từ lựa chọn ấy. Chẳng có đấng toàn năng nào can thiệp vào được cả, nên đừng đổ thừa, trách cứ ai. Con người chủ động tạo ra số phận mình, và tự cải tạo số phận ấy.

Còn thuyết định mệnh cho rằng con người hoàn toàn thụ động, lệ thuộc vào năng lực vô hình bên ngoài định đoạt. Mọi điều kết hung về cuộc sống riêng tư của con người đều do Thượng Đế. Con người chỉ phải thành thật nhận tội; hết lòng lễ lạy, thờ phượng và phải tha thiết cầu khẩn, van xin mới được Thượng đế xóa tội và cứu rỗi - tức là phải cúi đầu

chấp nhận điều mà Trời ban, Trời bắt chứ không tự mình chủ động sửa đổi được. Thuyết này khó lý giải được những sự phong phú, đa dạng trong cõi nhân sinh này, mà còn hàm chứa sự bất công phi lý- Và nếu con người phải quên mình, chỉ phải vâng phục theo mệnh lệnh của Thượng Đế tức là giao mạng sống, giao thân tâm mình cho Thượng Đế ngự trị, định đoạt tất cả; mình chỉ phải sao chịu vậy, không còn bận tâm đến trách nhiệm, bổn phận với thân tâm mình nữa thì thử nghĩ khi vì vô minh và ái dục tự mình làm điều sai phạm luật lệ thế gian, không hợp nhân quả bị xử phạt tù tội hay tử hình, thì có ai đã đứng ra giải cứu dùm hay chịu tội thế cho mình chưa, hay cũng chỉ chính mình thọ nhận quả báo đó thôi!

Thuyết nghiệp báo của nhà Phật không phải do tiền định, bất khả xoay xở, chuyển dịch mà con người hoàn toàn chủ động, có khả năng sửa đổi Nghiệp báo bằng cách gieo nhân tốt tại kiếp này để đạt được quả tốt về sau. Khoa tử vi cũng có câu: “Đức năng thắng số”

## ***6. Niềm tin và nghiệp báo***

*a. Về cá nhân:* Một người tin vào chân lý Nhân quả- Nghiệp báo là một định luật vận hành tự nhiên trong vũ trụ vạn vật thì khi nhận quả báo không còn nghi ngờ, than trời, trách đất nữa mà chỉ y giáo phụng hành, chuyên tâm làm theo lời Phật dạy:

- *Chư ác mạc tác:* không làm tất cả điều ác, dù nhỏ.



- *Chúng thiện phụng hành*: phải làm tất cả các điều thiện, không bỏ qua một việc thiện nào.

- *Tự tịnh kỳ ý*: phải luôn giữ tâm ý thanh tịnh (không khởi lên một niệm thiện hay ác).

Được vậy thì chấm dứt được khổ đau và giải thoát khỏi luân hồi, sinh tử. Nếu bị xử tệ hoặc ám hại ,... cũng chẳng cần giận, oán thù vì như vậy chỉ để lửa sân có cơ hội nung nấu tâm can mình một cách oan uổng, hãy yên tâm giao phó cho lý Nhân quả cân phúc, luận tội.

b. *Với xã hội*: Mọi cá nhân đều giữ được tâm bình ổn sẽ tạo thành một xã hội bình cho mọi thắc mắc, băn khoăn của con người về cuộc sống thiên sai vạn biệt tưởng chừng như quá bất công phi lý này.

c. *Luân hồi do đâu mà có?* Từ lúc con người gieo những Nghiệp nhân tích tụ tạo thành Nghiệp lực, thúc đẩy dẫn dắt con người đi thọ nhận Nghiệp quả phải luân hồi tái sinh trong ba cõi: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và 6 nẻo luân hồi: Trời, Người, A-tu-la, súc sanh, Ngạ quỷ và địa ngục. Còn bị luân hồi là còn chịu khổ (3 khổ-8 khổ) và còn bị luật vô thường chi phối nữa làm cho khổ thêm. Cho dù có vui, có hạnh phúc cũng chỉ là tạm bợ, chưa phải là vui, hạnh phúc thật sự, vì còn nghiệp chi phối. Chỉ khi nào chấm dứt nghiệp nhân , đoạn tuyệt nghiệp quả, ra khỏi luân hồi, đạt được trạng thái vô sinh của cõi Cực lạc Niết bàn, hữu thường, mới

là An lạc hạnh phúc tuyệt đối mới là chân hạnh phúc. *Cứ có tác ý là có tư tưởng xen vào là có tạo nghiệp.* Vì vậy, Phật giáo mới đề cao sám hối để chuyển tư tưởng từ Ác sang Thiện, khi tư tưởng chuyển thì nghiệp báo chuyển. Tư tưởng dứt là phi tư tưởng, hay vô niệm thì nghiệp báo cũng dứt. Muốn chấm dứt nghiệp báo phải tinh tấn thực hành, phải luôn Tỉnh thức, Chánh niệm và thiền Tứ Niệm Xứ là *sống trong thực tại hiện tiền, đang đi chỉ biết đang đi... không nghĩ đến chạy hay chuyện gì khác ngoài nhất tâm biết mình đang đi*, sẽ giúp ta chấm dứt được khổ đau phiền não... đưa ta vào cõi Hữu Dư Y Niết Bàn tức là Tâm đã được rỗng rang, thanh tịnh, nhưng còn thân tứ đại, còn nghiệp báo sinh diệt, và tương lai sẽ được giải thoát khỏi vòng luân hồi, sinh tử nhập vào Vô Dư Y Niết Bàn vô sinh (hết sạch Nhân quả-Nghiệp báo).

### ***NGHIỆP BÁO CÓ NHIỀU LOẠI:***

+ *Tích lũy nghiệp:* Là những thói quen tốt xấu trong đời quá khứ tích tụ dồn chứa lại tạo thành.

+ *Tập quán nghiệp:* Là những thói quen do phong tục, tập quán, tín ngưỡng trong hiện đời tạo thành.

+ *Cực trọng nghiệp:* Là tội tối quan trọng như giết cha mẹ, giết thánh tăng A La Hán, làm thân Phật chảy máu

và phá hòa hợp Tăng. Phạm các trọng tội này, khi chết bị đọa vào địa ngục ngay.

+ *Cận tử nghiệp*: Là những thói quen Ác (Ác nghiệp như tham, sân si) đã chứa nhóm lưu giữ trong A Lại Da Thức. Đến khi sắp chết, chúng nó trôi lên dẫn thần thức đi tái sinh.

Hễ sân khởi lên thì phải đọa vào cảnh giới địa ngục- Si khởi lên thì thần thức phải đọa vào súc sanh và tham khởi lên là phải vào ngã quý. Đã là con người rồi, khi chết bị đọa là Tâm đọa, trạng thái tâm thức hành xử tương ứng như loài đó.

#### *LẠI CÒN CÓ:*

+ *Bất định nghiệp*: Là loại nghiệp chỉ *do hành động của Thân hoặc Khẩu tạo*, không có sự hợp tác của ý thức. Ví dụ: vô ý chân đạp trúng người khác, miệng nói lời xúc phạm đến người khác ta vội vàng bày tỏ sự ăn năn và thành thật xin lỗi, là họ vui vẻ bỏ qua nên không thành nghiệp báo. Đây là nghiệp bất định.

+ *Định nghiệp*: Là loại nghiệp *phát sinh từ Ý nghĩ Thiện hoặc Ác*, chủ động chỉ đạo cho thân làm theo, miệng nói theo điều ý đã nghĩ, tạo thành loại định nghiệp, ví như bị con kiến nhỏ cắn đau quá, khi gặp nó ta khởi tâm giết nó để trả thù, nên chân vừa đạp lên nó, vừa chà xác, miệng lại nói, mày cắn tao đau tao phải giết chết mày. Đây là loại định

nghiệp vì có tác ý nên phải trả quả báo về sau, không thể thoát.

+ *Đồng nghiệp*: Là cùng chung một thói quen giống nhau như cùng học bác sĩ, ra trường cùng hành nghề bác sĩ... giống nhau.

+ *Biệt nghiệp*: Là thói quen khác nhau nên hành nghề cũng khác nhau như bác sĩ thì chữa bệnh, nông phu thì chuyên về việc canh tác thực phẩm... Lại có trường hợp, cùng một sự vật, sự việc, chỉ vì biệt nghiệp mà có cái nhìn khác nhau, quan niệm khác nhau như: Cũng là nước; nhưng với cá thì nước là lâu đài, với người thì nước dùng để uống, tắm giặt.... với chư thiên thì nước là lưu ly, còn với loài ngựa quỷ thì nước là máu, chúng không uống được. Và trong đồng nghiệp lại cũng có biệt nghiệp nữa như cùng đồng nghiệp bác sĩ, nhưng lại có bác sĩ toàn khoa, bác sĩ chuyên khoa răng hàm mặt, tai mũi họng...

### C. PHÁP MÔN TINH ĐỘ:

Hầu hết chúng sinh cõi Ta bà luôn hướng ngoại, mãi mê mong tìm những thứ vàng bạc, vật chất, sinh diệt cho là quý giá nên chuốt lấy khổ! Để độ thoát chúng sinh, bất đắc dĩ pháp..., môn nào Phật cũng dùng phương tiện (sự) để dẫn dụ cúng sinh trở về cứu cánh (lý), là cách “*dĩ huyển độ chân*”.

Ví như trong nhà có ông chủ là cứu cánh; muốn gặp được ông chủ, trước tiên phải nương theo cửa chánh, hoặc cửa phụ (phương tiện) mới vào trong, mới gặp ông chủ được.

Pháp môn *niệm phật* có hai cách:

- Trì danh niệm Phật (Kinh A Di Đà).

- Quán Tượng hoặc Quán Tướng niệm Phật (Kinh Vô Lượng Thọ).

### 1. *TRÌ DANH NIỆM PHẬT (sự):*

Là sự, là phương tiện, cốt: - dùng tình cảm để dẹp tình cảm; dùng gai để lể gai, nên cửa phương tiện này là: **ura** (hân) và **chán** (yếm)

○ *Ưu cái gì?* Phật Thích Ca định nghĩa, Cực lạc là cõi ở đó: - Không có các thứ khổ; - Chỉ thọ nhận những điều vui, vì ở đó có: Hàng rào, lưới giăng, hàng cây ... đều làm bằng bốn thứ báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Ao nước ngon lành đầy đủ tám thứ công đức; trên bờ ao có nhà lầu xây bằng bảy báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não. Dưới ao có sen vàng, xanh đỏ, trắng, phát ánh sáng và tỏa mùi hương ngào ngạt. Có nhạc trời, mưa hoa, chim hót thành tiếng nói pháp. Giáo chủ cõi Cực lạc là **Phật A Di Đà**. Ngài có: -*Vô lượng quang*, ánh sáng vô lượng chiếu khắp nơi, không bị ngăn ngại; -*Vô lượng thọ*, sống từ vô thủy chí dĩ vô chung; -*Vô lượng công đức*, đã dứt sạch Tham Sân Si, không

còn phiền não, nhiễm ô. Dân chúng cỡi cực lạc toàn là hàng Thanh văn, Bồ tát tu hành bất thối chuyển, có nhiều vị đạt được nhứt sanh bỏ xứ đi làm Phật. Tưởng y, y đáo; tưởng thực, thực lai. Những thứ này khiến chúng sinh khao khát và *ua*, vì chúng sinh luôn tham đắm: - *Ngũ dục* (tài, sắc, danh, thực, thù); - *Lục trần* (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), nên phải chịu khổ đau, luân hồi, không thể dừng lại được; nên Phật mới dùng phương tiện nói để chúng sanh *ua*, mà dừng lại.

○ *Chán cái gì?* Phần sau Kinh Di Đà, Phật Thích Ca cũng chê trách cỡi Ta Bà như nhóp, xấu xa, đầy dẫy *ngũ trược*: - Kiếp trược (kiếp người như nhóp), - Kiến trược (kiến chấp như nhóp), - Phiền não trược (phiền não như nhóp), - Chúng sinh trược (chúng sinh như nhóp), - Mạng trược (mạng sống như nhóp). Phật Thích Ca nói: Chư Phật mười phương cũng khen ngợi ta rằng: “Phật Thích Ca Mâu Ni hay làm việc ít có, khó làm. Ở cỡi Ta bà đầy như nhóp, xấu ác mà được thành Phật. Vì chúng sinh nói pháp khó tin.” Phật Thích Ca đã đưa ra hai cỡi: - **Cực lạc** thì tốt đẹp trang nghiêm, sang trọng, vui vẻ...; - **Ta bà** thì như nhóp, xấu xa, đau khổ để chúng sinh sinh tâm *ua Cực lạc, chán Ta bà*. Đó cũng là cửa công phương tiện để tiến vào nhà Cực lạc. Vì *ua*, chán khổ nên tâm phiền rộn lắng xăng chạy theo dục lạc thế gian dần dần khô lạnh, chừng đó ứng dụng pháp tu “*Trì*

*đanh niệm Phật*” mới thành công; nếu không thì dù có niệm cũng chỉ là loạn tưởng. Muốn tâm “*ura chán*” lên đến cực điểm, hàng ngày phải phát tâm hồi hướng.

○ *Hồi hướng thế nào?* - Hồi là xoay lại; hướng là hướng đến. Chúng ta *xoay* sự ưa thích, quyến luyến nơi Ta bà, hướng đến ưa thích cõi Cực lạc để chán cõi Ta bà, ưa mến cõi cực lạc. Ví như trước mọi hoàn cảnh, mọi trường hợp ở cõi Ta bà đáng chê chán, gặp toàn rác rến, sinh lây, nghịch cảnh bức bách khổ đau, nghe chửi bới nguyên rủa nhục nhằn,... Chúng ta khéo lợi dụng để hồi hướng về cõi Cực lạc trong sạch, thuận duyên, hòa nhã, no ấm. Tức là dùng *ura - chán* để tiến thẳng vào nhà Tịnh độ.

## **2. NIỆM PHẬT CỨU CÁN** (*lý*).

Sau khi dùng phương tiện thiện xảo để giới thiệu cõi Cực lạc, Phật Thích Ca lại nói: Nếu có thiện nam, tín nữ nghe nói về Phật A Di Đà mà chuyên trì danh hiệu hoặc 1 ngày, ... hoặc 7 ngày nhất tâm bất loạn: - Không gián đoạn; - Không xen tạp; Tâm không điên đảo, vọng tưởng khi chết được Phật A Di Đà và Thánh chúng hiện ra trước mặt tiếp dẫn về cõi Cực lạc. Dùng lục tự “*Nam mô A Di Đà Phật*” hoặc mật niệm (niệm thầm), hoặc cao thanh (niệm ra tiếng) để *cột chặt* con khi ý thức phải nằm yên, rồi chết lịm.

*Niệm Phật nhất tâm thì:* - Ý nghiệp lạng sạch; - Thân, khẩu nghiệp theo đó cũng sạch luôn; tức là *tam nghiệp đều*

*thanh tịnh*, thì còn động lực nào lôi kéo mình đi luân hồi? Là *đồng Phật vãng Tây phương*. Nhất niệm là đi đứng, nằm ngồi chỉ có *một niệm Phật A Di Đà* không xen tạp, không gián đoạn rồi nương nhất niệm này cầu vãng sanh Cực lạc chắc chắn sẽ được mãn nguyện; là phương tiện, là SỰ niệm Phật - Nhất tâm, niệm Phật đến nhất tâm, thấy *Tự tánh Di Đà*, *duy tâm Tịnh độ* là cứu cánh, là **lý niệm Phật**. Dùng lực tự Di Đà làm thuốc để trị bệnh loạn tưởng; khi hết loạn tưởng thì thuốc cũng bỏ luôn, tức là **vô niệm**, chỉ còn *nhất tâm chơn như*, là nhứt tâm thì thấy “*Tự Tánh là Di Đà - Bản tâm là Tịnh độ*” hiện bày trước mắt.

Tự tánh: - Hằng giác là vô lượng quang; - Chưa từng sinh diệt là vô lượng thọ. Bản tâm, xưa nay thanh tịnh là Tịnh độ, nên nói *tâm tịnh là độ tịnh*. Đây là lý niệm Phật. Các pháp môn khác cùng gặp nhau *không chống trái*.

Chúng ta không cần lý luận cõi Cực lạc có hay không mà chỉ tin chắc rằng *Phật Thích Ca không hề dối gạt chúng sinh*, y lời Ngài dạy mà tu hành sẽ có lợi ích lớn. Hành giả chỉ cần: **Tin sâu** (tin tuyệt đối); **Nguyện thiết** (tha thiết mong muốn và phát nguyện hồi hướng); **Hành chuyên** (chuyên chú trì niệm). Với pháp môn nào chúng ta cũng phải nhìn thẳng cứu cánh, đừng mắc kẹt ở phương tiện; vì căn cơ trình độ chúng sinh sai biệt...



*Chúng ta đừng: - Chấp vào trình độ mình, mà phê phán kẻ khác;*

*- Vin vào khả năng kẻ khác trở lại khinh rẻ mình.*

Biết mình, biết người rồi chọn pháp môn tu cho mình có lợi lạc mới là khôn ngoan.

Tóm lại: pháp môn niệm Phật có: Sự và Lý:

+ *Về Sự:* phải tin chắc là - Có cõi Cực lạc, có Phật A Di Đà tiếp dẫn; mình niệm Phật sẽ được vãng sanh. Đó là *hướng ngoại* tìm về cõi Cực lạc, - Luôn niệm Phật và hồi hướng công đức.

+ *Về Lý* là nhận rõ: - Tâm tịnh thì độ tịnh. Phật A Di Đà là *Tánh giác* của mình, nên phải *hướng nội tìm thẳng* vào tâm Thanh Tịnh của mình.

Dù *sự - lý* có khác nhau song trên phương diện thực hành chủ yếu là *Nhất tâm bất loạn*. Luôn niệm câu: “*Phật hiệu Di Đà, pháp giới tàng thân tùy xứ hiện. Tùy kỳ tâm tịnh, tất Phật độ tịnh. Dục Phật tịnh độ, tiên tịnh kỳ tâm.*”

#### **D. MẬT TÔNG**

Cứ niệm hoài câu chú nào đó, như: “*Án ma ni bát mi hùm*”, không cần hiểu nghĩa, vì trong câu chú đã có sự linh nghiệm được chư thần gia hộ, đến bao giờ tâm không còn

duyên theo chuyện gì khác; bất thần được giác ngộ, tức là từ Định đến Tuệ và rồi bỏ câu chú luôn vì nó chỉ là phương tiện để giúp Định tâm, như pháp môn niệm Phật vậy.

## E. PHÁP MÔN THIỀN

*THIỀN*, là gì? Là *dùng nội quán, xoay lại tìm con người mình và ngoại cảnh đúng như thật*. Trước hết phải biết rõ con người mình có thân và tâm:

\* *Về Thân*: - Khi còn trong bụng mẹ thì *vay mượn* máu huyết của mẹ để tăng trưởng, hình thành cơ thể.

- Khi ra khỏi bụng mẹ cũng *vay mượn* đất nước gió lửa bên ngoài để trưởng thành. Như vậy, thân người phải *vay mượn* tứ đại để tồn tại, nếu không là chết nên chỉ là giả tạm không thật, không phải là mình.

\* *Về Tâm*: - Người thế gian làm nhận cái *suy nghĩ*, phân biệt phải quấy, tốt xấu là tâm mình, nên cho nó là đúng, nếu ai nói khác đi thì ghét, giận; ai thuận theo thì ưa, thương. Nhưng cái suy nghĩ đó có cả trăm thứ, vậy cái nào là mình? Mình chỉ có một thôi chứ! Lại có lúc mình không nghĩ gì cả, nếu cái suy nghĩ là mình, thì lúc ấy đã mất mình rồi sao? Như vậy:

- *Một là*, khi không suy nghĩ thì **Cái biết** hiện ra: gió mát *biết* mát, có tiếng động *biết* có tiếng; khi nghĩ lãng xãng thì cái biết đó mờ đi.

- *Hai là*, cái suy nghĩ lãng xãng khi có (là lúc khởi niệm, duyên theo bóng dáng sáu trần), khi không (là lúc ngoài không dính sáu trần, trong không theo vọng niệm) còn mình là Cái biết tất cả, lúc nào cũng hiện hữu. Vậy cái chợt có, chợt không; không phải là mình rồi.

- *Ba là*, nếu cái đang nghĩ là mình, khi xoay lại tìm coi nó ở đâu thì nó liền mất tiêu, như vậy nó không có thật, không phải là mình. *Vậy cái gì mới thật là mình?* Ví dụ cái gương, nếu có bóng người hay vật trong gương, *chúng ta chỉ chăm chú nhìn cái bóng người hay vật mà quên mất cái gương*. Khi bóng người hay vật mất đi thì cái gương hiện ra. *Bóng người, vật mất chứ gương đâu có mất; vì ta chỉ chăm chú đến cái bóng sinh diệt, mà quên đi cái gương thôi*. Cũng vậy, cái suy nghĩ lãng xãng không phải thật là mình, chỉ vì mãi mê chăm chú đến nó mà quên đi Cái biết những lãng xãng đó mới thật là mình.

Vậy, *thiền là làm cho dừng lặng hết những khởi niệm lãng xãng để tâm được an tịnh*, nhận ra được cái chân thật hiện tiền, cái biết rất rõ mà không dính mắc là **Trí tuệ**. Vậy thiền là trở về với cái chân thật của chính mình, có ba chặn:

1. *Biết thân duyên hợp giả tạm này không phải là mình,*

2. *Biết cái tâm suy nghĩ lăng xăng này là vọng tưởng, giả hợp không phải là mình,*

3. *Nhận ra cái biết chân thật hiện tiền.*

Còn về *ngoại cảnh* xung quanh ta, cũng xoay vào *nội tâm phán xét*, phân tích để thấy cho được mọi hiện tượng, sự vật chỉ là tạm bợ, giả dối, vô thường khiến lòng ta không đam mê, lạnh nhạt, không phiền rộn; rồi dụng công tu tập để tâm được an định. Thiền có nhiều phương pháp:

- Phương pháp *thiền ngoại đạo* là hướng ngoại cầu thần thông, phép lành, phép lạ;

- Phương pháp *thiền của Phật giáo* là hướng nội, dẹp vọng tưởng có trí tuệ để giác ngộ, giải thoát. Cũng có thiền đối trị và thiền tuyệt đối:

\* **Thiền đối trị:** là phải khéo ứng dụng phương tiện thì mới có kết quả. Phương tiện của thiền đối trị là:

+ Trước hết phải nhìn thẳng trên hình tướng của sự bởi vật để thấy nó tạm bợ, giả dối, sinh diệt, vô thường vì *chúng do duyên hợp mới có*, chỉ là giả có chứ không thực có; vì *Tướng thì có, mà Tính thì không*. Từ đó lòng đắm nhiễm lắng dịu rồi tan biến.

+ Sau đó, tu đối trị, tùy bệnh cho thuốc:

o Có nhiều vọng tưởng: quán số tức (trong lục điều pháp môn)

◦ +Ngu si: quán giới phân biệt, là chia ra từng phần, từng giới hạn như quán: -Thân không thật, bất tịnh; -Tâm suy tính lung tung, vô thường; - Cảnh vô ngã...

- Tham tài: dùng bố thí,
- Tham sắc-thực: dùng bất tịnh,
- Tham danh-thù: quán vô thường,
- Sân: quán từ bi, nhẫn nhục, hỷ xả...

\* **Thiền tuyệt đối:** Pháp thiền này do Phật trong hội Linh Sơn đưa cành hoa lên, Tổ Ca Diếp hiểu ý chum chím cười, liền được Phật truyền tâm ấn. *Ý Phật muốn nhắc nhở chúng ta phải nương theo lúc vừa thấy cành hoa, là đối tượng bị thấy, để xoay lại mình mới nhận ra được chủ thể (tánh thấy biết) sẵn có trong mọi người.* Tâm ấn được truyền đến vị tổ thứ 28 là Bồ Đề Đạt Ma; rồi Ngài truyền lại cho tổ Huệ Khả....Tổ Đạt Ma đồng đạt tuyên bố: “ *Giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm , kiến tánh thành Phật*”. Pháp thiền này có hai lối tu:

1. **Từ KHÔNG vào CÓ (từ sự vào lý):** - Hành giả dùng trí tuệ Bát Nhã soi thấy các pháp bên ngoài:

- *Trước hết*, biết chúng **không có tự thể**, không độc lập, không cố định để tự sanh, tự tồn, tự diệt được; mà phải do duyên sanh; nên tạm bợ, giả dối, vô thường; thì không có chủ thể.

- Sau đó, nhận biết Chơn tâm bên trong **có tự thể**, hằng hữu, vô sinh, ngã. Hằng sống với Chơn tâm là **Đạt đạo**.

## 2. Từ **CÓ** ra **KHÔNG** (từ lý ra sự):

◦ **Có** là có thực thể, hằng hữu, vô sinh, ngã, là Chơn tâm, là chủ

◦ **Không**: vì do duyên sinh, sinh diệt, vô thường, vô ngã là khách.

Trước, nhận ra Chơn tâm (bên trong), ông chủ là **Có**. Sau, biết nhìn ra các pháp bên ngoài là khách đều **Không**. Hằng sống với Chơn tâm là thấy Tánh, thành Phật.

Khắp cả thế gian đều huyễn hóa, không có chủ thể, là cửa không của nhà thiền. Nương theo cửa “không”(phương tiện, sự) để trở vào bên trong nhà, tìm gặp “**Có**”(ông chủ, lý) sẵn có, không do: -Tạo tác, -Tu tập mới có. Đây chỉ thẳng tâm người, thấy Tánh thành Phật. Lại có 5 loại thiền:

1. **Phàm Phu Thiên**: là làm cho Tâm lóng lạng, chỉ mong được sinh về cõi trời dục giới, sắc giới hay vô sắc giới.

- **Cõi dục**, là chúng sinh do ái dục mà sinh ra. - **Cõi sắc**, là nơi chúng sinh có hình tướng đẹp đẽ, sống lâu, phương tiện vật chất đầy đủ sung sướng hơn cõi dục. - **Cõi vô sắc**, là chúng sinh chỉ sống bằng tâm thức, không có hình tướng.

Đây là phàm phu thiên, có 4 bậc:

1) - Ly sinh hỷ lạc địa;

2) - Định sanh hỷ lạc địa;

- 3) - Ly hỷ diệu lạc địa;
- 4) - Xả niệm thanh tịnh địa.

2 . **Ngoại Đạo Thiên:** Đạo phật nói ngoại đạo không có nghĩa là công kích nhóm này, phái nọ, đạo kia... , mà *ngoại đạo* là “ngoài tâm cầu Phật”. Đạo Phật lấy giác ngộ, giải thoát sinh tử làm gốc mà **giác ngộ phải từ tâm của chính mình**, khi tâm mình an tịnh rồi trí tuệ mới phát sáng, không trông cậy vào bên ngoài nên nhà thiên định nghĩa: “*Ngoài tâm cầu Phật danh vi ngoại đạo*”. Dù mang hình thức tu sĩ Phật Giáo mà hướng ngoại cầu Phật từ đâu đến ấn chứng, bỏ gốc tâm theo ngoại cũng gọi là ngoại đạo. Đạo Phật chủ trương do giữ **Giới** là nền tảng đạo đức, tâm lóng lặng được **Định** mới sinh ra **Trí Tuệ** giác ngộ (vô sư trí). *Đây là tam giải thoát môn, trong vô lậu học*, không còn lọt rớt trong sinh tử nữa. Còn ngoại đạo có lối tu: -Chuyển luân xa hoặc thiên xuất hồn, cốt khai mở khiếu huyết trên đầu để hồn phóng ra ngoài đi cầu đạo, không khéo sẽ bị điên, mà cầu với ai? Ma quỷ nào cũng tự xưng là Thần Thánh, Tiên Phật. Thực tế thì Phật đã có ngay trong tâm mình rồi. Học trò quyết tâm học bài, thuộc bài, làm bài là thi đậu, nếu không mà xin bùa phép hay trông cậy vào Thượng đế, Thần linh ban phép để thi đậu thì không bao giờ có và cũng chưa có ai chứng minh được cả, Nên nhớ, hễ cầu xin là tìm kiếm, mong chờ bên ngoài. Cầu thành Phật là mong thành Phật bên

ngoài, tức không phải là Phật từ Tâm mình. Chính Tâm mình được an, trí tuệ phát sáng mới là giác, giác ngộ ông Phật nơi mình. Phật dạy cách tu để khỏi chết là buông bỏ: -Lục trần(không dính mắc); lục căn (không chấp thân là thật của ta); -Lục thức (tâm vọng, không thực), tức là: Thân-Tâm-Cảnh đều không là được giải thoát sinh tử.

Tóm lại, thiền ngoại đạo chú trọng thần thông, sống lâu, diệu dụng màu nhiệm để giúp người này, cứu người kia đều là bệnh cả! Phật dạy chúng sinh **Tu cốt có trí tuệ, để thấy đúng như thật về Minh và Vạn vật**. Tất cả đều do duyên sinh là chân lý.

3. **Thiền Tiểu Thừa**: tu theo 4 bộ kinh A Hàm, nói theo hệ Pali là Nikàya theo những pháp tu như: - Tứ Niệm Xứ; - Ngũ Đình Tâm Quán là lối tu đối trị, như:

#### **Tứ niệm xứ:**

- ***Quán Thân bất tịnh*** để đối trị bệnh tham dục; vì thấy thân như nhớp nên nhàm chán ghê tởm, không dính mắc, không ưa thích nó.

- ***Quán Thọ thị khổ***. Thọ nhận những cảm giác đều khổ. Chữ **khổ** ở đây có nghĩa là vô thường, dù cảm giác ưa, hay không ưa đều là tướng bại hoại, vô thường, có rồi mất, không bền, không thật; nên là khổ. ***Quán thọ thị khổ*** để đối trị để đối trị bệnh ưa thích.



- **Quán Tâm vô thường** để đối trị bệnh chấp tâm mình là thường.

- **Quán Pháp vô ngã** để đối trị bệnh chấp Thân là thật.

Đây là dùng trí tuệ chiếu soi đúng sự thật, nên không đắm luyến thân này, không trau chuốt, tằm ướp, không tạo nghiệp, không thọ khổ.

**Ngũ Đình Tâm Quán** để dùng năm thứ tạo tội, Phật dạy:

- Quán bất tịnh để dùng tâm ái dục,
- Quán từ bi để trị tâm sân,
- Quán duyên khởi để trị ngu si,
- Quán giới phân biệt: - sáu căn-thân, - sáu trần-cảnh, - sáu thức-tâm, - mười tám giới, đều không có tự ngã để trị bệnh chấp ngã

- Quán Sở Túc để trị tâm tán loạn.

Vậy, *thiền Tiểu thừa* là dùng trí, quán sát đúng lẽ thật để thoát khỏi các dính mắc.

4. **Thiền Đại Thừa**, đơn cử lối tu Thiên Thai Tông, Ngài Thiên sư Tuệ Tư núi Thiên Thai nghiên cứu bộ Trung Quán Luận của tổ Long Thọ phát minh ra lối tu “*Nhất Tâm Tam Quán*”: **Không- Giả- Trung đạo**.

- Nhân duyên sở sanh pháp: Các pháp do nhân duyên sanh, không tự có.

- Ngã thuyết tức thị KHÔNG: Phật nói là không, không có tự tánh.

- Diệt danh vi GIẢ danh: vì không có tự thể, nhưng khi duyên hợp thì tạm có giả tướng rồi tạm đặt cho nó một danh giả.

- Diệt danh trung đạo nghĩa: thấy được giả tướng, giả danh là thấy được nghĩa trung đạo. Nghĩa là: - *Các pháp không có thực thể, chỉ có giả tướng, giả danh nên không mắc kẹt vào chấp có và chấp không. Đó là nghĩa trung đạo.*

5. **Thiền Tối Thượng Thừa** (Thiền Tông). Tổ Bồ Đề Đạt Ma truyền cho Tổ Huệ Khả:

- *Bất lập văn tự* (không dùng chữ nghĩa);
- *Giáo ngoại biệt truyền* (truyền ngoài giáo lý);
- *Trực chỉ nhân tâm* (chỉ thẳng vào tâm người);
- *Kiến tánh thành Phật* (thấy được bản tánh của mình là thành Phật).

Lối này, có một sức mạnh đi thẳng vào tâm người, không quanh co, quán chiếu xem xét, mượn phương tiện như các lối tu thiền ở trên, nên gọi là “Trực chỉ nhân tâm”. Tất cả các pháp tu của Đạo Phật đều đi từ Định sang Tuệ rồi mới giác ngộ, trừ Thiền Tông.

**LOI ÍCH CỦA THIÊN**: Tức là lợi ích của Đạo Phật, vì mục đích của Đạo Phật là lấy giác ngộ chân lý và giải thoát sinh tử làm nền tảng, làm gốc cho kiếp người của chúng

sinh. Thử nghĩ: - ngũ dục, - lục trần bên ngoài, “nó là nó”, đâu có cái nào mời gọi, lôi kéo, bắt buộc, trói cột mình! Chỉ tại mình đam mê ham muốn rồi tự trói cột mình vào chúng thôi! Hễ được thỏa mãn thì khởi tâm tham; nếu không thì khởi tâm sân; cả hai đều tạo nghiệp khổ. Nếu biết buông bỏ chúng, chỉ cần nhìn chúng với cặp mắt giác ngộ (không đeo kính màu, không dán nhãn lên chúng) vô phân biệt, bình đẳng, như thị như thật, tức là tự mình cởi trói cho mình, thì liền có an lạc hạnh phúc và giải thoát ngay. Muốn về Cực lạc cũng phải tu tập tự buông bỏ Tham-Sân-Si, phiền não - Mọi sự đều từ gốc tâm mình mà ra.

Lợi ích phụ: -Về thân bệnh có hai lý do là thời tiết thay đổi và tâm lý bất ổn. Nhờ ngồi đúng cách sẽ ít bị ngoại cảm, giúp cho bệnh nặng thành nhẹ, nhẹ sẽ mau hết; và không lo sợ buồn rầu, bất ổn. Càng ngồi thiền, càng sáng suốt giữ được trung đạo, tránh hai cực đoan là khổ hạnh và hành lạc. Hành giả rất bình dị, biết điều hòa, tiết dục để có đủ sức khỏe giữ cuộc sống an ổn về Tâm, làm chủ được tâm tán loạn, bông bột, bực bội; kiềm chế được Tham Sân Si, mà *sân là nguy hiểm nhất* vì do tham điều gì mà không được, sẽ khởi lên sân gây hại cho mình và cho người...

Nhờ thiền tập mà tâm được an định, trí tuệ ngày càng sáng, tiến dần đến giác ngộ, không sợ chết là lợi ích lớn nhất, vì *chết đâu phải là mất hẳn*; chỉ là dịp cởi bỏ áo cũ, nhận

lãnh lại áo khác, mới, tốt hơn; nếu mình có tu tập, sửa đổi, chuyển hóa Tâm; mà chính ***cái sợ chết mới là đáng sợ!***

Câu chuyện, bà mẹ quá đau khổ, bế xác đứa con đầu lòng đi khắp nơi tìm các vị đạo sư xin cứu sống lại dùm. Tất cả đều khước từ, vì ***không ai có thể cứu người chết sống lại được!***; và rồi họ chỉ cho bà, bế cháu đến gặp ông Cù Đàm, giúp cho. Khi gặp Phật, thưa thỉnh, bà được Phật hứa giúp với điều kiện: - Bà phải đi xin vài hạt mè hay hạt cải ở nhà nào, mà ***xưa nay không có người chết***. Bà yên tâm ra đi, đi mãi đến chiều mà vẫn chưa tìm được nhà nào không có người chết! Cuối cùng, bà bưng tỉnh, trực ngộ ra rằng: ***Sống, Chết là lẽ đương nhiên, không một ai tránh khỏi được***. Bà hết buồn, khổ, quay về, tạ ơn ***Phật đã khai mở trí tuệ cho bà nhận ra được chân lý, bằng một cách đơn giản, vi diệu; cứu giúp bà hết hẳn khổ đau***; rồi ôm xác con về mai táng.

## F. TU TƯỚNG.

*Tư tưởng* là tiếng nói thầm không có âm thanh; còn *tiếng nói* là tư tưởng có âm thanh. Khi ghét ai thì tư tưởng ấy bôi lông tìm vết, bóp méo, xuyên tạc, bôi nhọ, thóa mạ gây khó dễ để ám hại không những cho đối phương thôi mà còn cho cả những người liên hệ của họ nữa. Khi thương ai, thì tiếng nói ấy lại tô son điểm phấn bênh vực bao che bào chữa ca

tụng, đánh bóng đề cao hay thần thánh hóa họ với cả những người liên hệ... Nếu ghi chép được thì không khỏi kinh tâm, khiếp đảm giật mình! Đôi khi thấy bên ngoài thanh thoi an nhàn nhưng trong nội tâm náo loạn, rối bời những tư tưởng sắc mùi tham lam, vị kỷ. Đó là những kiến thức và kinh nghiệm tích lũy từ lâu thành tập khí, khi gặp cơ hội kích hoạt, hoặc nó tự trôi lên, rồi lặn đi lặn lại nhắc nhở những khoái lạc, khổ đau, sợ hãi... Nếu không có nó, hoặc có, mà ta làm chủ được nó, thì nó không thể trôi lên làm khổ ta, vì nó là *tiếng nói thầm nên chỉ một mình ta hay biết thôi*. Muốn hết khổ, ta phải làm chủ tư tưởng, tức là *Phi Tư Tưởng*, phải nhìn vạn vật như thị, như thật như chúng nó đang là; không đeo kiếng màu và không dán nhãn phân biệt, chấp trước, chông lên nghĩa là chỉ sống trọn vẹn trong thực tại hiện tiền (không hoài niệm về quá khứ, không mơ tưởng đến tương lai).

Cùng một thức ăn, nhưng với người chưa từng ăn trước đây (chưa có kiến thức và kinh nghiệm là phi tư tưởng) thì khen ngon đáo đẽ; nhưng nếu ăn lần sau ở một tiệm khác thì sẽ có sự so chiếu, sẽ có lời phê bình hoặc là ngon hơn, hoặc là dở hơn, vì đã có ăn trước đó rồi nên có kiến thức và kinh nghiệm. Còn với người sành ăn, thì chê chán đủ điều...gây phiền não. Thiên có câu: "*Phi tư tưởng tọa thiên chi yếu dã*".

Tọa thiền là Tâm tọa chứ không phải thân tọa. Tâm tọa là Tâm ở tại chỗ (hiện tiền), không quá khứ, không tương lai. Tư tưởng có thiện, có ác đủ thứ tập khí luôn được tích chứa trong Alaya thức và luôn có khuynh hướng trôi lên khuấy động tâm ta, không thể loại trừ xóa bỏ được! *Cách duy nhất là sống với hiện tiền, luôn tỉnh thức và chánh niệm (vô niệm) mỗi khi tư tưởng trôi lên, ta biết nó là vọng không theo*; nó tự động biết mất. Nhà thiền có câu: “- Vô niệm, niệm tức chánh-ngĩa là niệm cái vô niệm (không nhớ nghĩ đến thiện, ác...) tức chánh niệm. - Hữu niệm, niệm tức tà niệm -ngĩa là niệm cái có niệm là tà niệm”. Cổ đức dạy: “*Bất úy tham sân khởi. Duy khùng tự giác tri*”- nghĩa là không sợ ý niệm tham sân khởi lên; chỉ sợ sự giác biết có niệm tham sân khởi lên, đến chậm. Vọng Tâm ví như biển có sóng (hữu niệm) mới chứa đầy tham sân si vị kỷ, điên đảo đưa đến hành động sai lầm tội lỗi. Còn Tâm vô niệm thì thanh tịnh sáng suốt vô cùng, tự nó soi sáng phân biệt rõ thiện, ác sẽ không vướng vào, ví như mặt hồ phẳng lặng, như tấm gương phản chiếu trung thực cảnh vật trước nó. Máy điện toán thì tích chứa dữ liệu trong bộ nhớ, khi cần, bấm nút máy mới cung cấp. Còn ký ức thì khác, tư tưởng cứ tự động trôi lên mỗi khi Tâm ta rời bỏ hiện tiền, không giữ được tỉnh thức chánh niệm thì tà niệm trôi lên để lôi ta vào suy nghĩ lung tung cả đến dây mơ rễ má nữa, đưa ta vào phiền não khổ đau.

Trong cuộc sống rất cần đến tư tưởng nhưng nhớ chỉ dùng khi cần rồi buông bỏ, lập tức trở về với hiện tại, và khi cần sử dụng ta cũng phải làm chủ nó để lựa chọn loại nào cần và chỉ sử dụng vào việc lợi ích giải tỏa phiền não: “Không theo vọng niệm” lối suy nghĩ cột buộc, vướng mắc... chỉ chọn lấy lối suy nghĩ cởi mở, giải thoát hầu giảm tiêu lửa sân hận...là hành **Chánh Tư Duy**. Trả lại quá khứ những gì thuộc về quá khứ và không mơ tưởng đến tương lai, những gì chưa đến. Đưa Tâm trở lại hiện tiền để biết rõ những gì đang xảy ra trong: -**Thân**, đang đau nhức chỗ nào, đang làm gì? - **Miệng** đang nói gì? - **Ý** đang nghĩ gì? Và - **Cảnh** như nó đang là... tức là đang thực hành **Chánh niệm**.

**Tóm lại:** Hành đạo là phải nắm quyền làm chủ Tư Tưởng của mình, nghĩa là khi cuộc sống cần tư duy thì cứ tư duy (tùy duyên) theo chiều hướng chủ động và giải thoát (thuận pháp) khi không cần thì buông bỏ, lập tức trở về sống với thực tại hiện tiền. Được vậy, thì ta vẫn sống bình thường, hài hòa với mọi người thế gian, mà vẫn tự tại, giải thoát.

## G. TÂM VÔ TRỤ:

Tâm vô trụ là tâm thanh thản, sáng suốt, rỗng rang, vô nhiễm, vô niệm, vô ngại, phi thời gian tâm lý; chỉ có những gì ở ngay hiện tiền mới xuất hiện nơi tâm vô trụ; không chứa

chấp việc đã qua. Tâm vô trụ không phải là kho chứa mà chỉ là một căn nhà trống rỗng; người vật đến rồi đi “*Sự lai nhi tâm tùy hiện, sự khứ nhi tâm tùy không*” . Ví như:

- Tâm gương phản ảnh đầy đủ vật gì trước nó, lấy đi liền mất.

- Bầu trời không lưu lại bóng dáng chim bay qua.
- Mặt nước không lưu lại hình ta vẽ.
- Bụi trúc không còn tiếng vi vu khi gió ngừng thổi.

Câu chuyện thiền sư Tanzan và Ekido- Hai Ngài đi khát thực gặp cô gái đang đứng trước vũng nước lầy chắn lối đi. Cô đang bối rối tìm cách vượt qua. Thấy thế Ngài Tanzan bế cô ta lên đưa giúp sang bên kia. Xong, hai Ngài tiếp tục đi. Từ đó về đến tịnh thất Ngài Ekido hậm hực, im lặng không nói câu nào với Ngài Tanzan. Đến chiều, Ngài Ekido mới mở lời trách cứ sư huynh Tanzan rằng: Sáng nay, sư huynh đã phạm giới xúc chạm người khác phái. Ngài Tanzan đáp: Tôi bế giúp cô ta qua vũng lầy và tôi buông cô ta ra ngay sau khi đặt cô ta xuống- Té ra đến giờ sư đệ còn ôm giữ cô ta!?

Câu chuyện trên cho thấy: - Với **tâm vô trụ**, Ngài Tanzan bế cô gái, đưa giúp cô ta qua vũng lầy là tùy duyên. Giúp người xong là buông xả hết, không còn lưu giữ hình ảnh cô gái kia nữa, tâm rỗng rang thanh thoi... Còn Ngài Ekido, tuy không bế cô gái nhưng với **tâm dính mắc** nên vẫn lưu giữ



bóng dáng cô gái tới chiều với niềm hồ nghi, bực bời, phiền não!

Người có tâm vô trụ, gặp việc gì cần làm thì làm (tùy duyên), làm xong rồi buông bỏ chứ không lưu chấp- làm trong tinh thần tỉnh sáng, làm mà như không làm in tuồng như không có người làm và không có việc đã làm (ly năng, tuyệt sở), rất là vô vi, vô tư, tuyệt dấu các sự kiện đã qua, nhưng việc đến thì có, việc đi hoàn không. Nhưng không mà có, các việc qua đi đã chìm sâu trong quá khứ, tuy không dính cứng vào tâm vô trụ nhưng một khi cần đến, thì những việc ấy lại hiện ra rõ nét không thiếu sót.

Tâm vô trụ là tâm thanh tịnh và giải thoát. Cuộc sống con người có biết bao nhiêu sự khoái lạc giác quan gây phiền não, khổ đau, sợ hãi vật lý. Nếu không có tâm vô trụ thì tuy sự việc đã qua rồi, nhưng những thứ ấy vẫn hiện lên, đeo cứng ta để rồi dấy lên trong tâm ta những nhớ tưởng, ham muốn, thèm thuồng, ray rức kinh khủng; biến cuộc sống ta thành địa ngục trần gian.

### ***LÀM SAO ĐỂ CÓ TÂM VÔ TRỤ?***

Phải dứt bỏ *Sở Trụ* là đứng, là nương tựa, sở trụ là chỗ để đứng, chỗ để nương tựa, vật để đứng, vật để nương tựa. Khi dứt bỏ sở trụ tự nhiên sẽ vô trụ (không dính mắc). Kinh Kim

Cang dạy: “*Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”. Phật dạy: “*Bồ tát ư pháp, ung vô sở trụ, hành ư bố thí.*” – Hành giả không nên trụ vào pháp tu, mà pháp tu cũng không nên trở thành sở trụ cho hành giả, nếu còn có pháp tu và còn có người hành pháp tu ấy, thì còn vướng mắc dài dài. *Tu mà như thể không tu, mới thật là tu* ví như em bé mới tập đi được ba bốn bước, ta còn đếm được là bé chưa đi vững, chưa thật sự biết đi. Đến khi bé tự đi khắp cùng làm sao ta có thể đếm được bước đi của bé. Khi ấy bé mới thật sự biết đi. khi ấy cuộc sống hành giả mới thật sự hồn nhiên. Từ đó tâm mới hoàn toàn vắng lặng, thanh tịnh.

Muốn vô trụ, phải vô sở trụ, Nhưng làm thế nào để vô sở trụ? Sở trụ chính là tư tưởng (kiến thức, kinh nghiệm) tích lũy trong quá khứ. Sở trụ đã không thì năng trụ cũng không. Tư tưởng (thought) đã không thì người tư tưởng (thinker) cũng không. Sở trụ là tư tưởng là thời gian tâm lý (quá khứ , vị lai). Vô sở trụ là phi tư tưởng, phi thời gian tâm lý. Vô sở trụ sẽ được vô trụ. Tâm vô trụ là tâm phi tư tưởng, tâm vô niệm, thanh tịnh Giải thoát.

Ngoài ý nghĩa trên, câu: “*Bất ung trụ sắc sinh tâm. Bất ung trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sinh tâm-ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” Phật dạy chúng sinh đừng để tâm bám trụ vào lục trần, là những pháp vô thường, sinh diệt, nữa rồi mình cũng phải bị sinh diệt, luân hồi theo chúng mãi! Mà

*phải giữ tâm vô trụ rảnh rang, hướng nội tìm về hội nhập chơn tâm thường trụ, thể tánh tịnh minh tức là ông Phật thật có sẵn trong mọi người, mới giải thoát sinh tử, thành Phật được.*

## **H. TÂM VÔ NIỆM**

Phật dạy chúng sinh **Học** chánh pháp để giác ngộ chân lý và Hành chánh pháp để hoàn toàn giải thoát mọi phiền não, khổ đau, sợ hãi... trong cuộc sống hiện tại, và giải thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi về sau mới thành **TỔ**, thành Phật được.

*Muốn giải thoát phải hành pháp môn **vô niệm**, tức là Phi Tư Tưởng. Vậy vô niệm là gì?*

\* Lục Tổ Huệ Năng dạy: - Ư chư cảnh thượng tâm bất nhiễm, viết vô niệm.

- Nhược kiến nhưt thiết pháp, tâm bất nhiễm trước, thị vi vô niệm.

\* Phật dạy: -“Tri kiến lập tri (hữu niệm) tức vô minh bản” nghĩa là khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà khởi tâm, động niệm, phân biệt, chấp trước (hữu niệm) tức là vô minh, còn phải sinh tử.

-“Tri kiến vô kiến (vô niệm), cứu cánh Niết bàn”(vô sinh).

- Đối cảnh, biết rất rõ, mà tâm không dính mắc..., thì được an lạc, giải thoát.

- Đối cảnh, khởi tâm phân biệt... thì sinh phiền não... bị khổ đau, trầm luân. Khởi tâm phân biệt, đối đãi, nhị nguyên... ưa ghét, khen chê... vốn là nguồn gốc của phiền não, khổ đau, sợ hãi và sinh tử.

\* Tổ Mã Minh dạy:

- “Vô niệm là chánh niệm”.

\* Tổ Huệ Năng còn dạy:

+ “Vô niệm, niệm, tức chánh”(1).

+ “Hữu niệm, niệm, thành tà”(2).

Niệm là tưởng, là nhớ nghĩ. Vô niệm là phi tư tưởng, là không nhớ nghĩ...

Câu 1 - Nên nhớ nghĩ (niệm) cái vô niệm (phi tư tưởng, không nhớ nghĩ đến cái gì cả, vắng lặng trống không) tức là chánh niệm.

Câu 2: - Nếu niệm đến cái hữu niệm (có tư tưởng, nhớ nghĩ lung tung, lằng xằng) tức là tà niệm.

\* J.Krishnamurti: “Vô niệm là khoảng cách giữa hai tư tưởng hay hai niệm.”

\* Ngài Thần Hội nói: “Khi có một niệm khởi lên, nếu dùng giác chiếu, hay biết vọng không theo thì niệm ấy liền biến mất và ta đang ở trong trạng thái vô niệm, cho đến khi có một niệm khác dấy khởi.”

\* Các thiền sư Tây Tạng cũng dạy: “Khi một niệm quá khứ chấm dứt, và niệm vị lai chưa sinh; trong khoảng cách giữa hai niệm đó có một thực tại mới mẻ không bị bóp méo bởi những khái niệm. Đây là tâm bản nhiên, chân tâm, Phật tánh- Phật tánh chỉ hiển lộ khi vô niệm - Niệm vốn sanh diệt, đến rồi đi ví như khách- Phật tánh vô sanh, bất diệt, thường trú ví như chủ.

*Hành Pháp vô niệm là làm thế nào để mở rộng khoảng cách giữa niệm quá khứ và niệm vị lai, càng rộng càng tốt.*

- **Khán Thoại Đầu**: Thoại là câu nói, đầu là trước. Thoại đầu là trước câu nói. Câu nói đây là câu nói không âm thanh (tư tưởng) ở trong tâm ta, thường được gọi là niệm. Thoại đầu là lúc chưa khởi niệm, tức là lúc vô niệm, và *khán thoại đầu là trụ ở chỗ vô niệm này.*

- **Hoặc dùng Phản vấn** là quay vào trong để nghe tiếng nói không âm thanh ở trong tâm. Khi tiếng nói không âm thanh này tắt lịm đây là vô niệm.

**Tóm lại**, khi ta chấm dứt mọi tư tưởng, là không hề suy nghĩ, tính toán, lựa chọn, so sánh, phân tích, đánh giá, phê bình để cho tâm rộng rang, vắng lặng và thấy vạn pháp như đang là. Đây là vô niệm, nhưng rất tỉnh táo, sáng suốt, biết rõ, đầy đủ những gì đang xảy ra trong: **Thân**, đang đau nhức,.. thế nào; đang làm gì – **Tâm** đang vui buồn thế nào,

có khởi tham sân si không- **Cảnh** n, hư nó đang là, và ứng xử tự phát tùy duyên, thuận pháp.

### **TẠI SAO PHẢI HÀNH VÔ NIỆM?**

Phải vô niệm mới thành Thánh, thành Phật được. Niệm làm khuất lấp Phật tánh, như mây che khuất mặt trăng vậy. Khi có niệm là có **Ta** (bản ngã). Còn vô niệm thì bản ngã cũng tan biến ngay vào suối nguồn năng lượng vô biên vốn là bản thể nguyên nguyên của vũ trụ vạn hữu, như giọt nước tan vào đại dương; khi ấy, tứ vô lượng tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả tự phát, tràn đầy. Xưa nay chúng ta thường *Hướng ngoại* chạy theo niệm lăng xăng..., còn bị vô biên phiền não, và phải trôi lăn trong sanh tử không cùng! Không nhớ, **Hướng nội**, quay về với Phật tánh đã có sẵn của mình để được thành Phật.

### **HÀNH PHÁP VÔ NIỆM CÓ THÀNH PHẬT LIỀN KHÔNG?**

**Có!** Thành Phật sống ngay lúc tâm vô niệm đó. Nhưng hành giả khó giữ được tâm vô niệm thường trụ, an trú trong Phật tánh mãi được. Nghĩa là, không kéo dài được thời gian vô niệm, hễ có niệm khác khởi lên, thì Phật tánh bị che khuất làm cho ta phải trở lại cái niệm địa ngục, nga quỹ, súc sinh,...vừa mới khởi lên. Nên kinh có câu: “**Kiến tánh; khởi tu**”. Kiến tánh là trực nhận được Phật tánh nơi ta (Phật nhân)

rồi, còn phải tu là bắt đầu tu pháp vô niệm nữa, làm thế nào cho niệm im bật, không còn dấy khởi nữa mới thành Phật (Phật quả). Người tu thiền có hai tâm:

- *Tâm Kiên Cố*: là kiên trì tỉnh giác, có kiên trì tỉnh giác mới không bị niệm dẫn.

- *Tâm Trường Viễn*: là bền bỉ, lâu dài mới thuần hóa, chinh phục được niệm, “*Vọng niệm thưa dần, rồi im bật mới dứt khoát thành Phật được*”.

### **LÀM THẾ NÀO ĐỂ CÓ TÂM VÔ NIỆM?**

Phải sống trong hiện tại, niệm là sản phẩm của thời gian tâm lý. Thời gian tâm lý là môi trường để cho niệm phát sinh; nếu không có thời gian tâm lý thì không có niệm. *Muốn phi thời gian tâm lý thì phải luôn có mặt ở hiện tiền thì niệm không có cơ hội dấy khởi (khởi lên suy nghĩ hư vọng, giả dối). Sống ở hiện tiền là sống với cái chân thật thì chân tâm Phật tánh hiển lộ.*

Phương pháp để duy trì và kéo dài thời gian có mặt ở hiện tiền:

- Chú tâm vào đề mục như hơi thở, bụng phồng xẹp.
- Chú tâm vào Thân-Tâm-Cảnh hiện tại.
- Quán chiếu xem tâm có đang sinh khởi Tham-Sân-Si hay không...

✓ J.Krishnamurti khuyên: Chú tâm vào hiện tiền như đùa con nít chú tâm vào món đồ chơi mới vậy.

✓ Có người ba lần cầu xin thiền sư Ikkyu viết cho câu châm ngôn nói về sự khôn ngoan siêu việt, Thiền sư viết: “*Chú tâm, rồi chú tâm, chú tâm, rồi là chú tâm, chú tâm, chú tâm*”. Lần này người ấy cố nén giận và hỏi: “Chú tâm nghĩa là gì? Thiền sư đáp: “Chú tâm nghĩa là chú tâm, chú tâm vào hiện tiền ví như mèo rình chuột, ngó chăm chăm không nháy mắt; người bắn cung ngắm cái hồng tâm”. ***Chú tâm vào hiện tiền để thấy biết đầy đủ, rõ ràng những gì đang xảy ra:***

- Trong *tâm* đang vui, buồn, ...
- Trên *thân* đau nhức chỗ nào..., đang làm gì?
- *Cảnh* bên ngoài phải như thị, như thật, như nó đang là.

Nhớ rằng, thấu suốt được tâm mình là phương cách rốt ráo để trực chỉ thành Phật, thành Tổ.

*Đức Phật cũng đã dạy:* có một pháp môn: Ngoài (mong cầu, học hỏi, phương pháp, khổ hạnh, lý luận) giúp các tỳ kheo: “*Xác chứng với chánh trí, biết rõ sanh đã tận, phạm hạnh (hạnh tu thanh tịnh của người xuất gia đã tuyệt dâm) đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa*”. Pháp môn ấy là: “***Khi sáu căn tiếp xúc với sáu cảnh, ta phải chú tâm vào hiện tiền mới biết rõ tâm có khởi Thân, Sân, Si hay không***”.



Các thiền sư đều dạy: “*Đừng trốn chạy hiện tiền, tạo cơ hội cho vọng niệm dấy khởi*” để được giải thoát, được tự do, tự tại hoàn toàn. Niệm cần phải xóa sạch cho bằng được.

Câu chuyện vị tăng đến tham vấn, Thiền sư Triệu Châu hỏi: “Tùng đến đây chưa? Vị tăng đáp: “Đã từng đến”, Triệu Châu bảo: “Uống trà đi”. Một lần khác, Triệu Châu hỏi: “Tùng đến đây chưa?” Đáp : “Chưa”. Ngài Triệu Châu cũng bảo: “Uống trà đi”. Thấy thế Viện chủ hỏi: “Vì sao người đã đến và người chưa đến Ngài cũng đều bảo uống trà đi, là thế nào?”. Ngài Triệu Châu gọi: “Viện chủ”. Viện chủ: Dạ! Triệu Châu bảo: “Uống trà đi”. Ngài Triệu Châu cố ý nhắc nhở rằng: ***muốn thấy đạo hãy sống trong hiện tiền***. Hãy uống trà đang có sẵn trước mặt đi, và chỉ biết uống trà thôi đừng rời bỏ hiện tiền, tạo cơ hội cho niệm xuất hiện lôi dẫn mình ngày càng xa đạo (hiện tiền). Lại nữa có người hỏi: “Tại sao Đạt Ma đến Trung Quốc”. Đáp: “Cây bách trước sân”. Nghe có vẻ lạ điệu nhưng Ngài Triệu Châu muốn khuyến cáo thiền khách rằng: Hãy sống với cái gì ở trước mặt mình là cây bách hiện hữu trước mắt; đừng đi vào suy tư linh tính (Vì sao Đạt Ma...) chỉ gây trở ngại cho người hành đạo thôi.

Ngài A Nan hỏi Ngài Ca Diếp: “Ngoài y bát ra, Đức Phật còn truyền gì cho huynh không?” Tổ Ca Diếp gọi: “A Nan”.

A Nan: “Dạ”. “Tổ bảo: “Cây phướng trước sân nhà ngã”. Cây phướng ngã xảy ra trước mắt, là muốn nhắc về sự việc hiện tiền. Một khi có mặt ở hiện tiền thì tự nhiên niệm ngưng dứt và A Nan mới có cơ hội trực nhận được cái mà nhờ nó Ngài mới *biết nghe*.... Tổ gọi tên mình mới *biết dạ*.

Trong cuộc luận chiến với Bhadda, Bhadda hỏi Ngài Xá Lợi Phất: “Làm thế nào mà một vị A La Hán bước ra khỏi vòng sinh tử?” Ngài Xá Lợi Phất trả lời:

- ✓ “Bước tới là trôi lăn (là phóng tới tương lai),
- ✓ “Dừng lại là chìm đắm (là thụt lùi về quá khứ),
- ✓ Hiện tại thì không dừng.

Vị A La Hán không bước tới cũng không dừng lại nên thoát khỏi vòng sinh tử. Có quá khứ, có tương lai là có thời gian tâm lý tức là có niệm. Có niệm là có tư tưởng là có khổ đau, phiền não và sợ hãi. Có niệm là có tác ý, là có nghiệp. Có nghiệp là có luân hồi, là không giải thoát được. ***Muốn giải thoát thì phải bám trụ ở thực tại hiện tiền, và cùng với hiện tại di dôi, chuyển dịch (tùy duyên).***

Con đường tu hành để thành Phật là một việc vừa tức thì; lại vừa lâu lác..., vừa dễ; lại vừa khó..., kết quả tùy theo nỗ lực và căn cơ của từng người, phải có sự chuyên hóa liên tục và triệt để. Khi đã đủ duyên thành Phật rồi, thì không còn trở lại phàm phu nữa (quặng tinh luyện thành vàng rồi, thì không

trở lại thành quặng nữa). Chủ yếu là hành giả phải: *Tin sâu - Nguyện thiết - Hành chuyên giới luật và Phật Pháp*; chứ đừng khoắc khoải trông chờ, bồn chồn mong đợi. Ví như: muốn trong nhà có nắng ấm, có gió mát thì phải mở toang các cửa ra; khi đủ duyên tự nhiên nắng, gió sẽ vào; bằng không, cửa vẫn đóng kín mà lại van vái, cầu xin tha lực bên ngoài, thì dù có nắng, có gió trước cửa cũng vô phương vào được, chỉ uổng công, phí sức vô ích thôi! *Phải luôn tinh tấn thực hành giới luật và giáo pháp mới có kết quả mong muốn.*

## I. TRÍ TUỆ SIÊU VIỆT (BÁT NHÃ)

Vì một đại sự *Nhân Duyên*; và vì vô minh, ái dục đã làm cho:

\* Chúng sinh phải khổ đau, trầm luân mãi trong vòng luân hồi sinh tử.

\* Thế giới đắm chìm trong chiến tranh loạn lạc triền miên...

Nên Đức Phật đã thị hiện để cứu nhân độ thế; bằng cách:

“*Khai, Thị, Ngộ, Nhập, Tri, Kiến Phật*” cho chúng sinh. **Khai** là mở bày ra. **Thị** là chỉ cho thấy. **Ngộ**: nhờ thấy, mới nhận ra, mới biết rõ được, mới giác ngộ. **Nhập** là hội nhập vô cái mà mình vừa thấy biết. **Phật** là tuệ giác cao tột vốn có sẵn trong tâm của mỗi người, nhờ nó mới thấy, biết, được

chân ý trong vũ trụ, vạn hữu. *Tri* là biết, cảm nhận được. *Kiến* là nhìn thấy. **Phật**, chính là bản tâm, Phật tánh, sáng suốt, hằng hữu trong mỗi chúng sanh.

Ngài dạy cho chúng sinh biết: - Nguyên nhân của khổ đau, luân hồi là do *vô minh* và *ái dục*. Bị vô minh che phủ tánh giác, không phân biệt được đâu là chánh tà, thiện ác, tội phước, thật giả... - Cả: *Thân, Tâm, Cảnh* đều do *Nhân Duyên Sinh*. Đủ duyên thì có, hiện hữu, nhưng chỉ là giả có, tạm có. Thiếu duyên thì hư hoại, biến mất. Theo quy luật của từng loại:

- Động vật, thì: Sinh, Lão, Bệnh, Tử.
- Thực vật, thì: Sinh, Trụ, Di, Diệt.
- Khoáng vật, thì: Thành, Trụ, Hoại, Không.

**Ái dục**, theo bản năng sinh tồn, đam mê dính mắc vào *ngũ dục* (Tài, Sắc, Danh, Thực, Thuỷ); *lục trần* (Sắc, Thanh, Hương, Vị, xúc, Pháp) để tô bồi, vun đắp cho thân; thoả mãn mọi nhu cầu của các giác quan, thúc đẩy Thân, Khẩu, ý hành động *gây ác nghiệp, tạo nghiệp lực* lôi dẫn vào cảnh giới khổ đau, luân hồi. Đồng thời Ngài dạy cách: - *Học, Hành chánh pháp, và Nghiêm trì giới luật để chuyển:*

- *Mê thành giác, - Thức thành Trí.*
- *Khổ thành vui.*

– *Phàm thành Thánh.*

**Nghiệp**, chính là động cơ trói cột chúng sinh mãi làm Phàm phu. Nên Ngài dạy cách tu tập để tự hoá giải nghiệp chướng, theo từng bước để thành Thánh:

– *Chư ác mạc tác*: không làm các việc ác nữa, dù nhỏ, để dừng nghiệp ác.

– *Chúng thiện phụng hành*: làm tất cả các việc thiện không bỏ qua việc nào: để chuyển nghiệp ác thành nghiệp thiện.

– *Tự tịnh kì ý*: tự làm cho được, ý hoàn toàn thanh tịnh mới *sạch nghiệp*, mới được giải thoát. Vì Ý chủ động, chỉ đạo cho Thân làm, Khẩu nói, tạo nghiệp. Cho dù chỉ còn một ý niệm thiện vi tế cũng phải đi vào thiện đạo, còn phải luân hồi...

Nhờ đó, Tâm mọi người không còn tranh chấp thấp hèn, trần tục; được thanh tịnh, bình ổn... đưa đến Thế giới cũng được thái bình thịnh trị theo “*Tâm bình Thế giới bình*”.

Trí tuệ và Từ bi là hai tiêu chuẩn cốt lõi hàng đầu của Đạo Phật. Chúng kết hợp nhuần nhuyễn như đôi cánh của một con chim, không thể thiếu một! Có Trí mà thiếu Từ bi chỉ là sự hiểu biết khô cứng, lúc nào cũng chùng mực, khuôn mẫu, chấp chặt, là *càn tuệ*, thiếu linh động, uyển chuyển, tùy

thuận theo từng hoàn cảnh để mở lòng thông cảm, chia sẻ nỗi khổ, niềm đau, của chúng sinh, mà cứu giúp.

Còn, Từ bi thiếu trí tuệ *là si từ*, mê muội, cứu giúp bừa bãi, không đúng đối tượng, dễ bị lợi dụng; đôi khi còn giúp nuôi dưỡng, làm tăng trưởng thêm tính ý lại, nhờ vả, dựa dẫm của những kẻ bặt nhược, lười biếng, bất lương.

Phật, Bồ tát chỉ cứu độ những chúng sinh thật sự khổ; chứ không giúp, không nuôi dưỡng những kẻ chây lười, hư đốn, không chịu phấn đấu vươn lên. Ví dụ các Ngài đưa người ghiền đi cai nghiện để hết ghiền, hết khổ luôn; chứ không giúp phương tiện để họ hút thêm, chỉ tạm hết khổ trong lúc đó, nhưng họ sẽ ghiền nặng thêm, khổ thêm về sau.

Phật tử tu tập, muốn có kết quả phải **phát tâm bồ đề**:

**Trên**, cầu thành Phật, đạt được trí tuệ viên mãn, giác ngộ chân lý, và **Dưới** phải có lòng từ bi, độ tận chúng sinh.

Nhiều người cho rằng: Ai học cao hiểu rộng, có nhiều bằng cấp, giải quyết công việc được kết quả nhanh chóng thoả đáng... là có Trí tuệ. Quả là một quan niệm sai lầm lớn. Vì sự hiểu biết này chính con người *chưa có*, như bác sĩ, kỹ sư, chuyên viên... phải có thầy dạy, hay do tìm học từ sách giáo khoa bên ngoài đem vào mới có, chỉ là “ **Hữu sư trí** ”. Là cái biết do duyên sinh; có khởi đầu, có kết thúc, còn học còn ôn hoài thì nhớ, bỏ lâu quá lại quên! Cái biết có đúng có

sai; chỉ giới hạn trong một vài ngành nghề, lãnh vực nào đó; vượt ngoài lãnh vực chuyên môn thì không thể biết được! Nhất là, không thấy được chân lý; không biết được thực tướng của thực tại vạn hữu. Chỉ như khách vãng lai đến, đi, vô thường. ***Đây là kiến thức của thế gian, chỉ biết qua hình tướng, sắc chất bên ngoài bằng nhục nhãn của phàm phu, chưa giác ngộ.***

Còn trí tuệ của bậc Thánh xuất thế, vượt ngoài ý niệm đúng sai; ra ngoài phạm trù kiến thức, *không do duyên sinh nên vô thi vô chung...* thấy rõ chân tướng như thật của thực tại hiện tiền... Loại tuệ giác này vốn đã có sẵn trong tâm của mọi người; không vay mượn từ bên ngoài, không cần có thầy dạy nên gọi là “ ***Vô sư trí*** ” là ***sự hiểu biết, cảm nhận bằng nội tâm về những lý tánh, bản thể bên trong của mọi sự vật, hiện tượng.*** Đây chính là ông chủ luôn hằng hữu, sáng suốt là bản tâm, Phật tánh là Phật tri kiến, vốn tự thanh tịnh, tự đầy đủ, không sinh diệt, không giao động, lại hay sinh ra muôn pháp “Chơn không diệu hữu”.

**Phật dạy:** Tất cả các pháp hữu vi có tạo tác sinh diệt đều phải do nhiều nhân, nhiều duyên, nhiều thành phần... khác nhau, không phải là nó, tích tụ, chứa nhóm, kết hợp lại tạo thành. Như cây viết phải từ chất nhựa, kim loại, màu sắc, mực, máy móc, ông thợ...; Những thứ đó, đâu phải là cây viết, chung hợp lại mới thành cây viết. Tức là không phải tự

nó tạo ra nó; và cũng không do thần linh, thượng đế có tài năng gì tạo ra nó được.

Đức Phật luôn sáng suốt, vô ngã, vị tha, thi ân bất cầu báo, nên lời Ngài dạy luôn đúng với chân lý, gọi là **Khế lý**. Và phù hợp với trình độ, căn cơ của chúng sinh gọi là **Khế cơ**. Kinh điển dung chứa cùng ý nghĩa, liên kết mật thiết để bổ sung cho nhau, không riêng lẻ, chống trái.

Để hoàn thành tâm nguyện cứu độ chúng sinh, Ngài đã lần lượt: - *Khai mở trí tuệ*; - *Trang bị hệ thống tư tưởng Nhân Duyên Sinh... và từng bước hướng dẫn cách tu tập để thâm nhập giáo pháp từ thấp đến cao, từ hệ thống A Hàm, dẫn đến Bát Nhã, rồi đến kinh Hoa Nghiêm, cao tột.*

**Bước Một: Chân lý Nhân Duyên Sinh, được khởi đầu từ kinh: A HÀM.**

Phật khẳng định: “*Ai hiểu thấu được lý Nhân Duyên là thấy được chân lý*”. Ngài dạy tiếp:

- *Nhân duyên sở sanh pháp*: Các pháp đều do nhân duyên sinh;
- *Ngã thuyết tức thị không*: Ta nói nó là không, không có tự tánh là vô ngã
- *Diệc danh vi giả danh*: Ngay cả tên gọi cũng là giả, danh ngôn giả lập.



- *Diệt danh trung đạo nghĩa:* Giả tướng, giả danh mới đúng nghĩa trung đạo,

Ví dụ: cái đồng hồ là một pháp:

\* *Trước:* Khi các cơ phận chưa có, chưa chứa nhóm thì không có cái đồng hồ.

\* *Giữa:* Ngay lúc các duyên lần lượt tích tụ lại, như tâm thức con người muốn có một cái gì, xem, để biết giờ; mới tạo ra máy móc, chế tạo nào là mặt số, kim dài, ngắn, ốc lớn nhỏ, bánh xe, dây thiêu, xi mạ... rồi ông thợ ráp chúng lại thành một cái có hình tướng, màu sắc. *Trong đó, cũng có khoảng trống rỗng (trống không) để các cơ phận xoay chuyển.* Nhưng chính nó không tự xưng tên gì, mà phải do con người quy ước với nhau đặt tên cho nó là cái *đồng hồ* (danh ngôn giả lập), để khi nhắc đến nó thì người nghe hiểu ngay là cái đồng hồ; không nghĩ lầm là cái mũ, cái lọ...

\* *Sau:* Nếu tháo từng bộ phận ra; thì không còn hình tướng và tên gọi đồng hồ nữa, trở lại không như trước. Từ tâm khởi nghĩ, máy móc dụng cụ, ông thợ..., đến tên gọi đều là thành tố bên ngoài, hoàn toàn tùy thuộc vào nhân duyên. Đủ duyên thì có; duyên tan thì không. - *Trước* không có, - *Giữa* chỉ có giả tướng; giả danh và trong giả tướng cũng có khoảng trống không, - *Sau*, trở lại không. *Và chính hợp thể giả tướng này cũng không có bản thể, bản chất, tự ngã cố*

*định, độc lập để tự sinh, tự tồn và tự diệt cho chính nó. Nên Phật dạy: “Nhất thiết pháp vô ngã”.*

**Bước Hai: Tiếp đến là tư tưởng: KIM CANG BÁT NHÃ.**

Đức Phật giảng dạy suốt hai mươi hai năm (nhị thập nhị niên Bát nhã đàm), kết tập lại thành 600 quyển. Về sau, pháp sư Tam Tạng, Thích Huyền Trang cô kết lại còn 260 chữ, lấy tựa đề là “**Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh**” là quyển kinh trọng tâm về Trí tuệ siêu việt của toàn bộ tư tưởng Bát Nhã 600 quyển.

Với mục đích góp nhặt tinh hoa Phật Pháp, tóm gọn lại ghi vào quyển sách nhỏ, giới hạn này. Tôi chỉ tìm hiểu câu kinh văn mở đầu, xin quý vị tìm hiểu thêm. “**Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách**” tạm dịch là Bồ Tát Quán Tự Tại thực hành thâm sâu Trí tuệ cao tột, *soi thấy được ngũ uẩn không thật*, liền vượt qua hết mọi khổ nạn. Chỉ vãn vẹn 25 chữ này, hay gom gọn thêm, trong 6 chữ “**chiếu kiến ngũ uẩn giai không**” mà Phật đã giúp Bồ Tát (hữu tình giác) hết khổ được vui, giải thoát, thành Thánh. Như thế, với tam tạng Kinh, Luật, Luận, Phật lưu lại thế gian, còn biết bao điều vi diệu, nhiệm mầu, cứu độ chúng sinh nhiều mặt, bất tư nghĩ!

**Nên nhớ:** - Phật dùng Giáo lý làm phương tiện để chỉ ra Chân lý; giải thích Chân lý; và, Ngài chỉ là tha lực, chia sẻ và thuyết phục, nhắc nhở, khuyến khích chúng sinh phải tự nguyện, tự lực tinh tấn thực hành mới có kết quả cụ thể, thiết thực cho chính mình. Và rồi, hướng dẫn cho người khác thực hành theo, để họ cũng đạt được lợi ích như mình. Là ta đã: **“Phụng Sự Chúng Sinh; Chính Là Cúng Dường Chư Phật”** rồi, Ngài không cần gì thêm.

Phật chỉ là **Bổn sư**, vị thầy căn bản dạy: - **Bên này là “bờ mê”** do vị kỷ, chấp ngã, chấp thân, tâm, cảnh đều thật có; nên khởi tâm tham sân si; tìm dục lạc, tạo ác nghiệp, bị nghiệp lực lôi dẫn xoay vòng trong đường khổ, trầm luân, phải làm phàm phu. **Bên kia là “bến giác,”** luôn sống với tâm từ, bi, hỷ, xả, vô ngã, vị tha, bình đẳng, thanh tịnh, sáng suốt; soi thấy thân tâm cảnh đều không thật, sạch nghiệp, an lạc, giải thoát, thành Thánh. Với cương vị Bổn sư, dạy học, Ngài luôn tôn trọng nhân phẩm, bình đẳng...không phân biệt phong tục, tập quán, chủng tộc, giai cấp, giới tính, tín ngưỡng... của học sinh nào. Miễn là học sinh đó chuyên cần học bài, làm bài, là thi đậu..., Ngài không áp đặt một điều kiện khắc khe, phức tạp nào, cũng không đòi hỏi phải đền ơn cho ngài, điều gì cả.

Và Ngài cũng là **Đạo sư**, vị thầy đưa đường dẫn lối cho chúng sinh đi từ bờ mê đến bến giác, bằng nhiều phương tiện

thích hợp (Tịnh độ, Thiên, Mật...). Ví như, sang sông phải đi bằng thuyền. Ngài còn chu đáo cung cấp phương tiện thuyền, bè, tay chèo, sào chống để chúng sinh tự lực chèo chống thuyền, mới sang bên kia sông được. **Tức là hành giả phải tư hành thâm Bát Nhã , tư soi thấy năm uẩn không thật, mới hết khổ...**

Thế mà Bồ Tát đã đến bến giác, thành Thánh; còn mình vẫn còn loay hoay bên bờ mê, mãi làm phàm phu, còn khổ hoài! Suy gẫm xem *lỗi tại đâu?* Lỗi ở chỗ:

○ Bồ Tát luôn y giáo phụng hành, thâm nhập kinh tạng, trí tuệ như biển, soi thấy ngũ uẩn đã không thật; nên chúng tạo thành thân người, cũng không thật, chỉ có giả tướng, tạm có, hư dối tức là **hết si** . Nhờ đó khi gặp thuận duyên, được o bế, tăng bốc, khen ngợi (danh văn), hay được lợi lạc vật chất (lợi dưỡng); Bồ Tát không khởi tâm ưa thích, dính mắc, ham hố, tức là **hết tham**. Hoặc gặp chướng duyên, nghịch cảnh, bị chê bai, chỉ trích, xúc phạm; hay bị tổn hao tài vật... các Ngài cũng đứng dung, không khó chịu, bực bội, sân giận; tức là **hết sân**. Tam độc Tham, Sân, Si, không còn tác động hoành hành được Bồ Tát. Khi bị Bát phong (Lợi - Suy - Hủy - Dụ - Xung - Cơ - Khổ - Lạc) *suy ( tác động )*; Tâm các Ngài vẫn bất động, bình thản nhẹ nhàng, an lạc, sáng suốt, đạt cảnh giới giải thoát, thành Thánh.

o Còn mình, chỉ thuộc kinh, tụng kinh lâu lâu, rồi tự mãn cho rằng đã thâm nhập kinh điển, mãi *dậm chân tại chỗ thuộc, tụng không tìm hiểu ý nghĩa cao thâm của giáo lý, chưa soi thấy ngũ uẩn giai không, thân người không thật để biết đường đi, biết cách đi, tự đi đến đích!* Ví như xuống thuyền rồi mãi ngồi ì đó không chịu chèo, chống thuyền sang đến bến giác vậy, nên vẫn còn khổ hoài!

Thuộc kinh, tụng kinh chỉ là nhái lại lời Phật dạy, cho Phật nghe lại. *Hiểu và thực hành kinh mới có lợi ích cụ thể cho mình.*

Tu tập Bát Nhã phải thực hành theo thứ lớp, đủ ba giai đoạn:

a) **Văn tụng Bát Nhã**: là chữ nghĩa, ngữ ngôn kinh, phải hiểu rõ.

b) **Quán chiếu Bát Nhã**: là dùng sự hiểu biết của mình để phân tích tìm hiểu ý nghĩa thâm sâu của Văn tụng và thực hành để đạt được trí tuệ cao tột, soi thấy “Ngũ uẩn giai không”, thân người không thật.

c) **Thực tướng Bát Nhã**: Là trí tuệ thấy rõ thực tướng của vũ trụ, vạn hữu, như thật (thực tướng là vô tướng); thấy ngũ uẩn giai không, không thật (- Thân - Tâm - Cảnh, đều không thật). Đây chính là thực tướng Bát Nhã.

***Vậy ngũ uẩn là gì? Tại sao ngũ uẩn lại giai không?***

✓ Ngũ uẩn là gì? - Ngũ là năm thành phần: **sắc, thọ, tưởng, hành, thức**, kết hợp lại tạo thành thân người.

- Uẩn là sự tích tụ, chứa nhóm, duyên hợp...nhiều điều kiện, chất liệu, yếu tố, thành phần...từ nhiều thứ khác nhau.

Ví dụ: - Đất - Nước - Gió - Lửa, chứa nhóm lại tạo thành sắc uẩn (thân người)

✓ Tại sao ngũ uẩn giai không ( không thật )? Lần lượt phân tích từng uẩn một, sẽ thấy:

\* **SẮC UẨN: về Thân** vật chất do tứ đại hoà hợp tạo thành một hình thể có hình dáng, màu sắc, mắt phàm nhìn thấy được gọi là Sắc uẩn. Tứ đại gồm:

*Đất* là chất cứng như: da thịt, gân xương, tóc lông, răng móng...

*Nước* là chất lỏng như: máu mủ, mồ hôi, nước mắt nước tiểu...

*Gió* là chất hơi: không khí ra vào mũi, các lỗ chân lông...

*Lửa* là hơi nóng như xoa bàn tay, chà xác da thịt thấy nóng lên...

Khi đủ tứ đại, thì sắc uẩn hiện hữu, tồn tại. Chỉ thiếu một đại nào thì sắc uẩn tiêu rụi. Sắc uẩn sinh diệt tùy theo

duyên...chứ chính nó không có tự tính cố định, độc lập để tự sinh, tự tồn và tự diệt cho chính nó. Nên kinh dạy sắc uẩn giai không, không thật.

\* **DANH UẨN về tâm**, tinh thần gồm có: **Thọ, Tưởng, Hành, Thức**; vô hình tướng, chỉ do nội tâm suy tư, cảm giác, cảm nhận ra; mắt phàm không nhìn thấy được.

**Thọ Uẩn**: Là thọ nhận, cảm giác... khi, *sáu căn tiếp xúc sáu trần, hợp tác với ý thức* phân biệt sinh ra cảm thọ:

- *Thọ vui*: lỗ mũi ngửi được hương thơm (hảo hương) có cảm giác thư thái, dễ chịu, thích thú là thọ vui.

- *Thọ khổ*: khi mùi hôi thúi nồng nặc (ố hương) xâm nhập vào mũi cảm thấy khó chịu, bực bội, xa lánh ghét bỏ, thọ khổ.

- *Xả thọ*: nếu không có hảo hương, ố hương, mũi chỉ hít thở không khí trong lành, ta cảm thấy thanh thản, thư thái, nhẹ nhàng, không khổ, không vui là xả thọ hay thọ vô ký. Như vậy, chỉ khi nào có ngoại trần tác động vào thân căn mới có thọ uẩn. *Vậy thọ uẩn cũng tánh không, không thật.*

**Tưởng Uẩn**: Là nghĩ suy, tưởng nhớ:

- Hồi tưởng lại những việc đã qua, hiện tại không còn nữa.

– Vọng tưởng đến việc tương lai; hiện giờ, chưa có, chưa xảy ra.

– Làm tướng việc ngay trong hiện tại không đúng sự thật, như trong bóng đêm lờ mờ, thấy sợi dây, tưởng lầm là con rắn. Do nghĩ tưởng sai lầm mới có tướng uẩn. *Tướng uẩn cũng giai không, không thật.*

**Hành Uẩn:** Hành là những ý niệm nội tâm luân lưu, biến chuyển vận hành liên tục, tiếp nối nhau. Như dự định đi chùa, nhớ đem theo áo tràng, ghé chợ mua bông, trái cây lễ Phật; xong, ghé thăm thầy, gặp bạn đạo nọ... Đó chính là hành uẩn. Bình thường, *hành uẩn vẫn trống không, không có, không thật.*

**Thức Uẩn:** Khi căn tiếp xúc với trần, liền khởi tâm phân biệt... tạo ra thức uẩn. Không có ngoại duyên thì *thức uẩn cũng không có, không thật.*

Như trên cho thấy, ngũ uẩn đều trống không, vì không có tự tánh để tự sinh, tự tồn và tự diệt; mà phải do duyên sinh nên **Phật dạy:** “*Ngũ uẩn giai không, không thật có; chỉ có giả tướng và giả danh. Ngũ uẩn không thật, tích tụ lại, tạo nên thân người. Vậy thân người cũng không thật.*”

Dùng năm ngón tay biểu thị cho năm uẩn, khi co 5 ngón lại thành nắm tay, tượng trưng cho thân người, năm ngón



không thật, thì nắm tay cũng không thật, thân người cũng không thật.

Mỗi pháp hữu vi đều dung chứa ba tính chất: **-Tánh không - Giả tướng**, và, **- vô tướng** - Cần hiểu rõ ba pháp ngữ này:

### **1. TÁNH KHÔNG:**

\* Tánh là cái gì vốn đã có sẵn

\* Không: a/ là trống rỗng, chưa có một hình tướng, hiện tượng nào, hiện hữu.

b/ là không có bản chất, bản thể, tự tánh để độc lập tự sinh...Tánh không thì không sanh, không diệt, không tăng, không giảm...

**2. GIẢ TƯỚNG:** là có hình tướng nhưng chỉ giả tạm, hư dối, vì do duyên sinh nên sinh diệt vô thường theo duyên. Ví dụ: Nhờ có sẵn mảnh đất trống (tánh không); nên thợ mộc, thợ hồ mới kết hợp các vật liệu, cây, gạch, ngói, đất cát, nước, xi măng, sắt thép lại xây dựng lên căn nhà. Vậy, *căn nhà do duyên sinh có giả tướng, **mắt phàm** đều nhìn thấy, nhưng không có tự tánh, nên căn nhà không thật có, chỉ có **tuệ nhãn** mới nhận ra tự tánh không này. Chứ không phải, không có căn nhà, không thợ, ngoạn không, vĩnh viễn không như lông rùa, sừng thỏ. Tức là có Tướng, mà không có Tánh.*

3. **VÔ TƯỚNG**: Trong căn nhà: - ngoài tường, vách, cột, mái có giả tướng ra; - còn có khoảng trống rỗng, là không tướng, hay vô tướng, để gia đình sinh hoạt... Bất cứ pháp hữu vi nào cũng đều có vô tướng; như nắm tay có khoảng trống để cầm nắm đồ vật; cây cối để hút nước, lỗ mũi để không khí ra vào, cái tách để đựng nước....**Phật pháp dạy: “Thị chư pháp không tướng, bất sinh, bất diệt...bất tăng bất giảm...”**  
**“thực tướng là vô tướng.”**

Vào đêm rằm, trời quang mây tạnh, mặt trăng thật trên không trung sáng tỏ chiếu xuống trần gian. Đem thau nước sạch, trong, lóng lặng để ra ngoài sân, ta liền thấy có mặt trăng hiện ra trong thau nước. Vậy mặt trăng trong thau nước là: thật có, hay thật không?

– Nếu chấp **“thật có”**, thì ta lấy tay vớt, phải có mặt trăng trong tay, nhưng có nắm bắt được nó đâu!

– Nếu bảo **“thật không”** thì tại sao ai cũng đều thấy nó có trong thau nước. Cả hai đều không đúng trong thực tế, không đúng lẽ thật! Bởi vì nó do duyên sinh. Đủ duyên thì tạm có, giả có; thiếu duyên thì hoàn không, chứ không phải thật không, không có mặt trăng trong thau. Vì nó không có tự tánh độc lập tự sinh ra nó để thật có mãi mãi, còn hoài.

***Cách khẳng định chính xác nhất là nó chỉ có giả tướng và giả danh mới đúng nghĩa trung đạo.*** Tất cả các pháp hữu vi khác, cũng đều là như thế.

Do phàm phu nhìn sự vật, hiện tượng với thức tri, phân biệt nên có chấp; hoặc cho là thật có, hay thật không, nên Phật giáo dùng hai thuật ngữ **“Phi”** và **“Tức”** để giải thích thêm. Các pháp hữu vi như thân, tâm, cảnh đều do duyên sinh, chúng tự vận hành theo chức năng riêng của nó, con người không hề hay biết, không thể can thiệp, điều khiển theo ý muốn của mình được, chỉ phải tùy thuận theo chúng mới có an lạc giải thoát. *Hiện tượng sự vật, chỉ có giả tướng, không thật, nên gọi là “phi”* là để phủ nhận nó không thật có, chứ không phải không có nó hiện hữu. ***Có mà không thật là “Phi”.***

Còn chữ **“Tức”** để chỉ: *trong cái không thật, có cái thật, tức là thật*, là từ Như Lai tạng. ***Thấy: - Thân - Tâm - Cảnh từ Như lai tạng phát sinh ra, biểu hiện ra, duyên sinh ra, chỉ tạm có, là đi thẳng đến chỗ cứu cánh chân thật.*** Vậy từ **“Phi”** để phủ nhận phá chấp cái giả có, mà chấp thật có, rồi đến cái **“Tức”** là chỉ ra trong cái giả có có cái chân thật. Khi nhận rõ cái chân thật thì tu mới viên mãn. **“Phi”** và **“Tức”** phải đi chung với nhau. Ví dụ: Ta đang chấp ngã, mà có ai nói ông là Phật liền tưởng mình là Phật thật, thì nguy to! Nên phải nói nhơn phi nhơn, ông là vô ngã trước, rồi mới chỉ ra

trong tám thân giả có, như phi như, vô ngã này, có Phật tánh là “Tức”. Nhờ đó mới hiểu được câu:

\* Vô minh, tức Phật tánh.

\* Phiền não, tức Bồ đề.

\* Sanh tử, tức niết bàn.

\* Sóng, tức là nước....

*Tìm hiểu thêm hai pháp ngữ: **Sắc** và **Không** trong câu:*

– **Sắc**, bất dị **Không**: Hình thể chẳng khác chân không.

– **Không**, bất dị **Sắc**: Chân không chẳng khác hình thể.

– **Sắc**, tức thị **Không**: Hình thể tức là chân không.

– **Không**, tức thị **Sắc**: Chân không tức là hình thể.

Tạm mượn hình ảnh mặt biển để phân tích, tìm hiểu:

– *Sóng biển* có hình dáng lô nhô cao thấp...và màu sắc đục, trong, bong bóng bọt tượng trưng cho chữ “**Sắc**” là sự tướng, là hiện tượng của nước bề, mắt thường nhìn thấy rõ.

– *Mặt nước biển* trong vắt, phẳng lì, không có một bóng dáng gì, tượng trưng cho chữ “**Không**” là lý tánh, là bản thể của nước biển.

– Gió thổi mạnh, tàu chạy gần... là “**Duyên**”.

Chính từ mặt nước biển thanh tịnh, là **Không**, là bản thể; khi gặp gió thổi mạnh, tàu chạy gùn... làm **Duyên** đánh động nước biển khơi dậy những đợt sóng...**Sắc**, hiện tượng. Nếu không có duyên (gió, tàu chạy gùn), thì sóng (sắc) không có tự tính độc lập, tự sinh ra sóng; và chỉ có nước biển (không) là nhân tố duy nhất kết hợp với gió (duyên) mới tạo ra được sóng (sắc). Ngoài ra, không có một nguyên nhân nào khác tạo ra được sóng. Tức là **“Bản thể duyên sinh ra hiện tượng”**. Sắc (sóng) và Không (nước biển) không rời nhau. Không có nước biển thì không có sóng nên kinh dạy: **“Sắc bất dị không, không bất dị sắc”**.

Khi gió ngừng thổi, tàu chạy ra xa (hết duyên); những đợt sóng hạ xuống, hoà nhập vào nước biển tức là lúc **“hiện tượng (sắc) quy về với bản thể (không)”** Vì trong sắc (sóng) có chứa cái không (nước) trong ấy, nên kinh dạy: **“Sắc tức thị không - Không tức thị sắc”**.

### **Bước Ba: Tột cùng là Giáo lý kinh HOA NGHIÊM**

Sau khi thành Phật. Trong đại định, qua tư tưởng Ngài đã truyền đạt cho hàng đại Bồ Tát kinh Hoa Nghiêm về chân lý Nhân Duyên Sinh cao tột.

#### **1. Giáo lý “Trùng trùng duyên khởi”:**

Các pháp hữu vi không chỉ do một vài nhân duyên đơn thuần tạo thành được! Nếu phân tích chi ly, ta không thể truy

nguyên điểm khởi đầu và kết thúc. Ví dụ: - Con người từ đâu có? - Đáp: Từ tinh cha, huyết mẹ hợp với thần thức tạo thành bào thai trong bụng mẹ. Vậy hỏi cha mẹ từ đâu sinh ra? Lại bảo từ ông bà nội, ngoại ...rồi lại hỏi, ông bà cố nội, ngoại?... cứ thế tiếp nối mãi mãi không thể tìm ra nguồn cội! Khi sinh ra, con người phải vay mượn cơm ăn, nước uống, quần áo mặc, nhà ở, phương tiện di chuyển,... để trưởng thành, sinh tồn....Các thứ đó từ đâu có? Ví như quần áo mặc phải từ “nước, phân, cần, giống,...” mới có bông vải, rồi máy móc, công thợ kéo chỉ, dệt vải, nhuộm màu, cắt may... mới có. Cứ thế tiếp tục truy cứu mãi từng thứ một khác, thì không thể nào trả lời thoả đáng được. Nên kết luận: *“Các Pháp trùng trùng duyên khởi” liên hệ chằng chịt, vô thủ, vô chung.*

## 2. Giáo lý “Một là tất cả, tất cả là một”:

Lấy một điểm nhỏ trên sợi lông con sư tử bằng vàng ra phân chất, thì thấy có đầy đủ hợp chất của toàn thân con sư tử vàng. Ngược lại, phân tích toàn thân con sư tử thì cũng đủ chất liệu của đóm lông kia. Hay trong trường hợp thân thể người này đều có đủ chất liệu của chúng sinh hữu tình và vô tình khác, và cấu trúc của chúng sinh khác cũng có mặt những nhân tố của người này. Nên kinh dạy: *“Một là tất cả, tất cả là một”*.

3. Giáo lý “Cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không”:

Có cha mẹ, mới có con, cháu.... Có nông phu, hạt giống thì con người mới có cơm ăn. Có bông vải, máy móc, công thợ,.. thì mới có quần áo để mặc,... Hay là do có mặt trăng trên không trung, nên mới có mặt trăng trong thau nước. Nhờ có mặt trăng trong thau nước mới phăng tìm được mặt trăng trên không trung. Nhưng chúng hoàn toàn khác nhau, không giống, không phải là một.

Tóm lại, Phật đã từng bước dẫn giải tường tận chân lý nhân duyên sinh từ thấp đến cao để chúng sinh thấu hiểu và thực hành - Bồ tát, thâm nhập được ý nghĩa giáo lý Duyên sinh và tinh tấn thực hành đạt được **trí tuệ cao tột**, mới thấy rõ:

a) **Thân**, của các Ngài chỉ có giả tướng, giả danh, hư dối, tạm bợ, nên không dính mắc, quý trọng, luyến tiếc. *Chỉ tạm mượn làm phương tiện để tu tập, đạt đến cứu cánh giải thoát, thành Phật*. Ví như, mượn sợi chỉ đưa điều lên không; mượn ngón tay để chỉ mặt trăng; mượn con thuyền để sang sông;... Khi thấy mặt trăng, sang sông rồi, ... thì buông bỏ phương tiện. Phương tiện không phải là cứu cánh, không cần bám giữ.

b) **Thân**, Bồ tát có được, là do vay mượn nhiều nhân tố từ chúng sinh hữu tình và vô tình, duyên hợp lại, nên Bồ tát nhận thức rằng mọi *chúng sinh đều là chủ nợ, các Ngài là con nợ*; nên phải biết ơn, nhớ ơn và đền ơn khắp mọi chúng sinh hữu tình và vô tình để trả nợ.

c) Trong thân của Bồ tát có mặt tất cả chất liệu của chúng sinh; ngược lại trong hợp thể chúng sinh cũng có Bồ tát. *Bồ tát và chúng sinh là một, nên Bồ tát đồng cảm với chúng sinh*. Khi chúng sinh khổ thì Bồ tát khổ; khi chúng sinh vui thì Bồ tát cũng vui theo. Bồ tát và chúng sinh luôn nương tựa, gắn bó với nhau như bóng với hình. Đồng thời, với lòng đại bi, Bồ tát đã hăng hái lăn xả vào việc cứu giúp vô lượng, vô biên chúng sinh không hề mệt mỏi, lui sụt... để hoàn thành bản hoài độ sinh của mình, và tiến thẳng vào “**Tam giải thoát môn**”. *Ba cửa giải thoát đó là:*

**1. Không môn** (cửa không) là không có thực thể: Trước một vật thể như: - nhân (người), - pháp (các sự vật hiện tượng) thường có hai cách nhìn:

\* **Nhìn bằng thức tri phân biệt**: - Vì chưa có đạo lực, định lực, thì thấy chúng có hình tướng, sắc chất bên ngoài và cho là có thật nên khởi tâm nắm bắt, chấp giữ. Nếu được, thì sanh tâm *tham*; không được thì *sân*. Cả hai đều tạo nghiệp, luân hồi. - Hoặc phải chia chẻ chi li, phân tích suy luận bằng



ý thức phân biệt mới thấy không có thực thể, như phải lột từng bẹ của cây chuối ra, cuối cùng mới thấy nó không có lõi (thực thể) tức là phải *tích không quán*, mới thấy, *nên không*, mà *chưa thật không*.

\* *Nhìn bằng tuệ tri Bát Nhã*, có đạo lực, định lực với trực giác; vừa tiếp xúc với đối tượng là nhận ra ngay chúng không có thực thể **“đương thể tức không”**, nên được không mừng mát không lo, an nhiên tự tại, vô ngại giải thoát.

**2. Vô tướng môn** (cửa vô tướng) khi nhìn một hợp thể, trực nhận ngay chúng do duyên hợp, giả có, hư dối: - Nó không có tự thể riêng biệt, - Không có tướng mạo nhất định; - Không có tính đồng nhất nên chúng là vô tướng; vì chúng hoàn toàn lệ thuộc vào duyên. Ví dụ: nước chứa trong ly gọi là ly nước, chứa trong bình gọi là bình nước... về hình tướng thì ly, bình, khác nhau. Nhưng về bản chất nước dù trong ly hay trong bình vẫn là một thứ, một bản thể. Như vậy cùng là nước nhưng tùy duyên mà có sự tướng khác nhau; còn nước không có hình tướng nhất định nên gọi là *vô tướng*. **“Chư pháp tùng bản lai thường tự tịnh diệt tướng”**.

**3. Vô tác môn** (cửa vô tạo tác): thâm đạt lý nhân duyên, thấu hiểu không môn và vô tướng môn, nên biết rõ:

○ Về sự tướng, hiện tượng do duyên sinh, hữu vi, sinh diệt... vô thường.

○ Về lý tánh, bản thể của hiện tượng thì chân như tịch tịnh, bất sanh, bất diệt, bất tăng, bất giảm... bản lai vô vi, vô tác, vô mong cầu, vô ước nguyện nên có gì đâu phải tạo tác thêm để phải chịu nghiệp, luân hồi.

**Phương pháp thực hành để giải thoát, là tam buông, tứ bỏ:**

. **Tam buông** là buông bỏ: - Thân giả hợp, - Tâm vọng tưởng điên đảo, - Cảnh vô ngã. *Thân Tâm Cảnh đều không; hay Nhân không, và Pháp không.*

. **Tứ bỏ:** - bỏ chấp ngã (chính mình), - Chấp nhân (đối tượng), - Chấp chúng sinh (mọi người, mọi vật), - Chấp thọ giả (mạng sống) tức là pháp **Ly tướng**, thấy rõ Nhân không và Pháp không; Tâm được rỗng rang thanh tịnh, an nhiên tự tại giải thoát nhập vào cảnh giới Niết bàn, vô sinh.

Hôm nọ, một hành giả bê hai tay, hai chậu hoa đến cúng dường Phật, và xin Ngài dạy cho phương pháp tu giải thoát.

Phật nghiêm nghị lớn tiếng bảo: **Buông.**

Hành giả giật mình *buông* chậu hoa bên tay trái.

Phật bảo tiếp: **Buông.**

Hành giả *buông luôn* chậu hoa thứ hai, bên tay phải.  
Đang lúc phân vân, chờ đợi...

Phật lại bảo: **Buông.**

Hành giả vừa ngỡ ngàng, vừa thất mắc...thưa: - Bạch Thế Tôn, con chỉ có hai chậu hoa ; vâng lời Ngài, con đã buông cả hai rồi, đâu còn gì để con buông nữa?

Phật dạy, lần này ông *phải buông luôn cái Vọng Tâm, mộng tưởng, điên đảo, chấp mắc...để trở về với Chơn Tâm thường trụ, thể tánh tịnh minh của ông, mới giải thoát được.* Hành giả trực ngộ. Cúi đầu lạy tạ Thế Tôn, ra về.

**Ước mong quý hành giả sớm viên thành Phật đạo.**

## KẾT LUẬN

\*\*\*

Khi biết được, con người sống trong cõi tạm dung, ảo mộng này; như Thiền sư Thích Thanh Từ, viết:

- + *Gá thân mộng,* . *Ghi lời mộng,*
- + *Dạo cảnh mộng,* . *Nhấn khách mộng,*
- + *Mộng tan rồi,* . *Biết được mộng,*
- + *Cười vỡ mộng.* . *Tỉnh cơn mộng.*

- Về ***thân thể vật chất***, ai ai rồi cũng *phải xả bỏ*, đúng theo quy luật vay trả, trả vay; không thể cưỡng chống lại được!

- Chỉ còn, ***phần thân thức***, vẫn trường tồn, phải:

\* ***Biến chuyển theo Nhân duyên.***

\* ***Tiếp nối theo Nghiệp lực.***

Để định đoạt vận mệnh mình, cho đến khi sạch nghiệp (hết nợ). Vậy, có phương cách nào giúp mình sống an lành,

hạnh phúc trong hiện tại, và ra khỏi vòng luân hồi về sau? Đó chính là mục tiêu mà bấy lâu nay tôi quan tâm tìm hiểu, ... để khỏi bị làm lạc, bắt lợi!

Nhờ biết rõ, chỉ có: - **Đức Phật**, *thị hiện thành con người thật*; tu hành đến, giác ngộ, giải thoát, thành Phật để làm gương; *làm Giáo chủ*. - Lại với lòng đại Từ Bi, Ngài đã tận tình chỉ dạy **Chánh pháp**, giảng giải tận nguồn con, cụ thể, minh bạch; đồng thời hướng dẫn cách thực hành chánh pháp một cách tỉ mỉ, chu đáo cho chúng sinh (việc thật); vô điều kiện; - Và **Phật Pháp** *đích thật là Chân lý*. Nên mọi ưu tư, lo lắng đã được giải tỏa; mọi ước mơ mong đợi, được đáp ứng thỏa đáng. Tôi đã thu nhặt và ghi tóm lược, trong quyển sách nhỏ này; để tự ôn tập, và nhắc nhở mình tinh tấn tu hành mới có kết quả.

\* Đạo Phật là đạo **Trí Tuệ**. Có trí tuệ mới nhìn thấy được *Chân lý*, là những quy luật vận hành tự nhiên của vạn pháp, *ở bên ngoài* (nơi vũ trụ, vạn pháp). Còn *trí tuệ lại có sẵn ở trong bốn tâm* của mọi người. Nên hành giả phải **hướng nội**, hội nhập vào bốn tâm; và với ý chí quyết tâm tu sửa, thanh lọc, chuyển hóa, loại trừ hết mọi nhiễm ô, phiền não, tham - sân - si; thì **vô sư trí** mới hiển lộ. Bốn tâm, Chơn tâm, Tánh giác, Vô sư trí, Đại viên cảnh trí,... tuy nhiều tên gọi, nhưng cũng chính là **Phật Trí Kiến**, cái thấy biết sáng suốt, hằng hữu trong mọi chúng sinh; như tấm gương vốn sạch, sáng

sẵn; còn, phiền não nhiễm ô... ví như bụi bần, tạm che mờ gương. Tự lau chùi hết bụi bần, thì tấm gương sẽ sạch sáng trở lại. Muốn được vậy, chính mình phải chủ động, tự nguyện, tự lực, tinh tấn:

a/ - **Học Chánh Pháp** qua pháp môn Tam huệ học: **Văn - Tư - Tu** để có *Hữu Sư Trí*, mới thấy được chân lý; rồi tự ứng dụng chân lý vào đời sống hàng ngày sẽ có an lạc, hạnh phúc ngay bây giờ, và ở đây. *Hữu Sư Trí giúp khai minh cho Vô Sư Trí trong tâm mọi người phát sinh.*

b/ - **Thực hành pháp môn cốt lõi:**

- Chư ác mạc tác.
- Chúng thiện phụng hành.
- Tự tịnh kỳ Ý.

Đồng thời, chuyên tu pháp môn giải thoát: - **Giới - Định - Huệ**, hợp tác thêm, để có Vô Sư Trí, mới nhận chân được *Nhân không ( nhân vô ngã )*, và *Pháp không ( pháp vô ngã )*, mới có đủ công năng đoạn trừ *bản năng và bản ngã*, chấm dứt khổ đau, sinh tử. Đức Phật luôn dùng Trí Tuệ để soi xét mọi việc đúng chân lý trước khi - Thân - Khẩu - Ý, hành động, nên không hề sai phạm, không tạo nghiệp, mới giải thoát, thành Phật được.

\* **Đức Phật dạy:** “ *Nỗi khổ lớn nhất của chúng sanh là bị xoay vần trong vòng luân hồi sinh tử, mà không biết lối ra!* ” Chỉ vì bị *vô minh*, che kín *chân tâm* sáng suốt; và bị

*ái dục*, thúc đẩy mãi mê *hướng ngoại* tìm cầu danh văn, lợi dưỡng, để thỏa mãn nhu cầu của *bản năng* và *bản ngã*, tạo nghiệp bất thiện mới bị nghiệp lực dẫn đi luân hồi trong ba cõi, sáu đường. Nên Ngài mới thị hiện thành con người, luôn:

- Tôn trọng giá trị nhân bản;
- Tôn trọng giá trị hành động của con người;
- Tôn trọng sự tự do lựa chọn và toàn quyền quyết định vận mệnh của mỗi cá nhân; nên đạo phật, là **Tín ngưỡng nhân quyền**. Ngài đã:

- Xóa bỏ giai cấp;
- Giải phóng nô lệ;
- Cải tạo xã hội.

Mà nhất là tính **Bình đẳng tuyệt đối**, đối với muôn loài chung sinh; chỉ có trong Đạo Phật.

Nhưng mục đích chính yếu vẫn là **cứu vớt chúng sinh chằm dứt khổ đau, thoát ly sinh tử**, Ngài dạy chúng sinh cách:

Trước tiên:

- Phá mê khai ngộ; để
- Lìa khổ được vui; và
- Chuyển Phàm thành Thánh.

Kế đến là:

\* Không được làm tất cả các việc ác; để *dừng nghiệp ác*.

\* Chuyên làm tất cả các việc lành; *để chuyển nghiệp ác thành thiện*

\* Tự giữ tâm ý, thật vắng lặng, thanh tịnh, không còn nghĩ thiện, ác, *cốt để làm sạch nghiệp.*

Khi thân, khẩu, ý, thanh tịnh, thì đồng Phật vắng Tây Phương, không ngoa.

“*Niết bàn, Tịnh Độ đâu xa.*

*Giữ tâm thanh tịnh quê nhà xưa nay.”*

Để tự cứu mình, rồi cứu độ chúng sinh, Phật đã xả bỏ tất cả từ ngôi vị quốc vương, nhân vương, cao tột... chỉ còn là vị khát sĩ đầu trần chân đất, với ba y, một bát xin ăn độ nhật; chuyên tu đạo giải thoát, thành Phật; rồi *chia sẻ, thuyết phục*, hướng dẫn, chỉ dạy để *chúng sinh tự nguyện* noi theo, sẽ được thành tựu như Ngài. Sự nghiệp độ sanh cao cả, lợi tha hiển bày cụ thể, đem lợi ích thiết thực cho chúng sinh; ai ai cũng thấy biết; cũng đều thọ nhận được. Ngài đâu còn cần cầu sự thờ phượng, lễ lạy, dâng hiến..., hay phải **vinh danh** để trợ giúp bảo đảm thêm; phải **làm chứng** để xác nhận dùm cho Ngài nữa. Bản hoài của Ngài là mỗi chúng sinh phải tự giác thực hành giáo pháp để tự giải thoát cho chính mình; rồi tiếp tay với Ngài, hoằng dương chánh pháp, hướng dẫn người khác tu tập để được kết quả như mình; tức là đã đền ơn Ngài cao thượng nhất rồi, không mất gì thêm. Hành động



này Nhà Phật gọi là: “**Tục diệm truyền đấng báo Phật ân đức**”. hay câu: “**Phụng sự Chúng sinh; Chính là cúng dường Chư Phật**”. Quả là đại phước cho hàng Phật tử.

\* **Phật dạy**: “**Từ phàm phu đến thánh nhân đều có Phật tánh, thanh tịnh, sáng suốt như nhau**”. Nhưng, kẻ mê (quên Phật tánh) thì làm phàm phu; Còn người giác (nhớ Phật tánh) là Phật. Đa số làm tướng khi đã mê, thì phải làm phàm phu mãi; nên đức Phật nhắc nhở thêm “**Ai ai cũng có khả năng khôi phục lại Phật tánh để thành Phật**”. Ngài khẳng định: “**Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành**.” Ngài là con người, thành Phật được, thì chúng sanh, cũng là con người, cũng sẽ thành Phật được là điều hợp lý. Miễn là phải: - **tin sâu**, tin vào Chánh pháp; - **nguyện thiết**, tha thiết muốn thành Phật, và, - **hành chuyên**, - luôn chuyên cần, tinh tấn thực hành chánh pháp mới rút ngắn con đường luân hồi, sinh tử, sớm thành Phật.

\* Một trong những điểm đặc thù của Phật là **thành thật**, không bao giờ dối gạt chúng sinh. Đó là: **Tam năng và tam bất năng**:

-1/ **Năng tri quần sanh chi tánh, cùng ỨC KIẾP SINH TỬ CHỈ SỰ. Nhi bất năng tức diệt định nghiệp.**

-2/ **Năng không nhất thiết tướng thành vạn pháp chi trí. Nhi bất năng hóa độ vô duyên**

-3/ Năng độ vô lượng, vô biên chúng sinh. Nhi bất năng độ tận chúng sinh giới.

Với trí tuệ viên mãn, Ngài nhìn xuyên suốt, thấy biết rõ từ sự tướng đến lý tánh của muôn loài; và biết đúng phương pháp hóa giải hiệu quả mọi việc, để giúp chúng sinh hữu duyên, chịu thực hành, thì có kết quả.

Nhưng sở dĩ có tam bất năng, chỉ vì có loại chúng sinh vô duyên, nan điều, nan phục, mãi lười biếng, ỷ lại, chỉ hướng ngoại cầu xin, không chịu tự Học, tự Hành chánh pháp; Ngài đành bó tay, không thể giúp được! Ngài từng căn dặn đệ tử: “ **Hãy tuân theo chánh pháp mà tu, hãy giữ gìn giới luật mà sống, thì Như Lai lúc nào cũng gần gũi. Nếu không, thì dù có Như Lai bên cạnh cũng chẳng giúp được gì!**”

Cần biết rõ thêm, **Phật hóa độ chúng sinh bằng cách nào?** Dùng quyền năng, thần thông, phép lành, phép lạ, để tạo ra những gì chúng sinh đang cần, đang muốn chăng? Nếu hiểu như vậy là quá lệch lạc nông cạn, chẳng hưởng được chút ích lợi gì! Mà phải luôn nhớ rằng, **Phật thấy, biết rõ mỗi chúng sinh đang cần gì, đang muốn gì; rồi Ngài chỉ dạy đúng phương cách thực hiện, để chúng sinh theo đó tự tạo ra những thứ chúng sinh đang cần, đang muốn đó.** Ví như Ngài chỉ đường, dẫn lối; nhưng chính mình phải tự

cất bước lên mà đi, mới đến đích được...Ngài không thể làm dùm, đi dùm... cho ai cả.

\* Vật dụng hàng ngày như nhà, xe, ... đều có thời gian bảo hành, nhưng sinh mạng con người thì không! Nó thật mong manh, chóng vánh. Phật dạy: **“Đời người chỉ bằng một hơi thở.”** Thở ra, mà không hít vào được là xong! Nhà Thiền cũng có câu:

**“Tối nay bỏ dép lên giường.**

**Sáng mai, biết có xô vào được không ? ”**

Cốt nhắc nhở chúng sinh **tu mau kẻo trễ!**

Do *tự lực* học hỏi, tìm kiếm nghiên cứu qua sử liệu, giáo pháp,...biết được Đức Phật, và Chánh Pháp. Lại thêm *tha lực* gồm những nhà hiền triết, khoa học gia, các nhà trí thức...; đều xác nhận giá trị cao siêu và lợi ích cụ thể, thiết thực cho con người của Đạo Phật. Họ đã hết lời khen ngợi, và xác nhận, điển hình như:

\* Học giả Hồi giáo, viết: **“Đức Phật không phải của riêng người Phật tử, Ngài là của toàn nhân loại. Giáo lý của Ngài thông dụng cho tất cả mọi người. Tất cả tôn giáo khai sáng sau Ngài đều mượn rất nhiều các tư tưởng hay, của Ngài.”**

*\* Giám mục Milman, viết: “ Tôi càng ngày càng cảm thấy Đức Thích Ca Mâu Ni gần gũi nhất trong đặc tính và thực nghiệm của Ngài. Ngài là Đường lối, là Chân lý và là Lễ sống.”*

*\* Giáo sư, tiến sĩ Rys Davids, viết: “Là Phật Tử hay không phải là Phật Tử, tôi đã quan sát mọi hệ thống của các tôn giáo trên thế giới, tôi đã khám phá ra: - không một tôn giáo nào có thể vượt qua được vẻ đẹp và sự quán triệt Bát Chánh Đạo và Tứ Diệu Đế của Đạo Phật. Tôi rất mãn nguyện ứng dụng cuộc đời của tôi theo con đường đó.”*

*\* Ngay cả Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc cũng đã thông qua **ng nghị quyết A/54/253** ngày 12/11/1999 để tuyên dương Đức Phật Thích Ca là vị giáo chủ duy nhất, đem lại Hòa Bình cho Thế giới. Và lấy ngày trăng tròn tháng 5 dương lịch hàng năm, làm ngày lễ Vesak (Tam hợp = Đản sinh, Thành đạo, Niết bàn) để cả thế giới cùng tưởng niệm Ngài. Đây là một vinh dự lớn lao cho Đạo Phật, và hàng Phật tử.*

Kết hợp tự lực và tha lực bổ sung nhau, càng hun đúc tinh thần, tăng cường năng lực và củng cố niềm tin cho tôi vào Đức Phật và Phật Pháp, kiên cố thêm; để vững bước nối gót Như Lai. Tôi rất vinh hạnh và mãn nguyện được làm môn đệ của Ngài. Tôi xin đóng góp bài thơ: “ *Ly Tướng,*

*Nhập Tánh*”. Cũng là một pháp môn Tu Giải Thoát, hữu hiệu:

***Ly Tướng:***

Ngũ uẩn, Duyên Sinh, vốn ***Vô Thường***.

Diệt Sinh, Sinh Diệt; ***Khổ***, thêm vươn.

Sắc Danh, ***Vô Ngã***; làm chấp Ngã.

Tư - Kiến chưa trừ, ***Bất Tịnh*** luôn.

***Nhập Tánh:***

Quy về Bốn Tánh, ***Thường*** hằng, sẵn.

Si - Ái xả ly, ***Lạc***, hỷ sanh.

Pháp Thân, chân ***Ngã***, luôn hằng hữu.

Tịch ***Tịnh*** Chân Như, Niết Bàn, viên.

Đức Phật dạy: - “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng.

- Nhược kiến chư tướng, phi tướng, tức kiến Như Lai.

Tức là: - Các pháp hữu vi do duyên sinh có ***Sự tướng*** sinh diệt, đều giả có, hư vọng; nên phải bị: - ***Vô Thường - Khổ - Vô ngã - Bất tịnh, luân hồi, sinh tử***.

- Các pháp vô vi, không do duyên sinh, có ***Lý Tánh***: - ***Thường - Lạc - Ngã - Tịnh***; ***giải Thoát***. Chính vì vậy, phải ***Ly Tướng, Nhập Tánh, mới ra khỏi Luân Hồi***.

Phật Pháp quá cao sâu, mầu nhiệm, mênh mông, bao la..., không thể quán triệt hết được! Những gì thu lượm được, ghi vào đây chỉ là một ít tư lương cần thiết, giúp thêm cho hành

giả sớm giác ngộ chân lý và giải thoát sinh tử. Đây chính là mục đích của quyển sách ***Góp Nhặt Phương Minh*** này, xin cống hiến đến quý độc giả hữu duyên và xin chỉ giáo thêm

Nguyện đem công đức này, hướng về khắp tất cả. đệ tử và chúng sinh, sớm viên thành Phật đạo.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Hoa kỳ, ngày 13 tháng 5 năm 2018

Quảng Tánh, Lê thanh Tâm.

Cẩn bút.